NĂM THỨ SÁU • #60 • APRIL 1994

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

VŨ THỤY HOÀNG

NHỮNG ANH HÙNG VÔ DANH Ở TOÀ BÁO

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

TIỀN TRONG VĂN CHƯƠNG...

TRƯƠNG ANH THỤY

THƯ GỬI TIÊU DAO BẢO CỰ

Một chục người đọc trang này hết chín người bỏ qua. Tuy nhiên những người nào chịu khó đọc, có thể sẽ quyết định mua hợp đồng bảo hiểm của New York Life.

Đã có rất nhiều Thân Chủ mua hợp đồng bảo hiểm nhân thọ thường trực có quyền lợi khi còn sống, chẳng hạn như có quyền được mượn tiền bằng tổng trị giá tiền mặt của hợp đồng.

Một thí dụ khác, khi về già, Thân Chủ có thể dùng trị giá tiền mặt trên hợp đồng để tăng cường hưu bổng của mình. Chưa kể có nhiều hợp đồng New York Life còn bảo đảm tiền bồi thường tử tuất. Chưa hết, khi Thân Chủ chúng tôi qua đời, thừa kế của họ còn nhận được tiền bồi thường mà không phải đóng thuế lợi tức.

NEW YORK LIFE

NEW YORK LIFE

THE SVN TEAM

The Company You Keep℠ — **The Team You Trust**

● Một trong 5 công ty được xếp hạng cao nhất bởi: A.M. Best, Moody's, Standard & Poor's ● Với số hội viên cao nhất gia nhập Million Dollar Round Table liên tiếp 39 năm qua ● Chuyên môn về: Bảo Hiểm Nhân Thọ, Sức Khoẻ và Bảo Hiểm Tàn Phế từ 148 năm qua ● Chúng tôi xin hân hạnh cống hiến Quý Vị:

● 1. Bảo hiểm tàn phế cá nhân: Bảo hiểm trang trải sở hụi cho doanh nhân và bảo hiểm lợi tức.
● 2. Bảo hiểm nhân thọ cá nhân: Phí tổn đại học, thu ngắn nợ nhà...
● 3. Mutual Funds* + Annuities**

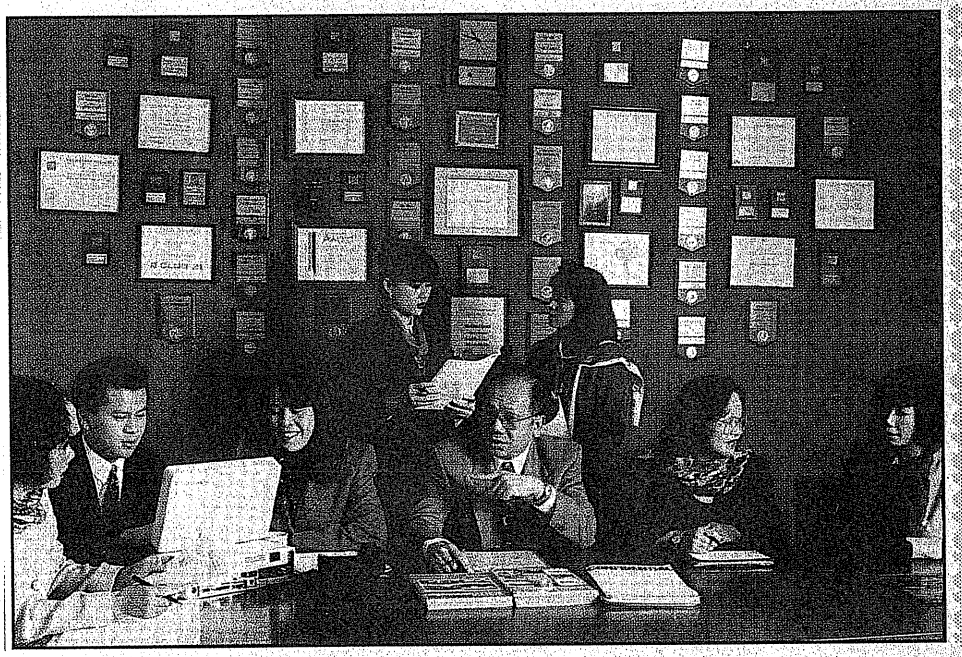

THE TEAM YOU TRUST

● Phục vụ cho cộng đồng Việt Nam trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ trong 18 năm qua ● Đại diện thượng thặng đã nhiều lần chiếm giải thưởng ưu tú như National Sales Achievement Award, National Quality Award, Million Dollar Round Table, Court of The Table... ● Hợp đồng có nhiều phụ khoản tốt đẹp ● Với SVN Team / NYL, Quý Vị sẽ đạt được:

CÔNG TY TỐT ● HỢP ĐỒNG TỐT ● DỊCH VỤ TỐT

Xin Quý Vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
PHẠM HỒNG NGỌC
Pascal NGUYỄN GIA DŨNG

Hoặc đến viếng cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE
City Centre: 17330 Brookhurst St. Suite 330 FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Bus:(714) 962-4440 Fax:(714) 964-0545 Toll Free:1-800-543-3770

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÝ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ: Xin Quý Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quý Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quý Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quý Vị.

* Mutual Funds: Được phát hành bởi NYLife Securities, một chi nhánh của NYL Ins. Co. – ** Annuity: Được phát hành bởi một chi nhánh khác của NYL Ins. Co.

Đêm Nhạc Hội

TÌNH XUÂN

A Concert of Vietnamese Music

MỘT CHƯƠNG TRÌNH CA NHẠC ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NHỚ CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH

A Mostly Vu Thanh Program

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ - WORKS & COMPOSERS

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Phạm Đình Chương, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục...
* Dân ca ba miền của Lê Ngọc Chân.

CA SĨ - VOCALISTS:

- Kim Tước
- Mai Hương
- Quỳnh Giao
- Lệ Thu
- Hà Thanh
- Ái Vân
- Anh Ngọc
- Tuấn Ngọc
- Vũ Anh
- Nguyễn Thành Vân

HÒA ÂM - ARRANGEMENTS BY:

- Nghiêm Phú Phi
- Lê Văn Khoa
- Văn Phụng
- Lê Ngọc Chân
- Phạm Đình Chương
- Đoàn Châu Nhi

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG - CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 22 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.
- Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
- Với sự góp mặt đặc biệt của:
  * Karen Lak (first violinist), Master of Music
  * Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
  * Lê Ngọc Chân (pianist), Master of Music

NHẠC TRƯỞNG - CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

- MASTER OF CEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM - WHEN & WHERE:

PLUMMER AUDITORIUM

201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.

Đúng 8:00 PM Thứ Bảy ngày 25 tháng Sáu (June) năm 1994

(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉ CÓ BÁN TRƯỚC TẠI - TICKETS AVAILABLE AT:

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St., Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TỦ QUỲNH 9581 Bolsa Ave., Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave., Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster, (714) 892-0801.
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster, (714) 897-4519.

Giá ủng hộ: $50 - Giá đồng hạng: $25

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:

P.O. Box 17073 Anaheim Hills, CA 92817 - 7073 * Phone: (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

HOÀNG OANH CD8

DÂN CA VIỆT NAM
3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / issues (US$17.10) ☐12 số / issues (US$32.40) ☐24 số / issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

Bảy số báo một tuần

Tin tức Việt Nam, cộng đồng khắp nơi và quốc tế...
Kiến thức phổ thông, tìm hiểu và giải trí vui tươi, thanh nhã...

Nhật báo

NGƯỜI VIỆT

CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

(Xuất bản từ 1978)

Nhật báo tới tay độc giả mỗi ngày tại Los Angeles, và Orange County bằng nhiều hệ thống:

- Thùng báo
- Phát tận nhà
- Bán lẻ tại các tiệm
- Gửi qua đường bưu điện

Báo gửi qua đường Bưu Điện, lâu nay chỉ có loại bulk-rate (giá dài hạn 1 năm $102.00), phải mất từ 7 tới 15 ngày mới tới tay độc giả. Loại "two day express" rất nhanh, chỉ có hai ngày, và bảo đảm không mất báo!

Với cách phát hành mới, dù ở bất cứ nơi đâu trong nước Mỹ,
bạn cũng được đọc "Nhật báo Người Việt" một tuần một lần,
bảy số báo gửi bằng "two-day express" tới tận nhà.
Bạn chỉ phải trả $5.00 một tuần cho cả tiền báo lẫn cước phí!

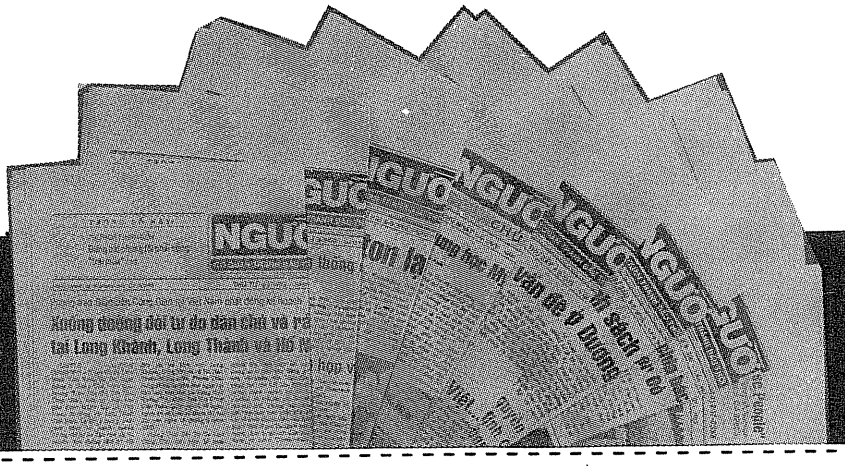

PHIẾU MUA BÁO NGƯỜI VIỆT

(gửi bằng two-day express)

Gửi cho Ông / Bà / Cô.....

Địa chỉ.....

..... Điện thoại .....

☐ 13 tuần: $65.00 ☐ 26 tuần: $120.00 ☐ 52 tuần: $230.00

Ngân phiếu trả cho NGƯỜI VIỆT, gửi về:
Người Việt, 14891 Moran Street, Westminster, CA 92683
ĐT. (714) 892-9414 * Fax: (714) 894-1381

GHI CHÚ: Mua một năm (52 tuần), bạn tiết kiệm được tới $102.80!
Giá biểu này chỉ áp dụng trong nước Mỹ, và có giá trị đến hết tháng Tám 1994.

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam
khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Chúc Mừng Năm Mới

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

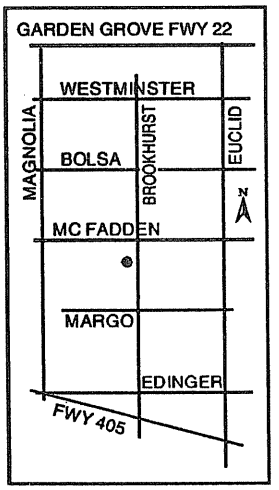

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Tranh bìa: *Phấn Nguyễn Barker*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Ngọc Dũng, Đinh Cường, Nguyễn Hữu Nhật*
Hí họa: *Vẹt, Babui, Hiếu, Lộng Ngọc*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca, Nguyễn Thanh Phong*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

SỐ 60 * THÁNG TƯ NĂM 1994

CHÍNH TRỊ
* Thời cuộc Đông Á, Đông nam Á và bãi bỏ cấm vận (*Lê Doãn Kim*) 10

BÁO CHÍ
* Những anh hùng vô danh ở tòa báo (*Vũ Thụy Hoàng*) 15

KHOA HỌC
* Vài thuật ngữ thường gặp (*Đỗ Thông Minh*) 18
* Nghịch lý thời gian (*Nguyễn Viết Khánh*) 58

TRIẾT HỌC
* Vũ trụ có biên giới hay không... (*Huỳnh Hữu Cửu*) 54

NHÂN VẬT VÀ SỰ KIỆN
* Chuyện trò với Irina Zisman (*Đỗ Quyên*) 35

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
* Tiền và thân phận làm người... (*Nguyễn đăng Ngọc*) 20
* Tại sao anh viết văn (*Ngô Thanh Tùng*) 15
* Tại sao tại sao? (*Nguyễn Hưng Quốc*) 26
* Tại sao viết (*Thế Uyên*) 28
* Vài ý nghĩ về tại sao viết văn (*Nguyệt Trì*) 29
* Nhiều người Mỹ mong muốn dân ca Việt Nam... (*Ngô Đình Vận, Dương Mạnh Tiến*) 32
* Cái đình và điêu khắc đình làng (*Nguyễn Bính*) 55
* Jacques Prévert (*Hoàng Tâm*) 61
* Người lính kèn và viên đại úy (*Hà Thúc Sinh*) 62
* Nhắc chuyện ngày xưa (*Nguyễn Tấn Hưng*) 66
* Bức thư ngỏ gửi Tiêu Dao Bảo Cự (Trương Anh Thụy) 74
* Hạt giống hòa bình (*Phấn Ngô Barker*) 77
* Quốc lộ số một: Phim mở đường... (*Lê Thị Huệ*) 81
* Đêm giao thừa tết ta (*Nguyễn Tư*) 84

THƠ
* Hạ kỳ lần cuối (*Nguyễn Tư*) 27
* Hành trình (*Trần Hồng Châu*) 30
* Dáng mỏng về theo (*Hoàng Xuân Sơn*) 34
* Sào nước (*Sử Mặc*) 39
* Cảm ơn một đề thơ (*Lưu Hy Lạc*) 64
* Buổi sáng sau cơn say (*Đinh Mạnh Thu*) 65
* Tâm Vệ (*Hồ Thị Nha Trang*) 70
* Nẻo về (*Trúc Chi*) 72
* Chim chích chòe (*Đỗ Thì Kênh G*) 82
Vòng chân trời VHNT 87
Sách báo trong tháng 90

ANH NGỮ / ENGLISH SECTION 45
* From Vietnam to the United States... (*Phu Bui*) 47
* Books Briefly Noted (*Nguyen Ky Phong*) 48
* And Slowly flowed the Perfume River (*Cao Xuan Tu*) 50
* News in Brief 50
* Lipo Wintering (*Cao Xuan Tu*) 51

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St.,
Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

Thư Tòa Soạn

Trong dòng chuyển dịch của cuộc sống, đứng nguyên một chỗ tức là thụt lùi. Thế Kỷ 21 đã đi một đoạn đường chưa dài lắm nhưng cũng không phải là ngắn, và một câu hỏi thường được đặt ra giữa những anh em thực hiện: "Tờ báo như thế này đã được chưa, còn phải cải tiến những gì?" Kể ra một câu hỏi như thế có hơi thừa, đặt câu hỏi chỉ là một cách tự nhắc mình là còn cần phải cải tiến nhiều lắm.

Nhân những dịp kỷ niệm các sự kiện lịch sử văn hóa lớn của Việt Nam cũng như của nhân loại, Thế Kỷ 21 sẽ cố gắng thực hiện các số báo có chủ đề đặc biệt. Số tháng 5-1994 sẽ ở vào mùa Phật Đản. Số tháng 6-1994 sẽ là số kỷ niệm báo Thế Kỷ 21 tròn sáu năm, và có một tình cờ lý thú, là cũng còn đúng sáu năm nữa là hết thế kỷ thứ 20. Đấy sẽ là lần đầu tiên Thế Kỷ 21 gặp thế kỷ 21. Nhân dịp đặc biệt này của tờ báo chúng ta, chúng tôi rất mong sự góp ý góp bài của quý độc giả và văn hữu.

Trong số này có bài viết về chuyện làm báo của một nhà báo chuyên nghiệp, Vũ Thụy Hoàng, hiện đang cộng tác với một tờ báo lớn của Mỹ là tờ Washington Post. Bài báo bàn về một công tác rất quan trọng ở một tờ báo Mỹ mà còn bị coi nhẹ ở các tờ báo cũng như các tác giả Việt Nam: đó là việc tòa soạn sửa chữa bài vở (edite) trước khi đăng. Vũ Thụy Hoàng đã cho chúng ta thấy muốn có một tờ báo có giá trị, công việc sửa chữa bài vở là cần thiết như thế nào, và các lý do khiến các báo Việt ngữ chưa chú trọng đúng mức đến điều ấy. Chúng tôi thấy đây là một bài học rất hay cho tờ báo của chúng ta để có thể ngày càng trở nên đứng đắn và chuyên nghiệp hơn. Thế Kỷ 21 mong có sự chia sẻ về phía các bạn cộng tác cũng như của toàn thể bạn đọc thân mến để các mơ ước của chúng ta sớm thành sự thực.

Thế Kỷ 21

Thế Kỷ 21 nên tăng trang

(...) Qua bài viết "Tuổi trẻ nghĩ gì," tôi chợt thấy vắng thế hệ cha anh, những người đã loay hoay trong nỗi ao ước lật đổ chế độ cộng sản, rồi cũng loay hoay trong ước mơ phục hưng đất nước và con người Việt Nam. Tính chất cực đoan trong đòi hỏi của giai đoạn đầu — mỗi người phải là một chiến sĩ — có tập hợp được người, nhưng lại rơi vào tình trạng thiếu tổ chức, đưa tới hục hặc, phân hóa và cùng quẫn. (...)

Thế hệ cha anh nay kêu gọi "bàn giao" cho thế hệ trẻ, nhưng bàn giao cái gì và như thế nào? Chả lẽ bàn giao cái mà mình đã mất, trong một phong cách ỡm ờ, lề mề, và bằng những khẳng định vô tội vạ, những khẩu hiệu không nội dung? (...)

Cần phải có tổ chức mới mong thành công. Nhưng thế nào là tổ chức? Những hội ái hữu, những phong trào, những liên minh, tự nó chưa phải là tổ chức, nếu chỉ là những tập hợp để hoài niệm quá khứ. Ưu tư về đất nước không có nghĩa là ưu tư về những điều kiện vật chất cho cuộc sống cá nhân. (...)

Riêng về tờ báo, tôi thấy bắt đầu có những đóng góp từ trong nước. Như vậy, phải chăng Thế Kỷ 21 đã được đọc, dù mới chỉ rất ít người, ở trong nước? Phải tăng cường phần tin tức thế giới và cộng đồng hải ngoại để giúp trong nước theo dõi kịp những biến chuyển quốc tế cũng như xu hướng dân chủ hóa trên toàn thế giới. Vậy là phải nghĩ đến chuyện tăng trang cho tờ báo. Tôi xin góp lời kêu gọi mọi người bớt đọc...cọp, mà nên mua báo để tờ báo sống còn. Cũng đừng ngại ngùng nếu phải tăng thêm nhiều quảng cáo để có thêm lợi tức, miễn là quảng cáo trình bầy sao cho gọn gàng, đẹp mắt.

Đặng Thu
Punchbowl, Úc

Hình như mỗi năm, cứ đến kỳ gia hạn báo của anh, chúng tôi mới được đọc thư dài của anh?! Cám ơn anh đã quan tâm rất nhiều đến sự sống còn và phát triển của tờ báo. Đề nghị tăng trang của anh được khá nhiều độc giả chia sẻ, và tòa soạn đang cố gắng tìm cách thực hiện. Sẽ chuyển tiền mua báo Văn Lang cho anh NMG, và tìm mua cuốn sách của BĐT gửi anh. Chúc vui.

Có số báo cực đoan đấy!

Nhìn chung thì [Thế Kỷ 21] có cố gắng để giữ cân bằng và khách quan, nhưng gần đây có số báo đăng nhiều bài phân tích, nhận định mang nội dung và ngôn từ cực đoan — nói về cộng sản Việt Nam, toàn những sai lầm, xấu xa, hết thuốc chữa... — y như báo cộng sản nói về tư bản, đế quốc. Mình chê người ta, mà lại làm theo cách của người ta, thì giá trị của những điều mình nói nằm ở chỗ nào? Trong một bài nhận định nghiêm túc, mình "lố bịch hóa" một nhân vật, bài báo chỉ còn là một...phiếm luận. Mình định thuyết phục người ta, để người ta nhận ra sai lầm mà sửa chữa? Hay mình chỉ định nói cho hả giận, chọc cho bõ ghét? Người Đức có câu ngạn ngữ này, tôi thấy hay hay: "Người ngu nói những gì mình biết; người khôn biết những gì mình nói" (Der Tor sagt was er weist; der Weis weist was er sagt). Tôi là "người ngu" khi viết thư này cho tòa báo. Nhưng biết đâu, nhờ đó báo được đọc nhiều hơn vì được cải tiến, và tôi lại trở thành "người khôn"!

Nguyễn Dương
Seattle WA

Thư của anh làm tòa soạn phải "động não" dữ lắm, mới đầu cũng thấy...đau đau, nhưng ngẫm nghĩ càng lâu càng thấy đây là...tri kỷ.

Thế Kỷ 21 có số cote ở Thư viện Quốc gia Pháp

Xin báo để ông rõ là chúng tôi vẫn nhận được đều Thế Kỷ 21. Và đây là cote của nó ở Thư viện Quốc gia Pháp: [4o Jo 72650. Để có được cái cote cũng nhiêu khê lắm đấy.

Nguyễn thị Xuân Sương
Service Vietnamien, Bib Natle
Paris, Pháp

Cám ơn bà đã giúp Thế Kỷ 21 rất nhiều. Độc giả ở Paris, nếu muốn đọc các số báo TK 21 cũ (từ số 1) có thể đến tìm tại Thư viện Quốc gia.

Mua để đọc sau!

Thật sự là tôi rất bận, không có thì giờ đọc sách báo Việt. Nhận Thế Kỷ 21 từ tháng Mười Một 1993 đến nay cũng chưa đọc! Nhưng dù sao, rất mến mộ TK 21, nên cứ mua để đọc sau. Tôi mua và lưu trữ toàn bộ TK 21, và đọc dần khi nào thanh thản. Có khi tôi cho bạn bè mượn đọc đỡ, rồi họ cho tôi biết bài nào đáng chú ý, tôi tìm đọc. Đời sống Mỹ thật là...khó hiểu!

Kim Quân
San Jose CA

Như vậy TK 21 phải cải tiến nhiều nữa, để số nào cũng có những bài...phải đọc ngay!

Nên nhắc trước khi hết hạn

Cám ơn quý báo có thư nhắc việc gia hạn, nếu không tôi đã quên. Xin đề nghị quý báo là khi thấy độc giả nào sắp hết hạn thì đính vào số báo sau cùng một phiếu nhắc nhở, như vậy tiện cho cả đôi bên.

Nguyễn Hưng Quang
Bridgeport CT

Chúng tôi phải cám ơn ông chứ. Cám ơn về việc tiếp tục mua báo, và cám ơn về ý kiến rất hay giúp cho tòa báo tiết kiệm được một khoản chi.

Nói thêm cho rõ

Sau khi gửi đi bài viết về Stephen Young, tôi có gửi cho tòa soạn một thư yêu cầu sửa một vài chi tiết, chắc thư thất lạc (?), nên mấy chỗ đó còn nguyên trong bài. Xin cho thêm vài dòng sau đây:

Bà Phạm Thị Hòa [vợ ông Young] là con ông bà Nhật Chương (không phải Hiệp Chương). Bà vừa được thị trưởng Minneapolis bổ nhiệm vào chức vụ điều hợp trưởng Chương trình các Sắc tộc Đông Nam Á. Bác sĩ Trần văn Đỗ, cùng với ông Phó Đại sứ Hoa Kỳ tại Saigon, làm chủ hôn cho bà và ông Young năm 1970. Ông Stephen Young, 48 tuổi, tốt nghiệp trường Luật, đại học Harvard, hạng tối danh dự, năm 1974.

Phan Thanh Tâm
Minneapolis MN

Thư đó không "lạc" mà bị quên ở ngăn hồ sơ chưa "bài cho số tới." Đáng lẽ phải ở ngăn "bài trong số này"! Tòa soạn xin lỗi anh Tâm và quý độc giả.

"Tê" cũng hay, nhưng tôi muốn "dê"

Cám ơn tòa soạn đã đăng hai bài thơ của tôi. Bài Ông Phật hoàn toàn chính xác. Nhưng bài Thương Thân có một chữ sai hơi đáng tiếc — DỪNG chứ không phải TỪNG.

Bờ mê ở chỗ chưa dừng bước
Bến giác nơi về bụi cát bay.

Phạm Kim Khôi
Palm Desert CA

Anh rộng lượng chỉ trách nhẹ, nhưng tòa soạn thấy là lỗi "to" đấy. "Chưa từng" thì còn...ở giai đoạn "nhân chi sơ" làm sao mê mụ được. "Chưa dừng" mới nói được cái "bất tri chỉ" (không biết dừng) của cõi người ta chưa nhìn ra "bến giác," có phải không ạ? Cám ơn anh cho thêm mấy bài thơ mới. Thân chào.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● Tòa báo đã nhận được phiếu gia hạn, phiếu tặng báo, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong quý vị cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Lê Văn Yên (Wheaton MD), Dương T Phương (Torrance CA), Nguyễn Thu Hằng (Northridge CA), Phạm Sĩ Thế (PTD tặng, Houston TX), Tổ chức Nhân quyền Việt Nam (Hannover Đức), Nguyễn Ngọc Nga,(S Melbourne ÚC), Đỗ Hoàng Ý (NVS giới thiệu, Houston TX), Đỗ Văn Nhân (Nashua NH), D T Trần (Houten HÀLAN), Chu Hai (Alexandria VA), Nguyễn Văn Luân (Garden Grove CA), Ngô Tiến Dũng (Chicago IL), Joseph N Vinh (San Jose CA), Bùi Xuân Quang (Paris PHÁP), Nguyễn Văn Trung (Montréal Canada), Vanessa Nguyễn (Rosemead CA), Lê Bình Phương (Rambouillet PHÁP), Nguyễn Hoàng Anh (Paris PHÁP), Trương Toàn (San Diego CA), Đặng Thu (Punchbowl ÚC), Vũ Trọng Mục (Norwalk CA), Trần Nhu (San Jose CA), Michael T Bui (Honolulu HI), Tạ Trung Sơn (Montréal Canada), Nguyễn Hưng Quang (Bridgeport CT), Kim Quân (San Jose CA), Bùi Diễm (Rockville MD).

Nhắn tin chung quý độc giả "gia hạn" báo:

Xin gửi cho chúng tôi mẫu "label" dán trên bìa sau tờ báo. Nếu không muốn bóc "label," xin viết trong phiếu hoặc thư, HỌ TÊN của quý vị ĐÚNG NHƯ TRÊN "LABEL" để tránh tình trạng bị "xử lý" lầm là "độc giả mới!" (chẳng hạn, đã gửi tiền gia hạn, mà vẫn nhận được thư...đòi tiền, vì cùng một người mà họ bị đổi thành tên!)

Chúng tôi chọn cách viết theo lối Việt Nam: họ trước tên sau. Nếu tên Mỹ (hoặc Đức, Pháp,...), chúng tôi giữ theo cách viết tên trước họ sau. Hai con số bên trên họ tên của quý vị là số báo đầu tiên và số báo cuối cùng của hạn kỳ báo. Quý vị sẽ giúp tòa báo đỡ tốn tiền in thư, tiền tem, nếu gửi tiền gia hạn đúng hoặc trước kỳ hạn. Cám ơn quý vị, và mong được quý vị giúp tờ báo có thêm độc giả. Thân ái chào và chúc quý vị luôn vui.

Nhắn tin chung quý đồng nghiệp:

Các độc giả của TK 21 ở một số tiểu bang cho tòa soạn biết (và có người gửi kèm báo của quý đồng nghiệp) có đồng nghiệp đã trích đăng bài của TK 21. Việc đăng lại bài vở thực ra giúp phổ biến sâu rộng thêm những công trình sáng tạo hoặc nghiên cứu của người cầm bút, chúng tôi hoan nghênh. Nhưng, xin quý đồng nghiệp:

1.gửi thư hoặc điện thoại xin trích đăng;

2.khi đăng, cho biết xuất xứ;

3.nếu là báo bán hoặc có bán trang quảng cáo, xin góp một phần phí tổn nhuận bút do hai tòa báo cùng ấn định.

Nhắn tin chung quý văn hữu:

Gần đây, tòa soạn nhận được bài của quý vị đã đánh sẵn trong đĩa. Thật là tiện lợi (đỡ tốn thì giờ và tiền bạc, lại bảo đảm ít lỗi đánh máy). Chúng ta hãy cùng nhau hoan hô những tiến bộ kỹ thuật và công nghiệp, và phát huy tối đa thành quả của những tiến bộ này. Tòa soạn cám ơn quý vị lắm lắm.

Tuy nhiên, chúng tôi xin quý vị chỉ gửi về những đĩa: 1.đánh bằng IBM/PC; 2.dùng các thảo chương VNI hoặc VNlabs; 3.để nguyên bài ở dạng text (ASCII), không cần cho kiểu chữ, cỡ chữ, cột, trang gì cả; 4.nếu gửi bằng bưu điện nên dùng đĩa nhỏ 3.5, ít rủi ro hơn đĩa lớn.

Nếu quý vị có modem, và muốn gửi thẳng vào máy của tòa soạn, hoặc để tòa soạn lấy (retrieve) từ máy của quý vị, xin liên lạc điện thoại trước để cùng sắp xếp ngày giờ thuận tiện. Thân ái chào và mong

nhận được tin và bài của quý vị đều đều! Thân ái.

● **Nguyễn Công Bình** *(Carine Úc)*: Đã nhận được thư và bài. Vấn đề chuẩn hóa chữ Việt trong điện toán hiện vẫn đaang trong tiến trình thảo luận, chứ chưa có những giải đáp chung cuộc. TK 21 đã đăng một số góp ý về vấn đề này (Phạm Ngọc Lân, Lê Thọ Giáo, Vũ Quốc Dũng,...) và trong số này có ý kiến của Đỗ Thông Minh. Sẽ trích đăng những ý kiến của bạn trong số tới. Xin tiếp tục gửi cho bài vở loại này. Đã chuyển lời thăm tới các anh Yến, Hoằng, Minh, Lộc, Toàn, Tuệ, Cát,...Cuốn sách bạn muốn tòa báo gửi tặng đã hết (ở các hiệu sách trong vùng). Chúc vui luôn. Thân ái.

● **Song Thao** *(Canada)*: Đã nhận được bài và đĩa. Cám ơn nhiều. Truyện sẽ đăng trong một số tới. Đã chuyển lời thăm tới những người được nhắc trong thư.

● **Nguyễn Thu Hằng** *(Northridge CA)*, Trương Toàn (San Diego CA), Trần Nhu (San Jose CA): Xin chân thành tạ lỗi về việc không điều chỉnh ngay danh sách, khiến còn có thư đòi.

● **Một số độc giả vùng Colorado, Virginia và Connecticut:** Báo bị thất lạc hoặc hư rách là do sự bất cẩn của bưu điện. Chúng tôi đã viết thư khiếu nại, nhưng họ cho biết loại "bulk rate" không được bảo đảm. Nếu quý vị đồng ý, chúng tôi sẽ gửi bằng "hạng tư" (special fourth class), có bao thư, nhưng phải thêm $12 cước phí cho 12 số.

● **Đỗ Văn Nhân** *(Nashua NH)*: Xin lỗi đã làm thất lạc phiếu. Nhận được thư đã cho gửi ngay hai số 58 và 59. Chắc anh đã nhận được? Cám ơn anh cho biết để điều chỉnh. Kính chào.

● **Thanh Tuệ** *(Paris)*: Xin cho lại tên của ba độc giả mà anh trả tiền báo gia hạn, để điều chỉnh danh sách. Chắc anh đã nhận được gói sách do một thân hữu mang tay sang? Xin anh gửi cho danh mục sách của An Tiêm để TK tiếp tay phát hành. Thân ái.

● **Michael T Bùi** *(Honolulu)*: Cám ơn bạn có nhã ý cổ động cho báo TK. Bây giờ là báo "của chúng ta" rồi. Xin giới thiệu với bạn bè bên đó nhé. Thân chào.

Đón Đọc

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chểnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Hãy đón đọc:

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

MINH VĂN
P.O. BOX 647,
Oakton, VA 99214 - USA
ĐT: (703) 560-0390
FAX: (703) 204- 9239

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành:

1. **NGÀY QUANH QUẤN** (tập truyện)..$10.00
Tuyển tập gồm tám truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 207 trang .
2. **NIỀM VUI UNG THƯ** (tập truyện)....$10.00
Tuyển tập gồm bảy truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 196 trang.
3. **CÕI SA MÙ** (truyện dài).....$18.00
Quyển một trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ. Sách dày 452 trang.
4. **KẺ ĐÀO MỒ** (tập truyện).....$11.00
Tuyển tập gồm bảy truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 220 trang.
5. **CỬA ĐỊA NGỤC** (truyện dài).....$22.00
Quyển hai trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ. Sách dày 560 trang.
6. **CHÂN TRỜI LAM NGỌC** (ký sự).....$11.00
Ký sự của Hồ Trường An, nói về mười hai tác giả, sách dày 220 trang.

Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn. Nhà xuất bản Minh Văn chịu mọi cước phí.

THỜI CUỘC ĐÔNG Á, ĐÔNG NAM Á VÀ BÃI BỎ CẤM VẬN

LÊ DOÃN KIM

Đường lối cứng rắn tại Đông Âu do Huê Kỳ, Liên Hiệp Quốc, Tây Âu và NATO quyết dùng biện pháp mạnh để chấm dứt cuộc nội chiến tại Bosnia, ít nhiều đã ảnh hưởng đến tình hình ở Đông Á, cụ thể là Bắc Hàn.

Để đối phó với tư thế chính trị và kinh tế của Nam Hàn, ngày càng lớn mạnh, Bắc Hàn cộng sản một mặt lo củng cố chế độ độc tài, mặt khác lo chế tạo vũ khí hạt nhân và còn dự trù bán chất Plutonium cho Iran, Iraq, Pakistan, vv ... để kiếm trữ kim. Mối đe dọa về nguyên tử của Bắc Hàn đã khiến thế giới lo ngại, đòi kiểm soát, nhưng Bắc Hàn lại cương quyết không để cho Cục Quốc Tế Nguyên Tử Năng (IAEA) khám xét những cơ sở bị nghi có khả năng sản xuất nguyên tử.

Huê Kỳ đòi đưa vấn đề vũ khí hạt nhân của Bắc Hàn ra Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, nhưng Trung quốc lại phản đối. Bắc Kinh vốn có nhiều ảnh hưởng và biết đâu lại đã chẳng giúp Bắc Hàn trong kỹ nghệ nguyên tử, đang muốn dành độc quyền can thiệp, đòi nấn ná sẽ liệu bề thuyết phục Bắc Hàn tự chế trên tiến trình sản xuất hạt nhân, hay mở rộng cửa cho Huê Kỳ kiểm soát, nếu cuộc thương thuyết chính trị và kinh tế giữa Mỹ và Bắc Hàn đạt kết qủa khả quan. Bắc Kinh muốn nhân vụ này, đặt điều kiện để mặc cả với Huê Kỳ. Bắc Kinh cũng hiểu rằng, nếu Bắc Hàn còn là một mối đe dọa về nguyên tử trong vùng Đông Á, thì Nhật rồi cũng sẽ phải duyệt lại chánh sách quốc phòng. Nhật cũng sẽ phải tiến hành gấp chương trình nghiên cứu, chế tạo vũ khí hạt nhân và sẽ trở thành một hiểm họa to lớn đối với Trung quốc. Tóm lại, ý đồ của Bắc Kinh sử dụng vấn đề nguyên tử tại Bắc Hàn để gây áp lực với Huê Kỳ, đúng là một con dao hai lưỡi; thiếu thận trọng, Trung quốc sẽ chuốc lấy phần thiệt về mình.

Về phía Huê Kỳ, TT Clinton từng cảnh cáo sẽ không cho Trung quốc tiếp tục hưởng quyền "Tối Huệ Quốc" về mậu dịch, nếu như vấn đề "nhân quyền" tại Hoa Lục, sau biến cố Thiên An Môn, vẫn không được cải tiến khả quan.

Chính quyền Bắc Kinh hiện đang chú tâm lo lắng về giai đoạn chuyển tiếp, rất sợ khủng hoảng chính trị sẽ xảy ra ngay sau khi lãnh tụ Đặng Tiểu Bình, nay đã 89 tuổi, lại bệnh hoạn triền miên, bất thần mất đi. Do đó, đến tháng 6 năm nay, đúng kỳ hạn Huê Kỳ phải xét lại vấn đề triển hạn Tối Huệ Quốc cho Hoa Lục, Bắc Kinh đã rất lúng túng trước những yêu sách về nhân quyền của TT Clinton.

Chưa rõ Bắc Kinh rồi sẽ xử trí ra sao? Nhưng sau khi Huê Kỳ bố trí tại Nam Hàn các giàn "Patriot", giàn phóng phi đạn chống hỏa tiễn, trù mở lại cuộc thao diễn hành quân chung với quân lực Nam Hàn và sau thái độ cứng rắn của Mỹ tại Bosnia, Bắc Hàn đã nhượng bộ, đã thuận cho IAEA sắp xếp chương trình thanh sát tất cả 7 trung tâm nguyên tử lực. Bắc Hàn cũng còn yêu cầu họp cấp cao hơn với Mỹ để giải quyết tình trạng "bị cô lập" về chính trị và kinh tế. Về phần Huê Kỳ tuy tiên quyết đòi kiểm soát khả năng chế tạo nguyên tử của Bình Nhưỡng trước khi đề cập đến các vấn đề khác, nhưng cũng đã bằng lòng mở lại cuộc họp với Bắc Hàn vào ngày 21 tháng 3. Phải chăng âm ý của Bắc Hàn là sẽ chấp nhận mọi điều kiện của Huê Kỳ để cốt được công nhận là Hội viên của "nhóm quốc gia có trang bị nguyên tử?"

Có thể Bắc Kinh đã ảnh hưởng, khuyên Bắc Hàn đổi thái độ, đấu dịu với Mỹ. Nhưng lập trường của Huê Kỳ, đến hôm nay vẫn không thay đổi, vẫn nhất mực liên hệ hai vấn đề Tối Huệ Quốc và Nhân Quyền tại Hoa Lục với nhau.

Hậu quả của việc đình chỉ tối huệ quốc:

Nếu Bắc Kinh không còn hưởng được quyền Tối Huệ Quốc trong giai đoạn đổi mới để tiếp tục xây dựng "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" theo chủ trương của nhà lãnh tụ họ Đặng, thì qủa là một tai họa. Tầm thiệt hại sẽ vô cùng nghiêm trọng, không kém gì một qủa bom nguyên tử thả xuống địa hạt chính trị và kinh tế

tại Hoa Lục! Những sản phẩm của Trung quốc nhập vào Huê Kỳ rồi sẽ phải chịu thuế cao gấp 5 lần hơn và sẽ làm giảm ngay tức khắc 96% khả năng xuất cảng kinh tế của Tàu.

Còn đối với Huê Kỳ, thiệt hại đâu phải là nhỏ. Bắc Kinh sẽ trả đũa, chận đứng 9 tỷ Mỹ Kim hàng nhập từ Huê Kỳ và ảnh hưởng ngay đến 180 nghìn việc làm với lương cao của người Mỹ liên hệ đến ngành xuất cảng sang Tàu. Huê Kỳ còn mất tại Hoa Lục thị trường máy móc và kỹ thuật chuyên môn: kỹ thuật về hàng không dân sự, máy điện toán, máy viễn thông, kỹ thuật về môi sinh vv ... của một thị trường tiêu thụ rộng lớn và hấp dẫn bậc nhất trên thế giới.

Đình Chỉ Tối Huệ Quốc cho Hoa Lục hẳn không phải là một quyết định đơn giản và dễ dàng đối với Tổng Thống Clinton. Tuy nhiên, nếu tiếp tục để cho Trung quốc xử dụng lực lượng "tù nhân", biến "người tù" thành nguồn nhân lực "không công" phục vụ cho nền kỹ nghệ sản xuất hàng hóa "xuất cảng vào Mỹ", hay nhắm mắt để cho tình trạng vi phạm nhân quyền, bất bớ hành hạ thủ tiêu đối lập, đàn áp tôn giáo ..., ngày càng gia tăng và tồi tệ hơn lên tại Hoa Lục, là một việc dư luận và Quốc Hội Huê Kỳ không thể làm ngơ.

Hơn nữa, để cho một quốc gia khổng lồ cỡ Trung Quốc, với một tỷ người, với một chính quyền độc tài, chuyên chính, lại có sẵn đầu đạn vũ khí hạt nhân và vô số giàn phóng hỏa tiễn tầm xa, lại còn tiếp tục, bất chấp thỏa ước quốc tế buộc ngưng hẳn các vụ nổ thử nghiệm bom nguyên tử, là một hiểm họa nghiêm trọng cho nền hòa bình thế giới, là điều Huê Kỳ phải tìm cách đối phó, ngăn chận.

Thời cuộc Đông Nam Á

Song song với những yêu sách về nhân quyền tại Hoa Lục, Huê Kỳ quyết định phải tiến đến việc "bãi bỏ cấm vận" để, trực tiếp, trở lại có mặt tại Việt Nam. (Suốt 19 năm áp đặt và duy trì cấm vận, phải chăng Huê Kỳ, một cách gián tiếp và bằng áp lực, vẫn thường xuyên ảnh hưởng đến thời cuộc Việt Nam?) Cần thấy rõ, Huê Kỳ đã quan tâm đến Việt Nam kể từ ngày Nhật Bản âm mưu sử dụng Việt Nam và Đông Nam Á làm "bàn đạp chiến lược" vô cùng lợi hại, nhằm tấn công vào đất Mỹ ngày 7-12-1941, khiến Huê Kỳ phải lăn xả vào thế chiến hai. Cũng vì lẽ đó mà, trong thời chiến cũng như trong thời bình, Mỹ khó lòng vắng mặt tại Việt Nam, một địa thế chiến lược cực kỳ quan yếu trong vùng Đông Nam Á và Thái Bình Dương.

Trước khi quyết định bỏ cấm vận, ngoài những nhân vật chính trị, những Nghị Sĩ cầm đầu Ủy Ban Quốc Phòng, Sam Nunn và Ủy Ban Năng Lực, Bennett Johnston vv ..., Huê Kỳ còn gởi Hải Quân Đô Đốc Charles Larson, Tư Lệnh quân đội Mỹ tại Thái Bình Dương đến Hà Nội. Từ bãi bỏ cấm vận đến đầu tư kinh tế, khai thác các giếng dầu, xây dựng hạ tầng hệ thống giao thông đường sá, kiều lộ, phi trường, phi đạo vv ..., Huê Kỳ sẽ tiến dần đến thiết lập bang giao và ban hành Tối Huệ Quốc cho Hà Nội, kèm theo nhiều điều kiện cùng những yêu sách về dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam. Bắc Kinh đương nhiên cũng đã phải hiểu rằng Huê Kỳ, lần này, nhắm sử dụng Việt Nam như là một địa bàn chiến lược về chính trị, về kinh tế trước tiên, để gây áp lực về dân chủ, nhân quyền, tự do truyền Đạo và quan trọng hơn hết sẽ là vấn đề "TÀI BINH" với chính quyền Hoa Lục. Bắc Kinh hẳn phải quan tâm trước việc Huê Kỳ, trực tiếp, trở lui lại Việt Nam.

Nếu nhân dân ta cứ mặc nhiên để cho thời cuộc đẩy đưa, khiến Việt Nam, một lần nữa, phải trở lại đóng vai trò "tiền đồn" của thế giới để chống Trung quốc, đem xương máu nhân dân Việt Nam ra làm vật hy sinh, làm bia đỡ đạn hòng ngăn chận làn sóng biển người từ Hoa Lục tràn xuống Đông Nam Á, là một tai họa khủng khiếp cho đất nước, lại là điều cực kỳ vô lý, bất công, oan nghiệt cho dân tộc Việt Nam ta!
Để tránh mọi tranh chấp, mọi va chạm hiểm nghèo tai hại sẽ phải xảy ra giữa Trung quốc và Huê Kỳ, vì đồng mưu đồ tích cực ảnh hưởng đến thế cờ quốc tế tại địa bàn chiến lược Việt Nam, giải pháp thích nghi nhất và bảo đảm nhất cho Việt Nam, cũng như cho Huê Kỳ, cho Trung quốc và cho nền Hòa Bình thế giới là "Quốc Tế Hóa và Trung Lập Hóa Việt Nam".

Cộng sản Hà Nội, nay đã được Huê Kỳ bãi bỏ cấm vận. Có nghĩa là Hà Nội đã phải nghe theo lịch trình cố định do Huê Kỳ vạch ra từ bao nhiêu năm trước: buộc Hà Nội phải rút ra khỏi Căm Bốt vào năm 1989, phải ký Thỏa Ước Hòa Bình Paris 1991 về một "Giải Pháp Quốc Tế Cho Cao Miên", phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi điểm trong lịch trình tìm kiếm thi hài binh sĩ Mỹ ... Rõ ràng là như vậy, nhưng cựu ngoại trưởng của Hà Nội, Nguyễn Cơ Thạch lại lớn tiếng rằng: "Bom đạn đã không hủy hoại được nước Việt Nam và cấm vận cũng không làm cho Việt Nam tàn rụi, vậy bãi bỏ cấm vận nào có ảnh hưởng bao nhiêu đối với nền kinh tế Việt Nam. Bãi bỏ cấm vận không giúp cho Việt Nam hội nhập với thế giới, mà lại giúp cho Huê Kỳ giáp mặt với thế giới tại Việt Nam".

Những lời phát biểu ngất ngưỡng, vô trách nhiệm, lạnh lùng trên sự hoang tàn sụp đổ của đất nước và trên sự đau khổ cùng cực của người dân, Hà Nội vẫn mặc nhiên coi đó là phù hợp với chính sách cơ bản của cộng sản. Nhưng nào có thể che đậy hay phủ nhận được thực trạng ê chề, tơi tả của một nước Việt Nam sau 30 năm "chiến tranh" tàn phá, cọng với 20 năm "cấm vận" kiệt quệ và từng ấy tháng năm điêu đứng, tàn rụi dưới ách độc tài, chuyên chính, bạo quyền, lạc hậu, tăm tối, xuẩn động của chính quyền cộng sản Hà Nội?

Bấy nhiêu năm sống dở chết dở dưới ách cộng sản bạo tàn, người dân Việt xơ xác, u uất, đã mất trọn niềm tin. Trẻ thơ đã quên hẳn nụ cười. Người thanh niên vào đời không nhìn thấy tương lai. Người già thì ai oán đã phải hy sinh một kiếp người một cách cay đắng lầm than tủi nhục và vô ích; trước khi nhắm mắt lìa đời lại càng ngậm ngùi ray rứt nhìn đàn con cháu lê lết một cuộc sống ao tù, vô vọng, tiếp nối hành trình thê thảm mà các Cụ đã trải qua, đã phải khóc thầm! Buồn vì một chế độ "người bóc lột người" tàn bạo, tham lam ngu dốt, không chính sách, không đường lối, chỉ biết lấy chiến tranh, chia rẽ hận thù làm lẽ cứu cánh, chỉ biết tìm

mọi cách đè bẹp cuộc sống của nhân dân để cai trị và trục lợi tối ngày, y hệt như một lũ "gà què ăn quẩn cối xay!"

Tâm trạng ai oán, não nuột của người dân trong nước, trước nay là thế đó! Nhân dân, không những trong Nam, ngoài Trung, mà đặc biệt là người dân miền Bắc, đều "trông mong Huê Kỳ bãi bỏ cấm vận", như HY VỌNG MỘT TIA SÁNG LỌT VÀO HẦM TỐI! Huê Kỳ hẳn phải hiểu rõ hoài vọng của người dân Việt, nên đã chọn ngày bãi bỏ cấm vận đúng vào dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền của dân ta.

Một lần nữa lịch sử lại tái diễn! Nhưng lần này Huê Kỳ lại đang nắm thế thượng phong, đã khởi sự bằng con đường bãi bỏ cấm vận, đầu tư kinh tế, yêu sách về dân chủ, áp lực về nhân quyền, đáp ứng trọn vẹn ước vọng của người dân Việt.

Cũng giống như một trái cây, "thối từ trong ruột thối ra", chính quyền Hà Nội rồi sẽ phải lột xác hay bị đào thải, vì những mâu thuẫn nội bộ trầm trọng, tự cốt lõi, trong lúc áp lực nặng nề của nhân dân và quốc tế lại càng gia tăng dồn ép từ bên ngoài.

Nếu bảo: Ý Dân là Ý Trời, thì trong thế cùng và muốn sống còn, Hà Nội chỉ còn một lối thoát duy nhất là đáp ứng với lòng dân. Phải cởi trói gấp cho dân tộc, trả tự do cho nhân dân, dân chủ hóa chế độ, giải phóng đất nước khỏi gông cùm và giáo điều cộng sản lỗi thời, lạc hậu.

*

Nhìn lại trang sử sắp bị lật qua, thấy ngay từ đầu cuộc khởi nghĩa, ông Hồ Chí Minh đã nhớm thử, tìm cách tranh thủ hậu thuẫn của Huê Kỳ, nhưng mưu sự bất thành!

Vào mùa Thu năm 1945, từ Trung ra Bắc, Việt Minh đã rầm rộ tổ chức diễn hành chào đón các phái đoàn Đồng Minh Huê Kỳ đi quan sát thế sự và nhân tình Việt Nam. Trước đó, từ trong rừng Việt Bắc, ông Hồ đã có nhờ một Sĩ quan người Mỹ chuyển đến chính phủ Huê Kỳ hai bức điện yêu cầu ủng hộ Việt Nam Độc Lập. Ông Hồ cũng khôn khéo lấy lòng, đã nhờ vị Sĩ quan này điện qua Bộ Tham Mưu Huê Kỳ đóng tại Côn Minh bên Tàu, kiếm cho được Bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Hiệp Chủng Quốc Huê Kỳ, nói là giúp ông Hồ tham khảo để thảo ra Bản Tuyên Ngôn Độc Lập cho Việt Nam mà ông Hồ đã đọc lên tại quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945, có Thiếu Tá Patti, người Mỹ đứng cạnh.

Cuộc bố trí dàn cảnh rất ý tứ và lớp lang này, là cốt chứng tỏ với Huê Kỳ rằng ông Hồ muốn rập theo tinh thần bình đẳng, dân chủ, tự do của người Mỹ và thân thiện với nước Mỹ. Đằng khác cũng muốn phô trương với quần chúng rằng Việt Minh đã được Huê Kỳ hậu thuẫn. Ông Hồ cũng rõ nhân dân Việt Nam náo nức

hướng về Huê Kỳ, nước duy nhất, hảo hớn, tiến bộ lại giàu mạnh, từ năm 1916 đã bắt đầu chủ trương tiến hành trao trả Độc Lập cho thuộc địa là Phi Luật Tân, trong lúc nước Pháp lại siết chặt ách thực dân, lại tàn nhẫn, bạo ngược, đưa các nhà cách mạng anh hùng của Việt Nam lên đoạn đầu đài! Người Mỹ công tác tại Đông Nam Á đều ý thức rằng cố TT Roosevelt đã nhất quyết ngăn cản, không cho Pháp thực dân trở lại cai trị Việt Nam, nên đã hết lòng ủng hộ ông Hồ. Lại còn cung cấp khí giới đạn dược cho Việt Minh và thảy đều bộc lộ thiện cảm với ông Hồ. Vấn đề đặt ra là: TẠI SAO, sau đó chính quyền của Truman lại đi đến quyết định "bỏ rơi" ông Hồ và Việt Minh? Lại ngầm ủng hộ Pháp trở lui chống Việt Minh cộng sản?

MƯU SỰ BẤT THÀNH là vì ông Hồ đã sử dụng "cờ đỏ sao vàng", chỉ đáng là đảng kỳ, cờ riêng của Đảng Cộng Sản Đông Dương, đem ra làm "Quốc Kỳ Việt Nam!".

Tuyên Ngôn Độc Lập cho Việt Nam, soạn phớt theo tinh thần của bản Tuyên Ngôn Độc Lập của Hiệp Chủng Quốc Huê Kỳ, do ông Hồ đọc lên giữa "một rừng cờ Đỏ", ngợp phố, ngợp đường, đã để lộ cho Huê Kỳ nom thấy cái cốt cách "Xanh vỏ Đỏ lòng" trong đường lối lươn lẹo của ông Hồ và của Việt Minh: nói một đường, làm một ngã; nói vậy chứ không phải vậy! Ngoài miệng nói thân thiện với Đồng Minh Huê Kỳ, nhưng lại âm mưu nhuộm đỏ Đông Dương, làm bàn đạp cho cộng sản Nga Xô thôn tính Đông Nam Á và Thái Bình Dương, trực tiếp áp đảo, đe dọa nền an ninh của Huê Kỳ, như Nhật Bản đã làm, đã gây nên thế chiến với Mỹ. Huê Kỳ sở dĩ không thể tiếp tục ủng hộ Việt Minh, vì không thể chấp nhận cho ông Hồ dùng hậu thuẫn của Mỹ để làm lợi khí cho đối phương cộng sản Nga, Tàu gây hấn với Huê Kỳ.

Trong lúc khí thế của nhân dân Việt Nam bộc lộ khát vọng Độc Lập và Hòa Bình, ông Hồ lại lợi dụng lòng dân và thời cơ, xung phong cắm cờ cộng sản để nhuộm đỏ Việt Nam và Đông Dương! Hỏi làm sao Huê Kỳ lại không dè đặt, ngừng bước thối lui, hết còn muốn ủng hộ ông Hồ. Không lẽ "tư bản Mỹ" lại đi tự sát bằng "chiếc dây thòng lọng của cộng sản" do ông Hồ quăng ra tại bàn đạp Việt Nam và Đông Dương trong chiến lược toàn cầu đối đầu tranh chấp, một mất một còn, giữa hai khối đối nghịch: Huê Kỳ và Nga Xô?

Cũng chỉ vì phải cố bám vào một "lá cờ Đỏ không có đáng gì", mà ông Hồ đã phải đi theo kế hoạch toàn cầu của Nga Xô, buộc ông Hồ phải liên kết chặt chẽ với Đảng cộng sản Pháp và buộc Việt Nam phải nằm trong Liên Hiệp Pháp. Chờ ngày Cộng Đảng Pháp, ngay sau thế chiến hai, đầy triển vọng để nắm chính quyền tại Paris, sẽ đồng loạt kéo cả nước Pháp lẫn Liên Hiệp Pháp ngã theo Nga Xô, lũng đoạn chính tình Âu châu, Phi châu và Á châu, hòng làm cho Mỹ phải nghẹt thở.

Cũng vì tuân lệnh Nga Xô, ông Hồ đã phải ký Hiệp Định Sơ Bộ 6-3-1946, chấp nhận một nước Việt Nam "tự do", chứ chưa được Độc Lập, chấp nhận Nam Bộ trực thuộc Pháp, chờ trưng cầu dân ý và lệ thuộc Việt Nam vào Liên Hiệp Pháp.

Hiệp Định Sơ Bộ mùng 6 tháng 3 là đầu mối của cuộc nội chiến giữa quốc gia và cộng sản. Khởi sự là do Việt Minh mở chiến dịch sát hại Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ, thanh toán những lãnh tụ và đoàn thể quốc gia cùng các giáo phái đã phản đối Hiệp Định Sơ Bộ, đặt lại vấn đề đường lối lãnh đạo của chính quyền Hà Nội, đã sai lầm thỏa hiệp với thực dân Pháp.

NGÀY NAY, Huê Kỳ không còn ngán lá cờ đỏ sao vàng! Ngay cả lá cờ mẹ, cờ "Búa Liềm" trên nền đỏ chói tại Tổ Đình cộng sản ở Moscow cũng đã bị hạ xuống, chỉ còn là "đảng kỳ của một số cán bộ già nua tiếc thương một thời vàng son đã mất", sau ngày chế độ cộng sản lỗi thời bị sụp đổ trên toàn Liên Bang Sô Viết, cuối năm 1991.

Hơn nữa, từ năm 1971, chính quyền Nixon liên hệ xong với Hoa Lục, đã đào sâu thêm hố chia rẽ, mâu thuẫn giữa Nga và Tàu, cũng như giữa Hà Nội và Bắc Kinh. Trước khi Huê Kỳ rút lui khỏi Việt Nam, Hạm Đội 7 của Mỹ đã làm ngơ, mặc cho tàu chiến của Trung cộng tiến chiếm đảo Hoàng Sa, trước khi Hải thuyền của Nga Xô vào đóng tại Hải cảng Cam Ranh, sau ngày 30-4-1975. Từ ngày đó, cộng sản Hà Nội coi như đã sa lầy và nằm lọt vào trong chiến lược toàn cầu của Mỹ, đã trở thành nạn nhân thê thảm của cuộc tranh chấp Nga-Hoa, khiến năm 1979, cộng sản Hà Nội, trớ trêu thay, đã phải ăn đòn Trung Quốc, từng được Hà Nội ca tụng là người "anh em đồng chí vĩ đại", liên hệ mật thiết với cộng sản Việt Nam như "môi với răng"! Và vì sợ "môi hở răng lạnh" nên Bắc Kinh đã thúc đẩy Hà Nội, bằng mọi giá, phải hy sinh xương máu của nhân dân Việt Nam để chống Mỹ, đến hao mòn, suy sụp, tan hoang đất nước. Bắc Kinh thâm độc đã thúc đẩy Hà Nội lao đầu vào chiến tranh chống Mỹ đến kiệt quệ, đã sử dụng chiến tranh Việt Nam để tạo áp lực với Mỹ rồi phỗng tay trên, thương lượng, bang giao với Mỹ, vượt trên đầu cộng sản Hà Nội!

Lập trường của Mỹ đối với Pháp trên vấn đề Việt Nam trong Thế Chiến II

Từ ngày Nhật tiến quân vào Bắc Việt cuối tháng 9-1940, rồi đưa Hạm Đội tiến vào Cam Ranh và Saigòn vào tháng 7-1941, trước mắt Huê Kỳ, Pháp đã mất hẳn cương vị Đồng Minh tại Việt Nam. TT đương thời Roosevelt của Huê Kỳ đã quyết định không để cho Pháp trở lui cai trị Đông Dương như trước, vì Pháp không những đã không làm tròn nhiệm vụ khai hóa thuộc địa, lại còn để mất Việt Nam vào tay địch, biến Việt Nam và Đông Nam Á thành một bàn đạp chiến lược giúp cho Nhật tấn công vào Trân Châu Cảng, tuyên chiến với Huê Kỳ. Cũng vì lý do trên và mặc dầu nước Pháp đã được giải phóng từ cuối tháng 8-1944, Tướng De Gaulle cũng đã trở về nắm quyền tại Paris, nhưng chính phủ Pháp vẫn không được mời tham dự vào hai cuộc Hội Nghị Thượng Đỉnh vô cùng quan trọng, Hội Nghị Yalta (2-1945) với TT Roosevelt và Hội Nghị Potsdam (7-1945), với Tân TT Huê Kỳ Truman, họp cùng với Churchill và Stalin, định đoạt vận mệnh thế giới cùng chiến trường Đông Á và Đông

Nam Á. Riêng vấn đề giải giới quân đội Nhật, Pháp cũng bị loại, không được chỉ định gởi quân đến giải giới quân đội Nhật đóng tại Việt Nam và Đông Dương, vốn là thuộc địa của Pháp.

Sự kiện lịch sử nêu trên đã chứng tỏ rằng, ngay sau Đệ Nhị Thế Chiến, đối tượng tranh đấu cho nền Độc Lập của Việt Nam ta, KHÔNG CÒN LÀ PHÁP NỮA, mà chính yếu và nhất thiết là phải nhắm vào HUÊ KỲ. (Sukarno, lãnh tụ của Nam Dương, hiểu được vai trò lãnh đạo thế giới của Huê Kỳ, đã phải chủ trương một nước Nam Dương Trung Lập, đã cầu cứu Mỹ và Huê Kỳ đã buộc Hòa Lan trao trả Độc Lập và toàn vẹn lãnh thổ cho Indonésie. Do Thái cũng từ chỗ không có một mảnh đất cắm dùi, nhưng những lãnh tụ Do Thái sáng suốt, đã hiểu được ưu thế của Mỹ và đã nhờ Mỹ mà dựng được nước).

Ông Hồ Chí Minh vì lệ thuộc vào cộng Đảng Pháp, vào chiến lược toàn cầu của Nga Xô nên bị buộc phải dựng cờ đỏ và đã sai lầm trong chính sách quan tâm qúa đáng đến Pháp. Lẽ ra là phải đặt nặng vấn đề với Huê Kỳ, một Đồng Minh rất lợi hại, tối thiết yếu, từng chủ trương QUỐC TẾ HÓA và TRUNG LẬP HÓA VIỆT NAM, từng cương quyết không cho Pháp trở lại cai trị Việt Nam và Đông Dương như trước.

Thử nghĩ còn gì thuận lợi, hữu ích và lý tưởng cho bằng cái vị thế quốc tế mà Roosevelt muốn áp đặt cho Việt Nam ta, sau thế chiến hai? Hẳn Huê Kỳ có đủ uy thế để đảm bảo và hậu thuẫn cho Việt Nam ta tranh thủ, củng cố nền Độc Lập và toàn vẹn lãnh thổ. Trên bình diện bang giao quốc tế, Việt Nam hẳn còn nhận được tài trợ qua những kế hoạch quốc tế của Huê Kỳ, một loại chương trình Marshall ở Tây Âu, để phát triển nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng hải, xây dựng kinh tế, y tế, văn hóa, giáo dục, hành chánh, xã hội, kỹ nghệ, khoa học, quốc phòng ..., đưa đất nước Việt Nam, khởi từ mùa Thu năm 1945, đến chổ giàu mạnh, tân tiến, ít ra cũng chẳng thua gì Nhật Bản ngày nay.

Cái sai lầm chính trị căn bản của ông Hồ Chí Minh là ở chỗ "dựng cờ Đỏ". Trong lúc, để phản ảnh lòng dân khao khát Độc Lập, Hòa Bình và để thích ứng với hoàn cảnh quốc tế, nền tảng của Quốc Kỳ Việt Nam, chính ra phải là màu "XANH" thanh thiên, màu của Liên Hiệp Quốc và Hòa Bình thế giới, hay màu "VÀNG" truyền thống của dân tộc.

Lá cờ đỏ, màu cờ của máu, của chia rẽ, của đấu tố, thanh trừng đẫm máu, của một đường lối chính trị sai lầm, liên kết với một chủ thuyết lỗi thời, lạc hậu, dẫn dắt đất nước đến chiến tranh tàn phá, gây nên cảnh thù trong giặc ngoài, chỉ lưu lại trong lòng người dân Việt một ấn tượng xót xa, não nề, đen tối, đầy ám ảnh kinh hoàng, đầy nước mắt và máu, rùng rợn, dã man! Con tàu cộng sản Việt Nam, do ông Hồ cầm cờ đỏ dẫn đầu, đã tuột dốc rơi xuống hố sâu, tan nát! Từ hố sâu thăm thẳm, chính quyền Hà Nội cần ngước lên, mở to đôi mắt, để nhận ra rằng chế độ độc đảng, bạo quyền, chuyên chính đã bị đào thải trên thế giới văn minh của loài người. Hơn nữa, một khi Huê Kỳ đã bỏ cấm vận và nhân dân đã nhiệt tình hưởng ứng, thì quy luật và công pháp quốc tế phải được áp dụng trên bình diện kinh tế, mậu dịch. Do đó, nhu cầu cải tiến chính trị, thiệt thi Dân Chủ và Tự Do sẽ là điều kiện hệ lụy, không sao cưỡng được!

Để tránh một vụ "Thiên An Môn" sớm muộn sẽ phải xảy ra tại Việt Nam sau ngày bãi bỏ cấm vận, con đường DÂN CHỦ là lối thoát duy nhất, hợp tình hợp lý, êm đẹp, tránh được mọi xáo trộn tai hại cho đất nước, lại an toàn nhất. Một chế độ thực sự Dân Chủ và Tự Do phải sớm chào đời để cứu nguy đất nước và mưu cầu Hòa Bình, Hạnh Phúc cho nhân dân.

CON ĐƯỜNG TƯƠNG LAI CỦA ĐẤT NƯỚC là trân qúy, phục hồi con người Việt Nam cùng xã hội Việt Nam. Tạo môi trường lành mạnh, có nội dung, thực chất, tinh thần, tình cảm ... để mọi thế hệ được vươn lên trong một xã hội mới, có văn hiến, trật tự, công bằng xã hội, tiến bộ, đầy nhân tính và niềm tin.

Trong xã hội mới, hoàn cảnh tốt sẽ đưa đẩy con người tự chế ngự dục vọng xấu xa, hẹp hòi, ích kỷ, lỗi thời ...; cái phải có cơ thắng cái tà, cái tốt làm lu mờ cái xấu. Môi trường lành mạnh của xã hội mới, đời mới, sẽ lôi cuốn mọi người dân vào con đường bao dung, đoàn kết, xây dựng. Trong xã hội đó, người dân có công ăn việc làm để có thể làm chủ đời mình, để phục vụ gia đình, xã hội, đất nước và Hòa Bình nhân loại. Trong xã hội đó, con người được trau dồi kiến thức, ý thức được vị thế tự do, tự tại của mình, tránh phải làm công cụ hay bị lừa phỉnh làm vật hy sinh, làm nô lệ cho những tà thuyết phản dân chủ, nghịch lý, hay bị đẩy vào con đường phục vụ những mưu đồ tai quái của ngoại nhân, hại dân, phản nước.

Nói tóm lại, trọng tâm của chính sách dựng lại nước Việt Nam trong tương lai là phải nhằm "phục vụ nhân sinh", tôn trọng phẩm gía và quyền tự do của con người, để làm đẹp cuộc đời, làm cho cuộc sống của người dân Việt được tươi mát, hiền hòa, thăng tiến, có chất lượng, có ý nghĩa và hữu ích cho bản thân, cho gia đình, nhân quần xã hội, đất nước. Đất nước Việt Nam vốn tiềm ẩn đủ mọi tài nguyên phong phú.

Người dân Việt lại có sẵn truyền thống văn hóa và đạo đức. Lại thông minh, đầy sáng tạo, cần mẫn, tháo vát. Hơn nữa, nhân tài trong nước đông đảo như "lá rụng mùa Thu", đang bị mai một, lãng phí, không có cơ ứng dụng. Còn "chất xám" hải ngoại từng hòa nhập cao độ với nền văm minh khoa học và kỹ thuật hiện đại, lại không được góp phần phục vụ nhân dân và bắt tay cải tiến đất nước bắt kịp với đà tiến bộ của thế giới và nhân loại. Điều quan trọng hơn nữa là dân ta lại đã kinh qua và thấu rõ mọi nguyên nhân từng làm băng hoại cuộc đời, làm ô uế xã hội, làm cho đất nước điêu tàn sụp đổ ... Vậy, chỉ cần một cơ hội mới, hoàn cảnh mới, ý chí và phương hướng đi lên là người dân Việt có thể hội tụ đầy đủ mọi yếu tố, điều kiện, nhân lực và nội lực cần thiết để phục hồi nhanh chóng sức sống tiềm tàng của dân tộc, làm rạng rỡ quê hương.■

21-2-1994

NHỮNG ANH HÙNG VÔ DANH Ở TÒA BÁO

VŨ THỤY HOÀNG

"Nếu đăng không được sửa," (trong Thư Tòa Soạn của *Thế Kỷ 21* số 55) cho thấy người viết văn, viết báo Việt quả vẫn còn được kính nể và biệt đãi hơn hẳn các bạn đồng nghiệp Mỹ. Kính nể, biệt đãi ở chỗ bài thường không bị sửa hoặc chỉ bị sửa sơ qua, trong lúc các cây viết Mỹ dù nổi tiếng cách mấy cũng vẫn bị sửa bài không nhiều thì ít.

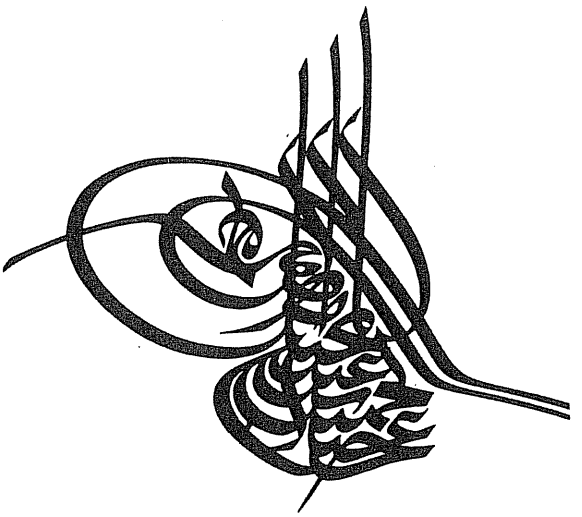

Mở các sách Mỹ, độc giả thấy hầu hết các sách có bài ở phần đầu ghi ơn những người đã góp công vào việc thực hiện cuốn sách, trong đó có người tu sửa bản thảo cho tác giả. Khi viết sách, bao giờ tác giả cũng làm việc sát cánh với người này.

Trong ngành báo, vì phải tranh thủ thời gian để ra báo và vì cố tránh sai lầm, việc sửa bài cần qua tay nhiều người hơn. Phóng viên có tên trên bài viết được độc giả biết tới và khâm phục, nhưng người có công làm cho bài báo hoàn mỹ hơn, chính xác hơn và hấp dẫn hơn lại không được mấy ai biết tới. Những anh hùng vô danh này chính là các biên tập viên sửa bài (copyeditor).

Tầm quan trọng của biên tập viên sửa bài được L. R. Blanchard thuộc hệ thống báo chí Gannett nhận định như sau: "Một bộ biên tập thật giỏi mà không có ban sửa bài có thể ra được tờ báo hạng xoàng. Một bộ biên tập tầm thường mà có ban sửa bài có khả năng có thể ra được tờ báo hạng khá. Một bộ biên tập giỏi được hậu thuẫn bằng ban sửa bài giỏi thì bảo đảm ra được tờ báo thật hay." Ông nói thêm rằng "Không ai tự cho mình có đủ tư cách để sửa bài mình. Dù người viết tiếng tăm cách mấy, bài của người đó chỉ có lợi nếu có người khác đọc vào."

Nhiệm vụ của người sửa bài là sửa sai, tinh lọc và trau chuốt cho bài viết. Nhằm vào đại đa số độc giả, người sửa bài làm cho bài viết giản dị, dễ hiểu. Muốn vậy người sửa bài phải phân câu quá dài thành những câu ngắn, xén tỉa những đoạn văn lòng thoòng, cắt bớt những chi tiết rườm rà, và thay thế chữ khó bằng chữ dễ. Người sửa bài còn phải tìm xem bài viết có điểm nào sai lầm thì gạt bỏ, sơ hở thì bổ khuyết, tối nghĩa thì làm sáng tỏ, thiếu chính xác thì tu chính. Khi làm công việc trên, người sửa bài cần tra cứu, đối chiếu tài liệu và hội ý với người viết. Bài sau khi được sửa sẽ trở nên giản dị, trong sáng, mạch lạc và ít sai lầm hơn.

Công việc sửa bài như vậy đòi hỏi nhiều khả năng. Trong cuốn Nghệ Thuật Sửa Bài, hai tác giả Floyd Baskette và Jack Sissors cho rằng người sửa bài cần có trí phán đoán, tầm uyên bác, trình độ học vấn, óc biện luận, tính tò mò, trí tưởng tượng, thận trọng, thắc mắc, nghi ngờ và có thiên tư phần nào.

Biên tập viên sửa bài thường là người đã từng có kinh nghiệm trong ngành báo. Họ có thể là phóng viên từng xông pha ở bên ngoài lấy tin tức và viết bài tường thuật. Họ có thể là phóng viên trẻ tuổi được hoán chuyển về tòa soạn để trau dồi thêm khả năng. Họ có thể là người đứng tuổi, nay muốn dừng chân ở tòa báo sau thời gian bay nhảy bên ngoài. Chính người viết bài cũng phải biết những nguyên tắc sửa bài căn bản để giảm thiểu bớt những lỗi lầm trong bài mình viết.

Được sửa bài, nhưng không được sửa ý. Đó là quy luật mà người sửa bài phải tôn trọng. Chính vì tôn trọng ý của tác giả, sách báo Mỹ mới phản ánh được

những quan điểm khác nhau, dù xu hướng chính trị hoặc lập trường đối nghịch nhau. Báo chí Mỹ dù có khuynh hướng tự do hay bảo thủ, theo phe tả hay phe hữu, thường vẫn cho đăng nhiều bài trình bày các ý kiến khác biệt. Những ý kiến ủng hộ hoặc chống đối về vấn đề nào đó, như trong vụ chiến tranh với Iraq, hay việc trợ giúp Nga và Đông Âu, cũng như việc phá thai hay dùng súng, đều được đăng tải rộng rãi.

Biên tập viên sửa bài nhiều khi không làm tác giả bài viết hài lòng, dù công việc của họ làm cho bài viết hoàn hảo hơn. Người viết bài có thể phàn nàn bài bị sửa nhiều quá, cắt xén quá lố, hoặc chữ bị thay thế không hợp đúng với ý mong muốn, nhưng họ chấp nhận việc sửa bài là điều phải có trong giới viết lách.

Kỹ mà vẫn bị hố

Tùy theo tờ báo nhỏ hay lớn, ban sửa bài có thể là một hay nhiều người. Ở tờ báo nhỏ, chủ bút có khi đảm nhận luôn cả việc sửa bài. Tại những tờ báo lớn, việc sửa bài được tổ chức quy mô hơn. Báo Washington Post, mà người viết bài này có may mắn được làm việc, có khoảng 70 biên tập viên sửa bài. Trong số khoảng 5000 nhân viên đủ loại của tờ báo, bộ biên tập có khoảng 600 người. Chừng hơn 400 người là phóng viên và biên tập viên, với gần 200 người là nhân viên sưu tầm tin tức, phụ tá tin tức, chuyên viên họa đồ và các nhân viên hỗ trợ khác. Cũng như đa số các cơ quan truyền thông có tầm vóc, tòa báo có một Trung Tâm Nghiên Cứu Tin Tức với sách báo, tài liệu cần thiết để tra cứu và sưu tầm. Công việc tìm tòi tài liệu ngày nay được dễ dàng, đầy đủ và mau chóng hơn nhờ những hệ thống lưu trữ tài liệu bằng điện toán.

Trên mười năm trước đây, khi tờ báo chưa hiện đại hóa bằng hệ thống điện toán có màn ảnh, phóng viên viết bài phải đánh máy vào tập giấy có sáu tờ làm sẵn. Người viết bài giữ lại một bản, nộp năm bản kia cho trưởng phòng. Trưởng phòng đọc qua, phê chỉ thị, rồi giao cho biên tập viên sửa bài. Người này sửa bài xong, đặt tựa đề, rồi đưa lại cho trưởng phòng. Trưởng phòng xem xong thấy cần thì chuyển lên Phụ Tá Tổng Biên Tập cấp trực tiếp. Tòa báo có sáu phụ tá tổng biên tập, một phó tổng biên tập. Bài quan trọng hoặc cần lưu ý thì chuyển lên cho tổng biên tập và chủ bút. Như vậy trên nguyên tắc bài viết có thể đi qua năm người. Chưa hết! Nếu cần ý kiến về mặt pháp lý để tránh tranh tụng có thể xảy ra, bài viết còn đi qua văn phòng luật sư có sẵn tại tòa báo để cứu xét. Bài viết nếu liên hệ tới một vấn đề thật gay cấn, có thể cần được hội ý với chủ nhiệm nữa. Như vậy một bài viết hơi thiên lệch hoặc có dụng ý kín đáo mà không có đủ luận cứ vững mạnh để hậu thuẫn khó mà lọt qua.

Với cơ chế điều hành chặt chẽ như vậy, tờ báo vẫn không tránh khỏi lỗi lầm. Hầu như mỗi ngày ở trang hai hoặc trang ba, báo Washington Post đều có mục đính chính. Thông thường mục này có vài ba điểm, đôi khi lên tới cả chục điểm.

Vụ sai lầm nghiêm trọng làm báo Washington Post bẽ bàng nhất đã xảy ra vào năm 1981. Tiếng tăm lẫy lừng của tờ báo sau vụ Watergate, khiến Tổng thống Nixon phải từ chức, đã bị hoen ố vì người nữ phóng viên 26 tuổi tên Janet Cooke. Dưới tựa đề "Jimmy's World" đăng nơi trang nhất trong số báo ra ngày chủ nhật 28 tháng 9, 1980, Janet Cooke đã viết bài về một cậu bé tám tuổi ghiền bạch phiến vì được mẹ và bố ghẻ chỉ dạy cho cách dùng ma túy. Tác giả không nêu tên thật của em, viện lẽ vì lý do an toàn của em bé. Nêu lên thảm trạng của thiếu nhi ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, bài báo đã gây xúc động mạnh tại địa phương. Gần bảy tháng sau, bài báo trúng giải thưởng Pulitzer. Tên Janet Cooke vụt sáng trong làng báo. Tin cô trúng giải được đi liền với vài nét sơ lược về tiểu sử của cô, trong đó cô khai tốt nghiệp trường đại học Vassar và có bằng Cao Học ở trường đại học Toledo. Ban giám đốc trường Vassar xem hồ sơ của cô, thấy cô có ghi danh học, chứ không tốt nghiệp. Họ liền thông báo cho chủ bút Washington Post. Cùng lúc đó, tổng biên tập tờ báo được hãng thông tấn AP cho biết phóng viên của hãng ở Ohio được nói là Janet Cooke không có bằng Cao Học. Ngôi sao mới ló bị mây mù, giông tố che lấp ngay. Bị cấp chỉ huy cật vấn hơn mười tiếng đồng hồ, Janet mới chịu thú nhận bé Jimmy chỉ là tổng hợp những chi tiết nghe được của nhiều vụ ghiền ma túy, chứ không có Jim nào bằng xương bằng thịt cả. Báo Washington Post phải tuyên bố hoàn lại giải thưởng và cáo lỗi cùng độc giả.

Mới đây báo Los Angeles Times cũng phải rút lại tấm ảnh gửi đi tranh giải Pulitzer khi khám phá rằng tấm ảnh đó đã được phóng viên nhiếp ảnh "dàn cảnh". Ảnh này chụp người lính chữa lửa đang vỗ nước ở hồ bơi lên mặt cho mát, trong lúc lửa ngùn ngụt cháy ở căn nhà gần đó. Năm trước, báo USA Today và tạp chí Times cũng bị hố vì đăng những tấm ảnh dàn cảnh. Đài truyền hình NBC cũng phải cáo lỗi vì phóng sự được sắp xếp về vụ bình xăng xe pick up của hãng General Motors có thể gây hỏa hoạn khi bị đụng.

Nặng chính trị, nhẹ sửa sai

Những vụ đính chính hoặc cáo lỗi ít xuất hiện trên mặt báo Việt.

Trong ngành sách báo Việt, việc sửa bài có sự khác biệt. Lập trường chính trị được coi là quan trọng hàng đầu dưới mắt đa số chủ báo hoặc chủ bút Việt. "Khi chọn bài đăng, trước tiên phải xem bài viết có hợp với chủ trương của tờ báo không. Những bài có luận điệu thiên Cộng, hoặc làm lợi cho cộng sản thì không được. Bài đụng chạm đến tôn giáo cũng phải bỏ đi," một chủ báo ở vùng Hoa Thịnh Đốn cho biết. Ý kiến của ông có lẽ được nhiều đồng nghiệp khác chia sẻ. Độc giả ít thấy trên mặt báo Việt những bài có những quan điểm đối chọi nhau về lập trường chính trị, mà thường thấy nhiều bài với tựa đề và lập luận nghiêng lệch về một phía. Độc giả do đấy không được thấy nhiều khía cạnh của vấn đề.

Những vấn đề liên quan đến người Việt mà có màu sắc chính trị, như việc gửi tiền cho thân nhân ở trong nước, vụ về thăm Việt Nam, việc bãi bỏ cấm vận và vụ bang giao giữa Hà Nội với Hoa Thịnh Đốn, dễ trở thành

những vùng cấm địa cho những ý kiến không hợp với tờ báo. Độc giả đọc thấy nhiều bài phản đối việc giao thương với Việt Nam, trong lúc mỗi tuần người Việt ở nước ngoài chuyển cả chục triệu Mỹ kim về cho thân nhân, và hàng ngàn người đáp máy bay tới Tân Sơn Nhất để về nước thăm bà con. Báo chí Việt vắng bóng những tin ủng hộ việc giao thương, nhưng lại nhan nhản những quảng cáo về các dịch vụ gửi tiền, gửi hàng, gửi thư nhanh, bán vé máy bay về nước, kể cả những dịch vụ đầu tư ở Việt Nam.

Khi lập trường chính trị được coi nặng, việc sửa bài trong nhiều khía cạnh khác lại được nới nhẹ. Phương tiện eo hẹp, thì giờ ít ỏi, vị nể tình cảm và ý niệm "văn mình, vợ người" còn bám rễ sâu trong đầu óc một số người viết, khiến việc sửa bài trong ngành sách báo trở thành một vấn đề tế nhị, đôi khi gai góc. Hệ quả là nhiều bài trên mặt báo thường không được sửa chữa hoặc sửa rất ít. Độc giả dễ thấy có bài dài lê thê, có bài có sự kiện sai lạc, hoặc có bài với cả những chi tiết bịa đặt quá lộ liễu, mà vẫn được đăng nguyên vẹn trên nhiều báo khác nhau.

Phương tiện thiếu thốn là trở ngại chính và trước tiên. Phần lớn các báo Việt Nam không có đủ khả năng tài chánh để thiết lập một tòa soạn theo đúng mẫu mực. Phóng viên và biên tập viên còn không đủ, làm sao có thể lập được ban sửa bài có khả năng. "Báo ít vốn thì chủ nhiệm là tùy phái, là người đọc bài, viết bài, đánh máy, lay out, chạy nhà in, bốc báo, đưa báo, quét dọn tòa soạn, xin quảng cáo và thâu tiền quảng cáo... Làm báo cò con... thì những người chịu trách nhiệm là những người được kiêm nhiệm nhiều thứ nhất," ông Ngô Vương Toại đã nói như trên với một số thân chủ trong buổi họp mặt mới đây vào cuối tháng Giêng, 1994. Ông Toại là chủ nhiệm kiêm chủ bút của báo Diễn Đàn Tự Do ở vùng Hoa Thịnh Đốn.

Tính tự ái, tự cao tự đại của một số người viết không chuyên nghiệp, cũng làm cho việc sửa bài thành khó khăn thêm. Một số văn nhân, thi sĩ đôi khi quá chú trọng đến từng từ ngữ, cũng như một số người có địa vị trong xã hội, hoặc có bằng cấp mà vì tự ái không dễ dàng đón nhận những sửa đổi. Họ có thể bất bình khi bài chỉ bị sửa một vài chữ dù là đồng nghĩa. Câu "nếu đăng không được sửa" hoặc câu "văn mình vợ người" phản ảnh tâm trạng của một số người viết coi văn, thơ của mình là nhất và không muốn ai sửa đổi.

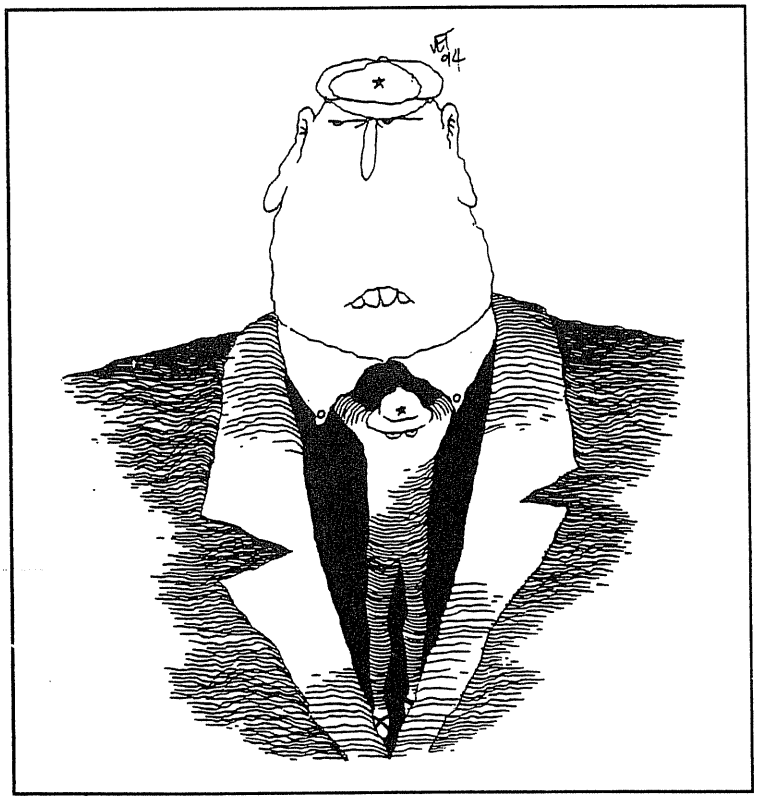

Biết tình trạng trên, cộng thêm với việc vị nể cá nhân, nhiều báo ngại sửa bài vì không muốn làm phật lòng tác giả. Họ cũng ngại tác giả bất bình sẽ ngưng gửi bài viết cho tờ báo. "Ở thời buổi này, khi ít người Việt ở hải ngoại còn ham thích viết lách, khi người viết ít khi được trả tiền nhuận bút, có người viết bài gửi tới là chủ báo mừng rồi," một người trong làng báo cười nói.

Chủ báo cũng có luận cứ để biện minh việc không sửa bài. Một vị chủ báo giải thích: "Người viết bài có ký tên thì chịu trách nhiệm về bài viết của họ, về dữ kiện và chi tiết. Nếu mình thấy có điều gì sai thì mình kêu người viết. Họ thấy sai và đồng ý thì mình sửa. Nếu họ bảo không sai thì mình sẽ cho đi. Nếu mình thấy không có gì sai thì cho đi luôn. Mình có sửa chỉ sửa lỗi chính tả, dấu chấm phẩy mà thôi."

Để bài viết được hoàn hảo hơn, việc sửa bài trong thực tế phải khởi đầu ngay do chính tác giả. Người viết, nếu có học hỏi và được huấn luyện, tất biết những nguyên tắc căn bản về sửa bài để tránh bớt những lỗi lầm, sơ hở, cũng như để hoàn thiện cách sử dụng chữ và lối hành văn. Khi thấy có điều gì nghi ngờ, người viết phải tra cứu, kiểm chứng. Người viết nếu cẩu thả hoặc thiếu thành thực với chính mình, tất khó tránh khỏi lỗi lầm. Việc người khác sửa bài chỉ là giai đoạn chót để giảm bớt lỗi lầm mà người viết vô tình không biết.

Sách báo, người viết và độc giả đều có lợi trong việc sửa bài chu đáo. Bài viết do những tác giả có lương tâm và thận trọng, sau khi được qua tay người sửa bài có khả năng, hẳn sẽ tăng thêm giá trị. Sách báo có những bài viết đó cũng tạo thêm được uy tín với độc giả. Độc giả khi đọc xong sách báo được chăm sóc kỹ lưỡng hẳn cũng hài lòng về phẩm chất của tác phẩm.■

** Người viết, 38 năm trong ngành báo chí, hiện làm cho báo Washington Post.*

VÀI THUẬT NGỮ THƯỜNG GẶP

ĐỖ THÔNG MINH

Chữ **shareware**, ở Việt Nam dịch là **phần mềm cổ đông** đề nghị — *phân kiện, nhu kiện đăng dụng/dùng chung.*

Chữ **freeware**, ở Việt Nam dịch là **phần mềm tự do — miễn phí kiện, nhu kiện miễn phí.**

Chữ **key**, dịch là **nút, phím, khóa.** Chữ nào cũng có thể dùng được nhưng trực dịch để ai cũng hiểu, và thống nhất với lối dịch của người Hoa là 鍵 (kiện) thì nên chọn chữa **khóa**, chữ **nút** để dành để dịch chữ **button.**

Chữ **keyboard** theo đó được dịch là *bàn khóa.*

Chữ **integrated circuit (IC)**, ở Việt Nam dịch là **mạch tổ hợp, mạch tích hợp**, người Hoa dịch là 集成電路 (tập thành điện lộ) và người Nhật dịch là 集積回路 (tập tích hồi lộ). Tổng hợp bốn lối dịch này — **mạch (điện) tập thành.**

Chữ **database (data base)**, ở Việt Nam dịch là **cơ sở dữ liệu**, ở hải ngoại dịch là **cơ sở dữ kiện, nền dữ kiện, cứ dữ kiện**, người Hoa dịch là 拠数庫 (cứ số khố). Người Hoa dịch **data** là 与件 (**dữ kiện**, tức những sự kiện được cho, nếu dịch là **dữ liệu** sợ không được đúng lắm) và 拠数 (cứ số), chữ **dữ kiện** quen thuộc với người Việt nhưng cứ số thì xa lạ quá nên chúng tôi đề nghị dịch — **kho dữ kiện.** Ở Việt Nam chúng ta thường nghe chữ Long Bình Base là (Tổng) Kho Long Bình, nên nếu dịch là **cơ sở, cứ** hay **nền** đều không chính xác.

Chữ **knowledge base** có thể dịch là **kho kiến thức/tri thức.**

Chữ **facsimile (fax)** dịch là **điện thư** (người Hoa dịch là điện ảnh thư điện, truyền chân).

Chân **E (electronic) mail** dịch là **thư điện tử**, nếu dịch là **điện thư** thì chưa diễn tả hết ý, nên để **điện thư** cho chữ **facsimile** ở trên.

Chúng ta còn có một số từ vì khó dịch nên thường dùng lối phiên âm, chúng tôi xin dịch thử không với ý định thay thế vì một số đã quá quen thuộc nhưng có thể thay thế một số từ chưa phổ thông và hy vọng lối trực dịch sẽ giúp hiểu rõ nghĩa hơn.

1- **Moment**: mômen — **(lực) củ, củ (lực)** (người Hoa dịch là củ lực, củ) tức lực vuông góc.

2- **Vector**: vectơ — **lượng tên** (người Hoa dịch là thỉ lượng).

3- **Laser**: lade, laze — **máy kích quang** (người Hoa dịch là kích quang khí), diễn tả chính xác chữ gốc là light amplification by stimulated emission of radiation.

4- Matrix: ma trận (không biết lối dịch này có phải là của nửa mượn âm **ma**, nửa mượn chữ Hán **trận** không?) — **củ trận** (người Hoa dịch là củ trận, củ là cái khuôn vuông; khuôn phép).

5- **Turbine**: tuabin — **động cơ quay** (người Hoa dịch là oa luân cơ, oa là nước xoáy — quay).

6- **Maser:** maze — **kích xạ vi ba; máy kích xạ vi ba; máy phóng đại điện tử** (người Hoa dịch là vi ba kích xạ khí; lượng tử phóng đại khí).

7- **Trigger:** trigơ — **bộ/mạch xúc phát; bộ/nút khởi động; xúc phát, khởi động** (đ) (người Hoa dịch là xúc phát khí; khởi động khí).

8- **Relay:** rơle — **gây rối loạn; (trực) truyền** (thanh/hình) (đ) (người Hoa dịch là kế điện khí; trung kế).

9- Magneton: macnêtron — **ống từ khống** (người Hoa dịch là từ khống quản).

10- **Rho-theta**: rôthêta — **cự ly phương vị, hệ thống dẫn đạo cự ly giác độ** (người Hoa dịch là cự ly - phương vị, cự ly - giác độ (đạo hàng)).

11- **Rhumbatron:** rhumbatron — **bộ hài chấn xoang rỗng** (người Hoa dịch là không xoang hài chấn khí, không xoang cộng chấn khí).

12- **Monotron:** mônôtron — **đồ kiểm/đo độ cứng; đèn điều tốc** (người Hoa dịch là ngạnh độ kiểm nghiệm nghi; trực xạ/vô phản xạ điều tốc quản).

13- **Astral lamp** (invidual lamp): đèn treo không sấp bóng xuống bàn để mổ — **đèn không sấp bóng/ không ảnh** (người Hoa dịch là không ảnh đăng), tức đèn không sinh ra bóng.

Ở Á Đông, người Nhật đi tiên phong trong việc học hỏi và phiên dịch các thuật ngữ khoa học, kỹ thuật Âu Mỹ, nhờ đồng văn (dùng chung chữ Hán), người Hoa tiếp thu lại gần như toàn vẹn. Nay thì họ đã có đủ nền tảng vững chắc để tự phiên dịch, trong khi người Nhật gặp những từ khó hoặc đôi khi dễ và họ có từ tương đương nhưng vì sính ngoại ngữ lại dùng lối phiên âm (người Hoa chỉ dùng khi gặp tên riêng hay đơn vị chuyên môn). Lối này dùng cho một số ít thì được nhưng người Nhật nay có lẽ hơi vội vã và lạm dụng đâm ra có hàng vài chục ngàn thuật ngữ phiên âm mà

thường không viết từ gốc, chưa kể luật phiên âm không thống nhất gây rối loạn, ai dùng cũng phải bực mình. Mà đã là phiên âm thì tự nó chẳng có nghĩa gì cả, nghe một chữ phiên âm mới nhiều khi phải hỏi xem viết như thế nào cũng như bắt buộc phải tìm hiểu nghĩa chứ không sáng sủa dễ viết, dễ hiểu và dễ nhớ như lối trực dịch. Lối phiên âm còn có trở ngại là khi một từ có nhiều nghĩa, nếu phiên âm sẽ không phân biệt được các nghĩa khác nhau nữa. Thời cụ Hoàng Xuân Hãn biên soạn cuốn Danh Từ Khoa Học năm 1942 cũng đã tham khảo nhiều sách Hoa và Nhật. Người Hoa và Việt chúng ta nay dùng chữ **tự do** 自由, **dân chủ** 民主, **lao động** 労働 là những chữ do người Nhật Bản ghép. Riêng chữ **động** 働 (với bộ nhân ở trước) là chữ Hán do người Nhật Bản tạo ra (tương tự như chúng ta tạo ra chữ Nôm) để chỉ sự **làm việc** của người, phân biệt với **động** 動 là **động đậy** hay **chuyển động** của máy móc như trong động cơ 動機 ... Hiện trong cách dùng âm Hán-Việt ghép của chúng ta có vài chữ gần với Nhật Bản hơn là Trung Hoa như thứ lang 次郎, thái lang 太郎 không cảng 空港 (thay vì cơ trường 機場 như Trung Hoa...).

Ngành điện toán là ngành của mọi ngành, được kể là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lớn lao nhất từ trước tới nay. Điểm đặc biệt là tính thực dụng của nó khiến cho số **người dùng (user)** đông đảo hơn gấp bội số **chuyên viên (expert)** trong ngành, do đó nhu cầu thống nhất và giản dị hóa càng lúc càng cấp bách. Qua khoảng 20 buổi nói chuyện về việc đối dịch thuật ngữ tại Bắc Mỹ từ 1990 đến 1993, chúng tôi càng thấy sự chuẩn hóa thuật ngữ là công việc vừa bao la, vừa gian nan, không dễ gì có được một chuẩn mức nhất định. Nhưng cũng qua các buổi nói chuyện này chúng tôi càng nhận rõ các thuật ngữ tiếng Việt là viên gạch lót đường cần thiết góp phần học hỏi và tiến bộ cho đại chúng. Và chúng ta còn cần nhiều nỗ lực chuẩn hóa khác nữa, chúng ta có ít nhất bảy vấn đề cần được chuẩn hóa, phạm vi bài này chúng tôi chỉ xin đề cập đến một vấn đề mà thôi, có dịp sẽ bàn đến những vấn đề kia, rất mong quý vị thuộc ngành liên hệ góp ý xây dựng chung.

Trong mục tiêu cùng trao đổi học hỏi, chúng tôi sẵn sàng ghi nhận ý kiến của quý bạn đọc về các việc đối dịch thuật ngữ... Chúng tôi cũng có thể giúp quý vị tìm đối dịch một số từ thuộc mọi ngành khoa học tự nhiên cũng như nhân văn từ tiếng Anh, Pháp, Nhật, Hoa ra tiếng Việt. Trường hợp muốn tìm giúp, nếu được xin quý vị ghi rõ định nghĩa của từ hoặc ghi ra cả câu, cả đoạn liên hệ hầu giúp chúng tôi dễ xác định từ đối chiếu thích hợp.■

BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN DIỆU LIÊN HƯƠNG

HỘI VIÊN CHỈNH NHA VÀ CHỈNH HÀM
United State Dental Institute
American Association for Functional Orthodontics

9251 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683 I Tel: (714) 895-1264

Hành nghề từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha Khoa tư tại Phú Thọ, Saigon

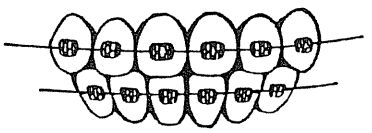

ORTHODONTICS: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô móm... bằng phương pháp mang Niềng răng (Braces) hay mang Bộ Chỉnh Hàm (Functional Orthodontic Appliances).

BLEACHING: Tẩy trắng các răng màu vàng, nâu, xanh...

COSMETIC BONDING: Thay men răng bị đổi màu, đắp vá các răng sứt mẻ, làm khít kẽ răng thưa...

ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU BỆNH NƯỚU RĂNG: Nướu răng sưng đỏ, chảy máu, tuột nướu, tuột xương; hôi miệng.
Đặc biệt: Phối hợp với *khoa chỉnh hàm* giải quyết các trường hợp răng bị xô lệch, lung lay, hở kẽ... do bệnh nướu răng, **tạo khớp cắn ổn định:**
- để việc nhai thức ăn dễ dàng và hữu hiệu.
- tạo một hàm răng đều đặn duyên dáng và bền bĩ với thời gian.

NHA KHOA TỔNG QUÁT: Khám định kỳ, làm sạch, chữa, trám và nhổ răng. Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải quyết các răng mọc ngầm vì thiếu chỗ hay răng mọc chậm

RĂNG GIẢ CÁC LOẠI: Gắn dính và tháo lắp: Mão răng,Veneer,Cầu răng,Hàm giả bán phần và toàn phần

TIỀN VÀ THÂN PHẬN LÀM NGƯỜI TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM THẾ KỶ 19

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC

Tạo vật bất thị vô để sự
Bòn chài ra một thứ quấy chơi
Nguyễn Công Trứ

Tiền là một thế lực kinh tế, cũng còn là một nguồn văn và thi liệu cho văn chương. Tuy nhiên, khác với những đề tài như tình yêu, vẻ đẹp thiên nhiên, chiến công oanh liệt... lúc nào cũng gây cảm hứng cho văn nhân thi sĩ, tiền chỉ xuất hiện và được nhắc nhở tới trong văn chương ở vào một giai đoạn lịch sử nào đó.

Trong xã hội Tây phương ngày trước, tầng lớp lãnh đạo, các chiến sĩ quý tộc (bellatores), chịu ảnh hưởng của triết học Hy Lạp và tôn giáo Gia-tô, coi của cải ở cuộc đời tạm bợ này như phù vân (vanitas vanitatum, et omnia vanitas), nên tiền chẳng được nhắc nhở tới trong văn chương. Mãi đến về sau, khi có một sự thay đổi lớn lao trong cơ cấu xã hội, tiền mới được đề cập tới.

Lấy văn học Pháp làm tỉ dụ, chúng ta sẽ thấy tiền hay tư lợi không bao giờ là một đề tài chính trong những tác phẩm cổ điển. Những anh hùng trong các bi kịch của Corneille, đặt bổn phận và danh dự lên trên hết. Racine, sau Corneille, mô tả bản chất con người qua những mối tình say đắm đến mù quáng. Tiền tuy có xuất hiện ở một số hài kịch của Molière như "Người biển lận" (L'Avare), "Kẻ trưởng giả học làm sang" (Le Bourgeolis Gentilhomme), nhưng hài kịch không phải là một thể loại nghiêm chỉnh (genre sérieux). Hơn nữa thái độ biển lận, keo kiệt quá độ của Harpagon, hay hợm hĩnh vì tiền của ông Jourdain chỉ là những thói tật cá nhân, hạ tiện, đối lập với tính cách quý tộc.

Qua thế kỷ 18, tầng lớp "petit-bourgeois" (tiểu tư sản) phát triển, "tiền" được nói đến nhiều hơn vì đã có ảnh hưởng quyết định trong tương quan xã hội. Trong vở kịch "Turcaret" (tên một thương gia giảo quyệt), Lesage (tác giả) cho thấy vì tiền mà con người thành ra xấu xa. Tất cả các nhân vật trong vở kịch, từ kẻ quý tộc cho đến nhà buôn, chí đến đứa ở đều lừa đảo nhau vì tiền, và kẻ có tiền là người ngự trị. "Voilà le règne de M. Turcaret fini; le mien va commencer." (Thời đại Turcaret đã qua rồi; thời của tớ sắp bắt đầu), đó là lời tuyên bố của Frontin, một tên đầy tớ trở nên giàu có, nhờ những mánh khóe gian xảo và lừa bịp. Trong vở "Les Fausses Confidences" của Marivaux, vấn đề tiền đặt ra nhẹ nhàng hơn, nhưng chính sự chênh lệch về tiền là đầu mối trở ngại cho mối tình giữa chàng Dorante trẻ đẹp, nhưng lỡ vận, và nàng Araminte, góa phụ giàu sang và kiều diễm, dù cả hai thầm kín yêu nhau.

Kịp đến thế kỷ 19, tiền trở thành một đề tài lớn. Victor Hugo đã đề cập đến tiền trong nhiều tác phẩm của mình. Đặc biệt vào cuối thế kỷ, tiền là luận đề chính cho bộ tiểu thuyết hiện thực nhiều tập về gia đình Rougon Macquart của Émile Zola: L'Argent, La Curée...

Ở Á Châu, tại các nước chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo, như nước ta, xã hội chia ra bốn giai cấp là sĩ, nông, công, thương. Kẻ sĩ, đứng đầu, tuy có một tinh thần khác với quý tộc Tây phương, nhưng nói chung, cũng coi thường giá trị tiền, đặt đạo đức lên trên tư lợi. Lời Mạnh Tử đáp lại Lương Huệ Vương là một khuôn vàng thước ngọc cho nhà nho: "Vương hà tất viết lợi; diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hỉ?" (Vua nói chi đến điều lợi, xin chỉ nói chuyện nhân nghĩa). "Thúc Hướng hạ Tuyên Tử" là một câu chuyện khắc tượng trưng thái độ nhà nho đối với tiền hay phú quý. Tuyên Tử than nghèo, nhưng Thúc Hướng lại mừng cho Tuyên Tử (Tuyên Tử ưu bần, Thúc Hướng hạ chi). Và sau những lời trình bày chí nhân chí nghĩa của Thúc Hướng, Tuyên Tử

đã cúi đầu cám ơn Thúc Hướng giúp mình giữ được cảnh nghèo trong sạch, đạo đức: "Khởi dã tương vong, lại tử tồn chi" (Khởi này sắp suy sụp, nhờ bác giữ lại).

Theo đạo lý Khổng Mạnh xưa, không có gì quý hơn là biết vui sướng trong cảnh nghèo trong sạch. Quan niệm đạo đức ấy đã chi phối mạnh mẽ nền văn chương của chúng ta. Và vào thời trước, văn chương chỉ là một hình thức để phát huy đạo đức (Văn dĩ tải đạo), nên suốt từ lúc mới thành hình cho đến đầu thế kỷ 19, thật khó tìm thấy trong văn học Việt một bài thơ hay bài phú than thở vì nghèo, nói chi đến việc đề cao tiền.

Đồng tiền xem ra thật hiền hòa trong thi ca của Nguyễn Trãi. Tiền chỉ là một phương tiện để tương thân tương ái, an ủi, đùm bọc lấy nhau lúc hoạn nạn:

Đồng tiền, bát gạo mang ra,
Gọi là cần kiệm chút là làm duyên.
(Gia huấn ca)

Nguyễn Bỉnh Khiêm ở vào một thời đại phức tạp hơn, nhận rõ nhân tình thế thái, nên đã đề cập đến tiền trong những khía cạnh xấu xa. Tiền thay đổi lòng người:

Còn bạc còn tiền còn đệ tử,
Hết cơm hết rượu hết ông tôi.

Nhưng trong thơ của Nguyễn Bỉnh Khiêm, tiền vẫn chưa phải là một thế lực độc ác ghê gớm, đè bẹp giá trị con người. Tiền có thể thay đổi lòng người, nhưng giàu, nghèo không khác nhau, con người có thể sống nhàn hạ mà tiền chẳng có ảnh hưởng gì đến:

Giàu ba bữa, khó ba niêu,
Yên phận thì hơn hết mọi điều
Khát uống chè mai hơi ngọt ngọt
Sốt kề hiên nguyệt gió hiu hiu.

Cuộc sống vẫn hiền hòa; nghèo khó càng làm rạng rỡ thêm đạo đức:

Khó khăn mới biết người quân tử
Nghèo hiểm thì hay tiết trượng phu.

Ngay trong những tác phẩm có tính cách đại chúng, những nhân vật chính, cũng thường là những kẻ "áo rách khố ôm" như Thạch Sanh, Trần Miên khố chuối, Phạm Công, Phạm Tải... Tuy nghèo đến rớt mồng tơi nhưng chẳng có một ai tham tiền. Tiền không bao giờ làm cho họ băn khoăn, thắc mắc, và cũng không bao giờ vì tiền mà hành động trái nhân nghĩa.

Tuy nhiên đã có một sự thay đổi, có thể nói là đột ngột và lớn lao từ buổi giao thời của hai thế kỷ 18 và 19 cho đến lúc tàn cuộc nền văn chương chữ Nôm. Đồng tiền từ bấy giờ đã trở thành một đề tài quan trọng, xuất hiện trong văn học như một thế lực mạnh mẽ khác thường, gây ra nhiều biến động tinh quái và tàn ác trong xã hội. Con người dù muốn yên cũng không yên được trước thế lực của tiền.

Nếu lấy truyện Kiều làm một cái mốc cho thời giao nhau của hai thế kỷ, thì chính Kiều đã mở đầu cho đề tài tiền trong văn học Việt Nam. Xét theo những phương diện căn bản trong nội dung, có thể gọi Kiều là một câu chuyện tình bi đát, là thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, là câu chuyện của một tiếng đàn, vì chuyện kết thúc thì đàn cũng được cuốn dây:

Một phen tri kỷ cùng nhau,
Cuốn dây từ đấy, về sau cũng chừa.

Cũng có thể gọi là chuyện tài mệnh tương đố, "nhất phiến tài tình thiên cổ lụy" hay chuyện túc trái tiền duyên:

Đoạn trường sổ, rút tên ra,
Đoạn trường thơ, phải đưa mà trả nhau.

Có thể kể thêm nhiều khía cạnh khác nữa, nhưng có một khía cạnh chủ yếu, ít khi, hoặc chưa được đề cập đến, ấy là tiền. Lý do không được chú ý tới có lẽ vì tiền có tính cách quá thực tế, trái với tính chất đầy thơ mộng, đầy tình cảm tế nhị của áng văn mà Mộng Liên Đường chủ nhân gọi là "máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy."

Nhưng nếu xét theo khía cạnh tiền, thì có thể xác định Kiều là chuyện của đồng tiền; nói khác đi, cuộc đời đau khổ của Kiều, hay thân phận của con người nói chung, chìm nổi theo thế lực của tiền.

Vương Viên ngoại không giàu, nhưng tương đối cũng có đôi chút tiền của, "thường thường bậc trung", như Nguyễn Du đã nói:

Gia tư nghỉ, cũng thường thường bậc trung.

Giả thiết Vương ông không ở vào "bậc trung", thì chắc thằng bán tơ kia đã không "dở dói", mà sai nha cũng chẳng ập vào nhà để "vét cho đầy túi tham" rồi sau đó "làm cho khốc hại". Giả thiết nữa là nếu gia đình Kiều có được ba trăm lạng, cất dấu đâu đó, thì cuộc đời của Kiều đã đổi khác, Kiều đã không bán mình để chịu mười lăm năm lưu lạc:

Tính bài lót đó, luồn dây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.

Và thật vậy, Nguyễn Du đã nhiều lần nhắc đi nhắc lại thế lực yêu quái của tiền. Tiền xóa mờ hết đạo nghĩa; công lý chỉ dựa vào tiền:

Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong!

Nói thế hình như chưa đủ, Nguyễn Du đã lặp lại nguyên cùng một ý ở một đoạn ngay sau đó:

Trong tay đã sẵn đồng tiền
Dẫu lòng đổi trắng thay đen khó gì!

Khi đã có tiền thì Vương ông không những được "tại ngoại hầu tra" (tạm lĩnh Vương ông về nhà), mà việc "tụng kỳ" cũng chấm dứt nhanh chóng:

Lễ tâm đã đặt, tụng kỳ cũng xong.

Chưa bao giờ trong văn học Việt Nam, tiền được nhắc nhở về nhiều mặt và đã quyết định cái hình thái của xã hội như trong Đoạn Trường Tân Thanh. Tiền đã đưa xã hội đến chỗ trụy lạc, và hình thức tổ chức trụy lạc thật qui mô. Lâm Chuy cách Bắc Kinh đến một tháng đường dài (*Lâm Chuy vừa một tháng tròn tới nơi*), thế mà Kiều ở Bắc Kinh vừa lên tiếng bán mình, tin đã tới ngay Tú Bà ở Lâm Chuy. Mụ này sai Mã Giám Sinh, một tay ăn chơi về già và chính cũng là chồng của mụ ta, đến ngay Bắc Kinh để mua Kiều về. Vốn một tay ăn chơi sành sõi, quen chuyện lừa lọc bán phấn buôn son, chẳng có độ lượng nào trước nỗi đau khổ của người khác, thế mà rút cuộc việc buôn bán cũng đã ngã giá rất cao:

Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá, vàng ngoài bốn trăm.

Lẽ tất nhiên ở đây chúng ta không nói đến trị giá của Kiều như một con người tài hoa. Dù mụ mối

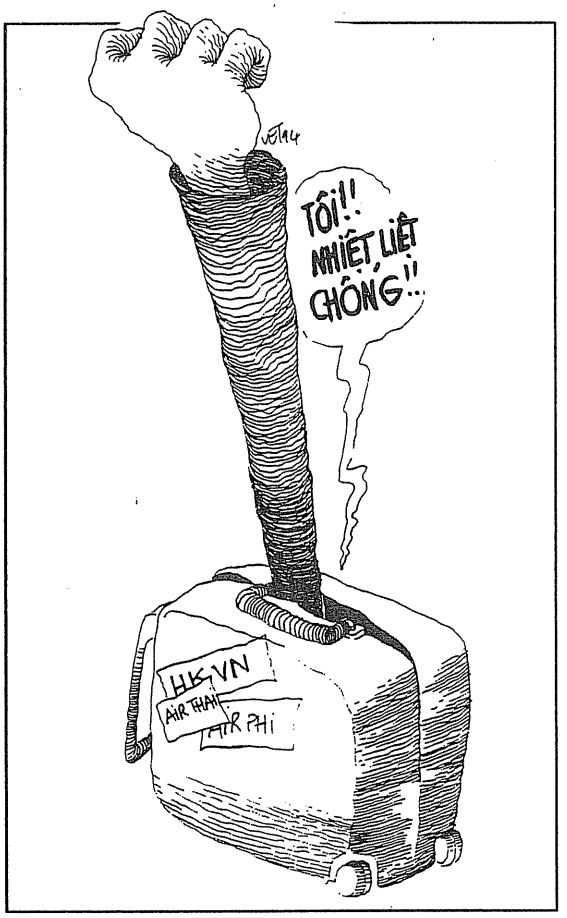

khéo mồm khéo mép đưa giá Kiều lên tới ngàn vàng, giá ấy cũng không tương xứng vì làm sao có thể đánh giá được một người tài hoa! Chỉ xét Kiều như một nạn nhân, một món hàng mà Tú Bà mua về cho thanh lâu, thì món hàng đó thật là đắt giá. Thử làm một bài tính để tính xem Tú Bà đã phải tốn kém bao nhiêu để mua được Kiều, và cũng thử tính để suy ra vốn liếng của Tú Bà, chúng ta sẽ thấy tài sản của Tú Bà thật đồ sộ. Dù không so sánh được với những chủ nhân ở đô thị "Những đồng bằng phì nhiêu" (Las Vegas) tại U.S.A, nhưng cũng khá kếch sù! Tú Bà có những tay đàn em đểu giả loại Sở Khanh, sẵn sàng thực hiện âm mưu của mụ theo những hình thức tinh vi và qui mô, "song song ngựa trước, ngựa sau một đàng"; có hằng chục hay hằng trăm "tiểu Kiều", dầu không đắt giá như Kiều, nhưng chắc cũng chẳng rẻ, lại còn có cả lầu Ngưng Bích để sẵn sàng "khóa buồng xuân... đợi ngày đào non" cho những người muốn "thác trong" như Kiều.

Một tổ chức thanh lâu khác trong Đoạn Trường Tân Thanh là của Bạc Bà và bọn "đồng môn" ở Châu Thai. Tổ chức này, như Nguyễn Du mô tả, "cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người", qui mô chẳng kém gì tổ chức của Tú Bà. Và nên chú ý Lâm Chuy (Sơn Đông) và Châu Thai (Chiết Giang), nơi Tú Bà và Bạc Bà mở "hành viện", chỉ là những địa phương xa xôi, nói gì đến những nơi thị tứ! Lại suy theo cách ăn chơi của những khách du như Thúc Sinh:

"Trăm nghìn đổ một trận cười như không"

thì Tú Bà kiếm vào chắc không ít. Bọn Bạc Bà, Bạc Hạnh không phải quá đáng "nhất bản vạn lợi" như con buôn thường ước mơ nhưng cũng một vốn mười lời:

Xem người, định giá, vừa rồi
Mỗi hàng một, đã ra mười, thì buông.

Thế lực của tiền ở Đoạn Trường Tân Thanh còn được phơi bày ra trong hình thức đồng tình kết hợp của hai tầng lớp thương nhân và phong kiến.

Bản thân Thúc sinh là một tiêu biểu cho sự kết hợp đó. Thúc Sinh không những là một thương nhân giàu có, lại thuộc về giòng dõi quý phái:

Khách du bỗng có một người,
Kỳ Tâm họ Thúc, vốn nòi thư hương.
Vốn người huyện Tích, châu Thường,
Theo nghiêm đường mở ngôi hàng Lâm Chuy.

Cuộc hôn phối giữa Thúc Sinh và Hoạn Thư, con quan Chủng tể (Tể tướng) lại càng tiêu biểu hơn. Ngày trước, gia đình bên vợ và bên chồng phải là môn đăng hộ đối, nghĩa là không những giàu có tương đương, mà giáo dục và gia phong cũng giống nhau.

Có tiền và có quyền, Thúc Sinh hành động liều lĩnh, đem Kiều giấu diếm một nơi, bất chấp nghề ngón của Tú Bà:

Mượn điều trúc viện thừa lương,
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.

Rồi sau đó lấy tiền và thế lực để chính thức chiếm đoạt Kiều từ tay Tú Bà:

Rõ ràng của dẫn, tay trao,
Hoàn lương một thiếp, thân vào cửa công.

Cũng vì giàu và quyền thế nên Hoạn Bà và Hoạn Thư đã có "lũ côn quang", có "gia pháp nhà tao", coi giá trị con người chẳng hơn "con ong cái kiến", vu vạ cho Kiều những tính nết xấu xa: "mèo mả, gà đồng", "trốn chúa lộn chồng", để rồi xóa mất đi "căn cước" (identity) của Kiều theo ý muốn. Đổi họ, đổi tên, làm mất dấu tích, thay thế "thượng đế" bản xứ bằng một "thượng đế" mới là điều mà bọn người áp bức, hay thực dân xâm lược thường làm đối với kẻ yếu hèn hay dân bị trị. Cho nên Hoạn Bà đã đổi tên Thúy Kiều:

Hoa nô truyền dạy đổi tên,
Buồng the, dạy ép vào phiên thị tì.

Sau này Hoạn Thư cũng theo cách đó để "thủ tiêu" tình địch:

Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyền.

(Xin phân biệt việc tự ý đổi tên và việc bị áp đặt một tên mới)

Tiền ở trong Đoạn Trường Tân Thanh có một sức phá hoại ghê gớm. Tiền lũng đoạn quan trường, và như đã nói bên trên, nếu Vương ông không có tiền thì thằng bán tơ đã không "dở dói", sai nha chẳng ập vào nhà để "vơ vét" và Kiều đã sống một cuộc sống hạnh phúc.

Tiền cũng được dùng như một thủ đoạn chính trị, để thương lượng và mua chuộc. Hồ Tôn Hiến, một viên quan "Kinh luân gồm tài" đã dùng tiền bạc như một thứ vũ khí:

Đóng quân làm chước chiêu an,
Ngọc, vàng, gấm, vóc, sai quan thuyết hàng.

Lại riêng một lễ với nàng
Hai tên thể nữ, ngọc vàng nghìn cân.

Và thứ vũ khí tiền đó đã thành công. Từ Hải ra hàng vì nhiều lý do, trong số, có lý do quan trọng là Kiều đã xiêu lòng trước tiền. Nguyễn Du đã xác nhận:

Nàng thời thật dạ tin người,
Lễ nhiều, nói ngọt nghe lời dễ xiêu.

Tiền còn được nhắc nhở tới nhiều lượt nữa, điển hình một vài trường hợp sau đây: Trước lúc trốn khỏi Quan Âm các ở nhà Hoạn Thư, Kiều nghĩ đến tiền để phòng thân:

Chỉn e quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm đường ấm no!
Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.
Bên mình giắt để hộ thân...

Kiều dấn bước vào cuộc đời luân lạc, lòng nặng những lo âu; không thanh thản, vô tư như những kẻ bần hàn ngày xưa. Phạm Công, Lý Công..., dù thiếu thốn mọi bề, phải đi ăn mày để nuôi thân và để nuôi cả mẹ, nhưng luôn luôn tin tưởng, vẫn giữ vững được tinh thần để học hành và làm nên sự nghiệp.

Tiền là giải pháp cho mọi vấn đề, là phương tiện để trả ân trả nghĩa, là hình thức bày tỏ ý chí, tâm tình của mình. Kiều đã tạ lòng chàng Thúc bằng:

Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân.

Sư trưởng Giác Duyên cũng được thưởng tiền:

Nghìn vàng gọi chút lễ thường,

Về sau này, lúc quyết tâm đi tìm Thúy Kiều, Kim Trọng cũng nghĩ đến tiền như một phương tiện cần thiết:

Bao nhiêu của, mấy ngày đàng,
Còn tôi, tôi gặp mặt nàng mới thôi.

Qua rồi, ngày con người Việt hoàn toàn tin vào đạo đức nhân nghĩa, vui sướng trong thanh bần. Từ buổi giao thời của hai thế kỷ 18 và 19, con người bắt đầu tin và đã tin mạnh mẽ vào thế lực kim tiền.

Nhưng tin vào tiền: "có tiền mua tiên cũng được", không giống như tin vào Đức Phật cao siêu, Đức Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn, hay một đấng Thượng Đế toàn năng, có thể hỗ trợ cho chúng ta chống lại mọi cám dỗ của ma quỷ. Tin vào tiền có nghĩa là ý thức rằng tiền là một thế lực lớn trong xã hội, thường thường có tính cách tiêu cực, quỷ quyệt, tinh ranh, làm điên đảo cương thường, phá hoại đạo lý..., để rồi người tin có lúc phải cảm thấy ray rứt, chua xót, ê chề, sỉ nhục vì tiền.

Mà thật vậy, chẳng mấy lâu sau Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ và Cao Bá Quát, rồi Nguyễn Khuyến và Tú Xương... đều có những câu đối, những bài thơ, bài phú than nghèo, vịnh nghèo, mỉa mai, nguyền rủa đồng tiền, vì tiền không những phá hoại những lớp người yếu đuối như Kiều, tiền còn phá hoại ngay đến các kẻ sĩ, các nhà nho.

Nguyễn Công Trứ thường được xem như là nhà thơ ca tụng chí nam nhi và nhàn tản, nhưng một phần khá lớn thi phẩm của ông đã nói về cảnh nghèo, về tiền. Cứ lật bất cứ một cuốn sách giáo khoa nào của bậc trung học ở miền Nam Việt Nam trước 75, đều có thể bắt gặp những bài thất ngôn nói về Cảnh nghèo, bài phú Hàn nho phong vị, bài ca trù về kim tiền. Bài "Hàn nho phong vị phú" là một bức tranh sinh động mô tả cảnh cơ cực của một nhà nho cùng khổ và thái độ hợm hĩnh của bọn trọc phú:

"Than thì to to nhỏ nhỏ, ta đã mỏi cẳng ngồi trì;
Dần dà nọ nọ kia kia, nó những vuốt râu làm bộ."

Dù lời văn có tính cách châm biếm, cợt nhả; dù viện dẫn những tích người xưa, chàng Khuông, chàng Vũ... để giữ lòng bình tĩnh; dù cho rằng "khó bởi tại trời; giàu là cái số!", nhà thơ làng Uy Viễn vẫn không che giấu được nỗi chua chát của mình trước thế lực kim tiền. Cái phong vị của kẻ hàn nho chỉ còn là cái phong vị lẫn nhiều mùi xót xa, cay đắng. Đồng tiền trong thời Hồ Xuân Hương, trước Nguyễn Công Trứ không lâu, chỉ là "đồng tiền hoẻn", đến thời đại Nguyễn Công Trứ, "cái vật tầm thường ấy" đã trở thành một vị thần linh:

Khả quai tầm thường a đồ vật
Khước giao đáo để đại thần linh.

(Khá lạ cho vật tầm thường ấy, mà thành ra vị thần linh to).

"Ai cũng kẻ vì người yêu", vị thần linh ấy lại có quyền năng phi thường. Tiền không những xếp đặt yên ổn chuyện vợ chồng trong gia đình, giúp cho tài năng phát đạt ở đời này:

Đương om xòm chớp giật, sấm ran,
Nghe róc rách gió hòa mưa ngọt.
Kẻ tài bộ đã vào phường vận đạt,
Không ngươi cũng ải với cỏ cây...
(Vịnh Kim Tiền)

lại còn có thể giải quyết được những chuyện ở thế giới vô hình:

Tiếng xỏng xảnh đầy trong trời đất,
Thần cũng thông huống nữa là ai.
(Vịnh Kim Tiền)

Một bài phú thường được đối chiếu với bài "Hàn nho phong vị phú" là bài "Tài tử đa cùng phú" của Cao Bá Quát. Lời văn tài tử, bóng bẩy, thật xứng với danh thánh Quát, nhưng nội dung cũng đượm một nỗi niềm chua chát, buồn tủi, đậm đà hơn cả ở Nguyễn Công Trứ. Con người nghèo trong "Hàn nho phong vị phú" còn đứng ở bên rìa xã hội (marginal), còn có thể "mỏi cẳng ngồi chờ", đến "Tài tử đa cùng phú" thì đã mất hẳn chỗ đứng: "Song nghĩ lại trần ai không dếch chỗ." Cô đơn, trống trải, u buồn là số phận của kẻ không tiền:

"Lều nho nhỏ kéo tấm tranh lướp tướp, ngày thê lương, hạt nặng giọt mưa sa;
Đèn cỏn con gom chiếc chiếu lôi thôi, đêm tịch mịch, soi chung vừng trăng tỏ."

Kết hợp những vế này trong bài phú với câu đối dán ở nhà dạy học mới cảm thấy cái cô độc, lẻ loi của kẻ nghèo:

"Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái;
Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi."

Tiền đã xua đuổi con người đi vào một xã hội không còn là người nữa, nếu không hẳn là xã hội loài thú. Không có kẻ cảm thông, không có người thân thích, Cao Bá Quát, cũng như Kiều, vì tiền mà đã đi đến chỗ chỉ còn biết đối diện với chính mình:

Nghĩ mình, mình lại thương mình xót xa.

Bản thân mình và xã hội đều đượm một màu xơ

xác. Bài "Gặp người đói giữa đường" (Đạo phùng ngạ phu) mô tả một người thiếu cơm thiếu áo mà Cao Bá Quát đã gặp trên đường, nhưng người ấy cũng là thảm cảnh của chính mình, của lớp sĩ phu nghèo khó, thất thểu, tơi bời.

"Tiến vi quan, thối vi sư", thành đạt thì làm quan, không thành đạt thì trở về làm thầy, thầy đồ và thầy thuốc. Nhưng cả đám thầy thuốc đều không có bệnh nhân:

Kinh đô chẳng ai ốm...
Thầy thuốc từng đống ngồi.
(Đạo phùng ngạ phu)

Có thật người ở kinh đô đều khỏe mạnh? Mà kinh đô nào đây? Huế hay Thăng Long? Trước sức đe dọa của ngoại bang, trước loạn lạc lung tung trong nước, người ta chỉ khỏe mạnh vì lòng ích kỷ, vì biết nhắm mắt lại trước điều bất nghĩa, để có tiền, để sung sướng. Riêng chỉ có "đống" thầy thuốc, hạng người muốn chữa bệnh cho con người và cho xã hội, mới ốm đau, thất thểu; ốm vì nghĩ đến đạo đức, rồi từ đó ốm vì đói. Phương thuốc chữa căn bệnh này là xóa bỏ trật tự khác. Cao Bá Quát đã suy nghĩ như thế trong văn chương:

"Đừng thấy người bạch diện thư sinh;
Mà cười rằng đa cùng tài tử."

và trong thực tế cũng đã hành động theo ý nghĩ của mình:

Bình dương, Bồ bản, vô Nghiêu Thuấn,
Mục dã, Minh điều, hữu Võ Thang.

Tiền đè nặng lên giá trị con người, khí phách hiên ngang của kẻ sĩ, hay của con người nói chung đã bùng lên trước bần cùng nhưng để rồi tàn lụi dần!

Nguyễn Khuyến đã có một cái nhìn tổng quát về tiền. Ông nhớ lại chuyện xưa, rồi so sánh với chuyện ngày nay và hờn mát đồng tiền:

Có tiền việc ấy mà xong nhỉ?
Đời trước làm quan cũng thế ư?

Đó là một câu hỏi bao hàm nhiều ý nghĩa. Vì tiền mà quên mất công lý là chuyện đáng ngạc nhiên đời trước, nhưng trong thời buổi này thì có gì đáng lạ! Sự kiện tiền bẻ cong công lý đã trở thành thông lệ phổ quát:

Cậy cái bảng vàng treo nhị giáp
Nẹt thằng mặt trắng lấy tam nguyên

Tiền đã tàn phá sâu sắc đạo đức nhân nghĩa trong xã hội, không còn có phương thức để sửa chữa cũng như một cuộc cờ "không còn nước". Nguyễn Khuyến dành giả lơ, giả điếc, giả làm ông phỗng đá, ông tượng đất để giữ chút lòng ngay thẳng, trong sạch trước đồng tiền:

Ông đừng trông trời sướng thế ông,
Tơ vương chẳng bợn chút hơi đồng.
(Ông Tượng Đất)

Nhưng đến Tú Xương thì con người không thể nào không "bợn đến hơi đồng" nữa. Tiền bạc đã ngự trị trên hết. Chính Tú Xương đã nhận xét:

Phàm kim chi nhân duy tiền nhi dĩ

(Phàm người bây giờ chỉ thích tiền mà thôi). Con người bây giờ bị dập vùi, xơ xác theo tiền bạc. Bản thân Tú Xương, vợ con, gia đình ông, tất cả đều tan nát:

Bố ở một nơi, con một nơi,
Bấm tay tháng nữa hết năm rồi.
(Than thân)

Tiền đã phá hoại thể xác lẫn tinh thần của ông và của cả gia đình ông:

Bức sốt nhưng mình cứ áo bông
Tưởng rằng ốm dậy hóa ra không.
Một tuồng rách rưới con như bố,
Ba chữ nghêu ngao, vợ chán chồng.
(Mùa nực mặc áo bông)

Thời đại con người giữ khí phách hay dửng dưng trước đồng tiền hầu như đã đi qua, bây giờ chỉ còn nghe những lời van vỉ:

Van nợ có khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từng bữa toát mồ hôi.
(Than nghèo)

Cao Chu Thần, tuy không có chỗ đứng trong xã hội nhưng còn có một mái lều tranh, có vợ, có con chó cái, với dăm ba đứa học trò, Tú Xương thì hết sạch sành sanh, bán cả nhà, cả vợ lẫn con:

Khách hỏi nhà ông đến
Nhà ông đã bán rồi.
Vợ lăm le ở vú,
Con tấp tểnh đi bồi.

Con người vong gia thất thổ đó đã phải bó tay trước đồng tiền. Tất cả nghị lực, khí phách ngày xưa bây giờ chỉ còn là những lời chửi đổng hay cái ký ức tuy cảm động, nhưng thật mơ hồ về một người bạn cách mạng nơi chốn xa xăm:

Ta nhớ người xa cách núi sông,
Người xa xa có nhớ ta không?

Nhìn chung lại mà nói, tiền đã chính thức xuất hiện như một đề tài quan trọng trong nền văn chương của chúng ta vào buổi giao thời của hai thế kỷ 18 và 19. Từ bấy giờ cho đến cuối thế kỷ 19 là lúc mạt vận của văn Nôm, tiền đã tấn công tàn phá, dày xéo thân phận làm người. Trong Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du còn đứng ở ngoài cuộc như một người quan sát để nhìn tiền tàn phá con người và xã hội, dù con người và xã hội ấy đã có liên hệ chặt chẽ với ông. Từ Nguyễn Công Trứ trở đi, con người bị tiền đày đọa không phải là con người tha nhân, mà chính ngay là bản thân các tác giả. Khí phách hiên ngang của con người dần dần mất đi. Đến Tú Xương thì cuộc tàn phá của tiền hầu như đã hoàn thành, số phận con người trở nên bi đát, tài năng không còn đường tiến. Tiền đã xuất hiện trong văn học Tây phương đúng vào lúc tầng lớp tư sản (bourgeoisie) trở nên giàu có với cuộc đổi mới về kinh tế và cách mạng kỹ nghệ. Nhưng còn ở nước ta thì vì lý do gì mà tiền đã trở thành một đề tài quan trọng trong nội dung văn chương và tư tưởng? Nghiên cứu vấn đề này có lẽ là công việc của các nhà xã hội học, kinh tế học và sử học. Đứng về mặt văn học chúng ta chỉ nhận xét là thân phận con người và tiền đã quan hệ chặt chẽ với nhau trong thế kỷ 19 và trong lúc thế lực của tiền đã phát triển đi lên theo thời gian thì thân phận con người càng ngày càng sa sút, trở nên xơ xác, bi thảm.■

San Diego, mùa đông 1993

THAM DỰ 'BÀN TRÒN VĂN HỌC' TẠI SAO ANH VIẾT VĂN?

NGÔ THANH TÙNG

Ới ông Hoàng, ông Điểu ơi!
Hai ông cắc cớ hay giỡn chơi?
làm văn, làm nghệ thuật, là vào cuộc chơi
là quyết vào động tình, đi một mình
mấy ai ngưng yêu để tự hỏi tại sao yêu?
mấy ai đang làm tình, ngưng hỏi tại sao ta rập rình?
cứ thấy xa văn thì khỏe, nhưng nhớ nhưng thương
gần văn thì vừa mệt vừa khổ, nhưng sướng
xa văn thì thấy khô khan, vô dụng
gần văn thì tươi mát, nhưng mờ mắt, mỏi lưng
tại sao tôi viết văn ư?
tại vì tôi yêu nhân vật Sisyphus xứ Corinth
phải đẩy một hòn đá to lên đỉnh đồi, đá cứ lăn xuống
hắn lại lui cui, đẩy đá lên hoài
tại vì tôi lưng chừng, lừng khừng, nhí nhố
như khỉ ăn gừng, như Sơn Đông mãi võ
Exhibitionist đó mà! luật gia gọi là "công súc tu sĩ"
tại vì tôi chẳng làm cái quái gì ra hồn cả
làm văn không chừng sướng nhất
dĩ nhiên làm văn thì cũng chẳng ra trò gì sất
nhưng cái may của người làm văn hải ngoại là
viết lăng nhăng, không mấy ai quan tâm
tưởng độc giả nhiều lắm sao?
nghèo mà ham!
các nhà bình văn lại hiếm
đa số các nhà này, Ông Trời thường cho tuyệt tự
vì vậy tôi cứ yên tâm, ba hoa nhiều sự
viết nhí nhố tràng giang, không lưỡng lự
tại sao tôi viết văn ư?
tại vì Vũ Ngọc Phan đã chết ngắt
Sainte Beuve thì ngoẻo từ lâu
tất cả những gì tôi viết đều khá cả
chỉ riêng đối với ngày hôm nay thôi
với điều kiện là cấm đọc lại
nếu ngày mai sớ rớ, cầm lên liếc sơ sơ
tất phải hoại
tôi viết văn vì tôi đã tạm đủ ăn
vợ tôi thì vất vả tảo tần suốt năm
cho tôi viết lách, nằm đọc sách, ngáy phom phom
hình như bà ta sinh ra chỉ có tôi để trông nom
thời giờ còn lại, bà dành cho lũ con
nếu lâu lâu bà ấy mắng thì tôi im cái mồm
nếu tôi không nhờ cơ hội này mà làm văn
hóa ra phí mất cái đại duyên căn?
tôi sợ cái nghèo của Vũ Trọng Phụng
tôi sợ cái cùng của Lê Văn Trương
thành ra tôi rán tìm được một nghề kiếm cơm
rỗi rảnh thì nghí ngoáy cho xôm
Tôi viết văn là vì thế, chẳng có gì ghê gớm
quý vị đã rõ tại sao tôi viết văn.
Bây giờ tôi nhờ quý vị giải quyết giùm thắc mắc:
"mần răng
những gì ta đang lèm bèm, cổ nhân đều đã viết ra
hết thảy?"
Andrew Rooney đã than:
"trên cõi đời này, có một bọn người rất khùng
đó là bọn làm văn đấy
cứ đem tất cả cái ngu ngơ nông cạn hàng ngày
phơi bày hết trên mặt giấy
chúng nó và tôi viết lung tung như vậy
mà cứ tưởng là hay?"

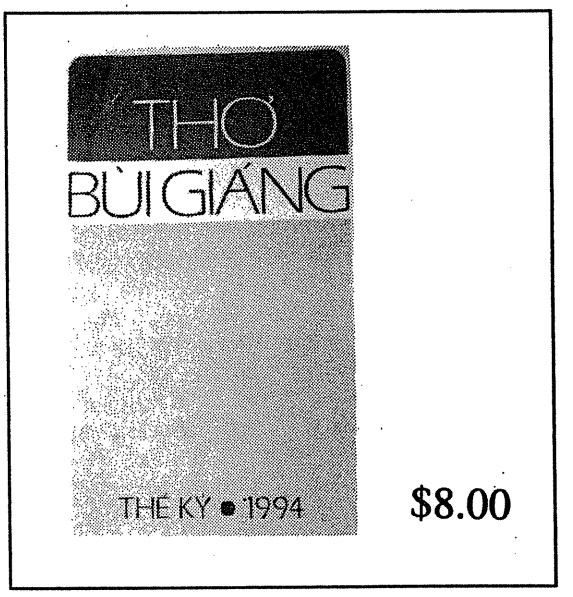

TẠI SAO TẠI SAO?

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Tại sao anh viết văn? Câu hỏi quen thuộc, tưởng đã nhàm, ngẫm kỹ, có cái gì là lạ. Tại sao không ai hỏi cái câu hỏi tại sao ấy với những người khác, với các chính khách, các bác sĩ, các luật sư, kỹ sư, hay với các nhạc sĩ, các ca sĩ, chẳng hạn? Có phải với những nghề ấy, vấn đề đã quá hiển nhiên? Đó là những nghề hoặc có tiền hoặc có danh hoặc có cả hai, đôi khi lại thêm quyền lực nữa. Người ta chỉ hỏi các nhà văn. Tại sao anh viết văn? Dường như người ta tò mò: trông anh (hay chị) cũng là người học thức, thông minh, tại sao không chọn một nghề nào cho nhàn nhã lại dại dột lao vào chốn đoạn trường, không những hành hạ mình mà còn đày đọa cả vợ con? Tại sao anh biết, như Nguyễn Vỹ từng than, *nhà văn An Nam khổ như chó*, vậy mà anh vẫn cứ mơ mộng làm văn sĩ? Tại sao anh biết, như Nguyễn Minh Châu từng thú nhận, con đường văn chương là con đường nhục nhằn, đau xót, vậy mà anh cứ đeo đuổi mãi? Tại sao anh biết, như Nguyễn Du từng ngậm ngùi, thơ văn chả có ích lợi gì, *nhất sinh tự phụ tri vô ích*, vậy mà anh cứ lầm lũi viết lách? Tại sao? Cái câu hỏi tại sao ấy, từ phía độc giả, như một lạ lùng; từ phía nhà văn, cứ như một niềm nhức nhối.

Dù sao, nó cũng tương đối dễ trả lời nếu viết văn chỉ có nghĩa là cầm bút. Lúc ấy, lý do viết văn, với người này là vì nhiệt tình cách mạng, muốn dùng ngòi bút làm vũ khí tranh đấu cho tự do, dân chủ hay công bằng xã hội; với người kia là vì tham vọng quyền lực, dẫu chỉ là thứ quyền lực hoang tưởng như Nguyễn Mộng Giác từng phân tích trên một số Văn Học nào đó. Thế nhưng khó mà chấp nhận cái quan niệm dễ dãi và hồ đồ ấy. Mấy ông Tàu ngày xưa sẽ cãi lại ta: văn, với họ, là sự hài hòa của màu sắc, phải rực rỡ, là văn thái trước khi là văn từ. Mấy ông Tây sẽ cãi lại ta: văn, với họ, là mỹ văn (belles-lettres), nghĩa là phải đạt được một trình độ nghệ thuật nhất định. Và chính ta cũng sẽ cãi lại ta: ta không từng so sánh văn với tơ, với gấm, hoặc nói theo lời Hoàng Đức Lương, là *"sắc đẹp ngoài mọi sắc đẹp; là vị ngon ngoài mọi vị ngon, không thể đem mắt tầm thường mà xem, miệng tầm thường mà nếm được"* đó sao? Tự dưng tôi nhớ đến Hoài Thanh, năm 1935-36, khi cãi nhau với Hải Triều về vấn đề nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh, một lần lớn giọng: *"Văn chương là vật quý có đâu được nhiều thế!"* Hơi chanh chua. Nhưng đúng. Phải đâu cứ hễ có chữ là tự nhiên có văn.

Nhưng nếu hiểu viết văn theo nghĩa hẹp như vậy, câu hỏi sẽ trở thành phức tạp vô cùng. Người xưa thường giải thích: họ viết văn làm thơ là vì có những *"tiếng sóng ở trong lòng"*. Cái "tiếng sóng" ấy, có người gọi là chí, có người gọi là tình. Theo Lê Quí Đôn, mắt nhìn cảnh vật và sự đời, lòng bỗng dưng rung động, văn chương từ đó bật ra. Ngô Thế Lân từng ví tâm hồn nhà thơ như một cây trúc, gió đến thì trúc kêu; gió im thì trúc lặng, cho nên ông mới đặt tên tập thơ của ông là *Phong trúc tập*. Sau này, Mallarmé, Dylan Thomas và nhiều nhà thơ Âu Mỹ khác cãi lại: người ta làm thơ, viết văn trước hết là vì yêu chữ, yêu cái âm vang của chữ chứ không phải vì có điều gì để nói. Có lẽ đúng. Thế nhưng tại sao bao nhiêu người thiết tha với chữ nghĩa lại không hề viết văn, chỉ bằng lòng với việc đọc văn, thưởng văn? Rồi tại sao bao nhiêu người đã từng viết lách bỗng có lúc *"phút linh cầu mãi không về"* dù tình yêu đối với chữ nghĩa không hề phôi pha chút nào?

Tôi vừa nhắc đến một câu thơ của Hồ Dzếnh. Đó cũng là một quan niệm phổ biến ở Hy Lạp thời cổ đại, nghĩa là hơn hai ngàn năm trước: cảm hứng là một hình thức của sự điên loạn, hoặc nhẹ nhàng hơn, một trạng thái thần nhập. Chính Plato cũng tin thế, trong quyển Ion, và Aristotle từng lặp lại trong quyển Poetics và quyển Rhetoric. Bây giờ không mấy ai tin như vậy nữa. Thì người ta lại đổ cho vô thức. Viết văn, theo E.M.Forster, là lặn sâu vào vô thức, là thu lượm từ vô thức những gì bình thường vượt ra ngoài tầm tay rồi đem pha chế với những kinh nghiệm hằng ngày để tạo thành tác phẩm văn học. Một trong những bí quyết làm thơ của Huy Cận là biết *"chụp lấy những sự tình cờ đẹp đẽ"* bất thần lóe lên trong óc. Hoàng Cầm kể nhiều bài thơ của ông chỉ là bản chép những tiếng nói thầm bên tai vào những lúc chập chờn sắp ngủ. Ngay cả khi nhà văn rất tỉnh táo, ngồi ngay ngắn trước bàn làm việc với computer, anh ta cũng chỉ viết văn theo những tiếng nói thầm nào đó trong anh mà thôi. Lý trí chỉ giúp được một phần rất nhỏ. Điều chỉnh. Cắt xén. Sắp

xếp. Khi tiếng nói thầm ấy tắt, dù có đề cương, có tài liệu trước mắt, anh cũng khoanh tay. *Quẩn quanh chỉ tốn thuốc lào...*: kinh nghiệm của Tản Đà đấy. Điều này, có lẽ, phần nào giải thích được hiện tượng vì sao các nhà văn hay có tật nói khoác: anh ta lúc nào cũng ngạc nhiên trước tác phẩm của mình. Một kỹ sư không ngạc nhiên đến thế khi nhìn cái máy mình chế tạo ra: anh ta đã hình dung được nó từ trước, ngay trong dự án. Với nhà văn, trong công việc sáng tác, tình hình lại khác. Không có dự án, không có thi công. Chỉ có vấn đề viết được hay vất bỏ. Cho nên cái câu nói nổi tiếng của Boileau "*cái gì được suy nghĩ rõ ràng thì viết ra trôi chảy*" chỉ đúng với trường hợp những người viết văn... dở, kiểu học sinh làm luận. Với nhà văn, mỗi chữ là một bất ngờ; mỗi câu là một sửng sốt. Ngay cả khi viết xong điều đắc ý, anh ta vẫn còn bàng hoàng: anh ta cần lời khen của người khác hoặc của chính anh ta để tự tin vào mình.

Tại sao anh viết văn? Các nhà văn sẽ không trả lời được đâu. Cũng như họ không trả lời được tại sao họ viết thế này mà không viết thế kia. Tất cả đều mù mù mờ mờ như cái thôn Vĩ Dạ trong thơ Hàn Mạc Tử: "*Áo em trắng quá nhìn không ra*". Cho nên, Xuân Diệu, trong *Lời thơ vào tập gửi hương*, sau khi ví mình như "*con chim đến từ núi lạ, ngứa cổ hát chơi*", đã dặn dò người đọc: "*Hãy nghe lấy. Còn như sao rỉ rả / Hỏi làm chi! Tôi không biết trả lời.*" Không chừng Nguyễn Bính Khiêm và Ngô Thì Sĩ khôn ngoan khi cho mình làm thơ chỉ vì mắc bệnh nghiện thơ. Nghiện. Thế thôi. Bởi vậy, vai trò của nhà phê bình mới được coi là cần thiết. Cần thiết không phải ở chỗ anh ta đánh giá được tác phẩm này hay, tác phẩm kia dở; mà chủ yếu là ở việc anh ta có thể giải thích được, diễn dịch được những gì nhà văn chỉ thấy một cách thật mơ hồ, bằng trực giác. Một bài phê bình hay có thể giúp cho độc giả hiểu rõ và sâu cái hay, cái đẹp của một tác phẩm. Đã đành. Nó còn giúp cho tác giả, các nhà văn nhà thơ, tự giác hơn về chính những gì mình viết ra trong ánh chớp của cái gọi là cảm hứng.

NGUYỄN TƯ

HẠ KỲ LẦN CUỐI

Đưa tay lần cuối cùng chào
Ngọn cờ ba sọc, hôm nào rã binh...
Hàng quân ngơ ngác lặng thinh
Nghe lòng rách nát như tình nước non!
Ngựa hồng đã mỏi chân bon,
Súng gươm xếp lại, thôi còn chi đâu!?
Mấy năm hùng cứ biên đầu,
Bây giờ đã trở thành câu "qui hàng"...
Mắt rưng rưng lệ cờ vàng,
Tiếng hô xét nát ruột gan thân này:
"Hạ kỳ!" súng bắt đều tay,
Xin chào đất nước giờ đây tơi bời!
Làm trai, cũng hết một thời
Kiếm cung dẫu đã một thời đao binh!
Những mong Tổ Quốc yên bình
Giờ, sao lại thấy lòng mình xót xa!?...

30-4

Tại sao anh viết văn? Vẫn biết đó là một câu hỏi cũ kỹ, quen nhàm, nhưng thường, theo kinh nghiệm và sự hiểu biết của tôi, nó gắn liền với hai hiện tượng đặc biệt: một là, nó chỉ cất lên vào những lúc văn học bị khủng hoảng, bị bế tắc, đang ở đường cùng; hai là nó chỉ được đặt ra giữa giới viết văn với nhau: anh nhà văn này hỏi anh nhà văn kia "tại sao anh viết văn?" Độc giả hiếm khi hỏi như vậy lắm. Nếu hỏi, họ chỉ tò mò: "anh viết văn như thế nào?" Để, có lẽ, may ra, bắt chước được chút gì.

Tại sao Nguyễn Xuân Hoàng hỏi các nhà văn "tại sao anh viết văn"? Không lẽ sau một thời gian mải miết làm "người đi trên mây", anh bỗng thảng thốt tự ngờ vực mình rồi tự dày vò mình; bế tắc, anh loay hoay tìm hỏi người khác? Một câu hỏi đầy bứt rứt, hơn nữa, có thể nói, thê lương. Đó không phải là sự hoài nghi đối với tài năng của mình, đối với tác phẩm của mình. Như Tolstoy: Liệu một trăm năm sau còn có ai đọc tôi nữa không? Đó không phải là sự hoài nghi đối với ích lợi của văn học trong cuộc sống của mình. Như Nguyễn Du: *Văn tự hà tằng vi ngã dụng*? Như Nguyễn Khuyến: *Sách vở ích gì cho buổi ấy?* Đó cũng không phải là sự hoài nghi đối với công dụng của văn học đối với xã hội. Như cái câu hỏi Viên Linh đặt ra trên tạp chí *Thời Tập* cách đây mấy năm: sứ mệnh của văn học là gì? Ở tất cả những câu hỏi trên, nhà văn còn tin một điều: văn học vẫn là một cái gì đó khá quan trọng giữa cuộc đời. Để tò mò. Để yêu sách. Hoặc để thất vọng. Còn câu hỏi tại sao anh viết văn? Đó là sự hoài nghi đối với văn học nói chung. Nhà văn không những đánh mất niềm tự hào, anh ta còn đánh mất cả sự thanh thản, sự bình yên khi cầm bút. Ý nghĩa thực sự của câu hỏi trên là: tại sao anh vẫn mê mãi viết lách trong một thời buổi văn học chỉ còn là tiếng hú giữa hư không?■

TẠI SAO VIẾT?

THẾ UYÊN (Seattle)

Viết văn đã lâu nên tôi xin được dùng kinh nghiệm cá nhân để trả lời.

Khi còn trẻ, vào một thời điểm nào đó, tự dưng tôi bị một xung động, một thúc đẩy từ bên trong là phải viết ra một câu truyện. Và tôi đã cầm bút lên viết đoạn mở đầu cho truyện ngắn này trên một tờ giấy vở học trò — lúc đó tôi đang coi cho học sinh thi lục cá nguyệt ở trường trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho. Rồi vẫn thứ thúc đẩy nội tâm ấy làm tôi viết tiếp vài truyện ngắn nữa. Truyện được bạn bè khen là được rồi được đăng trên tạp chí Tân Phong.

Nhìn thấy bài của mình trên trang báo, tôi thấy một thứ thú vị. Chính thứ thú vị này — mà tôi vẫn còn thấy đến tận ngày nay dù nhẹ nhàng hơn — thúc đẩy tôi viết tiếp. Nói cách khác, qua bài đã được đăng, tôi cảm thấy cái tôi, một phần một khía cạnh của cái mà Anh ngữ hay dùng chữ *self* để diễn tả ấy đã được chuyển giao tới người khác. Nói một cách khác, nhà văn viết vì một nhu cầu cảm thông, giao tiếp với những người khác. Chính bởi nhu cầu ấy nhà văn bị thôi thúc phải phổ biến những gì mình viết, càng rộng càng tốt.

Nhưng thứ nhu cầu chuyển giao và cảm thông với người khác thường có tính cách tương đối. Không bắt buộc là phải có một quần chúng độc giả đông đảo. Những Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... không có phương tiện in ấn như hiện nay, nhưng mang tác phẩm của mình, thí dụ như những bài thơ bài hát nói phổ biến trong một đám thân hữu, hay một buổi hát ả đào, các cụ ấy hẳn cũng đã hài lòng. Tôi cũng có thời kỳ lâm vào hoàn cảnh không được phép ra sách báo công khai, thí dụ như thời kỳ hoạt động của nhóm văn hóa Thái Độ trong thập niên 60, thì cùng bạn bè quay roneo vài trăm bản, phổ biến chuyền tay, cũng thấy thỏa mãn rồi.

Cũng bởi thế gần đây thấy một nhà văn trẻ bàn về tình trạng xuất bản trì trệ ở hải ngoại, than rằng viết văn bây giờ có vẻ như chỉ để giới cầm bút thưởng ngoạn với nhau, tôi đã không đồng ý cho lắm. In một cuốn sách từ 500 đến 1000 bản phổ biến lai rai trong nhiều năm, cũng là được rồi, đáng công ngồi viết lắm. Nhất là những người thưởng ngoạn mình là những người cùng giới, có trình độ hẳn hoi.

Nói như thế không có nghĩa là tôi không mơ ước mở rộng số độc giả của mình hơn nữa. Thí dụ như tác phẩm của mình được dịch sang Anh ngữ Pháp ngữ hay được phổ biến tại nội địa. Danh tiếng và tiền bạc cũng quyến rũ lắm chứ, nhưng là những thúc đẩy đến sau, như một tưởng thưởng, khuyến khích thôi.

Sở dĩ tôi nói như vậy bởi vì căn cứ vào cá nhân mình, tôi viết vì những xung động nội tâm, những thúc đẩy bên trong là chính. Nhưng cũng xin ghi chú là những xung động này không bắt buộc chỉ thuần túy có tính cách nghệ thuật, mà còn là những xung động loại khác, thí dụ như một lý tưởng, một lòng ham muốn truyền thụ những gì mình biết là đúng là hay cho đồng loại. Với loại viết này, lắm khi sự tưởng thưởng không phải là những lời khen của độc giả hay tiền bạc, mà là những phản đối chê trách, đôi khi cả những phỉ báng mạ lỵ, tù đầy và chết chóc nữa. Nhưng không sao, điều căn bản là "nói ra" thì đã làm được rồi. Và đó mới là điều thực sự quan trọng cho một nhà văn, nhất là một nhà văn có tư duy có sáng tạo — hẳn có phải chống cả một triều đình triều đại hay một chế độ, một giai cấp hay một tôn giáo, hẳn vẫn cứ viết ra những điều phải viết như thường.

Viết văn đã hơn 30 năm, tôi vẫn chưa bao giờ làm một nhà văn chuyên nghiệp cả — hiểu theo nghĩa là sống chỉ để viết và sống bằng tác quyền. Viết, luôn luôn chỉ là một khía cạnh sống, một trong những cách thế sống, hiện hữu của tôi thôi. Ngay cả khi đã tới định cư ở Hoa Kỳ, tôi vẫn đi học và dạy học là chính, rảnh ra mới ngồi viết. Nhưng tuổi càng cao, tôi lại càng cảm thấy nhiều quyến rũ trong việc viết lách hơn xưa. Bây giờ tôi thấm thía hơn thứ cảm giác viết là sống lại cuộc đời của mình một lần nữa theo một cách thế khác, sống ké thêm vào cuộc đời những người khác mà tôi đã mượn để sử dụng làm căn bản cho các nhân vật của mình. Sung sướng vì thân xác người nam của mình trong tình yêu và tình dục là một thú vị, nhưng đặt mình vào thân xác một người nữ (qua nhân vật văn chương tất nhiên) để rung động theo một thân thể khác, tâm hồn khác, cũng là một điều thú vị không kém.

Nếu có điều gì để nói thêm thì là một điều sau: Bây giờ tuổi đã cao, tôi lại bắt đầu thích viết truyện ngắn truyện dài hơn những năm về trước. Nhưng nói như thế không có nghĩa là tôi đang nhằm viết những "tác phẩm để đời" đâu. Không một nhà văn nào có thể biết trước được tác phẩm của mình có lưu truyền lâu dài hay là không. Bởi thế tôi vẫn viết theo những xung động nội tâm, những tư duy, những lập trường của mình lúc này đây về mọi địa hạt của con người. Được khen, tôi thích thú và cám ơn. Bị chê, cũng chẳng sao vì điều tôi định nói ra đã được nói ra rồi.■

VÀI Ý NGHĨ VỀ TẠI SAO VIẾT VĂN

NGUYỆT TRÌ

Viết văn là một cách thế bày tỏ tâm tình, khát vọng, nhân sinh quan, vũ trụ quan, lập trường tư tưởng và thái độ trước cuộc đời để tác dụng vào đời. Vì vậy, một người khi viết văn không thể không có mục đích dù động cơ thúc đẩy chỉ là muốn thoát ly, quên đời hay giải tỏa mặc cảm, ẩn ức tâm, sinh lý.

Văn chương là phương tiện chuyên chở tư tưởng, phản ánh hiện thực cuộc sống theo nghĩa bày tỏ, biểu hiện vì nhà văn khi sáng tác lấy chất liệu để xây dựng tác phẩm từ cuộc đời, từ hoàn cảnh xã hội, thời đại mà họ đang sống. Do đó, tác phẩm nào cũng phản ánh ít nhiều nếp sống, tâm tư, tình cảm của thời đại đó; đồng thời dù nhà văn có cố giữ tính cách khách quan khi sáng tác, xây dựng nhân vật, tác phẩm cũng thể hiện ít nhiều lập trường tư tưởng, quan niệm về cuộc đời của tác giả.

Con người và cuộc đời là đối tượng tổng quát của văn chương. Và nếu văn chương phản ánh xã hội, thời đại thì nhà văn phải là người lịch duyệt, lăn lóc chốn phong trần và nhiều kinh nghiệm sống mới mô tả linh động và sâu sắc được. *Văn phi sơn thủy vô kỳ khí. Nhân bất phong sương vị lão tài*. (Trần Bích San). Sống nhiều, yêu con người, tha thiết với đời chưa đủ; nhà văn cần có óc quan sát tinh tế, nhạy bén trước những biến đổi của sự vật, thời thế để lãnh hội nhanh mọi khía cạnh, sắc thái phức tạp của cuộc sống: từ sự biến dịch của vũ trụ, không gian, thời gian đến con người với tâm hồn phức tạp và đầy mâu thuẫn. Để lãnh hội đúng đắn, nhà văn cần phải có lập trường và ý thức khi nhìn vấn đề. Nhà văn có thể theo khuynh hướng lấy con người làm mục tiêu để viết văn; nghĩa là nhằm phục vụ con người, đề cao những giá trị nhân đạo, tố cáo, phản kháng chống lại những quyền lực, những chế độ độc tài, bất công đã bóc lột, chà đạp giá trị con người. Khuynh hướng này đặt ra vấn đề là nhà văn cần sáng suốt nhận định để biết mình nên đứng về phía nào để tranh đấu bênh vực con người. Điều này nói lên sứ mệnh cao cả của người cầm bút. Theo khuynh hướng này, tác phẩm văn chương phải biểu hiện những khát vọng chính đáng, những niềm tin và những ước mơ cao đẹp của con người trong một hoàn cảnh nhất định, hoặc phơi bày, vạch trần những âm mưu nhằm đe dọa, tiêu diệt giá trị con người. Con người và cuộc đời là đề tài vô hạn của văn chương. Do đó, văn chương hàm chứa giá trị nhân bản gắn liền với chủ nghĩa nhân đạo vì qua văn chương, nhà văn thể hiện sự tôn trọng giá trị con người, chống lại mọi hình thức bóc lột, chà đạp, đàn áp và khinh rẻ con người. Nếu viết văn với mục đích phục vụ con người thì nhà văn phải là người yêu công bằng, yêu lẽ phải, yêu con người, tha thiết và gắn bó với con người, với cuộc đời. Vì trong bất cứ một xã hội, thời đại nào cũng có những bất công, vô lý. Nhà văn là người nhạy cảm, bất bình trước những cảnh đời trái tai gai mắt và đây chính là động cơ thúc đẩy người cầm bút thực hiện sứ mệnh cao cả của mình.

Cuộc đời là một sân khấu vĩ đại trong đó những bi hài kịch của kiếp người trình diễn không ngừng. Người cầm bút muốn phản ánh cuộc đời một cách trung thực không thể không nhận thức tính cách bi đát của những tấn kịch đời theo cái nhìn của nhà văn, không phải là một quan tòa, hay nhà luân lý, đạo đức. Nói cách khác, nhà văn là một chứng nhân chỉ ghi lại, dựng lên một cảnh đời nhất định và qua đó khêu gợi cảm xúc con người bằng cách trình bày cuộc đời như một bi kịch mà không phê phán, không kết án hay buộc tội con người như tòa án, như nhà đạo đức, giáo dục. Một người đàn ông giết vợ vì vợ ngoại tình đáng tội chết theo cái nhìn của quan tòa, của quần chúng; nhưng nhà văn muốn trình bày cuộc đời, hoàn cảnh và những sự kiện xảy ra của kẻ sát nhân kia như một bi kịch. Dĩ nhiên, nhà văn không thể phủ nhận tính cách pháp lý của tòa án vì nhà văn đứng về phía lẽ phải, phía công lý và công phẫn trước những gì sai trái với lương tâm,

TRẦN HỒNG CHÂU

HÀNH TRÌNH

em có nghe lá đỏ gợn sao khuya
em có nghe nắng sớm hỏi mây chiều
anh nhớ mênh mông hồn rợn sóng
anh nhớ héo hon thiên đường gần
môi em biểu tượng
mình em trầm hương
gót chân lãng đãng
đếm bước hẹn hò...

mỗi ngày nhìn mắt em
lênh đênh màu ấn tượng
thời gian có ngưng đọng
trăng nước có ngưng dòng?

mỗi ngày có mấy chiều lập thể
ôi mê đắm những phút nhiệm màu
mỗi chiều có mấy giờ biểu hiện
nữ thần kiều diễm ướt áo xiêm!

đi vào hồn đêm và giấc mơ em
dạ lan hương

vào em đỉnh trời hun hút
vào em thung lũng tuyệt vời
vào em cuộc đời cháy vụt
vào em vực thẳm đê mê!

thôi hết chảy thời gian tư duy
không gian cô đọng điểm vô hình
gió mây quấn quít
trăng sao im lìm
đây giờ hiện hữu
chúng ta chết lịm cái chết nửa vời
petite mort
cái chết khả ái tuy hai mà một
của tình yêu cũ kỹ như trái đất
nhưng vẫn mới tinh khôi ngày mở hội

rồi ngày mai lại thấy chúng ta loài cộng sinh tình ái
vẫn sẵn sàng cho một hành trình mới
về vùng cái chết nửa vời
cái chết khả ái của tình yêu
cho mưa đêm lại dồn dập chảy xuống những đồng cỏ nồng cháy
những thung lũng rạo rực màu ân ái
những trái đồi say cuồn cuộn mùi thảo dã thịt da
cho ghi thêm những trang mới tinh vào tình sử trần gian
cho hoa vẫn nở
trăng vẫn sáng
và cuộc Hành Trình lớn
vẫn tiếp tục
theo nhịp bánh xe
ngàn đời yêu mê!

đạo đức làm người; nhưng nhà văn cũng muốn nhìn kẻ sát nhân kia như những người khốn nạn đang hối hận, đau khổ vì hành động nông nổi, thiếu suy nghĩ của mình. Với cái nhìn của nhà văn, người đàn ông đang bị giày vò vì giết vợ là nạn nhân trong một bi kịch sống. Con người là một thực thể phức tạp, khó hiểu, khó phán đoán. Thiên thần và ác quỷ cùng cư ngụ trong tâm hồn của con người. Tốt, xấu hòa vào nhau, lẫn vào nhau khó phân biệt được. Vì vậy, khó có thể kết án tội nhân là người xấu, đầy tội ác. Hai bài thơ The Lamb và The Tiger của nhà thơ William Blake đã nói lên hai hình ảnh tương phản: Thiện và Ác cùng ẩn náu trong cùng con người. Nhà văn Thomas Wolfe đã trích ba khổ thơ của bài thơ The Tiger để minh họa trong truyện ngắn The Child By Tiger của ông. Dick, nhân vật chính trong truyện là người da đen được mô tả như một người đa tài, có một cuộc sống ngăn nắp, sạch sẽ, chừng mực và là một tín đồ rất ngoan đạo. Hắn phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ trong nhiều năm. Sau khi giải ngũ, hắn hăm hở xin việc làm. Hắn có thể làm bất cứ việc gì với bất cứ đồng lương nào cũng được. Gia đình Stepphertons nhận hắn làm tài xế. Gia đình này rất tin cậy và yêu mến hắn kể cả đám thiếu niên da trắng rất khâm phục tài thiện xạ và đá banh, chụp banh tài tình của hắn. Ông bà Stepphertons có nuôi một cô đầu bếp người da đen tên là Pansy Harris. Cô ta đẹp, duyên dáng và đã có chồng. Dick và Pansy tuy ở cùng một nhà nhưng họ chưa bao giờ nói chuyện với nhau. Không ai thấy Dick tán tỉnh cô ta và cô ta cũng không hề để ý đến Dick. Bỗng trước Giáng Sinh, Pansy thình lình xin thôi việc mà không cho biết lý do khiến ông bà Stepphertons rất thắc mắc. Khoảng mười giờ tối cùng ngày Pansy nghỉ việc, Dick tìm tới nhà Pansy. Những gì xảy ra giữa hai người không ai biết. Khi chồng của Pansy

thình lình trở về, Dick vẫn bình tĩnh và hai người đàn ông ngồi uống rượu nói chuyện với nhau, vui vẻ dù hai người chưa bao giờ quen biết nhau. Sau đó, án mạng xảy ra. Dick giết chồng của Pansy. Được báo động, cảnh sát đến và Dick đã lần lượt hạ sát sáu viên cảnh sát và một người đàn ông da đen trong vùng. Hắn bị truy lùng rất gắt. Sau khi bắn viên đạn cuối cùng, hắn bình tĩnh ngồi xuống bên bờ sông tháo giày để ngay ngắn một bên rồi đứng dậy trong tư thế của một người lính trước sự ngạc nhiên của mọi người. Cuối cùng, hắn bị hành hình một cách dã man. Sau khi giết hắn, đoàn quân bao vây treo thi thể hắn lên cây để đám đông nhả như điên những loạt súng căm thù vào cái xác không hồn của hắn. Rồi người ta đem xác hắn về làng để dân làng tùng xẻo. Dân chúng trong vùng bàn tán xôn xao về nguồn gốc, cuộc đời hắn, mỗi người mỗi ý nhưng chỉ có tác giả, người kể chuyện biết hắn từ đâu tới. *He came from darkness. He came out of the heart of darkness, from the dark heart of the secret and undiscovered South. He came by night, just as he passed by night. He was night's child and partner, a token of the other side of man's dark soul, a symbol of those things that pass by darkness and that still remain, a symbol of man's evil innocence, and the token of his mystery, a projection of his own unfathomed quality, a friend, a brother and a mortal enemy, an unknown demon, two worlds together— a tiger and a child.*

Phillip, chàng sinh viên y khoa bị thọt chân trong truyện Of Human Bondage của William Somerset Maugham là hiện thân của tác giả, yêu tha thiết cô gái điếm có nhan sắc và tâm hồn rất tầm thường. Chàng bị cô ta hất hủi, gạt gẫm và phản bội trắng trợn nhưng Phillip vẫn yêu nàng say đắm. Dù biết cô ta lợi dụng mình, Phillip đã nhiều lần tìm cách giúp đỡ lúc cô ta lâm vào cảnh túng cùng. Với tấm lòng nhân hậu, bao dung như thế mà đã có lần túng quẫn không có tiền trả tiền nhà, tiền cơm, chàng đã thầm ước sao cho chú chàng chết để chàng hưởng gia tài. Ranh giới giữa thiện và ác trong con người rất khó thấy. Đôi lúc chính con người cũng không thể hiểu nổi tại sao mình có thể làm những chuyện bất lương như thế. Trong chuyện ngắn Chí Phèo của Nam Cao, Chí Phèo, Năm Thọ và Binh Chức là những nông dân hiền lành, chất phác. Vậy mà bỗng dưng trở thành những tên côn đồ, giở giọng uống máu người không tanh. Cuối cùng, Chí Phèo và Năm Thọ chính là những kẻ sát nhân. Với những cảnh đời được mô tả trong tác phẩm, nhà văn không kết án, buộc tội tội nhân mà chỉ nêu lên một khía cạnh của cuộc đời, khơi dậy lòng yêu thương, giận ghét của độc giả bằng cách hiện thực sinh động và sâu sắc những cảnh đời của bi kịch. Điều đau đớn là không thể yêu hoặc ghét một cách đơn giản, một chiều vì con người có thể tốt mà cũng có thể xấu. Tốt hay xấu đều do ảnh hưởng của môi trường sống, do tác động tình cảm, tâm lý xã hội. Nhà văn chọn con người và cuộc đời làm đối tượng để viết văn theo chiều hướng trung thực với tâm hồn đầy mâu thuẫn, phức tạp là cách thế thể hiện tính bi đát của kiếp người. Vì vậy, những tác phẩm văn chương lớn bao giờ cũng chan chứa tình nhân đạo và có giá trị nhân bản đích thực.

Trong hoàn cảnh lưu vong của người Việt hôm nay, viết văn cũng là một cách để bảo tồn ngôn ngữ và duy trì tình tự dân tộc. Đây cũng là một sứ mệnh cao cả của người cầm bút đối với sự tồn vong của dân tộc. Người cầm bút ở hải ngoại hoàn toàn có tự do để sáng tác theo lập trường, quan điểm của mình. Tuy nhiên, sự tự do ở đây có nghĩa nhà văn có quyền thể hiện những khía cạnh của cuộc đời, những suy tư về kiếp người như một tác phẩm văn chương. Kiếp ăn nhờ ở đậu của người Việt tị nạn cũng là đề tài rộng lớn của văn chương vì văn chương gắn liền với con người. Nhà văn mô tả, hiện thực cuộc sống đa diện hôm nay theo cách thế riêng của họ để phục vụ cộng đồng nhưng sứ mệnh của nhà văn không chỉ dừng tại đó mà là duy trì tình tự dân tộc bằng cách làm sống lại những giá trị tinh thần, nối kết quá khứ với hiện tại qua việc phản ánh những sinh hoạt hằng ngày của cộng đồng trong những hoàn cảnh nhất định. Nhà văn dùng ngôn ngữ, văn từ để ghi lại, dựng lại một cảnh đời trong một không gian, thời gian cố định đã vĩnh viễn hóa thời khắc hiện tại đó. Thời gian cứ trôi theo sự vận hành của vũ trụ. Con người và cuộc đời thay đổi nhưng tâm tư tình cảm, những rung động được ghi lại trong các tác phẩm văn chương vẫn còn mãi và đây chính là sợi dây nối liền các thế hệ. Ngày nay đọc lại truyện ngắn Làm Lẻ của Mạnh Phú Tư, chúng ta không thể không ngậm ngùi nghĩ đến thân phận người phụ nữ nói chung trong chế độ phong kiến thối nát hoặc truyện Một Đám Cưới của Nam Cao hẳn không ai không bùi ngùi cảm thương cho số phận con người sống trong cảnh đời tối tăm, nghèo khó.

Trong kho tàng văn chương bình dân, không thiếu những câu hò, câu hát vẫn còn sống mãi trong lòng mỗi chúng ta. Ngày nay đọc lại những câu ca dao như:

Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.

hoặc:

Sáng trăng trải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ.

Chúng ta có thể hình dung được cảnh đẹp của bức tranh quê dưới ánh trăng thanh bình và vẫn cảm được những rung động về tình tự quê hương để thấy có cái gì gắn bó, gần gũi như sợi dây vô hình ràng buộc chúng ta với đất nước, với con người.

Văn chương không là một công cụ để phục vụ cho chế độ theo quan niệm của người cộng sản mà văn chương chỉ phục vụ cho dân tộc trong một chế độ và hoàn cảnh nhất định. Nhà văn đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy văn hóa và duy trì tình tự dân tộc. Với sứ mệnh cao cả là phục vụ con người và phục vụ dân tộc, nhà văn không thể thờ ơ với trách nhiệm khi cầm bút mà phải luôn tự đặt câu hỏi viết để làm gì trước khi hình thành tác phẩm văn chương.■

NHIỀU NGƯỜI MỸ MONG MUỐN DÂN CA VIỆT NAM TẠO NIỀM HỨNG KHỞI VÀ LÀM PHONG PHÚ CHO ÂM NHẠC HOA KỲ

NGÔ ĐÌNH VẬN
và DƯƠNG MẠNH TIẾN

"Tôi rất mong muốn các nhạc sĩ Việt Nam giới thiệu dân nhạc của xứ họ vào giòng nhạc chính của Hoa Kỳ. Sự giao hòa giữa các làn điệu Đông Tây có thể tạo nguồn cảm hứng mới cho các nhà soạn nhạc Hoa Kỳ..."

Tiến sĩ âm nhạc Vicki Riley, thuộc Đại Học Stanford, đồng thời là ca trưởng ban hợp ca của họ đạo Our Lady of Mount Carmel, thuộc thành phố Redwood, California, đã phát biểu như vậy sau lần đầu tiên bà làm quen với dân nhạc Việt Nam.

Bà Vicki Riley đã là một thính giả đặc biệt khi bà tới tham dự buổi trình diễn của ban Hợp Xướng Ngàn Khơi với dàn nhạc Pacific Symphomy Orchestra vào tháng Tư năm 1993 tại thành phố San José miền Bắc California.

Cảm nghĩ của Tiến sĩ Vicki Riley là một tiêu biểu cho nhiều ý kiến của những người Mỹ khác từ miền Đông tới miền Tây, từ vùng tuyết phủ cực Bắc cho tới vùng ấm áp miền Nam nước Mỹ khi họ có dịp tham dự, thưởng thức dân nhạc Việt Nam.

Suốt từ năm 1975 cho đến nay, khoảng một triệu người Việt tị nạn tới định cư ở Mỹ đã trở thành một thực thể trong giòng sinh hoạt sống động của Hoa Kỳ và số người này đã không ngừng nói lên cái "âm điệu riêng" của dân tộc

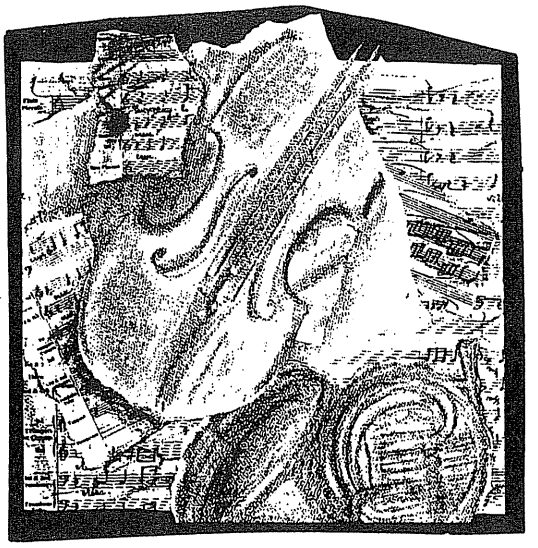

Việt Nam qua dân nhạc. Sự "lên tiếng" của người Việt tại Mỹ được thể hiện liên tục qua các buổi trình diễn văn nghệ của người Việt ở Mỹ.

Những đóng góp cho việc giới thiệu Văn Hóa của dân tộc Việt Nam tại Hoa Kỳ qua ngả dân nhạc phải được ghi nhận từ các lớp học sinh ngữ đầu tiên ở nhiều nơi dành cho dân tị nạn, tiếp đó là những sinh hoạt trong các trường trung học, đại học. Thêm vào đó là các dịp lễ, Tết nằm trong khuôn khổ sinh hoạt cộng đồng cũng như các buổi trình diễn âm nhạc của người Việt tại các thính phòng lớn ở nhiều nơi trên nước Mỹ.

Người Việt ở Hoa Kỳ từ nhiều năm qua đã giới thiệu "âm điệu Việt Nam" bằng dân nhạc đến các sắc tộc bạn đang cùng nhau sống dưới "ánh sáng" tự do, dân chủ qua tinh thần bản tuyên ngôn Độc Lập của Hiệp Chủng Quốc năm 1776.

Cũng chính vì thế mà người ta không ngạc nhiên khi gặp gỡ những người bạn thuộc các sắc tộc khác ở Mỹ có chút lưu tâm, có sự hiểu biết và cao hơn nữa là yêu mến dân nhạc Việt Nam.

Người ta có thể tìm gặp những người gốc Đức, Ái Nhĩ Lan, Do Thái, Phi Châu... ở New York hiểu được cái nét nhạc duyên dáng, cái tình tự thiết tha, cái dối trá đáng yêu qua câu hát *"thương nhau cởi áo cho nhau... về nhà dối mẹ qua cầu gió bay..."*

Người ta cũng có thể bàn luận với mấy ông luật sư gốc "cao bồi Texas" ở Houston về sự "khổ ải" của mấy cô thôn nữ nhẹ dạ miệt Tennessee, Kansas cũng chẳng

thua gì sự phiền hà của mấy cái "trống cơm" Việt Nam *"Tình bằng có cái trống cơm, khen ai khéo vỗ ấy mấy bông mà nên bông..."*

Có những người bạn gốc Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn... ở Hawaii cũng có thể mỉm cười với chúng ta khi nghe câu hát dí dỏm đầy thâm thúy của cái vụ *"nam đáo nữ phòng, người dưng khác họ, chẳng nọ thì kia..."* để đùa cợt mấy tay "dê cụ" ban đêm lần mò đi ăn vụng tình ái không may đụng đầu với một con quạ.

Còn rất nhiều chuyện lý thú khác có thể gặp được ở Hoa Kỳ với cái vốn liếng cả ngàn bài dân ca Việt Nam nhưng chúng ta nên trở lại với những sự kiện mới mẻ liên quan tới dân ca Việt Nam trên nước Mỹ qua sự hội nhập văn hóa đa dạng của nhiều sắc tộc ở phần bán cầu này.

Tháng Mười Một 1993, nhân buổi trình diễn của ban Hợp Xướng Ngàn Khơi tại thính đường Plummer thuộc thành phố Fullerton, California, chúng tôi đã có dịp nghe được nhiều lời phát biểu đặc biệt về dân ca Việt Nam của những người bạn Mỹ thuộc nhiều giới tại Hoa Kỳ. "Tôi hoang mang không biết sẽ chịu nổi một loại nhạc lạ hay không..." Ông Russell M. Davis, tư vấn [Consultant] cư ngụ tại Orange tới tham dự đêm Ngàn Khơi nói như vậy. Ông Davis nói tiếp "nhưng rồi sau đó tôi đã say sưa theo dõi suốt chương trình, dù nét nhạc lạ nhưng qua tiếng đàn, tiếng kèn quen thuộc làm tôi hết e ngại."

"Đối với những bài dân ca Việt Nam thật là độc đáo, chúng mới lạ, dí dỏm, phong phú và đáng yêu hơn tôi tưởng nhiều, mặc dù tôi chỉ được giải thích khái lược bằng Anh ngữ. Những âm điệu Việt Nam này khiến cho tôi tưởng ra cả một khung cảnh tươi mát của một quốc gia xa xôi mà tôi chưa từng được đặt chân tới, tôi cũng thấy được cả cái tính cần cù nhưng đầy cương quyết của người Việt Nam qua những nét nhạc, tôi hy vọng sẽ được dẫn giải nhiều hơn để dễ dàng thưởng thức những âm điệu xa lạ nhưng đầy quyến rũ..."

Một thính giả khác, ông Burt Lance, thám tử cư ngụ tại Long Beach, nói "không hiểu sao tôi thấy gần gũi với các giai điệu Việt Nam hơn các nét nhạc Á Châu khác, có thể buổi trình diễn này các nhà soạn nhạc Việt Nam đã viết để cho các nhạc cụ Tây Phương trình tấu nên đã gây cho tôi sự thích thú để theo dõi toàn thể chương trình."

Bà Kathleen F. Davis, giáo viên tiểu học ở Orange nói "Tôi mong muốn các buổi trình diễn như thế này được tiếp tục nhờ đó tôi có thêm sự hiểu biết về văn hóa Việt Nam để chia sẻ với các học sinh gốc Việt trong lớp học của tôi... tôi nghĩ các trẻ em Việt Nam ở đây cần giữ gìn cái tài sản văn hóa quý báu của dân Việt, mặt khác đây cũng là một đóng góp văn hóa của người Việt vào nền văn hóa phong phú của Hoa Kỳ... tôi nghĩ cách dùng những nhạc cụ Tây phương để trình tấu dân ca Việt Nam cũng là một cách để dễ dàng giới thiệu văn hóa Việt Nam cho người Tây phương, hầu hết người phương Tây không biết sử dụng các nhạc khí cổ truyền Việt Nam vì thế việc trình diễn dân nhạc Việt Nam theo cách thuần túy cổ truyền sẽ khó gây được sự chú ý đối với các sắc dân khác ở Hoa Kỳ."

Đối với các nhạc sĩ chuyên nghiệp Mỹ được mời để trình tấu trong chương trình, âm nhạc Việt Nam được họ chú ý đặc biệt.

Nữ nhạc sĩ Marie Rodriguez, sử dụng đại hồ cầm (double bass) đã cho biết "những bài dân ca Việt Nam hay những bản nhạc có giai điệu Việt Nam khiến tôi chú ý hơn hết vì chúng lạ và rất uyển chuyển, chúng khác ở giai điệu và cấu trúc đối với nhạc Tây phương mà tôi đã trình tấu từ lâu nay. Tôi không rõ ở thể nguyên thủy, người Việt Nam dùng nhạc khí nào để đệm cho dân ca, nhưng ở đây dân ca Việt Nam được soạn cho nhạc cụ Tây phương đã rất phong phú và hấp dẫn. Tuy tôi không được trình tấu các phần chính của các bản nhạc nhưng tôi đã để hết tâm trí theo dõi để đưa tiếng đại hồ cầm này vào sự hòa hợp chung của ban đại hợp tấu."

"Dân ca Việt Nam đầy tình tự lại dí dỏm, thâm thúy nữa... giọng điệu lơ lớ khác xa với nhạc Tây phương..." Nữ nhạc sĩ Kathy Ander, sử dụng hạ cầm (viola) nhận xét như vậy. Cô ta tiếp "tôi được biết các nhạc cụ cổ truyền Việt Nam hoàn toàn khác biệt với các nhạc khí của chúng tôi, hình thức trình diễn dân ca Việt Nam theo cách cổ truyền cũng khác biệt và giản dị, nhưng dân ca Việt Nam được soạn cho chúng tôi trình diễn thì tôi cũng thấy rất dễ dàng để diễn tả cảm xúc của mình với âm điệu 'Việt Nam'."

Trong một buổi tiếp xúc với nhạc trưởng Larry Grossman ở Orange County vào cuối tháng Chạp 1993, nhạc trưởng Grossman nói ông không biết về dân ca Việt Nam nhưng cái cảm giác đầu tiên "tình cờ gặp gỡ với dân ca Việt Nam thật tốt đẹp."

Cũng vì sự tình cờ ấy đã đưa nhạc trưởng Larry Grossman tới chỗ điều khiển cả một ban đại hợp tấu để trình diễn đêm nhạc Cung Tiến ở thành phố Anaheim cách đây bốn năm.

Với kinh nghiệm trên, nhạc trưởng Grossman nhận xét "trình diễn dân nhạc Việt Nam với dàn nhạc đại hòa tấu thì không khó, các nhạc công chỉ đi theo sự điều khiển của người soạn nhạc và nhạc trưởng nhưng nếu phải điều khiển cả ca sĩ hát nữa thì tôi gặp trở ngại vì đôi khi những nốt hoa mỹ của âm hưởng dân ca Việt Nam hơi tạo sự bỡ ngỡ khiến tôi có cảm giác sự trình bày thiếu chính xác về cung bậc. Đành rằng cái âm hưởng của dân ca Việt Nam là nét độc đáo của người Việt không theo cấu trúc âm nhạc Tây phương, nhưng nếu có hòa điệu (harmony) thì sẽ tạo được sự nhịp nhàng của âm thanh, vấn đề chính yếu là diễn tả chính xác bằng nốt nhạc để cùng nhau hòa tấu."

Quan niệm rằng "dân ca là ngôn ngữ riêng và là nét đặc thù của từng dân tộc" Nhạc trưởng Grossman nói "dân ca đóng một vị trí rất quan trọng trong lịch sử và tiến trình của âm nhạc thế giới."

Nhạc trưởng Grossman cũng cho rằng "ngôn ngữ là sự phát triển liên tục thì âm nhạc cũng vậy, chúng ta cần phải có những sáng kiến mới để phát triển, chẳng hạn như về nhạc cụ thì đàn harpsicord, đàn clavecin, không còn được dùng nữa và càng lúc càng có thêm các nhạc cụ mới để tạo thêm sự phong phú về âm thanh."

Nhạc trưởng Grossman cũng nói rằng "sự phối hợp về văn hóa trong đó có âm nhạc sẽ tạo sự

thông cảm, hiểu biết giữa các sắc tộc và làm giảm đi những căng thẳng của đời sống đang bị đè nặng bởi áp lực kỹ thuật."

Chính vì ý kiến đó, Nhạc trưởng Grossman mong muốn trong tương lai ông sẽ có nhiều cơ hội hợp tác với các nhạc sĩ Việt để cùng nhau trình diễn âm nhạc Việt Nam tại Mỹ.

Một điều đáng lưu ý là nhạc trưởng Grossman cho hay rằng "thực sự ngũ cung không phải là điều xa lạ vì ngay trong dân ca Mỹ cũng có những bài sử dụng ngũ cung, đó là điều tôi đã đọc được trong nhạc sử của Tây phương."

Một sự kiện đặc biệt khác được chính thức công bố trên báo chí vào tháng Sáu năm 1993, đó là việc dàn nhạc giao hưởng Pacific (*Pacific Symphony Orchestra*) tại Orange County quyết định gây quỹ từ 500,000 tới một triệu Mỹ Kim để thực hiện và trình diễn một "đại tấu khúc" liên hệ trực tiếp đến chiến tranh Việt Nam.

Chương trình lớn lao này đã được dàn nhạc giao hưởng Pacific tiến hành với những sự hợp tác quy mô, trong đó có việc giao trọng trách viết đại tấu khúc cho nhà soạn nhạc Elliot Goldenthal, phần trình diễn sẽ do *Pacific Symphony Orchestra, Pacific Chorale*, các ca sĩ đơn ca và ban đại hợp xướng thiếu nhi Việt Mỹ đảm trách.

Nhà soạn nhạc Elliot Goldenthal, 36 tuổi cư ngụ tại Brooklyn, New York, là người đã từng đoạt nhiều giải thưởng qua các đại nhạc kịch và các tác phẩm khác như Juan Darien, A Carnival Mass, Pet Sematary...

Ông Goldenthal cho biết rằng việc sáng tác này nhằm tưởng niệm những tàn phá, mất mát trong cuộc chiến tranh Việt Nam, đồng thời ghi nhớ 20 năm sau khi cuộc chiến này chấm dứt và vì thế việc soạn thảo đại tấu khúc sẽ dựa trên những nguồn nhạc Á Châu, đặc biệt là dân ca Việt Nam.

Về việc trình diễn, *Pacific Symphony Orchestra* dự trù sẽ sử dụng cả một "lực lượng hùng hậu" bao gồm các ca sĩ, nhạc sĩ không kém gì các buổi trình diễn của Leonard Benstein trong đại nhạc kịch *Mass* hoặc của Benjamin Britten trong tác phẩm *War Requiem*. Theo chương trình này thì đại tấu khúc về chiến tranh Việt Nam sẽ ra mắt lần đầu tiên vào các ngày 26, 27 tháng Tư, năm 1994 tại Trung Tâm Nghệ Thuật ở thành phố Costa Mesa, California, sau đó sẽ lưu diễn ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, New York và nhiều nơi khác trên nước Mỹ.

Từ các sự kiện nói trên, nhiều người có lý do để chờ đợi một sự chuyển mình lớn mạnh của ngành dân nhạc Việt Nam trong việc tham dự vào giòng âm nhạc đa dạng và đầy phong phú của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ. ■

HOÀNG XUÂN SƠN

DÁNG MỎNG VỀ THEO

Đi trên mặt nước nhòe những hình sao
trở về đêm nay không ngước mặt
hòn sỏi căm căm tiếng động bên rào
cỏ mùn. giá gương. cõi người khuất lấp

Buổi sáng lấn ra từng thước đất
chiếc xe như con trâu già kiệt sức
vận tốc trên mỗi đầu chữ T
cuộc đời làm sao cuộc đời tất bật

Vẫn cứ lẫn lộn ngày và đêm
vẫn nhầm lẫn em và em
trong mỗi bữa có phần đời xương thịt
hương đã trôi từ giấc mộng đèn

Sát ấm thân người chỉ còn lớp vải buồn hôi
ôi thân thiết cô đơn chưa từng đến thế
trời tuyết lặng câm. chiều không lời. đêm tối không lời
những ngã ba đường trầm sâu thế hệ

Cất chiếc vỏ ốc phơi bày ra ai thấy được
cõi lòng ngút ngút sầu tư
dật dờ bước mộng thèm cơn say ngủ
dáng mỏng về theo yêu dấu ngục tù.

tháng 1-94

CHUYỆN TRÒ VỚI IRINA ZISMAN "MỘT MÌNH VỚI MÙA THU"

ĐỖ QUYÊN
(Ngàn Lau, Đức)

Trong dịp Irina Zisman, người chủ trương đài phát thanh tiếng Việt đấu tranh cho tự do nhân quyền tại Mạc Tư Khoa ra mắt cuốn Hồi Ký II của bà, một cuộc tranh luận gay gắt đã nổ ra giữa một số nhà hoạt động Việt Nam tại hải ngoại. Lý do chính là vì cuốn hồi ký ấy thuộc loại "instant", phản ảnh các sự việc còn nóng hổi liên quan đến tác giả và các hoạt động để trợ giúp cho đài phát thanh nói trên.

Bài phỏng vấn này không liên quan gì đến vụ việc vừa xảy ra,, vì được thực hiện trước, tuy nhiên nó có thể giúp độc giả Thế Kỷ 21 có thêm một cái nhìn về bà Irina Zisman.

Lời dẫn của người thực hiện:

Đây là dịp đầu tiên tôi gặp và tiếp xúc với Irina Zisman. Vào thời điểm này, thái độ của người Việt hải ngoại ở nhiều nơi tại Mỹ, Canada, Pháp, Hà Lan... về chị đang bị phân kỳ dữ dội. Vì thế, ý định làm một buổi phỏng vấn thật đạo mạo, chỉnh chu bị thay bằng những câu chuyện tay đôi, có tính chất cá nhân, giữa Irina đó và tôi đây... Tôi không quên có một lúc, ở gần cuối câu chuyện, đã giật mình khi Irina chợt cao giọng: **"Chúng ta là những người trung thực với nhau."** Ngay lúc đó, tôi dự tính đăng câu này lên làm tít cho bài viết của mình. Nhưng rồi, tính khiêm nhường kiểu Á Đông ở tôi đã hạ nó xuống. Tuy vậy, bạn đọc cần hiểu đó là "tuyên ngôn" cho cuộc hỏi chuyện này.

Có nên nói gì về cái tít đang có? Nên lắm chứ, chỉ có điều là không nên nói hết... Thực tình là tôi đã hoàn toàn quên nội dung truyện ngắn (của Pauxtovxki) mà cái tít ấy đã mượn lại. Tôi chỉ biết trước tôi là một người phụ nữ hình như lúc nào cũng cứ **một mình** trước cả một sắc tộc mà chị ta đeo đuổi bằng trái tim và lý trí suốt từ tuổi xuân cho đến tận bây giờ... Tôi chỉ biết trước tôi là một người Nga đang để lại sau lưng mùa thu của dân tộc mình mà đi đến một mùa thu của các dân tộc khác: khi chị tới Đức, cuộc đảo chính phản dân chủ của phe Cộng Sản ở Nga hồi cuối tháng Chín đã bị đập tan nhưng khói lửa của súng đạn và máu của hàng trăm người con nước Nga vẫn còn sẫm in trên nền vàng vĩnh cửu của mùa thu ở đất nước này...

Trong một căn phòng dành cho các cháu bé của gia đình mà chị nghỉ lại khi đến Muenchen. Bên ngoài, miền Nam nước Đức đang đậm sắc thu...

I- Để tiện theo dõi hỏi chuyện, trước hết là lược trích các đối thoại của I. Zisman với cộng đồng người Việt vùng Muenchen, chiều 9-10-1993

1/ "... Rất nhiều người Việt Nam có thể không coi Đài Tiếng Nói Tự Do Moskva (Đài) là kẻ thù nhưng vẫn không xem đó là cùng chí hướng. Điều đó đáng đau buồn, vì khi Irina bắt đầu làm Đài thì chưa quen một người hải ngoại nào. Những cuộc tiếp xúc đầu tiên cũng hơi ngây thơ. Nhớ lại cái buổi đến Canada lần đầu, đi đến một số hiệu sách Việt Nam, Irina đã mua và dám bỏ chung vào một rọ các báo Làng Văn và Trăm Con (*Nhiều người trong hội trường bật cười*). Bây giờ thì tất nhiên không dám rồi! Một năm qua đã làm cho tôi lớn lên nhiều. Người đầu tiên đến giúp Đài là Tổ Chức Phục Hưng (Phục Hưng). Tôi đã bỏ ngoài tai những gì người khác nói về đường lối, mà lại cứ cho rằng chỉ cần có đường hướng ủng hộ nhân quyền, dân chủ, đòi trả tự do cho tù chính trị v.v... là đủ. Nay tôi thấy rằng sớm hay muộn Đài cũng phải khẳng định lập trường của mình về một số vấn đề gay cấn của cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Vì thế, tôi đã công bố bức Thư ngỏ. Tôi muốn nói rõ là không có nghĩa không phát trên Đài bài của các phái tạm gọi là "hòa giải hòa hợp". Những người đó vẫn có quyền về các đề nghị của mình, như trước đây Đài đã phát, tổ chức tranh luận giữa các ký giả Nga về vấn đề hòa giải hòa hợp này. (...) (*)

"Năm ngoái, ở buổi tôi gặp lần đầu tiên cộng đồng hải ngoại, GS Lê Bá Kông "nghi ngờ Irina lắm!" và bảo: "Chị cứ phấn đấu cho nước Nga của chị đi đã..." Tôi đáp: "Chính vì tôi yêu mến nước Nga nên tôi làm việc này. Vì người Việt chống Cộng Sản cũng coi như chống nước Nga luôn, vì các trường "cải tạo", các vụ đấu tố ở Cải cách ruộng đất... đều có xuất xứ từ các Trại Cu-lắc của Liên Xô. Để xóa bỏ các ám ảnh đó, tôi làm việc đang làm này. Tôi muốn rằng ngày mai trên nước Việt Nam tự do người ta sẽ biết

rằng nước Nga còn là nơi có Đài Phát Thanh Tự Do từng giúp họ có được thông tin, có được những người Nga cùng chí hướng. Lần đầu tiên (23-11-1992 - ĐQ chú thích) tại Nga đã ra đời một tổ chức xã hội bảo vệ nhân quyền cho các nước khác như Trung Quốc, Cu Ba, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Etiopia. Đó là Hiệp Hội Moskva Vì Dân Chủ và Nhân Quyền. Tôi rất vui mừng là Hiệp Hội đã tổ chức được hội thảo quốc tế mang tên Việt Nam Và Nhân Quyền (tại Moskva, 21-3-1993 - ĐQ), về phía khách dự là người Việt có tới 30 người, trong dịp trước 30 tháng Tư năm nay.(...)

Ngừng phát từ 1-6, Đài đã được phát lại từ sau 19-7 vừa rồi, trong đó phải kể đến sự giúp đỡ nhiệt tình của hai vị dân biểu (uy tín chỉ sau tổng thống Nga!) có khuynh hướng dân chủ hóa. Đó là những niềm vui của chúng ta và của riêng tôi trong năm qua. Tất nhiên, có niềm vui thì có nỗi buồn... Có hai loại nỗi buồn: về tinh thần và về vật chất (*thở dài*). Về tinh thần, tôi đã phải mất đi một số bạn bè ban đầu mà theo tôi hiểu thì đó là những người không cùng chung mục đích, lý tưởng thực hiện Đài. Nói chung, tôi không coi "Đài là một thứ vũ khí" như báo Công An Nhân Dân ở phía bên kia, hay như ở phía bên này, ông Nguyễn Văn Kim, đã gọi là "vũ khí vô hình". Tôi là người rất hòa bình, tôi chỉ muốn Đài là một phương tiện giúp người Việt Nam ở trong nước hiểu tâm trạng của chúng tôi và những người Việt hải ngoại. Tôi muốn mình là nhịp cầu để hai bên gặp nhau. Và tôi cũng muốn nhờ Đài mà nhân dân Việt Nam không vấp lại các sai lầm của Liên Xô và các nước Đông Âu... Nói về vật chất, các khó khăn luôn là vô hạn. Lúc mới làm Đài quả là tôi hơi liều, vì tôi cũng cho rằng "Trời sinh voi thì sinh cỏ" (*mọi người cùng cười, vỗ tay*). Và đúng là chỉ có tôi mới dám làm Đài mà cả tháng không trả đồng nào cho ai hết! Sau Phục Hưng, có nhiều tổ chức, hội đoàn, ủy ban... đến với Đài. Các tổ chức, ủy ban... đã chăm lo cho Đài như bố mẹ chăm lo cho một đứa con. Tình cảm của bố mẹ rất quý, song phong cách làm cha, làm mẹ... đó thì tôi không chấp nhận. Cho nên, cuối cùng thì Đài phải tồn tại như một... người lớn! Mà làm một người lớn thì rất khó! Nhiều Ủy ban đã chấm dứt gởi tiền cho Đài từ tháng 5-93. Sau đó, Irina có đi một vòng... Ở Toronto có vận động được gần 6,000 đôla, nhưng đến nay vẫn chưa nhận về được đồng bào. Hiện nay Đài đang là con nợ lớn. Cũng chưa biết về sau sẽ ra sao! May mà chúng tôi có quen một số người ở các bộ và họ chưa đòi nợ, cũng như nước Nga chưa đòi nợ Việt Nam vậy! Thực ra tôi cũng có nhiều hướng giải quyết. Ví dụ, giảm chương trình từ một ngày một buổi một tiếng xuống một tuần ba buổi, rồi một tuần một buổi. Tôi cũng có nhiều cách để "rút lui". Nhưng tôi đang thấy Việt Nam bây giờ khác với Việt Nam mà tôi đến vào hai năm trước, lúc đó chỉ mình tôi là ký giả nước ngoài được dự phiên tòa xử Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế. Nay với các vụ xử Lý Tống, Đoàn Viết Hoạt thì có nhiều người nước ngoài hơn. Nó chứng tỏ Việt Nam đòi hỏi dân chủ nhiều hơn trước, tinh thần dân chủ của người dân Việt ở trong nước cao hơn trước. (...) Vì thế, Đài được phát thường xuyên là điều cần thiết. (...)

Cuối cùng, tôi vui mừng gởi lời chào từ "tập thể nhỏ bé" của Đài tới quý vị. Nói thấy Đài nghe thì to, nhưng thực ra chỉ có ba người, nên tôi chả khó khăn gì khi chuyển lời chào mừng đó! Đài có cô Hoàng Dung, hiện nay Đại sứ quán Việt Nam không coi cô là sinh viên nữa, nhưng trường vẫn cho cô học. Và có ông Trần Minh, một người lưu vong ở Nga đã lâu, ông là người viết bài đắc lực và cũng đọc nhiều bài cho Đài. Rồi cuối cùng là... gia đình tôi!"

2/ Sau bài nói của chị Irina đã có rất nhiều câu hỏi. Irina trả lời trôi chảy, khá là thỏa đáng và luôn hóm hỉnh. Cũng lại có nhiều câu hỏi "truyền thống": "Động cơ nào khiến chị học tiếng Việt? Có gì lại yêu Việt Nam, đấu tranh cho Việt Nam mà không là Trung Quốc hay Cu Ba?"... Dường như đã "no" với loại câu hỏi này, hay vì chúng động đến các chuyện "tế nhị", Irina chỉ cười, lảng tránh, nói vòng vo... Theo tôi, không phải vì chị muốn dấu diếm gì (chúng đã được thể hiện khá tường minh trong nhiều trang, ảnh của Bút Ký Irina Tập I!), chắc là vì chị không muốn phải nhắc lại quá nhiều lần nhiều điều lẽ ra phải "thầm kín". Với câu hỏi tại sao lại làm Đài mà không làm việc khác, Irina đáp: "Điều này có lý do khác với việc tại sao tôi học tiếng Việt. Khi còn là sinh viên đại học châu Á, việc chọn phương hướng học là do yếu tố tình cảm quyết định. Còn việc làm Đài bây giờ? Đơn giản là vì nghề nghiệp: tôi là ký giả truyền thông nên chỉ có biết làm đài thôi! Nếu là người đặt mìn thì tôi cũng chỉ biết mỗi việc là đi đặt mìn!" Tuy nhiên, Irina nhấn mạnh là "từ khi gặp người Việt Nam như Bác Sĩ Quế, trong mọi khó khăn, tôi đều thầm hứa với con người này rằng chừng nào ông còn bị giam cầm thì chừng đó tôi còn đòi trả tự do cho ông, cho những người khác chính kiến đang bị CSVN cầm tù."

Về mặt kỹ thuật của Đài, Irina cho biết việc đổi sóng (sang 25 mét, tần số 11.725 KHz) là chuyện bình thường, không phải vì sự cố chính trị và tài chính vừa rồi. Mỗi tháng Đài phải chi cỡ 6,300 đôla, so với chị con số đó quá lớn nhưng với một đài phát xa 14,000 hải lý thì chi phí đó cũng bình thường. Cho đến buổi họp hôm đó, Đài không còn nhận được trợ giúp nào của các tổ chức, đoàn thể... trừ một vài Nhóm Bạn Irina ở Hoa Thịnh Đốn, Montréal, Đức. Một chi tiết khác cho thấy Đài đang "khốn khó" là lâu nay ông Trần Minh phải đi thu băng "chui" để hạn chế tiền trả cho nơi thuê thu phát. Xen kẽ giữa các đối thoại, chị Nguyễn Thị Thu Cúc ở Ủy Ban Yểm Trợ của Đài tại Đức cho biết: Ủy Ban này vẫn duy trì dù các Ủy Ban tương tự ở Mỹ, Canada giải tán từ 30-6-1993 và Ủy Ban đã quyên góp được cả thảy 7,212 Đức mã.

Về câu hỏi các giải pháp hạn chế chi phí, câu trả lời là: "Tôi không có gì để bắt buộc cứ nhất thiết phải phát 1 giờ/1 ngày. Đài có thể sống bằng quảng cáo. Hoặc chúng tôi cũng có thể kiếm tiền để sống và để làm Đài bằng cách đi nấu nướng ở đâu đó, hay làm quảng cáo cho tivi. Nhưng thực sự là chúng tôi không có thời gian. Còn việc quyên góp ủng hộ của các cộng đồng khác ngoài Việt Nam thì tôi nghĩ là không

nên, vì đây là chuyện của chúng ta!" Có hai người hỏi đi hỏi lại về chuyện ĐCS bị cấm hoạt động ở Nga, quan niệm của chị về đối lập và dân chủ... Irina trả lời với vẻ hào hứng: "ĐCS bị cấm hoạt động ở Nga từ cuối 1991 và bây giờ còn bị cấm mạnh hơn nhiều! Cứ hy vọng là như thế mãi đi! (...) Vì ĐCS từ trong cương lĩnh đã không chấp nhận các đảng phái khác, đảng này như đảng phát xít. Đối lập là đối lập trong suy nghĩ chứ không phải đối lập để tiêu diệt bộ phận khác của xã hội. Chắc đến khi nào đó, dân trí xã hội phát triển thì sẽ cho phép ĐCS, hoạt động ở mức nào đó. Cũng như cuối cùng thì "Thượng Đế tạo ra tất cả nên Quỷ Sa Tăng cũng có quyền tồn tại trên đời."" Kết thúc vấn đề này, Irnia khẳng định: "Tôi không thấy việc cấm ĐCS ở Nga là một vi phạm dân chủ!"

Nhiều ý kiến tập trung ở việc liệu bản thân I. Zisman có theo dõi khả năng thu được của Đài ở trong nước hay không. Chị cho biết là rất muốn mà chưa có được thông tin chính xác báo về từ các vùng ở Việt Nam. Ở Saigon cho biết đài thu được nhưng không mạnh lắm. Có một người mới từ Hải Dương qua Canada cho chị hay cũng thu được Đài. Irina bổ sung thêm điều rằng Đài này hiện là đài duy nhất bị cấm nghe ở Việt Nam.

3/ Về các khó khăn mới đây trong quan hệ của I. Zisman với cộng đồng Việt Nam hải ngoại, tôi thấy có hai vụ việc được chị trình bày kỹ tại cuộc gặp mặt. Một là vụ với báo Bến Quê (Moskva). Trên tờ tin Hy Vọng Đài vừa phát hành có đăng nguyên văn hai lá thư ngỏ của Hồng Hoa và của I. Zisman trình bày về nội vụ. Đại để là: Trong bài trả lời phỏng vấn đăng trên báo Cánh Én (Đức) số 25, tháng 6-93, Irina nói rằng: "Bến Quê là tờ báo của phần lớn sinh viên học ở trường Đại học quan hệ quốc tế (MGIMO-MID)", rằng cô Hồng Hoa "rất nhiệt tình, có hợp tác với Đài, viết bài cho Đài"... Trên báo Bến Quê số 4, tháng 8-93, Hồng Hoa đã có thư ngỏ cho biết "lấy làm buồn và phẫn nộ trước những lời tuyên bố không đúng sự thật của bà (I. Zisman ĐQ) về Bến Quê và về tôi"; "tôi và bà chưa một lần tiếp xúc, trò chuyện. Tôi và bà hoàn toàn không quen biết nhau trực tiếp"; "Bến Quê hoàn toàn là một tập san tư nhân, do tôi làm biên tập", và tỏ ý "đang bị rơi vào những dòng chảy chính trị đục ngầu mà thế lực này hay thế lực khác cùng níu kéo". Trước yêu cầu "xin lỗi và đính chính công khai" của Hồng Hoa, I. Zisman cho ra một thư ngỏ, không trực tiếp đề cập tới sự việc, nói rằng "sẽ nói chuyện với nhau bình đẳng" được chỉ khi Hồng Hoa "hưởng thực sự tự do" như mình... Tại buổi ở Muenchen đó, Irina đã nhắc lại như vậy và còn cho biết "Là đàn bà thoạt đầu tôi cũng nổi đóa. Rồi nghĩ lại vì người Việt Nam ở Liên Xô còn chịu kiểm soát gắt gao của Đại sứ quán, nên cuối cùng tôi chọn giải pháp "tạm thời" này. "Đã hai lần, Irina cho mọi người hay "Tất cả biên lai mà cô Hồng Hoa nhận tiền về các bài viết của mình hiện tôi còn giữ". Cần nói thêm là vụ báo Bến Quê bị lôi ra khi cuộc đối thoại nhắc đến vụ Vũ Hạnh (như đã nói ở Bút Ký Irina tập I).

Vụ việc thứ hai nảy ra khi có người hỏi: "Căn nguyên nào mà Phục Hưng và chị không "đi" với nhau nữa?" Irina đáp: "Vấn đề nó tế nhị ở chỗ những người "đối diện" của tôi không phải là Phục Hưng mà là các Ủy Ban Trung Ương Yểm Trợ cho Đài. Phục Hưng với tôi, đó là ông Trần Quốc Bảo. Mà ông Bảo với tôi thì không có gì là "đi gần" hay "đi xa". Ông ấy vẫn có quan hệ tốt cùng tôi, lại mới gọi điện thoại cho tôi hỏi về tình hình nước Nga sau đảo chính, về chuyện gia đình tôi, về các chuyện ở Việt Nam... Thú vị là ở chỗ mãi cho đến khi nhận tiền ủng hộ tôi cũng đã biết một cách chính thức Tổ Chức Phục Hưng Việt Nam ra sao đâu! Lúc tôi biết kỹ về họ là khi qua Mỹ. Từ đó tôi mới biết các Ủy Ban Trung Ương là do ông Bảo mời và ở một số Ủy Ban đó người của Phục Hưng bên cạnh các tổ chức khác. Trong thư ngỏ 26-6-1993 tôi đã nêu rõ: tôi không từ chối sự hợp tác với Phục Hưng về mặt bài vở. Và công bằng mà nói thì họ không gởi cho tôi bài nào

cả, trừ mấy vụ truyền đơn họ phối hợp với các tổ chức khác rải ở Việt Nam. Tin này thì tôi cũng đã biết, rồi cũng phát đi phát lại "như điên" vì thấy nó đáng phát. Tôi chỉ không muốn một điều: vì Đài bị mang tiếng là "của Phục Hưng" nên rất nhiều người khác (đối với tôi tâm đắc hơn) đã không muốn chơi với Đài. Tôi thấy như thế là không công minh, là đáng buồn. Sự việc nó như thế thì có gì là không "đi với nhau"? Tất nhiên, bây giờ có nhiều người nói "đằng sau chị Phục Hưng họ nói thế này... thế kia...". Vâng, thì đó là chuyện "đằng sau". Còn trước mặt tôi họ chả có hành động nào không thân thiện. Tóm lại, tôi muốn có sự công bằng: Phục Hưng họ giữ vị trí gì thì cứ xem họ ở đó, chứ không nên phóng đại!"

II- Hỏi chuyện Irina

1/ Chóe là "người tầm cỡ Trái Đất", nên trong chân dung anh vẽ anh như không nhận ra các vẻ đẹp nữ tính của Irina — điều mà chính chị tự nhận (trong Bút Ký tập I): "sự hồn nhiên, (...), ít nhất cũng là duyên dáng, sự thông minh trong nét mặt, sự tâm huyết trong trái tim". Là người tầm cỡ... lũy tre làng, tôi nhận ra ngay điều đó sau vài lời và vài cử chỉ xã giao ban đầu. Mà lại còn bổ sung: có bản lĩnh và linh hoạt trong nghề nghiệp; hài hước đến độ trên mức bình thường; ích kỷ bình thường như mọi phụ nữ khác; cũng vì thế mà hồn nhiên và thất thường. Tóm lại, đó là một người không dễ hiểu.

Rất tự nhiên, câu chuyện của hai chúng tôi được mở đầu bằng chuyện ở bên Nga.

"... Hiện còn đâu như năm tờ báo của người Việt ở Nga. (...) Về tờ Bến Quê, thì nó là tờ... Bến Quê thôi! (*Xuống giọng*) Nói cho công bằng thì đó là báo của sinh viên trường đó." "Thế Người Bạn Đường còn không chị?" "Vẫn còn, và vẫn bị Sứ quán kiểm soát. À, trước đây Irina cũng dại, không dám làm báo tư nhân, nên làm một tờ của Đài: tờ Lửa Ấm đó! Ra được số 1..." "Chị có nó ở đây không?" "Không! Mà xem làm gì! (*cười ngượng ngịu*). Rồi Sứ quán nó biết, nó kêu với chính phủ Nga." "Mà này, tôi và cả nhiều người vẫn chưa hiểu: về pháp lý Đài Irina trước đây và Đài Nadejda (Hy Vọng) bây giờ khác nhau thế nào, khi cùng là đài tư nhân?" "Khác ở chỗ Đài Hy Vọng có thêm Hiệp Hội là người thứ hai đăng ký và bảo đảm còn Đài Irina trước đây chỉ có một người đăng ký là Công Ty Sản Xuất Chương Trình Và Phát Thanh (công ty này cũng là tư nhân)." "Cháu Nadejda được mấy tuổi rồi nhỉ?" "Cháu ba tuổi. Có chuyện buồn cười thế này... Ông bộ trưởng bộ thông tin thấy Irina đến đăng ký lập Đài, bèn thân mật hỏi: "Sao? Mày có ba đứa con thì chắc rồi sẽ lấy hết đứa này đến đứa khác để mà làm đài?" Tôi đáp: "Dạ chỉ một đứa thôi là đủ!" "Chế độ CSVN chắc không sống dai để chị xài hết cả ba!" (*cả hai cùng cười*) "À, cái mà Irina thấy cần nói thêm là về Hiệp Hội. Ở Nga, một tổ chức xã hội khi mới thành lập cần phải có 150 sáng lập viên, rồi sau đó là bao nhiêu thì tùy. Con số 150 có thể mất giá trị hoàn toàn. Hiệp Hội trên danh nghĩa của Irina và ông nhà văn M. Cabakov." "Làm sao chị kiếm được 150 người ban đầu?" "Chỉ đi xin chữ ký thôi. Nói chung thì ai người ta cũng cho. Tất nhiên phải xin những người có nghề nghiệp gần gần với mục đích của Hiệp Hội một chút. Bây giờ số người hoạt động của Hiệp Hội là năm. Bọn mình vừa làm một cuộc biểu tình... Dưới tấm biểu ngữ màu vàng rất là nổi có Irina, Hoàng Dung, ông Trần Minh, anh Phương, và cả bé Hy Vọng nữa! Người đi đường cứ tưởng là đủ cả các sắc tộc ấy. Này nhé: ông Trần Minh thì hệt người Việt rồi; anh Phương là người lai Tàu; Hoàng Dung trông như người Bắc Hàn; và Irina thì hao hao... người Cuba! Khẩu hiệu được giương lên là đòi chính phủ Nga chấm dứt quan hệ với các chế độ Cộng Sản ở Việt Nam, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và Cuba." "Hôm kia, tôi đọc ở đâu đó (hình như là Làng Văn?) thấy bảo đơn xin tỵ nạn của Hoàng Dung đã được chấp nhận." "Nếu quả vậy thì tôi thật mừng! Nhưng chắc không có đâu. Cái may lắm là người ta nhận đơn và không bác, như thế có thể ở lại được gần năm năm." "Hiện cô ta sống bằng gì? Học bổng hay... buôn bán gì đó thêm?" "Học bổng thì không đáng kể. Làm thêm thì không có thời gian. Trước, khi Đài còn tiền đều từ các Ủy Ban, mỗi lần Irina đi "ngả nón" ở hải ngoại, cũng có nhiều người tặng riêng cho Hoàng Dung." "Còn ông Trần Minh?" "Ông ta thì khác, vì là người có quốc tịch Nga đã lâu. Vợ ông ta dạy ở trường cô Hoàng Dung đang học. Ba mươi năm trước ông ta cũng là... cái gì đó của Hà Nội." "Phó chủ tịch ủy ban hành chính Hà Nội, nếu như ông ấy là người tôi được biết." "Có lẽ vậy. Ông ta ở lại cùng một nhóm thời xét lại, sau làm việc cho một nhà xuất bản. Ông là người có trình độ cao và là Phật tử. Bọn mình có viết bài nhiều đâu, chủ yếu phát các bài từ báo chí, sách của hải ngoại, thêm vào chút bình luận. Riêng ông Trần Minh thì chuyên viết các bài về nước Nga." "Xin lỗi, anh Phương có kinh nghiệm về chuyện báo chí không?" "Không! Chỉ biết về kỹ thuật phát thanh." "Chị quen anh ấy lâu chưa?" "Ba năm rồi... Quen ở trong nước. Anh ấy chưa ra hải ngoại lần nào, trừ một lần sang Pháp." "Anh ấy lớn lên từ chế độ Việt Nam Cộng Hòa?" "Vâng." "Hoàng Dung là người Bắc, trí thức trẻ XHCN; ông Trần Minh từng là Cộng Sản "thứ gộc"; anh Phương thì thế: "bộ xậu" của Irina có vẻ "đa thành phần dân tộc" đấy! Vậy mà Irina lại chống hòa giải hòa hợp!" (*cả hai đều cười to*).

2/Có vài lần tôi mở băng ghi âm này cho các cô, cậu trong trại tỵ nạn nghe. Họ nhận xét: "Nghe giọng chị ấy như trẻ con nói ấy nhỉ?" Tôi chợt nhớ lại hôm ở Muenchen, vô tình nghe được chị "bắn" tiếng Nga qua điện thoại về nhà. Quả là Irina trẻ ra rất nhiều với tiếng Việt! Cũng chính các bạn trẻ đó đã phát hiện ra nhiều lỗi phát âm trong tiếng Việt của chị. Trừ một liên từ "nhưng" Irina dùng nhiều chỗ chưa hợp lý, còn về cách sử dụng từ các cô, cậu đó "chịu thua Irina".

... "Tôi muốn nói cùng chị đánh giá của cá nhân tôi về nội dung nhiều bài phát trên Đài... Cánh tỵ nạn mới đến từ Liên Xô và Đông Âu chúng tôi có nhiều lý do để có các suy nghĩ gần với

người trong nước, nếu so với các lớp người Việt hải ngoại khác. Chắc chị cũng đồng ý vậy. Qua kinh nghiệm của tờ báo chung chúng tôi cùng phối hợp làm để gởi về trong nước, tờ Lá Thư Đông Âu mà chỗ chị đã có, chúng tôi thấy: ngay cả ở các bài rất hay, rất hợp với người trong nước về ý đồ, chủ đề, vẫn phải bỏ hẳn đi nhiều câu, chữ "nặng ký". Ví dụ: giới trẻ, nhất là ngoài Bắc, vẫn còn dị ứng với các từ kiểu như "chống Cộng", "trở về quang phục đất nước" v.v... dù họ ô-kê về nội dung của các cụm từ này. Vấn đề có khi chỉ là cách nói, là ngôn ngữ. Với Đài của chị, tôi chưa có dịp nào trực tiếp bắt nghe được, chỉ nghe lại qua băng thu hoặc đọc từ báo in lại, nhất là qua tờ tin Hy Vọng chị vừa phân phát. Cảm tưởng chung của riêng tôi là: Không những cách nói quá "nặng" mà nội dung cũng chỉ hợp với giới lớn tuổi của chế độ VNCH cũ. Với quảng đại quần chúng cả hai miền nhiều chủ đề còn chưa phù hợp ở lúc này. Tôi nghĩ là cùng với vấn đề tù chính trị, vấn đề đàn áp tôn giáo, lúc này người dân ở Việt Nam rất cần hiểu, biết nhiều hơn nữa về sự thật lịch sử Việt Nam hiện đại nói chung, lịch sử đảng CSVN nói riêng. Các chuyện thật quanh tiểu sử ông Hồ Chí Minh, các sai lầm CSVN phạm phải như Nhân Văn Giai Phẩm, Cải Cách ruộng đất, Thảm sát ở Huế 1968 v.v... luôn là điều có thể được lan truyền mà không cơ chế nào cấm đoán nổi. Chị có công nhận là một khi quá khứ được làm quang đãng phần nào thì tự người dân sẽ nhìn ra hiện tại và đi tìm phương hướng cho tương lai? Không biết chị có xem bài nói của nhà văn Phùng Quán phát biểu ở một đêm thơ tại Hà Nội (đăng trên báo Thông Luận gần đây) không?" "Có!" "Đó! Những cái đó dân tình họ rất háo hức. Tôi tin là họ sẽ truyền tay nhau các bản coppy, kể cho nhau nghe khi mà bài đó bị cấm in ra... Vậy chị nghĩ sao về tất cả những gì tôi vừa nói một cách thẳng thắn đó?" "Tất nhiên là tôi biết chứ! Và tôi đồng ý với anh. Nhưng không vì thế tôi thay đổi cách làm Đài." (*cười*) "Vì sao?" "Nó là thế này, anh ạ... (*chậm rãi, chọn lọc từ ngữ*) Tôi làm đài này theo một cách hết sức riêng! Tình cảm riêng, và gồm cả những chuyện rất là riêng..." "Tôi cũng có thể hiểu phần nào..." "Và... (*ngập ngừng*) và cả những tính toán riêng nữa. Nếu tôi đã nói là tôi làm Đài để một phần chuộc lại những tội lỗi CSLX gây ra thì đó là vì, tôi thấy bằng đầu và bằng cả trái tim, các tội ác của chủ nghĩa Mác-Lênin, của người CSLX. Tội ác đó là nặng đối với người Việt Nam ở cả hai miền, nhưng theo tôi thì với người miền Nam nó nặng hơn." "Có chắc vậy không nào?" "Cứ cho là vậy đi! Nó nặng gấp hai lần: một lần vì là nạn nhân chung của Cộng Sản, một lần là việc đánh chiếm VNCH. Anh biết không, gia đình tôi không phải là Cộng Sản, một dòng dõi Nga hoàng. Tôi ghét Cộng Sản như những người VNCH ghét Cộng Sản. Thực ra, giữa chúng ta miền Nam - miền Bắc chỉ có tính ước lệ. Về tình cảm mà nói tôi không muốn Đài phát bất cứ cái gì của những người như Bùi Tín, như Thông Luận, hay như các anh... Còn về mặt nghiệp vụ thì tôi hiểu lắm chứ! Tôi hiểu tác dụng của một Hoa Xuyên Tuyết đối với người miền Bắc XHCN có tác dụng hơn triệu lần so với các hồi ký của những người lưu vong hay người từ VNCH cũ. Cho nên, là một người truyền thông trung thực, tôi bắt buộc phải phát Bùi Tín, phát Thông Luận... Mặc dù tôi ghét những người này lắm!" "Ghét về...?" "Tôi thấy không hợp với cánhân tôi. Nói về ông Bùi Tín. Tôi ghét ông ấy ở cái vụ 30-4-1975 chứ

không phải ghét ở lúc này. Ngay ở với ông Hồ Chí Minh cũng vậy, tôi biết là cần phải phát tới mức nào. Nhưng thấy nó lạnh nhạt thế nào ấy! Tóm lại, nếu mà chúng ta tìm được sự cảm thông trong chuyện này thì rất quý." "Đã đành, bản chất con người, khi làm việc gì dù việc chung người ta cũng xuất phát (có thể ở rất xa) từ một cái gì rất riêng, thầm kín. Nhưng cần làm sao cho đi đến cái chung, vì cái chung ngày một gần hơn, nhiều hơn. Nếu không thì còn nói "Tôi làm vì việc chung!" để làm gì nữa?" "Anh vừa nói có lớp người mà chữ "Chống Cộng" chưa phù hợp. Đó là ai? Là quảng đại quần chúng, là giới trẻ. Nhưng Đài của tôi có dành cho

SỬ MẶC

SÀO NƯỚC

Lúa non
hỏi mạ xuống điền
cắm cây sào thủy
lên thuyền
ủng mưa
thôi nào: cỏ rạ phất phơ
thai sinh
dạ đẻ
ngực bờ. sông vai
vê đất thoát dậy hình hài
đau vào nứt nẻ
giêng
hai
điệu đàng
ơi hò nước lặng chèo sang
một cây ba chạc trăm ngàn
quả
công.

(Trích Thơ Phiêu)

các vị đó đâu! Tôi cũng không phát bài đến các sinh viên, học sinh "dưới mái trường XHCN" đó làm chi?" "Nhưng phương tiện của chị nó như dòng nước, luồn lách đến được mọi nhà." "Đối tượng của Lá Thư Đông Âu các anh rõ ràng là lớp trẻ, là giới trí thức. Nhưng nói chung tôi ghét những người đó lắm! Trí thức trẻ gì mà lại để đất nước như thế này..." "Ghét, nhưng cũng cần giúp họ chứ!" "Tôi không muốn giúp họ!" "Vậy chị làm Đài để giúp ai?" "Tôi không giúp ai. Tôi giúp tôi... Để mà ban đêm tôi có thể đi ngủ một cách yên tâm rằng về bổn phận tôi đã làm thay những người đang bị cầm tù. Chứ tôi không giúp giới trí thức và thanh niên sang Đông Âu hưởng thụ hoặc chạy sang Nga buôn bán hay làm bàn đạp để qua Đức tỵ nạn!" "Giả sử trong số đó, trăm ngàn người, có năm, bảy người tiến bộ hoặc sắp sửa tiến bộ..." "Thì đó là chuyện... của Lá Thư Đông Âu!" (*Lại cùng cười*) "Tất nhiên Lá Thư Đông Âu hay "lá" gì gì mà phải gởi về đều hạn chế. Trong khi lại có Đài của chị nằm đó!" "Thế Lá Thư Đông Âu không đả động đến công chúng của tôi — thế hệ già và đang bị cầm tù chứ gì?" "Có chứ! Và ở chừng mực nhất định..." "Vậy thì thôi thế này: cứ để cho hai bên cùng làm theo cách của mình!"

3/ Tôi đã không nghĩ ra để hỏi Irina một câu mà tôi cho là quan trọng: "Nếu Nguyễn Đan Quế được thả rồi thì mục đích làm Đài, nội dung bài vở của Đài... có thay đổi không?" Tôi đang mường tượng đo xem nằm trong "cái riêng" mà chị vừa nhấn mạnh người bác sỹ ấy có kích thước ra sao...

... "Bao giờ thì có Hồi Ký Irina tập III?" "Tập III chưa định viết. Tập II mới đang in mà." "Nó có khá hơn tập I không?" "Khá hơn. Vì nói về hải ngoại." "Tôi lại sợ không bằng tập I: người hải ngoại tụi tôi biết nhau quá rồi, chị viết không khéo là cuốn sách đổ như chơi!" "Tôi vẫn cho là nó thú vị." "Mà ở tập II chị nói về những ai nhỉ?" "Tôi không lại nói về ông này, bà nọ đâu mà nói về các tổ chức, hoặc về các vấn đề. Ví dụ về chuyện hòa giải hòa hợp. Các nhân vật chỉ thỉnh thoảng xen vào. Thực ra, ở cả hai tập tôi viết về tôi." (*cười sung sướng*) "Vâng, hiểu lắm rồi! Thế cách viết ở tập II vẫn như cũ à?" "Y chang." "Tôi đã đọc tập I ba lần..." "Ối giời ơi!" "Lần đầu đọc vì lạ, lần hai vì thấy nhiều điều chưa ổn. Lần ba đọc để nhớ vì đọc nhờ ở nhà người bạn." "Văn của tôi phải được đọc thành tiếng, vì tôi là người của giới phát thanh. Tôi viết như nói. Thế nên người biên tập cứ muốn sửa từng câu, từng chữ." "Cách dựng câu chuyện, tạo chân dung của chị thật lạ! Không phải vì chị là người ngoại quốc dùng tiếng Việt, ngay các nhà văn, nhà báo Việt Nam cũng chưa có mấy ai sử dụng lối văn đó. Nhưng này, nếu cứ kéo dài lê thê hình thức lạ đó tôi cho là mạo hiểm." "Thì đấy mới là tập II, còn tập III đã biết đâu..."

4/ "Tôi rất không thích mọi sự so sánh, đặc biệt những sự so sánh bề ngoài luôn luôn treo sẵn ở đầu ngòi bút của các nhà văn. Bởi vì trước tiên chính những người được đem ra so sánh với ai đó thường không thích thú gì ở điều đó cả." Viết vậy, trong Bút Ký tập I, vậy mà Irina vẫn cứ tìm cớ để so sánh vợ chồng Nguyễn Đan Quế và vợ chồng Xakharov... Thì cho qua trường hợp đặc biệt ấy. Nhưng lúc văn chuyện nhìn tôi đang dọn đồ chuẩn bị ra về, chị hạ một câu khẽ, trong tiếng cười: "Giống Lưu Trọng Văn ở cách làm báo!" Lúc đó vội, tôi chả kịp vặc lại chị về sự bất nhất đó... Kỳ thực, Irina ạ, vấn đề là so sánh để chê hay khen thôi. Chứ đã là người (chưa tầm cỡ Trái Đất) ai mà chả thích, chả thú khi được khen! Tôi á? Đọc xong bài này, nếu có thằng bạn đến bảo "Mày viết cứ như J. London ấy nhỉ?" thì tôi sướng muốn thấy... "Bác" luôn! Chào chị ở lại.

... "Về hiện tượng Nguyễn Sỹ Bình chị bình luận gì không?" "Tôi cho là mỗi người có quyền và có bổn phận làm cái mà nó phù hợp với người đó. Chiều hôm qua, ở buổi gặp chung, tôi đã nói vui rằng nếu là người đặt mìn thì tôi sẽ cứ đi đặt mìn, tôi là phát thanh viên nên tôi làm đài. Tôi thấy Nguyễn Sỹ Bình làm được việc phù hợp với điều kiện cho phép ông ấy. Nói chung, ông Bình là người rất có lòng. Trước thì tôi mới chỉ gặp con ông ấy thôi, ở Moskva. Tôi mới được gặp ông Bình ở Cali hôm rồi. Thực là tôi không ngờ người tù Cộng Sản được thả ra, được chào đón ôm hôn trong hương vị nước hoa rất là sang như thế! Nhưng tôi thấy cách hành động như ông Bình rất là hay..." "Nó phù hợp với tình hình à?" "Không, phù hợp với ông Nguyễn Sỹ Bình, với Đảng Việt Nam Nhân Dân Hành Động. Họ đã tìm một cách giáng vào Cộng Sản một đòn theo kiểu của họ." "Chị thấy đảng đó thế nào?" "Biết được họ ra làm sao? Nhưng chỉ biết là họ có đảng, có bấy nhiêu người đã bị bắt." "Chị đọc Cương Lĩnh của Đảng VNNDHĐ chưa?" "Rồi. Tôi cho rằng càng có nhiều cái đó càng hay." "Ý tôi muốn hỏi là chị bình luận gì về việc đảng CSVN thả Nguyễn Sỹ Bình và các đồng chí của ông ấy ra? Chiều hôm qua nhân vụ Nguyễn Đan Quế và Nguyễn Chí Thiện, chị nói với ý: CSVN chỉ thả những ai không có hại với họ." "Giờ tôi vẫn nói vậy. Và họ thả ông Bình vì muốn lấy lòng Mỹ trong chuyện cấm vận. Càng thả nhiều càng tốt." "Có cần nhắc ai thả, ai không nữa chứ?" "Nhưng ông Quế thì họ không dám thả dù vụ ông Quế cũng liên quan đến chuyện cấm vận. Còn ông Bình họ thả cũng là vì sau đó ông ấy về Mỹ... Tất nhiên đảng của ông ấy chưa thể là đảng cướp chính quyền lúc này." "Và đảng CSVN còn xem nhẹ họ?" "Nhưng mà này anh, không phải vì thế mà một ngày đẹp trời nào đó tôi bỗng nhận được thư của Nguyễn Sỹ Bình viết: Irina nói rằng Nguyễn Sỹ Bình được thả rồi thì sẽ không làm được gì! Tôi không nói thế đâu! Chúng ta là những người trung thực với nhau. Anh cũng biết cái nào cần viết, cần trích lên báo chí." "Chị yên tâm đi. Viết xong, gởi đi các báo tôi cũng sẽ gởi cho cả chị." "Cái đó thì tùy." "Về nguyên tắc không nhất thiết phải vậy. nhưng bởi làm việc với người Việt chúng tôi quá nhiều, chị cần sự thẳng thắn. Hôm qua chị tuyên bố trước mọi người như thế." "Vâng." "Tôi sẵn lòng "chịu chơi" trong sự thẳng thắn đó cùng chị. Dù sao, cái thẳng ở người phương Đông chúng tôi cũng khác với ở người Nga các chị."

5- Chiều 9-10, đứng đón chờ chị ở cửa phòng họp, tôi hơi sững người trước cái dáng đi có thể

tạm nói là ít giống ai đó. Nói chị đừng giận, dưới mắt các cụ thì dáng đó nó mang số khổ. Tôi không biết ở các buổi hành hương, thuyết khách... khác ra sao chứ còn ở buổi ấy tôi cảm thấy cả 20 năm "cái nghiệp Việt Nam" như đè nặng lên mỗi bước đi mệt mỏi ở chị. Irina giải thích với tôi rằng chị bị say xe, lại đang bệnh. Mấy cái lẻ tẻ đó sánh sao được với hứng nghiệp chị hằng đeo đuổi? Tôi sẽ không an ủi bằng câu nhàm đó "Đã mang lấy nghiệp vào thân". Với chị, chị có bao điều sướng, niềm vui ở sâu trong cái mà người ngoài bảo là khổ? Khi cuộc họp mặt chung tan, mọi người đổ ra mặt đường nhốn nháo tìm xe, ra về... Trong bóng đêm thu nhòa nhòa, giữa chiều bóng dáng tới lui, tôi nhận ra chị không phải chỉ ở cái dáng đi chậm, không giống ai đó, mà còn ở bó giấy khẩu hiệu (vừa được treo trong phòng họp) chị ôm trên tay: khẩu hiệu về dân chủ, nhân quyền cho dân Nam, nước Việt của chúng tôi!

... "Hôm qua chị nói là muốn Việt Nam có sự thay đổi giống như Rumani..." "Hình thức sụp đổ như thế thì tốt nhất. Anh không muốn cái đó à?" "Nhưng liệu chị tin cái đó xảy ra ở Việt Nam không đã? Muốn đâu có phải là được!" "Tôi vừa nghe nói ở trong nước có vụ kéo đến nhà ông Đỗ Mười. Dạo tháng Chín mới rồi... Bắt đầu là vì công an bắt hai người ngồi ở hồ Hoàn Kiếm, sau đó cả đám người tập tụ lại, rồi kéo đến nhà ông Đỗ Mười. Nghe đâu Cộng Sản phải huy động tới cỡ trung đoàn." "Vậy à? Tin từ nguồn nào thế?" "Từ nhiều nguồn. Giờ thì tôi không nhớ rõ. Nhưng cái đó là chắc đấy!" "Theo tôi, ở Việt Nam một kiểu sụp đổ như ở Rumani sẽ không có đâu." "Vâng! Chắc là không có. Nếu có các vụ như Phật giáo vừa rồi thì đâu có xảy ra ở Hà Nội." "Nào, ta cùng thử hình dung cho một cái gọi là cách mạng ở Việt Nam trong tương lai. Từ trong hay ngoài đảng Cộng Sản sẽ làm nó?" "Chắc là từ bên trong (*thở dài*). Song, cái tôi muốn nói là đảng Cộng Sản cứ làm nửa vời, nửa bước đi! Họ sẽ không dám làm cả sự sụp đổ. Phe bảo thủ của Bộ chính trị, kiểu Lê Đức Anh, hiểu điều đó nên không dám làm. Còn các ông cải cách lại không hiểu điều này: nếu đã làm nửa bước là tất sẽ kéo theo tất cả." "Gần đây rất nhiều báo chí đăng bài GS Phan Đình Diệu trả lời phỏng vấn một nhà sử học người Na Uy hồi tháng Chín, 1992 tại Hà Nội. Chị có đọc không?" "Không. À, có... Đúng, Đài có phát." "Vậy chị nghĩ sao về cá nhân ông Diệu, về bài phỏng vấn đó?" "Nói chung tôi không đi sâu... Tôi chán cái đó lắm! (*cười khẽ*). Tôi có bảo ông Trần Minh làm, tôi biết là nên phát." "Trong bài ấy ông Diệu nêu một ý rằng: Việt Nam lúc này chỉ cần hai đảng là đủ!" "À, Đảng Cộng Sản là một, và một đối lập như Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ chứ gì? Chắc là vậy." "Chị tin gì về Phong Trào đó?" "Tôi nghĩ đó là một cách để một bộ phận của Đảng CSVN sẽ ra đó. Theo tôi là thế..." "Đến Sàigòn, miền Nam nhiều lần từ năm 1987-1991, chị có nghe nói gì về ông Nguyễn Hộ và Câu Lạc Bộ Những Người Kháng Chiến Cũ không?" "Biết... biết... Nhưng mà..."

6/ Có một chữ Irina hay lặp lại, khi nói cũng như viết, là "trái tim". Không hẳn vì chị là người châu Âu. Mỗi khi nói đến chữ đó, chị ngập ngừng như sợ người khác không hiểu mình. Kèm theo chữ đó thường là ánh mắt đầy hãnh diện.

... "Ít nhiều đã tiếp xúc với người Việt Đông Âu chúng tôi — những người đang học, sinh sống tại Liên Xô, Tiệp Khắc cũ hay đã đi tỵ nạn tại Đức, Pháp, Hà Lan... Chị thấy sao?" "Thì cứ thế mà sống! (*vẻ phớt tỉnh*). Theo tôi cái khôn nhất của CSVN là chấp nhận để mọi người ra đi, bằng cách này hay cách khác." "Còn về các sinh hoạt báo chí, dân chủ và nhân quyền của chúng tôi?" "Như tôi đã nói ban nãy: tôi ghét các anh lắm!" (*cả hai đều cười*) "Biết rồi! Thì tôi cứ hỏi chơi vậy..." "Các anh cứ hành động như thế đi, vì các anh có làm khác được đâu! Cứ làm tiếp đi... Nếu chịu như tôi nói thì có dám đăng lên báo điều tôi vừa nói không?" (*hạ giọng, nheo mắt*) "Đăng chứ! Đã nói là "chịu chơi" cơ mà!" (*lại cùng cười thoải mái*) "Cái mà tôi không đồng ý với bạn bè quốc gia của tôi (*lấy lại giọng nghiêm túc*), là việc họ cho rằng các anh làm do Cộng Sản Hà Nội sắp đặt để

mê hoặc người hải ngoại. Tôi không đồng ý! Tôi luôn biết rõ người nào là làm theo đơn đặt hàng của Cộng Sản, người nào là tự làm. Nói chung tôi thấy các anh làm như vậy là chân thành." "Hôm qua vì mệt mỏi hay vì "ghét bọn Đông Âu" mà lúc tiếp xúc với tôi chị lộ vẻ lạnh nhạt rõ rệt?" "Lạnh nhạt ở đâu? Lúc gặp nhau á?""Quả vậy!" "Thì sao cơ?" "Thì việc chị bảo rằng không ưa tụi tôi, điều đó có bị thể hiện qua cách cư xử bên ngoài không?" "Không biết... Anh cho là vậy à? Tôi thấy mình cũng là người lịch sự đấy chứ!" "Lịch sự thì lịch sự rồi, song khi làm việc cùng nhau chả nhẽ chỉ cần lịch sự?" "Thì đã sao? Vì sao mà có câu hỏi đó?" "Không, đấy chỉ là câu hỏi không cần câu trả lời... À, thế khi anh chị em các tờ báo Cánh Én, Thiện Chí... phỏng vấn chị có trả lời như ban nãy không?" "Buổi với Cánh Én, thú thực là, "già, lẩm cẩm" rồi, tôi quên. Riêng buổi với Thiện Chí không hiểu sao tôi lại rất nhớ. Thiện Chí họ không hỏi có tính chất riêng như anh hỏi... Và có thêm điều này tôi rất muốn nói với anh. Đây không phải là sự nhầm lẫn mà có lẽ là vì người ta, đúng ra là những người như các anh, còn đơn giản khi hiểu tôi. Chuyện đã xảy ra với rất nhiều người, rồi cũng là bài học đau đớn trong đời cho cả hai bên. Ngay từ đầu họ cứ nghĩ vì Irina đã như thế này thì sẽ phải như thế kia. Lần đầu tiên tôi bị là với anh gì đó ở báo Tia Sáng, gặp nhau qua điện thoại. Anh ấy nói ngay: "Chúng tôi cũng như chị từ chế độ XHCN Đông Âu mà ra!" Và còn nói "Chúng tôi là trí thức cũ." Đối với tôi, trí thức cũ là ai? Là Ngô Đình Diệm, là Tôn Thất Thiện v.v... Rồi đến buổi gặp ông K., bà L. ở Paris. Họ đón tiếp mình như khách quý, như đã quen hiểu nhau từ lâu. Và rồi thấy cách xa nhau một trời một vực. Thật đau đớn cho cả hai bên! Cũng thế, Thiện Chí chắc họ cũng tưởng vậy, nhưng tôi lúc đó đã có kinh nghiệm và tránh được." "Nếu gặp chị nửa năm trước ắt hẳn tôi cũng sẽ "hồ hởi, phấn khởi" cho mà xem! May mà nhờ đọc báo, theo dõi qua bạn bè nên tôi có cảm giác hị không đồng ý lắm! Vì nhiều khi anh cũng chưa biết xúc sâu với những người Nga đó và bản chất của họ không lộ ra trước anh." "Có thể vậy... Khi đến đây tôi đã mang theo một cự ly giữa chúng ta mà do phía chị tạo ra." "Việc đó mình cứ nên giữ với nhau, kể cả trên báo chí. Còn trên làn sóng thì không cần vì người trong nước họ không hiểu nổi. Cứ nói với nhau trung thực như thế này có phải hay không nào?" "Như chị biết đấy, phong cách đặc thù của người XHCN-chúng-tôi..." "Cứ cho là chúng-ta đi!" "À, vâng, tốt! Phong cách XHCN của chúng ta được bao phủ bằng sự vồn vã, làm như chúng ta vẫn còn là một "đại gia đình vô sản toàn thế giới", là

con của Mác, cháu Lênin... Quán tính đó chưa mất ngay được khi đã thành người "chống Cộng". Nhận thức được rằng mỗi người làm dân chủ "chống Cộng" theo một cách riêng, quả không có dễ đâu chị!"

7/ Gặp Irina được một buổi, tôi hơi nghi ngờ nghiệp vụ của ông điệp viên Hai Long từng nghi chị "làm tình báo" (và rồi bị Irina "chơi" lại khi chẻ chữ "tình báo" ra làm hai!) Theo cách hiểu của tôi, nghề tình báo trước hết là nghề đóng kịch. Dưới mắt tôi, Irina tỏ ra rất xoàng về chuyện này: khi giao tiếp, điều gì không ưa chị bỏ lửng, thờ ơ rất rõ, và ngược lại. Làm tình báo mà lại thế ru?

... "Từng đến Việt Nam cỡ 20 lần mà chỉ hai lần ra Hà Nội: vì chị không thích Hà Nội hay vì...?" "Anh ạ, là vì không có điều kiện. Tôi rất thích Hà Nội. Nhưng Hà Nội ở đâu bây giờ? Hà Nội bây giờ không còn... (*cười chua chát*)" "Vẫn còn chị ạ..." "Có lẽ, mà tôi không được biết. Tôi đoán nghĩ về Hà Nội trong cái đống đổ nát ấy!" "Sinh ra và trưởng thành ở Hà Nội, tôi biết Cộng Sản họ phá Hà Nội nhiều nhưng không thể phá hết, phá những cái thật sự là Hà Nội trong lòng con người. Giá chị giao tiếp nhiều hơn nữa, không phải chỉ với những Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi... mà với những Phùng Quán, Văn Cao, Nguyễn Mạnh Tường... thì sẽ thấy thế nào là kẻ-sỹ-Bắc-Hà. Tôi nói thật và chả sợ bị xem là "địa phương chủ nghĩa": chị dành cho Sàigòn nhiều ưu tư là lẽ đương nhiên với các lý do riêng, song nếu còn quan tâm đến Việt Nam một cách thực sự mà bỏ qua địa chỉ Hà Nội thì có nên không?" "Không phải là không quan tâm mà là tôi biết còn ít đến nó. Ngay đường phố Hà Nội cũng có biết đường nào ra phố nào đâu! Mà thế này anh ạ, dân chủ của chính quyền mới nó phải thắng trong cả nước chứ không phải chỉ quanh cái Nhà quốc hội. Như ông chồng đầu tiên của tôi từng nói "Cuộc cải cách giải phóng nông nô 1861 vẫn còn chưa đến được các vùng nông thôn", còn bây giờ thì tôi có thể nói "Perestroika chưa động đến rất nhiều nơi ở Nga."

8/ "Hắn than vãn về bà ta quá xá! Nhưng "chàng" vẫn ủng hộ "nàng", dù không có gì kiểm chứng các việc "nàng" đang làm hay về các thói tật của "nàng Kiều" này!" (trích thư của một người bạn đề ngày 26-10-1993). Cả người viết thư và người được nhắc đến trong thư đều đi tỵ nạn đã lâu, đang say sưa với Đài từ thuở ban đầu. Biết tôi có phỏng vấn "nàng", bạn bèn gởi cho thư vừa được trích.

... "Nhiều người tôi quen biết, chưa gặp hay đã gặp chị, bảo rằng chị kiêu!" "Kiêu quá chứ còn gì! (*mỉm cười vô tư*)" "Nhưng ở đây tôi không nói về cái kiêu mà một người đàn bà nào cũng có quyền có, nhất là ở chị lại có một vài cái thế để kiêu. Điều tôi muốn bàn là chị từng bảo với các báo chí rằng chị có dư kinh nghiệm để làm Đài, đủ khả năng chọn bài mà khỏi cần ai can thiệp vào." "Anh ạ, điều ấy thì không phải là kiêu! Đó là cái thuộc về một-người-được-giải-phóng. Nếu như tôi ngay từ đầu đã được tự do làm báo, làm đài thì tôi sẽ không "kiêu" như thế! Tôi muốn hiện nay mình không có lý do gì để còn bị làm dưới sự kiểm soát của một vị tổng biên tập như 14 năm trước đây. Điều tôi từng mơ ước là được làm báo độc lập. Thực ra không phải "không có ai được can thiệp" đâu! Tôi có nghe các ý kiến khác. Ví dụ khi anh Phương nói gì, dù tôi phản đối lúc đó nhưng sau rồi tôi vẫn chấp nhận. Đâu phải vì anh ta là chồng, mà vì tôi cho rằng anh ta hiểu về Việt Nam hơn tôi. Tôi sẵn sàng nghe, tôi luôn luôn sẵn sàng nghe! Nếu bây giờ anh khuyên tôi một cái cụ thể nào đấy thì tôi sẽ chịu, dù thoạt đầu phản đối. Nhưng nếu về nguyên

tắc anh lại đặt vấn đề là "cho Irina một bài học" thì tôi không chấp nhận. Cuối cùng thì bao giờ sau một cuộc nói chuyện cũng sẽ có những cái gì đó để tôi nghe người khác." "Nếu "kiêu" kiểu đó thì còn là được... À, hôm qua chị nói một câu đáng ghi nhận: chị không muốn bất kỳ đảng phái nào đứng sau Đài của chị!" "Cái gì cũng có luật chơi, nếu mình đã chấp nhận làm thì phải chịu luật chơi đó. Ngay với Phục Hưng tôi muốn nói thêm vài lời... Nếu như Đài này là của Phục Hưng thì họ cứ tuyên bố thẳng với tôi. Một khi tôi đã hứa, hay làm thuê cho một tổ chức nào đó, thì tôi phải làm chu đáo. Nhưng tôi cho rằng họ chơi hai mặt ở chỗ là: làm cho tôi không biết được điều họ làm. Cái đó tôi không chịu! Nói thực, cái khó nhất với tôi vẫn là các Ủy Ban, còn với Phục Hưng tôi vẫn hoạt động cùng. Các Ủy Ban lấy danh nghĩa của tôi, đưa tên tôi ra để mê hoặc người ta. Người ta đưa tiền cho là vì thích tôi chứ đâu vì thích mấy ổng! Thế rồi các Ủy Ban lại dùng số tiền đó để gây áp lực với tôi theo mục đích riêng của họ mà không phải mục đích của những người cho tiền." "Lúc mới qua đây, tụi tôi cũng "ngây thơ" như chị. Cũng cứ coi "hải ngoại là tiền tuyến sục sôi để chống độc tài Cộng Sản"... Nay chị đủ kinh nghiệm rồi, tôi thành thật cầu và chúc chị có thêm nhiều điều kiện để tiếp tục hợp tác với người Việt hải ngoại chúng tôi. Đừng vì chuyện cũ mà nản!" "Không nản đâu! Cái đó anh có thể yên tâm!" "Chả còn là "vạch áo cho người xem lưng" vì chị biết hết "lưng" chúng tôi rồi, nhưng vẫn phải thú nhận là người Việt chúng tôi làm lẻ thì tốt, cứ xúm lại làm chung là lộ các tính xấu ra." "Khách quan ra thì thấy Đảng CSVN biết đoàn kết những khi cần, sau đó họ mới diệt nhau, diệt người vừa đoàn kết. Về đạo lý mà nói ít ra họ cũng biết hy sinh."

9/ Từ cuộc gặp gỡ chung về, nhân vật chính bị mệt, phải đi nghỉ sớm. Mấy anh chị em chúng tôi ngồi nói hết chuyện Đài sang chuyện đời... Mỏi miệng, ra lục tủ sách của chủ nhà, ngó chơi mà vớ được vài câu của họ Vũ. Tiên sinh viết khi nào, viết ở đâu sao hợp cảnh, hợp người thế? "Mải mê theo sự nghiệp / Quá trớn lỡ giàu sang / Mưa rơi chiều ngõ hẹp / lá vàng bay ngổn ngang." Từ chỗ để xe vào nhà, tụi tôi cũng phải dùng ô. Mưa thì phải... Nhà Phạm Văn Kiểm cũng ở một khu chung cư với những lối đi xin xít...

... "Chị đoán xem khi CSVN sụp đổ, ở trong nước tàm tạm có dân chủ, thì bao nhiêu phần trăm người Việt hải ngoại về?" "Lúc đầu hay là nói chung? Nếu lúc đầu thì độ dưới 10%, 5-10 năm sau đó lên độ 15% là cùng." "Đêm qua tụi này cũng ước chừng vậy. Nhưng số người đi đi, về về có lẽ sẽ tới 30%." "Ở Pháp chắc chả ai về hẳn. Người Việt ở Pháp rất khác so với ở Mỹ." "Còn ở Đức?" "Ở đây có hai bộ phận khác nhau lắm: những người đi sau khi tường Berlin đổ và những người đi trước đó từ lâu." "Ở Mỹ thì sao?" "Cộng đồng Việt ở đó tôi dễ chấp nhận hơn, vì không có những người XHCN cũ." "Thì ở Pháp có mấy người loại này đâu?" "Pháp khác! Cái nước Pháp bản thân nó đã quá lôi thôi. Và mỗi người Việt ở đó có một thế giới riêng."

10/ Sau khi anh Quý, đại diện Ban tổ chức, có lời kêu gọi ủng hộ tài chính tại chỗ cho Đài, hai thiếu nữ xinh trẻ, duyên dáng dưới lớp áo dài dân tộc bất ngờ xuất hiện với các hộp đựng tiền ủng hộ trên tay... Số tôi hôm đó không may: là người đầu tiên "lọt" vào cặp mắt huyền của người đẹp. Rút ví, nhẩm trừ tiền tàu xe, còn lại đúng chín Đức mã. Mà lại là "tiền cạch"! Giá như cái hộp đó bằng giấy bìa thì có phải đỡ "quê" cho tôi không? Thế là tiếng những đồng tiền rơi loảng xoảng trong chiếc hộp đồng phá tan không khí vừa bỗng im ắng của cả phòng họp... Rồi Ban tổ chức thông báo công khai tổng số tiền thu được ngay lúc đó là gần 1,500 Đức mã. Bèn nhẩm trong đầu: "Gần 100 người dự, bổ đầu là 15 đồng/người. Phần của mình cũng còn là... quá bán so với con số trung bình! Đã "quê" lắm đâu?"

... "Còn một chuyện, tôi để dành cuối cùng, chả nhẽ lại không nói thì thật không phải với chị... Vẫn biết gánh nặng nhất đè lên chị lúc này là chuyện tài chính cho Đài, nhưng quả thực chúng tôi lại không có khả năng về chuyện này. Thành ra tôi không muốn đả động đến nó ở các chuyện vừa rồi." "Về vụ ấy thì còn gì để nói nữa đâu, anh đã nghe hết ở buổi chiều tối hôm qua rồi đấy!" "Tôi chỉ có một gợi ý: nước Đức này biết về chị, về Đài của chị còn ít, chị nên đi nhiều nơi ở Đức để tranh thủ ủng hộ và quảng bá các công việc đang làm." "Thực ra, ngoài việc đó tôi rất muốn gặp gỡ riêng với những người còn trong các Trại tỵ nạn để hiểu trực tiếp tâm tư của họ. Tôi thấy cần sinh hoạt hẳn một buổi với họ để làm bài cho Đài. Chứ ai lại đi đến các Trại tỵ nạn để thu ủng hộ tài chính!" "Ấy, chị đừng tưởng! Với anh chị em đi làm rồi, họ khối tiền đấy!" "Tôi biết chứ! Người Việt Nam thì ở đâu mà chả có tiền! (*cả hai lại cười*). Nhưng họ là triệu phú đi chăng nữa cũng không nên vì họ còn đang xin tỵ nạn. Anh đừng nói với họ về chuyện ấy, tôi sẽ đến với họ ở màu sắc hoàn toàn khác." "Nếu vậy thì khó gì! Tôi sẽ giúp chị hiểu rõ hơn những-người-mà-chị-đang-ghét." "Thôi mà anh... Chủ yếu là tôi muốn nghe họ nói, nên tôi sẽ dự trù một chuyến đi đặc biệt để gặp các vị." "OK. Và còn gì nữa nhỉ? Này, đố chị cuộc hỏi chuyện sẽ được viết ra như thế nào? Viết hết cả hay là..." "Nên viết thế nào thì anh nên viết." "Là tôi cứ hỏi thế..." "Anh cũng hiểu rằng tôi không muốn dấu gì cả! Điều tôi rất buồn là người ta lại hay trích dẫn theo kiểu làm sai lạc, không đủ ý nghĩa. Anh thấy cái quan trọng thì viết ra!" "Có một câu nói, đại ý: Nếu cứ chiếu theo các trích dẫn thì tác giả nào cũng đáng chém đầu!" "Đúng vậy anh à!" "Như đã nói, đây là câu chuyện hoàn toàn cá nhân giữa hai người. Chị sẽ có bài viết của tôi, để nếu nhỡ báo chí họ vẫn cứ khoái "trích dẫn" thì chị còn biết." "Vâng..."

Lời cám ơn xin dành cho gia đình anh Phạm Văn Kiểm (Muenchen) và anh Bùi Văn Tân (Nuernberg) đã tạo nhiều cơ hội để bài viết này có được.■

Hoechstadt/Aisch, 30-10-1993

(*) Những chỗ có ký hiệu (...) là trích dẫn của người thực hiện

Sách do THẾ KỶ phát hành:

Đã phát hành:

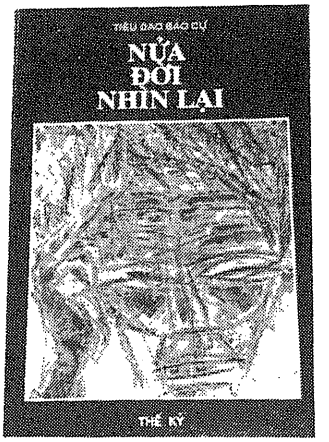

• NỬA ĐỜI NHÌN LẠI

Truyện của Tiêu Dao Bảo Cự (tác giả hiện ở trong nước). Truyện phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên Cộng Sản. Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự.

Sách dày 340 trang. Tựa của Đặng Tiến.
Bạt của Hà Sĩ Phu. Giá: $14.00

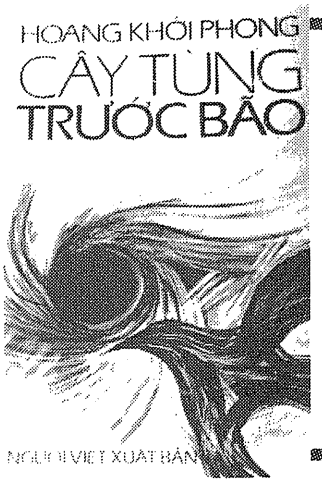

• CÂY TÙNG TRƯỚC BÃO

Ký của Hoàng Khởi Phong. Tác phẩm mang lại niềm tin rằng, còn có những con người thực sự đã sống và chiến đấu cho dân tộc và quê hương, với đầy đủ tinh thần trách nhiệm và nhân phẩm.

Giá: $15.00

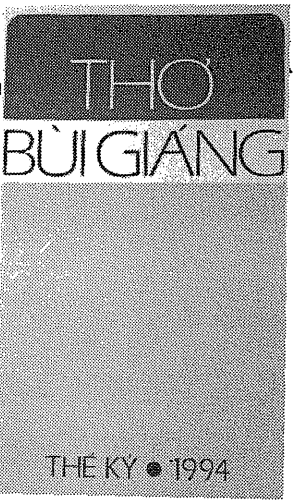

• THƠ BÙI GIÁNG

Một tập hợp các bài thơ mới nhất, sáng tác trong các năm 1992-1993 của nhà thơ tài hoa và lạ lùng nhất trong thời đại của chúng ta. Cũng là nhà thơ dài hơi nhất...

Giá: $8.00

Liên lạc:

THẾ KỶ
P.O. Box 2054-H39 Westminster CA 92684
ĐT: (714) 894-9021 * Fax: (714) 894-2752

FROM VIETNAM TO THE UNITED STATES AND AFRICA: MY YEARS WITH THE PEACE CORPS

by PHU BUI

After graduating from U.C. Berkeley, I joined the Peace Corps and was sent to Togo, Africa. John F. Kennedy's appeal "Ask not what the country can do for you, but what you can do for your country" inspired me since I still was a teenager. As a Vietnamese refugee, I want to give something back to the United States for taking me in and allowing me to live in a free society.

I first went to Philadelphia for a week-long pre-departure orientation. There were forty-five volunteers coming from all over the United States, most in their twenties and thirties, some sixties. Our discussions concentrated on how to survive and work efficiently for two years in a new environment completely isolated and different from where we used to live. We also shared experience in having new friends of different culture. The night before leaving the country, a couple of my new friends and I dined in a local Vietnamese restaurant.

On June 16, 1983 we departed. Two volunteers, who speak fluently French, were designated as our guides. The bus was delayed because one person did not show up. A volunteer from Minnesota was still on the phone talking to his fiancee. He told us he would meet us at the airport.

Our plane took off from Philadelphia airport around noon. After changing plane in New York and Paris and stopping over in Geneva and Adbijian, Ivory Coast, we landed at Tokoine Airport in Lome — the capital of Togo — in the evening of June 17.

It was raining heavily. I could not see much except the name *Tokoine Aeroport* in luminous green. When the plane door opened, a wave of muggy heat quickly sucked in. It was a familiar smell of the monsoon season in Vietnam.

The rain stopped when we left the airport. This coastal capital of Togo looks like Tijuanna of Mexico or Bien Hoa of Vietnam — paved roads without traffic lights, pedestrians and motorcycles weaving in streets in an unpredictable manner. A bus took us to Le Prince Hotel which was located on a flooded dirt road. When we disembarked, a group of children surrounded us and shouted in unison "*yovo, yovo*" which means white people. It was the first word of a local language, the Ewe, we all quickly learned.

Togo brought back my fond memories of Vietnam such as the weather, papaya trees, red flamboyant flowers and flooded roads. Those are the things I missed most since my arrival to the United States in 1975.

Togo is a tiny strip of land squeezed in between Ghana and Benin, situated near the equator on the west side of the African coast. Its population is about two and half million black people composed of dozen races, most of them Kabyes and Ewes. Togolese speak different native tongues while French is the official language. Most Togolese follow animism while Christianity and Islam are the other religions.

After a few days in Lome to complete the immigration and health papers, we were transported to Atakpame, a small town in the highlands, for a tense training course. We spent seven hours daily learning French language, Togolese cultures and history and pedagogy. Our living quarter was a big room divided into small cubic compartments covered with mosquito nets. I contracted malaria and was brought back to Lome for treatment. A dozens of chloroquine pills cured me, but the reaction was terrible. Several got diarrhea. Some found French language frustrated. The morale was down. A couple of volunteers quit. The word E.T. — Early Termination — became a stigma. However, most of us successfully completed the three-month training course and were sworn in.

I was assigned to teach science at Notse High School, about 100 kilometers north of Lome. Two other volunteers, a Michigan State University and a Harvard graduate, got similar assignments at other high schools. A Massachusetts resident went to the northern part of Togo to work on a project building clay stoves. The Minnesota volunteer was assigned to work with the agricultural education program. An Indiana couple, who previously served the Peace Corps in Nepal and had dinner with me in a Vietnamese restaurant in Philadelphia, were stationed in Lome to train Togolese middle school English teachers. Others were scattered all over Togo.

Peace Corps country director took me to my post in a station wagon. I was first presented to the chief of the prefecture, then the school principal. Late afternoon we arrived at my living quarter — a bricked house without running water, electricity or indoor toilette — located in a compound and surrounded with mud houses and corn fields. We unloaded a mattress, two kerosene lamps, a first-aid box, a couple boxes of teaching materials and my two

suitcases. The director then left and I was on my own from then on.

I started teaching the next day. Notse High School had only 250 students in six classes. I taught all except one. There was already a volunteer from Ohio teaching math at Notse for a year. Ninety percent of my students were males, many in the their twenties. Students would not be promoted to the next higher grade if they failed the national exam each summer. Annually, less than fifty percent passed. This explains why many older students are still in high school.

Teaching physics and chemistry in French language was not a difficult task for me. To make my lessons more enjoyable and to visibly illustrate scientific concepts, I brought to classroom some hand-on activities.

Outside the school, I tried to get to know the neighborhood and Togolese customs. My neighbors were farmers. They went to the field early morning and came home before the sunset. Listening to music and dancing are their past time activities. My radio-cassette became their good friend because it broadcast live coverage of soccer games, Togolese favorite sport. The cemented patio in front of my house was a place for our cultural exchange chats and the sleeping floor for many neighbors during hot nights. The local "*fou-fou*" and the slimy "*sauce de gombo*" were my favorite lunches. My students gave me an African name "*Yaovi*" which means a second boy in the family born on Thursday. The Togolese name their new born infants according to their birth dates.

My neighbors and students questioned how I could be an American citizen? To their knowledge, Vietnamese are the people who defeated the French and American, why I left my homeland after the war to follow the loser? They only know there are black and white people in American and I am "*un petit Chinois,*" or a little Chinese, not American.

I shared with them the stories of my boat trip from Saigon when the communist troops were closing on the city and my life in America as a refugee before becoming a U.S. citizen. I told them about African-Americans and Asian-Americans and their struggle for civil rights in the past and at the present. John F. Kennedy and Martin Luther King are their heroes. They were excited to hear about Asian-Americans and to learn that the Vietnamese are the newest immigrants in the United States.

We became good friends. My neighbors believed foreigners working in their country had and knew everything so when having a headache, a fever or getting a rash from insect bites, they came and asked me for a cure. A couple of aspirins was my universal prescription for them. There was no doctors for several thousand Notse residents.

My years in Togo were relatively peaceful except for a few scary moments. When the U.S. troops invaded Grenada and the Marines' compound in Beirut was bombed, we all were summoned to the embassy to be officially informed and advised on the precautions regarding our safety. World news usually came to us only through shortwave radios. The bombing made us worried.

We also mourned the death of two volunteers. One was killed in a motor accident. The other, our guide when we left America, was stabbed to death in her house by some local people who took revenge of a dispute over her stolen possessions. Her death was an isolated incident but it frightened us all.

I left Notse after two school years. Before leaving I gave away all of my household utensils to the neighbors. I also planted in the school yard several flamboyant trees which bloom red flowers in the summer, and hoped they would survive the drought years so that I could see them when I revisit Notse. After leaving Notse, I never forget the drought in 1984 when the corn fields around my house dried up and yielded no corn at all. That year the neighbors had to consume more heavy *yam* than corn flour.

I left Togo in late 1985 and went on to work with educational programs in Southeast Asian refugee camps for two more years, before headed back to California. The Indiana couple stayed in Togo for a third year and then went to Thailand to work with Hmong refugees. They are now teaching in Oregon. The Minnesota volunteer married his fiancee, brought her along to Togo and then Mali. They are still in Africa working with AIDS prevention projects.

Our African stories are often revitalized when we reunite. Peace Corps experience has nurtured our friendship and culturally enriched our lives. It also made me to believe that happy life does not mean having everything we need, but a life full of sharing and learning. ■

Phu Bui, a former Peace Corps volunteer, worked with the United Nations in Southeast Asia. He currently teaches public school in California.

Vietnamese Culture Series, No.1
LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY:
Some Articles by Nguyễn Đình Hòa
Edited by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hương
Second Printing, Asia Books, Saratoga, California, 1991

Asia Books - 13455 Surrey Lane
Saratoga, Ca 95070,USA

BOOKS BRIEFLY NOTED

By NGUYEN KY PHONG

Nua Doi Nhin Lai
By *Tieu Dao Bao Cu*
The Ky; 337 pp.; $14.00

This is a rare fictionalized personal acount of a former communist party member—the author himself. The author's ideological love affair with Communism died after 13 years; it died from a failed promise. Tieu Dao Bao Cu's Nua Doi Nhin Lai (Mid-life in Review) is an indictment of Communist Vietnam. A member of the Vietnamese Communist Party for 11 years, Mr. Bao Cu was expelled from the Party in 1988 after he had waged an unauthorized democratization campaign in the hope of bringing about changes in order to save the ideology he had once loved. An unabashed adherent of Communism, faith withers when he realizes that the future promised by Communism is going to be worse than the reality it's trying to change. Born in 1945 and attained a college degree in 1965 from the University of Hue, equiped himself with much more han other comunist cadres, the author had hoped his education would be used and his dedication to serve the Party appreciated. But he was wrong from the beginning to the end: meeting after meeting (rencontre is a better term in this case), his suggestions were rejected, his requests denied—all in the name of this invisible Party. He tells of unbearable shame he has to bear, seeing laboring children looking at him with wrath in their eyes; of country's intellectuals who are so tired of hearing the same old lies from the Party leaders that they resigned from reality and no longer care which way the country is heading. Mid-life in Review is a sad story of betrayal and delusion. It seems, after a bout with Communists, the author is ready to resign his whole life to his fate.

Ong H.O.
By *Ha Thuc Sinh*
The Gioi; 204 pp.; $12.00

Ong H.O. (Mr. H.O. and other stories) is a collection of 17 short stories, most of which are about exile and exilic; about life in the U.S. as perceived by those who are yet to assimilate to the new land. H.O. is the acronym of a program initiated by the U.S. government to bring to the United States any qualified person who had associated with the U.S. during the Vietnam War and who desires to leave the communist Vietnam. Being in exile—to quote Alexander Solzhenitsyn, is "the hardest existence ever experienced." In the collection's namesake story, Mr. H.O., one of Mr. Sinh's characters, an aged former colonel, spends day after day musing upon the existential value of life-in-exile. At times, he's in doubt that he'll ever enjoy life as an exilic. Mr. Sinh is a veteran writer with 15 publications to his credit. An accomplished translator, Mr. Sinh has translated into Vietnamese works by, among others, the historian John Toland and the novelist I.S.Singer. Mr. Sinh's 1985 Dai Hoc Mau (University of Blood) is one of the best memoirs written about communist concentration camps in Vietnam.

Cua Dia Nguc
By *Tran Long Ho*
Minh Van; 560 pp.; $22.00

It's not an easy task maintaining a full-time professional practice and writing novels at the same time. But author-cum-physician Tran Long Ho manages to do just that. His latest tomes, a novel and a collection of short stories, make six the total fictions he has published since 1989. The novel Cua Dia Nguc (Hell Gate) is the second sequence to epic series Dung Than (Haven). In this sequel, Thien, the novel's protagonist, tries to escape from Vietnam. That's when hell looms on the horizon for him: he was captured and sent to the regime's purgatory in Vi Thanh, South Vietnam. There he goes through sufferings and miseries, inflicted by the jailers who convinced that Thien had hidden some gold when he was captured. And life as a prisoner in Vi Thanh is no picnic (for those who want to know where in the hell Vi Thanh is, its coordinates are 09'47" North 105'29" East on the map): They try to crack him but he never subjugates to the torment imposed upon him by the cruel regime. All the time he nurtures a faith that he will survive this man-made hell and complete his journey for a safe haven. The novel offers views of how penal institutions are being run under Vietnamese communist regime. In Hell Gate, love, human strength and faith, that what it takes to survive a certain hellish time. ■

ĐỌC VÀ
GIỚI THIỆU
THẾ KỶ 21
(714) 894-9021

AND SLOWLY FLOWED THE PERFUME RIVER

CAO XUÂN TỨ

Since early childhood I had lived with my grandparents in our ancestral house just outside the little town of Hue. Old princes and retired mandarins used to monopolize this hamlet on the right bank of the Perfume River, but there were very few of them left. Both my parents had died when I was an infant. Like great-grandfather before him, grandfather was a court mandarin. His career ended abruptly when the revolution broke out in 1945.

Aunt Van was grandfather's illegitimate daughter. Grandmother, blind in one eye, warm and loving by nature, trembled with rage at the sound of Aunt Van's football in the cobbled yard that separated our house from the servants' quarters to which she was assigned. Grandmother wouldn't have her under the same roof. I was told later that it hadn't been easy for grandmother to forget a painful episode earlier on.

Grandfather had once served as the chief judge in the northern province of Bac Ninh. He had a liaison with a singing girl half his age, and Aunt Van was the product of that affair. Mandarins keeping a stable of concubines was commonplace in those feudal times. It was a prestige thing — a symbol of the privileged class — provided that their first wives didn't make a fuss about it. Grandmother might not have objected to granting Aunt Van's mother concubine status had she not been a singing girl. Girls who sang at parties and poured ricewine down men's throats for a living were rock-bottom on the social scale. Disguised whores!

"No, no, no!" Grandmother hissed through her lacquered teeth. "I'll have nothing to do with such trash!" And she refused to let the child carry our family's name. Grandfather wasn't much of a fighter in such delicate matters. He feared scandal. He didn't want to offend the honour of his wife, who had single-handedly borne him ten sons in fifteen short years! And he didn't forget grandmother was the favourite daughter of the all-pewerful Regent of the Empire of Annam, who could make or break his career.

Both mother and child hadn't been heard for a long time. Grandmother sometimes brought up the subject when she was cross with grandfather, who just sucked his water-pipe and sulked for days. Then came revolution. The war years. Families were torn apart, stranded in Viet Minh areas and French zones that made the country's map look like a leopard skin. No one mentioned them. A casualty among millions. We were lucky to be alive and still living in the old house by the sleepy river.

Aunt Van entered my young life on a hot night in 1953. We had fallen on hard times. No servants, no dogs. Above the cicadas' chorus I heard someone call from the gate. My grandparents had long retired for the night. They kept separate beds since heaven knows when. I was having trouble memorizing a pre-war poem entitled 'A Tiger Longing For The Jungle' for the recitation class next morning. I dreaded night visitors. Headless ghosts, wandering souls, foreign legionnaires, Viet Minh agents, anything. All spelled horror. I blew out the oil lamp and jumped into bed. The calling stopped after a while, then the gate creaked as it was pushed inwards. We couldn't afford locks and chains. Footsteps echoed from the front yard, then stopped at the door. *Tap, tap, tap.* Discreet, haunting. Here comes the one-legged, one-armed female demon looking for virgin boys. Trembling with fear, I pulled the blanket over my head, despite the heat. *Tap, tap, tap, tap.* More urgent now. Insisting, imploring. Grandfather had woken and came to the door, a candle in his hand. I sneaked out of bed, sidling up to him.

"Who's that?" grandfather breathed, trying to stifle a bout of coughing.

A woman's voice answered, clear as a bell. "It's me. Your daughter. Please let me in."

Grandfather's wrinkled hand quivered. In the candlelight his face looked green as a banana leaf.

"Van? Van? Is it really you?"

"Yes, Pa. it's me."

"Open the door for her, for goodness' sake!" Grandfather cried.

A woman staggered in under the weight of a cardboard suitcase. They stood staring at each other. Fathers and daughters didn't embrace in ancient Hue. She looked tired but I could tell she was young and beautiful.

"Say hello to Miss... er... Aunt Van," grandfather said, recovering his mandarin's dignity. "She's my... er... never mind. She just came from the other side."

He must have meant the Viet Minh zone.

I mumbled a word of welcome. Aunt Van flashed me a warm smile. She bent down, squeezed my hand, and slipped something into it. Hers was soft, with fine fingers.

"A little present for you," she said softly. It was the first time as a child I found myself so close to real young womanhood. A strong scent exuded from her clothes, I felt slightly dazed. She looked too good for someone who just came from the Viet Minh zone. Hardship country, they said.

I tore open the fancy wrapping and dug through the tin foil underneath. Out came a thin piece of brownish tile.

"What's this?" I asked, bewildered.

"It's *chocolat au lait*," Aunt Van laughed. "You can eat it."

I nibbled at it. The stuff tasted better than any candy I'd ever had. I gobbled it, much to Aunt Van's delight.

"Run along to bed," Grandfather grumbled.

Grandfather and Aunt Van held a little tête-a-tête. They kept their voices down so as not to wake grandmother who slept in the back of the house. Ancient houses were just dark morgues with bare wooden partitions; they had no private rooms and I could eavesdrop on the conversation. In fact I could watch them a few yards away through the crack in the partition next to my bed.

"It was pure chance," she murmured. "The French swept the area I happened to be in. I went out with them when they withdrew."

Grandfather didn't press for details of French search-and-destroy technique. "Where's your mother?" he asked, anxious for news of his old flame.

There was no reply, just suppressed sobbing. A knot swelled up my throat. Tears welled my eyes. She was motherless, just like me.

Grandfather blew his nose several times. Old mandarins were not supposed to cry. "So your mother died. Just as well. And that's that." He sighed, rubbing his hands as if giving up on a difficult passage in the *I Ching*. "What took you so long to get here?"

"I had to be with the troops. They guaranteed my safety. I stayed in Hai Phong for three months to get the travel papers."

"They gave you all those clothes?" Grandfather blinked at the expensive-looking clothes Aunt Van was wearing.

"I worked in the officers' mess. I had to earn some money," she said evenly. "Can I stay with you?"

Grandfather tilted his head in the direction where Grandmother lay sleeping under a mosquito netting. Thank God she snored contentedly.

"Might be some trouble. I'll talk to her in the morning."

I woke up just before daybreak. Grandfather was busy preparing his morning tea. Grandmother laid a bowl of rice porridge and a tiny dish of dried fish on the table.

"Eat your breakfast before it gets cold," Grandmother said, her voice much less warm than usual. It was the same breakfast I ate yesterday and the day before yesterday and the day before that.

I looked around for Aunt Van. She stood at the window, gazing at the mist outside, the cardboard suitcase at her side. She hadn't unpacked.

"Isn't Aunt Van staying with us?" I asked.

Grandmother frowned and shot me a hostile stare through her cataract-ravaged eyes. Grandfather slurped down his tea. The atmosphere was tense. This was real adult business and I shouldn't have interfered. I hurried off to school with a heavy heart.

But grandmother did have a heart of her own. She was mollified after learning Aunt Van's mother was no longer in this world. Aunt Van could stay in the servants' quarters near the riverside landing. That was as far as her generosity could stretch.

Grandfather sighed between puffs of acrid Lao tobacco. He didn't put up a fight. It was a no-win situation anyway. He was glad that his long lost daughter had finally resurfaced, alive and well. That was what really mattered. Yes, I knew he was happy because the day after Aunt Van's arrival he beckoned me over and read aloud a poem from a dog-eared book full of Chinese characters.

I couldn't understand its meaning and told him so.

"It's a war poem by Du Fu, China's greatest poet," grandfather said. "You want a translation? Some background to this poem?"

"Yes, grandpa," I said eagerly.

Grandfather cleared his throat, reached for the spittoon and spat a lump of phegm into it. "Du Fu lived during the Tang dynasty. He was separated from his family during the An Lushan rebellion. He wrote this piece when he was reunited with them."

Grandfather had been laureate himself at the Court exams in 1919 when knowledge of Chinese classics was tested for the last time, but he wasn't much of a versifier in the Vietnamese language. It took him half an hour to produce something of a pretty depressing doggerel, of which I could only recall a few lines:

I, too, have bitten the dust of the barbarians
Somehow I made it home, though my hair
Has turned white, like flour

.....

My daughters stood next to my couch,
Wearing regged clothes that barely reached their knees

Aunt Van and I hit it off right from the start. For me she was the mother I never knew. For her I was the child she never had. I admired her cunning way of working things out. The servants' quarters hadn't been lived in since the Tang dynasty for all I knew. Cobwebs hung overhead. Climbing vines blockaded doorways. Old kitchen smoke, dust, damp and outright neglect colluded in covering the walls with a layer of greasy soot. Rats thrived under broken beds.■

(to be continued)

NEWS IN BRIEF

The 10-year-old language Center

LITTLE SAIGON.- The Buddhist Vietnamese Language Center "Hue Quang" celebrated its 10th anniversary on April 2, 1994.

Founded in April, 1984, at Pagoda Hue Quang, this Vietnamese language center is aimed at building a sense of belonging to their Vietnamese origins, the Vietnamese people, in the minds of Vietnamese children.

The Center provides an environment in which Vietnamese children can become fluent in speaking and writing their national language. They can learn the time-honored customs and traditions of Vietnam and take pride in their national history.

In the course of these 10 years of the Center's intense activity, many of its students have won almost all the prizes in language contests jointly organized by the California State University at Long Beach and the Vietnamese Overseas Association of Former Teachers. Eight students were promoted to the rank of "Seniors" and were assigned to train and guide the younger students.

In commemorating its 10th anniversary, the Center marks a milestone in its obstacle-filled history, and it looks forward to a stronger development in the future.

VAALA Club opens with concert

LITTLE SAIGON.- At the official opening of the VAALA Club on Moran Street, a well-known musician made a bow before a large audience.

Pianist Nghiem Phu Phat's audience was composed of noted musicians and artists of the Vietnamese community in California — Pham Duy, Kieu Chinh, Mai Huong, Xuan Thu, Nam Loc, Le Uyen, Phuong applauded him, as did members of the Nguon Song, Tien Rong and Lac Hong (musical groups).

The evening, called "Dem Hoi Ngo" (Get Together Again), was under Phat's direction.

Phat spent almost 10 years in communist re-education camps, and he came to the United States six months ago. He said, "I've been dreaming of seeing my friends again. I would like to take this opportunity to tell one thing I've been hiding in my heart — to bequeath what I've learned and done in my art to the younger generation."

Le Dinh Dieu, president of the Vietnamese American Arts and Letters Association (VAALA), addressed the audience, saying, "From now on, it is Phat's responsibility to manage the VAALA Club and to see to its artistic activities. I firmly believe that, through this club, the younger generation will have the opportunity to contribute more to our Vietnamese artisitic heritage."

Phat promised that he will organize occasional get-togethers at VAALA, as he used to do during "Coffee Hours" at the Vietnamese American Association in Saigon, prior to 1975.

Two noted members of the community

Pham Duy

WESTMINSTER.- One of the overseas Vietnamese community's noted men is Pham Duy. At the age of 73, he still has an unequalled creativity as a song writer.

In July, he will present his "reinvented" work, "Mother Vietnam." This opus is a ballad with Vietnam as the central theme.

He told The Ky 21 that he would, with pianist Nghiem Phu Phat, sponsor a presentation on 50 years of Vietnamese music.

Pham Duy, known as the "white-thatched but golden-hearted," draws much admiration and praise from his audiences, the Vietnamese communities around the world.

And Le Van Khoa

A man of many talents, Le Van Khoa conducts a symphony orchestra for which he arranges most of the works it performs.

He is also known as a photographer who has participated in

Vietnamese Culture Series, No.1
LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY:
Some Articles by Nguyễn Đình Hòa
Edited by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hương
Second Printing, Asia Books, Saratoga, California, 1991

EASY VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
SPEAK VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
READ VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
NHẤT THIÊN TỰ, THE BOOK OF ONE THOUSAND CHARACTERS (Asia/ Books, 1989)
ESSENTIAL ENGLISH-VIETNAMESE DICTIONARY (Charles E. Tuttle, 1983, 1991)

Inquiries about and orders for any one of the above publications can be addressed to:
Asia Books - 13455 Surrey Lane
Saratoga, Ca 95070,USA

many international exhibitions, and he has won several international prizes for his photography.

Recently, the organizers of "Project 20: Vietnamese Americans 20 Years After" announced that Khoa had agreed to compose a symphonic suite entitled "1975" (the date of the downfall of Saigon). He will also write the arrangements and direct the symphonic orchestra in its performance.

Trac Pham nominated in Sacramento

SACRAMENTO.- Trac Pham, a Vietnamese American community activist and the current president of the Sacramento Vietnamese Coalition, Inc., has been selected as one of the semi-finalists for the 14th Annual Jefferson Community Awards.

Annually, the American Institute for Public Service in conjunction with 85 media sponsors across the country name five individuals who perform extraordinary public service in the local community, but who get very little recognition for their efforts.

Pham was nominated by Raymond Lee of the Sacramento Human Rights/Fair Housing Commission in recognition of his outstanding contributions to community public service since his arrival in the United States as a refugee in 1975.

Pham founded three major local Vietnamese-American community organizations: the Bach Viet Association, Inc., a social services agency; the Vietnamese PTA, an educational agency; and the Sacramento Vietnamese Coalition, Inc., an advocacy agency. He has worked for nearly 20 years to improve the quality of life for diasdvantaged, limited-English-speaking Vietnamese refugees.

The American Institute for Public Service is a non-profit, public benefit organization formed in 1972 by Jacqueline Kennedy Onassis, Senator Robert Taft, Jr., and Samuel Beard, an aide to the late Senator Robert Kennedy, to promote public service and volunteerism.■

CAO XUAN TU

LIPO WINTERING

Somewhere over the concrete
warzone some fool shoots a fuse,
and plunges the city slaves
into a new Dark Age.

And you midtown dropout,
fresh prisoner in a snowbound cul-
de-sac, throw away your book,
fumbling for a match. You pull

the drapes, blinking, and catch
a showering of stars, creamy
and cold like the skin of
a Frisian milkmaid. But where is

that old moon, recluse like you,
among the ice-capped firs, the stony
walls? Then you see pale beams
bounce across the rim

of a puddle of water. A convolution
now fading, now returning.
Beginnings of a constellation
or just your imaginings?

Call it moon. Li Po drank it
and drowned in the river.
But you cannot drown
in a puddle of water.

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương
nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

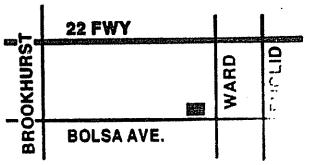

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

VŨ TRỤ CÓ BIÊN GIỚI HAY KHÔNG VÀ CÂU TRẢ LỜI CỦA THIỀN TÔNG

HUỲNH HỮU CỬU

Ban đêm nhìn lên trời đầy sao, lắm lúc chúng ta tự hỏi: "Nếu mình bay lên được tới những ngôi sao đó rồi tiếp tục đi nữa để qua khỏi những ngôi sao nhỏ li ti ở xa hơn thì sẽ đến đâu? Đến một chỗ gọi là biên giới của vũ trụ chăng? Nếu vũ trụ có biên giới thì chỗ đó tiếp giáp với cái gì? Còn như vũ trụ không có biên giới thì thành ra cứ đi mãi đi hoài hay sao?"

Vũ trụ có biên giới hay không có biên giới, đằng nào trí óc chúng ta cũng khó chấp nhận được vì vô lý quá. Khoa học từ hồi nào đến giờ vẫn không thể trả lời được câu hỏi trên đây, và hầu hết các tôn giáo cũng không có câu trả lời rõ rệt. Tuy nhiên tác giả bài này nhận thấy Thiền Tông trong đạo Phật có lời giải đáp đáng chú ý. Vậy lời giải đáp ấy ra sao xin trình bày sau đây.

Trước hết xin đề cập đến hai khái niệm căn bản của đạo Phật, nhất là của Thiền Tông: Tuyệt Đối và Bất Nhị.

Tuyệt Đối là chỗ tột cùng, rốt ráo. Muốn tìm sự thật rốt ráo thì phải đi đến chỗ Tuyệt Đối. Muốn có câu trả lời rốt ráo thì phải đứng trên phương diện Tuyệt Đối, không thể nói một cách tương đối hay lưng chừng được.

Tuyệt Đối là hoàn toàn không có cái gì để đối lại (còn gọi là Tuyệt Đối Không Đối Đãi). Nếu còn có một cái gì để đối lại thì hãy còn là Tương Đối, chưa phải là Tuyệt Đối. Thí dụ nếu trí óc chúng ta còn có ý niệm về sự "đau khổ" chẳng hạn thì trong lúc ấy trí óc chúng ta là chủ thể, còn "đau khổ" là đối tượng, mà hễ có chủ thể và đối tượng là có sự tương đối. Chỉ khi nào trí óc chúng ta trống rỗng, không có ý niệm về một cái gì cả thì mới có sự tương ứng với Tuyệt Đối.

Thiền Tông nói rằng trí óc con người không thể cắt nghĩa hoặc hiểu được Tuyệt Đối, bởi vì như đã nói trên, khi trí óc có một ý niệm về Tuyệt Đối thì có chủ thể và đối tượng đối đãi nhau nên chưa phải là Tuyệt Đối. Không thể nói Tuyệt Đối là như thế nào cả, chỉ có thể tạm nói Tuyệt Đối là "Như Vậy" (Suchness). Vì không biết Tuyệt Đối là như thế nào nên có nhiều tên tạm dùng khác nữa để chỉ cái Tuyệt Đối ấy: Không (Emptiness), Bản Lai Diện Mục (Original-nature), Tự Tánh (self-nature), Phật Tánh (Buddha-nature) v.v... Con người chỉ có thể đến chỗ Tuyệt Đối bằng đường lối Thiền. Thiền ở đây, đại cương mà nói, là để trí óc trống rỗng, không có một ý niệm về bất cứ một cái gì cả. Khi trí óc trống rỗng như vậy thì cái Tuyệt Đối sẽ tự hiện ra.

Khi Tuyệt Đối hiện ra, tức là khi chúng ta đã chứng nghiệm cái Tuyệt Đối ấy, chúng ta sẽ thấy chỉ có cái Tuyệt Đối ấy mà thôi, ngoài ra không có cái gì khác. Nếu có cái gì khác thì chỉ có tên gọi mà thôi và thực chất của cái đó chính là Tuyệt Đối. Từ ngữ "Bất Nhị" (Non-Duality) là từ ngữ được dùng để chỉ rằng không có cái gì khác ngoài Tuyệt Đối.

Bây giờ xin trở lại câu hỏi "Vũ trụ có biên giới hay không?" Thiền Tông nói rằng đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị mà nói thì đâu có gì khác ngoài Tuyệt Đối. Cái mà người ta gọi là "vũ trụ" đâu phải là một thực thể có thật, độc lập, khác biệt với Tuyệt Đối, mà chính là Tuyệt Đối. Cái mà người ta gọi là "biên giới" cũng không thật có mà chính là Tuyệt Đối. Vấn đề "có" hay "không có" cũng vậy, đâu thật có cái gì gọi là "có" hay "không có". Vì vậy cho nên Thiền Tông không nói là "có" và cũng không nói là "không có". Thiền Tông chỉ nói Tuyệt Đối siêu việt lên trên tất cả những cái "có" và "không" vừa kể của Tương Đối. Trả lời cho câu hỏi "Vũ trụ có biên giới hay không?", **Thiền Tông không nói là có, cũng không nói là không có, mà chỉ nói là "Như Vậy"**, và "Như Vậy" là như thế nào thì khi thực chứng Tuyệt Đối, nghĩa là khi giác ngộ (enlightened), chúng ta sẽ thấy rõ ràng.

Tóm lại, Thiền Tông không có câu trả lời dứt khoát là vũ trụ có hay không có biên giới. Đối với Thiền Tông, đứng trên phương diện Tuyệt Đối, thì không có gì gọi là cố định, dứt khoát cả. Cố định, dứt khoát là đứng về một bên, bên này hoặc bên kia, mà làm như vậy là còn ở trong phạm vi Tương Đối, tức là chưa đến chỗ sự thật rốt ráo, tuyệt đối.

Nhìn lên trời đầy sao, một thiền giả đúng nghĩa của Thiền Tông không đặt câu hỏi hoặc tìm câu trả lời là vũ trụ có biên giới hay không, bởi vì Thiền Tông vượt lên trên các ý niệm thuộc về Tương đối. Người thiền giả ấy nhìn sao, nhìn vũ trụ và chỉ nói đó là Tuyệt Đối, đó là "Như Vậy". Hoặc là chỉ giữ im lặng, bởi vì nếu nói gì thì phải đưa ra những ý niệm, mà bất cứ ý niệm nào cũng làm cho kẹt vào Tương đối, làm sao dùng để diễn tả cái Tuyệt Đối cho được.■

Kỳ tới: TRỨNG GÀ HAY CON GÀ CÓ TRƯỚC?

CÁI ĐÌNH VÀ ĐIÊU KHẮC ĐÌNH LÀNG

PGS NGUYỄN BÍCH

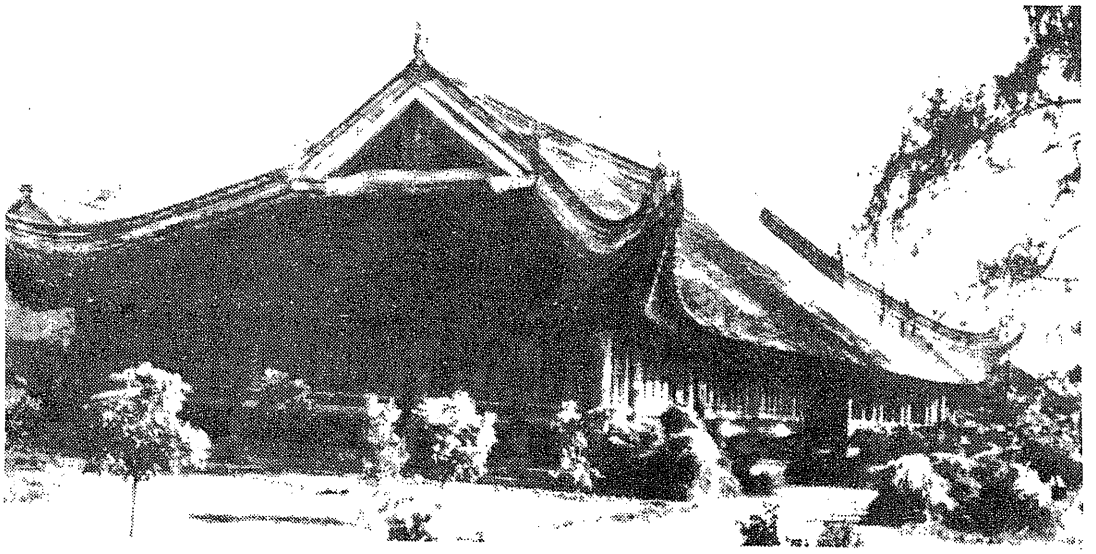

Đình làng Đình Bảng

Xuất xứ của ngôi đình

Trước đây mỗi khi nói về một làng nào đó người ta hay nhắc tới cái đình, đình và làng làm thành một cụm từ không mấy khi tách rời nhau. Làng ngày xưa phải có Thành Hoàng — vị thần bảo trợ cho dân làng được sống yên ổn làm ăn tấn tới — mà Thành Hoàng lại thờ ở đình. Vậy xuất xứ ban đầu của cái đình như thế nào? Có lẽ Thành Hoàng trước kia thờ tại miếu — ngày nay một số nơi còn giữ lệ cũ như vậy, cụ thể là làng Xốm, xã Hùng Lô, huyện Phong Châu, tỉnh Vĩnh Phú miếu xây dựng trước sau đó mới làm đình, miếu và đình nằm kề bên nhau và cùng thờ chung một vị Thành Hoàng là Hùng Vương. Như thế ta lại phải xem khởi thủy đình là cái gì? Tôi nghĩ, vốn dĩ nó là hành cung — công trình dựng lên trên dọc đường để nhà vua dừng nghỉ chân mỗi khi đi tuần du những miền xa xôi — Trong các đồ trần thiết ở đình có nhiều thứ liên quan tới Thiên tử như lời chúc tụng bằng đại tự khắc trên những bức hoành phi: "Thánh thọ vô cương" — "Thánh cung vạn tuế", đồng thời có ngai ỷ, có long sàng (giường chạm rồng của vua nằm), có hương án và tàn lọng. Sau này việc đi kinh lý của nhà vua ngày càng giảm và các hành cung không còn sử dụng với ý nghĩa đó nữa, dân làng mới rước Thành Hoàng vào ngự trong ngôi nhà của vị Thiên tử. Điều này kể ra cũng không có gì trái với quan niệm của dân, vì Thiên tử là con trời mà Thánh Thần cũng là người Nhà Trời thì có gì là không hợp. Lại nữa, đang ở trong ngôi miếu nhỏ, giờ được chuyển tới hành cung khang trang đẹp đẽ hẳn Thành Hoàng cũng không phản đối ý tốt của dân — Quá trình xảy ra sự chuyển hóa này lúc đầu chỉ ở một số làng xã bên dọc đường cái quan, nơi có dựng hành cung mà thôi. Và thế

là hành cung đã mang chức năng của cái đình để thờ Thành Hoàng. Dần dần các nơi khác ở xa quan lộ và rộng ra cả nước đều bắt chước dựng đình theo kiểu hành cung.

Rất tiếc những điều trình bày trên đây không thấy ghi trong sử sách cũ mà mới chỉ là giả thiết của một nhóm chúng tôi khi nghiên cứu về đình chùa tự bày đặt ra để tranh cãi, cũng chưa có đủ tư liệu để khẳng định.

Niên đại chung của đình làng

Những đình có niên đại sớm nhất cho tới nay chúng ta phát hiện được là dựng từ thời Mạc — thế kỷ thứ mười sáu. Cụ thể là đình Lỗ Hạnh (Hà Bắc) và đình Tây Đằng (Hà Tây) còn tương đối nguyên dạng phong cách Mạc, một số đình khác sau nhiều lần trùng tu chỉ còn giữ lại được chút ít dấu ấn nghệ thuật Mạc.

Những đình có niên đại muộn nhất là đình xây dựng vào thời Nguyễn — thế kỷ mười chín và chớm đầu thế kỷ hai mươi như đình Phú Hữu (Hà Tây), đình Lý Nhân (Hải Hưng).

Đại đa số đình làng được làm vào thời Hậu Lê — Thế kỷ mười bảy và mười tám. Đặc biệt những đình làm vào nửa cuối của thế kỷ thứ mười bảy số lượng tương đối nhiều, chạm khắc khá công phu tỉ mỉ. Phần lớn có khắc niên hiệu dựng hoặc trùng tu trên thượng lương của công trình hay trên bia ký. Thí dụ các đình nổi tiếng nhiều người biết đến là đình Thổ Hà, Đình Bảng, Phủ Lão (Hà Bắc), đình Thổ Tang, Ngọc Canh, Lâu Thượng (Vĩnh Phú), đình Chẩy, An Hòa, Trùng Thượng, Trùng Hạ (Hà Nam Ninh), đình Trung Cần, Hoành Sơn (Nghệ An), đình Cam Đà, Đông Viên, Chu Quyến, Đại Phùng (Hà Tây), đình Chèm (Hà Nội), đình Thạch Lỗi (Hải Hưng), đình Phong Cốc, Trà Cổ (Quảng Ninh), đình Kiền Bái, Bình Lục (Hải Phòng) v.v... Đó là những ngôi đình trang trí kiến trúc mang đậm sắc thái dân gian.

Thờ cúng ở đình

Đình thờ vị Thành Hoàng ở làng xã.

Thành Hoàng phân chia ra nhiều loại: có Thượng đẳng thần là những vị thiên thần hay nhân thần có nhiều công lao với dân với nước. Trung đẳng thần là những vị nhân thần có công với một vùng hay làng xóm. Hạ đẳng thần là nhân thần thường thuộc tầng lớp dưới của xã hội nhưng chết vào "giờ thiêng", gây ra những biến động không bình thường ở địa phương. Hạ đẳng thần bao giờ cũng chỉ là thần phụ đứng sau vị thần chính có nhiều công đức.

Hàng năm các đình mở hội vào ngày kỵ của vị Thành Hoàng, có cúng tế rước sách linh đình, có tổ chức lễ hèm diễn lại sự tích lai lịch của Thần kèm theo có nhiều trò vui chơi giải trí và hát xướng.

Đình thờ vọng không có tượng hình của Thần mà chỉ có bài vị ghi rõ danh hiệu, tước hiệu do Triều đình công nhận (sắc phong của Bộ Lễ). Tuy nhiên cũng có khi có trường hợp ngoại lệ như đình Chèm (Hà Nội) lại đặt tượng thần là Lý Ông Trọng, vợ và các con trai trong cung thờ.

Đồ khí tế ở đình gồm có:

Kiệu, long khám, ngai, bài vị, hương án hoành phi, câu đối đều chạm trổ trang trí sơn son thếp vàng.

Giá cắm các loại binh khí hay còn gọi bộ chấp kích: bảng hiệu, long đao, giáo, trủy thủ, phương họa kích, lưỡi tầm sét, bát xà mâu, trường côn, kiếm, lưỡi mác.

Tàn lọng, đôi ngựa gỗ có bánh xe để di chuyển, bảng văn, hộp đựng sắc phong, mâm bồng.

Những đồ bằng gốm sứ có bát hương, chân đèn, bình hoa, nậm rượu, chén, chóe đựng nước cúng.

Việc thờ cúng ở đình là một dạng tín ngưỡng khá đặc biệt trong đó mang nhiều yếu tố dân dã: thần được chia thành đẳng cấp lại có cả loại hạ đẳng thần, lễ hèm diễn tích thần, kết hợp giữa lễ hội với hội hè của cộng đồng làng xã. Phải chăng đây là những thuận lợi, là môi trường tốt góp phần làm cho những xu hướng nghệ thuật dân gian nảy nở và phát triển mạnh mẽ.

Ngôi đình — công trình kiến trúc văn hóa nghệ thuật

Ca dao có câu:

Qua đình ngả nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu.

Ai đã từng sinh ra và lớn lên đằng sau những lũy tre làng mà lại không cảm thấy mình gắn bó với cây đa, mái đình. Tình yêu quê hương kết liền với hình ảnh của ngôi đình cổ kính. Chắc chắn đó không phải là do ý nghĩa tôn giáo mà chính vì bản thân cái đình vốn gần gũi thân quen đã ăn sâu vào tâm thức, tình cảm của mỗi người dân. Đất nước ta có biết bao nhiêu làng xã chắc hẳn sẽ có từng ấy ngôi đình. Đình dù lớn hay nhỏ đều được làm theo kiểu thức chung và bằng những loại gỗ quý, bền vững.

Bố cục phổ biến và hoàn chỉnh của một ngôi đình thường là:

Hai dãy nhà lớn nằm ngang song song với nhau, phía trước là ngôi Tiền Tế, sau Tiền Tế là ngôi Chính Tẩm. Hậu Cung là nhà ống muống nối vào chính giữa đằng sau của Chính Tẩm.

Trước Tiền Tế có sân rộng lát gạch, nằm dọc hai bên sân là hai dãy nhà hẹp ngang và dài gọi là Tả Vu, Hữu Vu. Ngoài nữa là cổng đình gồm bốn cột Đồng trụ xây bằng gạch có đắp trang trí nổi. Khi chọn đất dựng đình người xưa rất chú ý tới thuyết phong thủy và cảnh quan thiên nhiên xung quanh. Có đình tức là phải có cây đa cây đề cổ thụ, có hồ ao ở mặt tiền, có giếng đình, có bãi rộng để tổ chức hội lễ.

Chính Tẩm là ngôi nhà có làm hệ thống sàn thấp. Bộ mái của Tiền Tế và Chính Tẩm đáng bề thế, bè ngang, hơi võng giữa, các đầu đao góc mái đều lượn uốn cong lên. Trên ngọn mũi đao, trên bờ nóc, bờ giải có gắn những hình trang trí bằng đất nung hay bằng chất liệu tổng hợp — gồm đất thó, giấy bản, bột vôi vỏ sò, đường mật trộn lẫn rồi nhào luyện kỹ — nên tạo được vẻ hài hòa khiến cho bộ mái bớt đi cảm giác nặng nề.

Tính nghệ thuật thể hiện rõ nhất ở đình phải kể tới điêu khắc trang trí. Các hiệp thợ đã biết tận dụng tất cả những bộ phận kiến trúc, chỗ nào dễ nhìn, dễ thấy, thậm chí còn tìm cách mở rộng thêm những bình diện hợp lý để đục chạm thành các phiến đoạn đẹp, vui mắt với nội dung thật đa dạng hấp dẫn.

Ở đây hệ tư tưởng phong kiến, quan niệm thẩm mỹ của tầng lớp

thống trị trong từng lúc, từng thời kỳ có ảnh hưởng ít hay nhiều tới đề tài các mảng điêu khắc song chưa bao giờ nó lấn át nổi khuynh hướng dân gian vốn có tiềm năng rất lớn của quần chúng lao động thuộc tầng lớp bình dân trong xã hội.

Người nông dân và thợ thủ công khi bước chân vào đình làng họ lấy làm thích thú được gặp lại trên các đầu kìm đầu bẩy, trên các xà kẻ, trên cốn, trên các vì kèo hay ván nong, ngay cả ở bộ cửa võng trước cung thờ những cảnh tượng vẫn diễn ra trong cuộc sống đời thường của bản thân, biểu hiện những tình cảm lành mạnh của chính mình. Nào cảnh đi cấy đi cày, cảnh kéo vó chăn trâu, cảnh săn bắn, cảnh đốn gỗ dựng nhà, cảnh cho con bú rồi mẹ gánh con chạy loạn (đình Tây Đằng, Trung Cần...) những cảnh tình tự, chồng chải tóc cho vợ, nam nữ đùa vui bên đầm sen, tình yêu trai gái (đình Đông Viên, Hương Lộc...) Không khí tưng bừng rộn rã được ưa thích và thể hiện nhiều nhất, những mảng chạm nói về hội hè, vui chơi giải trí, sinh hoạt thì không mấy đình là không có như mô tả cảnh uống rượu, đánh cờ, múa hát, đấu vật, chọi trâu, chọi gà, leo cột hoa, chèo thuyền rồng, bơi chải, ngồi đò, ngắm cảnh (đình Tiên Hường, Hương Canh, Phù Lão, Hoàng Xá, An Hòa...). Các bức phản ánh tinh thần thượng võ: phi ngựa đấu giáo, chiến đấu bằng đao và mộc, luyện võ nghệ, đánh nhau với hổ, điều voi ra trận (đình Xuy Xá, Đình Chẩy, Đình Nội), Trùng Thượng...) Đề cập đến đề tài lịch sử hay tích truyện như Đinh Tiên Hoàng cờ lau tập luyện, Đinh Tiên Hoàng cưỡi rồng qua sông (đình Xốm) thầy trò Đường Tăng đi Tây Trúc thỉnh kinh (đình Ngọc Canh), ngư ông đắc lợi (đình Nội). Tính chất chống phong kiến cũng nói tới trong chừng mực nhất định: cảnh bọn sai nha hạch sách, cảnh quan quân cướp bóc, cảnh quan ghẹo gái (đình Thổ Tang, Liên Hiệp, Đệ Tam).

Bên cạnh hoặc xen kẽ với những đề tài đượm màu sắc dân gian vẫn có những đề tài mang tính chính thống nhưng phần nào đã được dân gian hóa như những mảng chạm rồng đàn rồng ổ rồng mẹ rồng con quấn quýt nhau, trúc hóa long, cá hóa rồng. Từ thế kỷ mười chín về sau trong đồ án trang trí xuất hiện thêm bộ tứ linh gồm bốn con vật luôn đi liền với nhau là long, li, quy, phụng được sử dụng khá phổ biến.

Những tác phẩm chạm trổ điêu khắc là niềm kiêu hãnh của các đình làng — Số lượng vô cùng nhiều nhưng lại rất ít khi trùng lặp nhau về hình thức biểu hiện, ở mỗi vùng mỗi địa phương đều mang dáng vẻ riêng tuy phong cách chung thì nhất quán. Chỗ gặp nhau của tất cả các hiệp thợ là tại đình họ được phô diễn tài năng của mình, của phường mình một cách đầy đủ, tương đối tự do thoải mái.

Việc họ làm đành rằng được hưởng công xá của làng xã nhưng trong tình cảm họ vẫn tự coi là họ làm cho chính họ — một công việc đầy hứng khởi và tự hào do đó đường nét mảng khối luôn bộc lộ sự phóng khoáng bay bổng đến mức gây cho chúng ta hết ngạc nhiên này tới ngạc nhiên khác.

Giá trị của điêu khắc đình làng

Đình làng tự nó đã tồn tại bao đời nay nhưng mấy ai biết được mức độ phong phú đa dạng của điêu khắc trang trí kiến trúc đình làng nói chung. Để đi sâu vào nghiên cứu giới thiệu vốn mỹ thuật có truyền thống của dân tộc, Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật đứng đầu là cố Viện trưởng họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung đã động viên cán bộ bỏ công sức hai năm liền đi hầu hết các tỉnh sưu tầm tư liệu và hiện vật ở các đình. Cuối năm 1972 Bảo Tàng mở chuyên đề "Điêu khắc cổ đình làng", một chuyên đề có quy mô lớn, hấp dẫn khách tới xem rất đông, gây được dư luận chú ý đối với mọi giới, đặc biệt là giới mỹ thuật đã thật sự ngỡ ngàng xúc động trước tài năng sáng tạo của cha ông. Sau đó vào năm 1984-1985 triển lãm đưa đi trưng bày tại năm nước Đông Âu, các nước này đánh giá cao mỹ thuật cổ Việt Nam — "một nền nghệ thuật giàu chất nhân bản, đầy tính lạc quan và rất hiện thực" như báo chí họ ca ngợi.

Những tác phẩm điêu khắc đình làng góp phần làm giàu có thêm kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Chúng ta khâm phục và biết ơn những người thợ — hay đúng hơn là những nghệ sĩ vô danh bậc thầy — đã cống hiến cho đất nước những thành quả nghệ thuật vô cùng quý giá.■

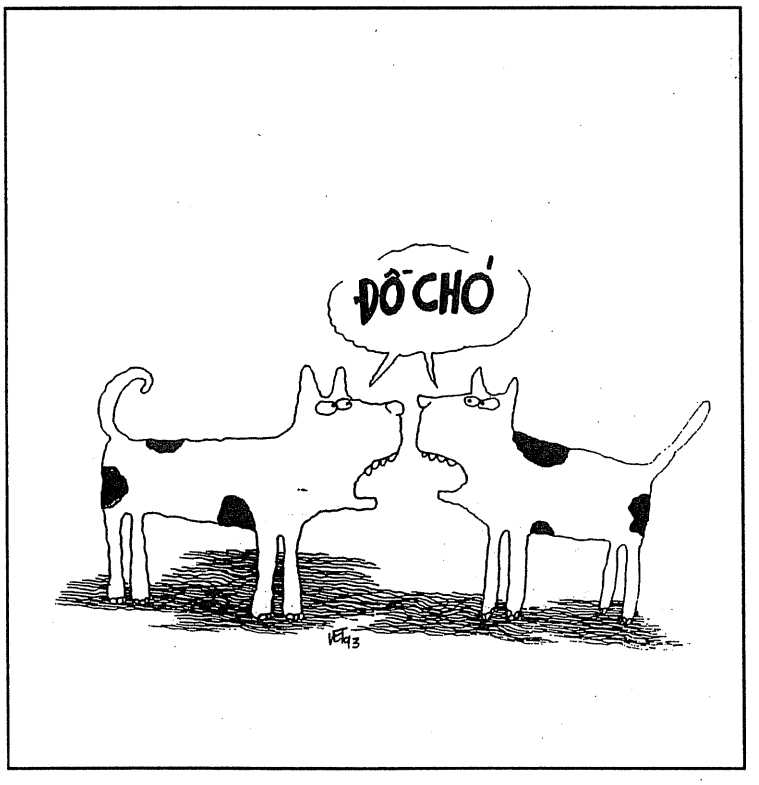

NGHỊCH LÝ THỜI GIAN
(THE TIME PARADOX)

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Từ ngữ có vẻ lạ lùng, ít thấy. Nhưng chúng ta hãy bắt đầu từ nguyên nhân căn bản của nó. Đó là vấn đề du hành trong thời gian (Time Travel).

Thế nào là du hành trong thời gian?

Một trong những cột trụ của khoa học vật lý hiện đại là thuyết Tương Đối tổng quát của nhà bác học Albert Einstein, theo đó không gian và thời gian là hai thứ quyến thuộc, quện lại với nhau, không thể tách rời. Ở đâu có không gian là phải có thời gian, ba chiều của không gian hợp với một chiều của thời gian thành ra một "liên hợp không - thời gian". Vũ trụ là như vậy và thế giới chúng ta đang sống là như vậy.

Muốn thấy rõ vấn đề này, chúng ta hãy nhìn vào chữ "chiều" (*dimension*).

Chúng ta nhìn vào một bức hình chụp, hay nhìn vào màn hình T.V đang chiếu. Đó là chúng ta đang nhìn vào một thế giới hai chiều: chỉ có chiều rộng và chiều dài, mà không có chiều dày.

Cuộc sống của chúng ta là cuộc sống trong thế giới ba chiều, bởi vì chẳng những chúng ta có thể di chuyển ngang dọc, mà còn có thể lên cao khi leo lên gác hay đứng trong thang máy, hoặc chúng ta có thể ngồi lên phi cơ mà bay lên cao, rồi di chuyển mọi phía Đông, Tây, Nam, Bắc.

Thế nhưng vẫn còn thiếu một thứ để mô tả cho đúng trạng thái của thế giới này. Thí dụ nếu nói một chiếc phi cơ đang bay ở trong không gian thì phải nói rõ nó bay vào giờ nào, ngày nào... Thành ra trong thế giới chúng ta đang sống, không có cách nào tách rời khỏi không gian với thời gian.

Thí dụ nếu tôi chịu khó ngồi yên một chỗ, không nhúc nhích, như vậy là trong khoảng khắc nào đó, tôi đã tách rời ra khỏi thời gian chăng? Bạn quên là bạn cũng là một sinh vật, dù bạn có ngồi yên, đồng hồ thời gian vẫn tích tắc, bởi vì mỗi giây, mỗi phút trôi qua là con người bạn đã già đi chút ít. Cố nhiên, trái tim bạn vẫn đập, và máu vẫn tuần hoàn trong cơ thể bạn.

Nếu là hòn đá, hòn núi nằm bất động thì sao? Nó cũng không bất động đâu, bởi vì Trái Đất quay, bởi vì cả Thái Dương Hệ này cũng chạy, và bởi vì cả các giải ngân hà trong vũ trụ cũng đang quay và chạy với tốc độ phi thường. Tóm lại chúng ta, thế giới này và cả vũ trụ đều động liên tục. Và khi đã có "động" thì không thể nào thoát khỏi cái đếm tích tắc của thời gian.

Như vậy khối quyến thuộc Không - Thời gian là một thực tế không thể chối cãi.

Vấn đề đặt ra là nếu chúng ta có thể di chuyển trong ba chiều của không gian, tại sao chúng ta không thể di chuyển trong chiều thời gian, vì thời gian cũng là một "chiều" trong cái khối quyến thuộc nói trên?

Di chuyển trong thời gian không có nghĩa là để mặc cho thời gian trôi qua, như chính chúng ta chẳng cần phải "đi", thời gian vẫn bắt chúng ta "đi" như thường. Con người sinh ra đời lớn lên, về già rồi chết, dù muốn thời gian ngừng lại cũng không được. Thế nhưng vấn đề "du hành trong thời gian" có một ý nghĩa tích cực và năng động hơn. Đó là chúng ta ở hiện tại, lên một cái máy nào đó, lái cho nó "chạy" trở về quá khứ hay tiến lên đi thẳng vào tương lai.

Thí dụ nếu có một "máy thời gian" như vậy, chúng ta có thể trở về quá khứ vào năm 1945 để xem những gì đã xảy ra ở Việt Nam vào lúc đó. Và nếu muốn chúng ta có thể tham dự vào những biến cố 1945 để định đoạt số phận của Việt Nam sau này. Hoặc chúng ta có thể "về" xa hơn nữa khoảng 2000 năm trước đây để xem Hai Bà Trưng đánh giặc như thế nào, hay bay sang Trung Đông để thấy chúa Ki-Tô ra đời, và cũng không ai có thể cấm chúng ta lần về 5000 năm trước để xem công cuộc xây dựng Kim Tự Tháp ở Ai Cập.

Cố nhiên đó chỉ là những thí dụ trong tưởng tượng. Nhưng chính việc đi vào quá khứ hay tương lai đó đã tạo ra một chân trời tưởng tượng vô cùng phong phú đến độ gọi là "hoang đường", để các nhà văn "khoa học giả tưởng" (*Science-fiction*) dựa vào đó làm khung cảnh để viết ra những bộ tiểu thuyết cực kỳ lý thú.

Nhưng tưởng tượng và hoang đường chăng? Một bài báo của hai nhà bác học Anh vừa đăng trên tờ tạp chí chuyên đề khoa học của Mỹ "*Scientific American*" số ra tháng 3 năm 1994 đã đem lại một câu trả lời táo bạo và hấp dẫn: không hoang đường chút nào cả, mà có thật.

Chuyện cô bé trở về quá khứ gặp ông ngoại

Hai nhà bác học này là các ông David Deutsch và Michael

Lockwood thuộc trường đại học Oxford ở Anh Quốc, chuyên nghiên cứu về các nền tảng triết lý của vật lý học. Hai ông thuộc một thế hệ lý thuyết gia còn trẻ và mới nhất của thế giới.

Cố nhiên hai nhà bác học này chưa chế tạo được một "máy thời gian" để chứng minh với thế giới ngày nay rằng chuyện du hành trong thời gian là có thể làm được. Hai ông chỉ đưa ra những lập luận rất khoa học và rất hấp dẫn để bác bỏ quan niệm cho rằng không thể có du hành trong thời gian.

Tưởng cũng nên nhắc lại rằng khoảng 70 năm trước đây, hai lý thuyết tương đối tổng quát ra đời, vấn đề du hành trong thời gian đã được nêu ra và bàn luận sôi nổi. Nhưng tất cả các nhà bác học vật lý cổ điển thời đó, cho đến các nhà khoa học hiện đại thời nay, kể cả những bậc chiếm giải Nobel và những người lừng danh nhất thế giới, khi nghe nói đến "du hành trong thời gian" đều lắc đầu mỉm cười: Đó là chuyện không tưởng, không thể nào có được. Tại sao vậy?

Trước hết, khoa học vật lý hiện nay, tuy có những khám phá mới lạ, nhưng vẫn không thể nào lay chuyển được một định lý căn bản về thời gian. Thời gian là mũi tên chạy thẳng, không thể quay ngược trở lại. Cả vũ trụ này cũng như con người nhỏ bé chúng ta đều ngồi trên mũi tên bay thẳng đó, không thể rời khỏi nó và đi ngược về quá khứ, và cũng không thể vượt quá mũi tên thời gian để trong phút chốc bay thẳng vào tương lai được.

Cố nhiên, chuyện đi về tương lai cũng có một cách của nó, có thể nói là một kẽ hở của mũi tên thời gian, nhưng rất khó thực hiện. Chúng ta đã biết thuyết tương đối xác định rằng nếu có người ngồi trên một phi thuyền không gian bay nhanh gần bằng tốc độ của ánh sáng và bay trong khoảng một năm, khi quay về Trái Đất, người đó sẽ thấy mấy trăm năm đã trôi qua, bởi vì thuyết Einstein đã được chứng minh là đồng hồ đặt trên các thuyền bay nhanh gần bằng tốc độ ánh sáng sẽ "tích-tắc" rất chậm so với thời gian ở Trái Đất. Đó là phương thức duy nhất đi về tương lai mấy trăm năm hay hơn, mà chỉ cần "bay" có một năm trên phi thuyền. Khốn thay khoa học ngày nay chưa thể xác quyết được một kỹ thuật có thể đóng một con tàu không gian bay nhanh như vậy.

Còn chuyện trở về quá khứ lại càng không tưởng bởi vì một nguyên nhân giản dị, được các nhà khoa học mệnh danh là "sự nghịch lý của thời gian".

Sự nghịch lý đó như sau: thí dụ có một máy thời gian và một cô gái trèo lên đó, bấm nút trở về quá khứ 50 năm trước để gặp... ông ngoại của cô ta, khi ông này là một chàng trai trẻ sắp cưới vợ.

Câu chuyện tạm được đặt trong một cái khung lịch sử gia đình là 50 năm trước, ông ngoại của cô, tạm gọi là ông A, đã cưới được một người vợ đắc ý, hai ông bà sinh hạ được một cô con gái duy nhất, tạm gọi là cô B và chính cô B này lớn lên đã lấy chồng và là mẹ của cô con gái trèo lên "máy thời gian" để trở về quá khứ.

Cô con gái cháu ngoại ông A, trở về gặp ông 50 năm trước đúng lúc ông sắp cưới vợ. Cô làm mọi cách để phá vỡ cuộc hôn nhân này, rút cuộc ông A không cưới được người yêu và ông đã tuyệt vọng, không lấy vợ nữa và ở vậy cho đến già. Nếu thế thì cô B, bà mẹ của cô bé không có ở trên đời và tự nhiên chính cô bé trở về quá khứ cũng không có trên đời này. Đó là một trong rất nhiều những thí dụ về "nghịch lý thời gian".

Cố nhiên người ta còn có thể vẽ ra nhiều chuyện nghịch lý như vậy. Đại khái là chỉ cần một hành động của con người hiện tại thì cách trở về được quá khứ cũng có thể làm thay đổi được cả một giòng lịch sử của thế giới rồi. Chẳng hạn một anh chàng nào đó vào năm 2054 chế tạo được một máy thời gian, bay trở về quá khứ trước Đệ Nhị Thế Chiến, tìm gặp được các lãnh tụ thời đó như Hitler và Stalin, dùng vũ khí tối tân của thế kỷ 21 mà giết luôn mấy ông đó, cuộc Đệ Nhị Thế Chiến không bao giờ có. Hay khôi hài hơn, một tên hung đồ nào đó của thế kỷ... 22, tìm gặp ông Adam và bà Iva, giết luôn hai ông bà này đi, tự nhiên loài người phải biến mất trên Trái Đất này.

Trên thực tế, lịch sử vẫn là lịch sử không thay đổi. Điều đó chỉ có nghĩa là không ai có thể trở về quá khứ được. Bởi vì... nghịch lý của thời gian.

Thuyết vũ trụ chồng chất

Hai nhà bác học người Anh David Deutsch và Michael Lockwood đã đả phá quan niệm "nghịch lý thời gian" này. Bằng cách nào vậy.

Bằng cách đưa ra thuyết muôn triệu vũ trụ chồng chất lên nhau, nghĩa là đa vũ trụ song song.

Có nhiều vũ trụ giống hệt như vũ trụ mà chúng ta đang sống, chỉ có khác về chi tiết những việc xảy ra, kể cả từ hành động của mỗi sinh vật sống trong mỗi vũ trụ đó.

Khi cô bé trở về tìm ông ngoại của cô để phá cuộc hôn nhân đưa đến sự sinh thành của cô thì tức là cô đã về một quá khứ của một vũ trụ khác, không có cô và không có mẹ cô. Cô đã về vào một vũ trụ mà trong đó ông ngoại cô, gọi là ông A, là người suốt đời không lấy vợ.

Nếu cô bé trở lại hiện tại của cô, tức là cô đã trở lại cái vũ trụ mà trong đó ông ngoại của cô đã có vợ và sinh ra mẹ cô, để cô này lấy chồng và sinh ra cô, đúng như giòng đời lịch sử của vũ trụ mà cô đã biết.

Nếu cô bé cứ ở lỳ trong vũ trụ mà ông A không lấy vợ thì sao? Chưa biết cô có sống nổi trong cái vũ trụ mới này không, nhưng cô phải chấp nhận đây là một thế giới mà cô mới từ... trên trời rớt xuống, nghĩa là cô không có gốc, không có bạn bè quen thuộc, mặc dù những người mà cô quen ở vũ trụ cũ của cô cũng có trong vũ trụ này với nhiều thay đổi, nhưng những người đó không biết cô là ai.

Ở đây có một đề tài được giới khoa học Tây phương tranh luận rất nhiều kể từ khởi điểm của môn vật lý hiện đại. Đó là thuyết "định mạng".

Trước đây, nhiều nhà triết lý cho rằng cô bé có thể trở về quá khứ, nhưng định mạng của cô đã vạch sẵn, nên cô không hề có ý nghĩ phá hoại cuộc hôn nhân của ông ngoại cô. Thành ra suy tư và hành động của cô bắt buộc phải tuân theo... một cái gì đó đã vạch sẵn trong óc cô, tức là con người không có "tự do ý chí" (free will). Đại đa số các nhà Vật lý Tây

phương đều chống lại thuyết định mạng (*determinism*), bởi vì một nguyên nhân sâu xa: ở nơi tận cùng vật chất, ở thế giới vi mô nhỏ hơn nguyên tử, thế giới là một sự lờ mờ (*fuzziness*) vì nguyên lý bất định.

Một trong những nền tảng để xây dựng lý thuyết Vật Lý Lượng Tử là nguyên lý bất định (*The Uncertainty Principle*). Nó đã được ứng dụng ngay trong ngành cơ học Lượng tử (*Quantum Mechanics*) và một trong những xác quyết của nó là không có xác định mà chỉ có xác suất. Khác với cơ học cổ điển, cơ học lượng tử đã cho thấy không thể xác định vị trí một vi hạt (*particle*), mà chỉ có thể biết xác suất (*probability*) để tìm thấy hạt ở chỗ nào. Giản dị có nghĩa là người ta chỉ có hy vọng ở chỗ này, vào thời điểm này, có nhiều cái may nhất để tìm thấy nó, còn ở chỗ khác cũng vào thời điểm đó, lại ít có cái may nhất để tìm ra nó.

Chính tính chất bất định này đã là những viên đạn để các khoa học gia bắn vỡ thuyết định mạng, nghĩa là thuyết theo đó bất cứ cái gì cũng đã được xác định trước cả rồi.

Hai nhà bác học Anh thuộc thế hệ khoa học mới nhất đã không dùng thuyết định mạng để đả phá cái gọi là "nghịch lý thời gian". Hai ông dùng ngay chính cơ học lượng tử để tấn công nghịch lý này. Bởi vì thuyết đa vũ trụ song song đã phát sinh từ bản chất "xác suất" của thế giới vi mô, những viên gạch cơ bản để tạo thành thế giới vĩ mô mà chúng ta biết.

Nguyên lý bất định và xác suất có nghĩa là một hạt có thể có mặt ở nhiều nơi cùng một lúc, nhưng ta có một xác suất để có thể nắm được nó ở một chỗ.

Việc cô bé đi vào vũ trụ mà cô bé muốn tìm để làm gì, cũng giống như vậy. Nếu cô muốn phá cuộc hôn nhân của ông ngoại cô, tính chất xác suất sẽ đưa cô vào một vũ trụ mà trong đó người gọi là ông A (ông ngoại cô) thật ra là một người độc thân, suốt đời không lấy vợ.

Nền tảng chính để các lý thuyết gia vật lý xây dựng lý thuyết đa vũ trụ chồng chập, đa vũ trụ song hành, chính là cơ học lượng tử, đi từ nguyên nhân sâu xa nhất là một vi hạt có nhiều hay ít xác suất ở chỗ nào đó để tìm ra nó.

Điều này chỉ có nghĩa đơn giản là một vi hạt cùng một lúc có mặt ở muôn triệu vị trí khác nhau, cho nên vị trí của nó luôn luôn bất định, luôn luôn lờ mờ.

Thế sau khi ta nắm được nó ở một vị trí xác định rồi, còn cái xác suất hạt ở cái vị trí khác thì sao? Nó biến đi đâu?

Nó không biến đi đâu cả, nó nằm trong muôn triệu vũ trụ khác. Và ở muôn triệu vũ trụ khác cũng có muôn triệu "ta" đang làm một cuộc thí nghiệm như vậy, vì các vũ trụ chồng chập giống hệt nhau, chỉ khác chút ít về chi tiết. Vào thời điểm đó, khi hạt có xác suất cao hiện nguyên hình ở vũ trụ ta rồi, thì ở các vũ trụ khác nó có xác suất rất nhỏ, khó tìm thấy nó.

Quá mơ hồ và khó hiểu phải không các bạn? Có thể mơ hồ thật.

Nhưng cũng không nên quên rằng cả trăm năm nay các thành tựu của khoa học đều bắt đầu bằng những lý thuyết mơ hồ như vậy. ■

Chú thích: Bài này được viết ra sau khi đọc bài báo có tựa đề là "The Quantum Physics of Time Travel" (Vật lý lượng tử của du hành trong thời gian) đăng trên tạp chí Scientific American, số tháng 3 năm 1994.

Chúng tôi không dịch bài này và cũng không đề cập đến những lý luận triết lý và khoa học vô cùng phức tạp viết trong bài. Nó chỉ gợi ý để viết ra những điều cần thiết để có một kiến thức tổng quát về vấn đề.

Bạn nào muốn tìm hiểu thêm chi tiết, xin đọc bài báo nói trên.

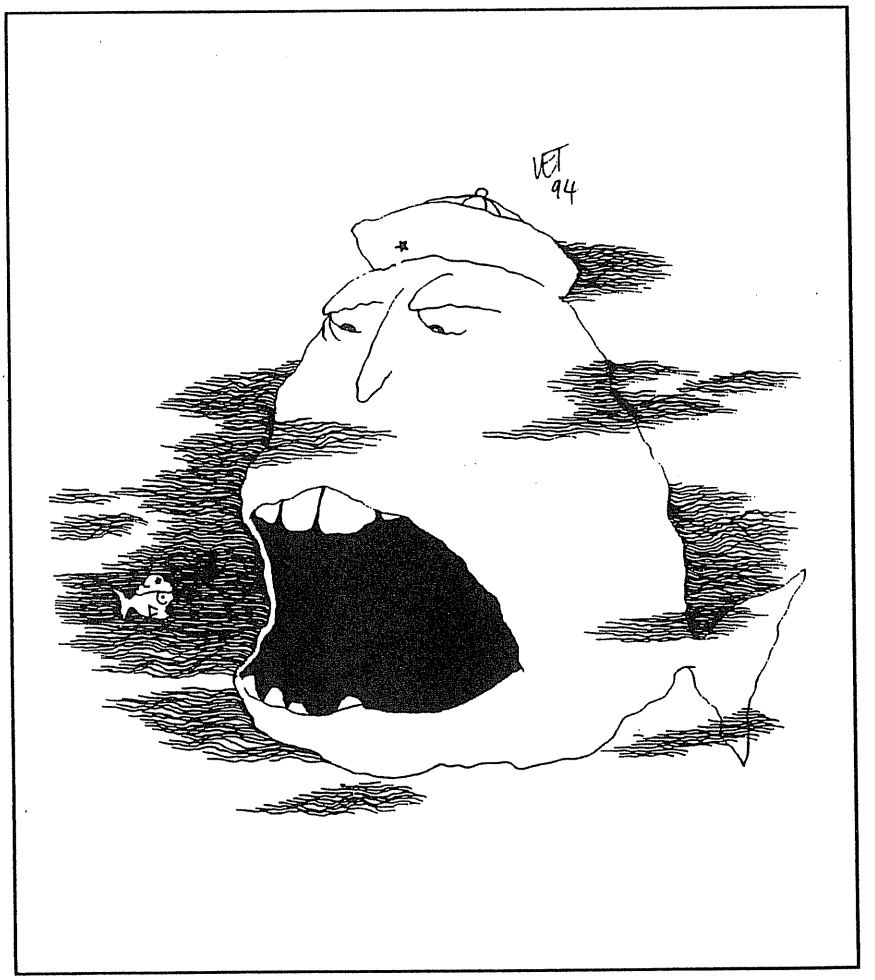

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 94 NĂM NGÀY SINH CỦA
JACQUES PRÉVERT: NHÀ NGHỆ SĨ ĐA TÀI

HOÀNG TÂM

Nói đến Jacques Prévert, chúng ta thường nghĩ ngay đến bài hát bất hủ Les Feuilles Mortes (Những Chiếc Lá Khô) mà Joseph Kosma đã phổ nhạc cho Yves Montand hát trong phim LES PORTES DE LA NUIT (Những Cánh Cửa Đêm) do Marcel Carné đạo diễn năm 1946. Bài này về sau thành nhạc chủ đề cho cuốn phim Autumn Leaves (Lá Thu) của Robert Aldrich.

Những ai đã từng yêu, từng đi nhặt lá vàng về ép trong vở học trò hay từng đi dạo trên bờ cát trắng với người tình, làm sao khỏi rung động khi nghe bài Les Feuilles Mortes qua giọng hát của yves Montand hay Edith Piaf?

Sinh ngày 4 tháng 2 năm 1900 ở Neuilly-sur-Seine gần Paris và mất ngày 11 tháng 5 năm 1977, Jacques Prévert một nghệ sĩ đa tài, có lẽ ông là thi sĩ Pháp nổi tiếng nhất của hậu bán thế kỷ 20. Ngoài ra ông còn là văn sĩ, họa sĩ, kịch gia, nhà viết chuyện phim, và đã từng làm tài tử đóng trong nhiều cuốn phim do ông viết. Ông cộng tác với nhà đạo diễn danh tiếng Pháp Marcel Carné trong tám cuốn phim và trở thành người viết truyện phim tên tuổi của Pháp, đặc biệt là phim LES ENFANTS DU PARADIS (Những Đứa Con Của Thiên Đường).

Trong những năm của thập niên 1920, Prévert gia nhập Phái Siêu Thực (Surrealism), chủ trương rằng nghệ thuật tự nó không phải là cứu cánh mà chỉ là phương tiện. Nghệ thuật chỉ có giá trị nếu có tiềm năng giải phóng con người thoát những ràng buộc thường tình. (Claire Blakeway, JACQUES PRÉVERT, Associated University Presses, 1990, trang 23).

Prévert bắt đầu làm thơ từ đầu thập niên 1930, nhưng đến năm 1946 lúc tập thơ PAROLES (Spoken Words, Lời Nói) ra đời và bán chạy liền cả hàng trăm ngàn cuốn, ông mới nổi tiếng vượt bực.

Những lời thơ trong tập thơ này đơn giản như lời nói hàng ngày, tuy không thành vần, nhưng thật súc tích, nói lên nhu cầu muốn được sống trong hạnh phúc và tình yêu của mỗi con người, đồng thời chế diễu châm biếm những cơ quan tôn giáo hay xã hội mà đạo đức giả. Nhiều bài thơ trong tập PAROLES đã được Joseph Kosma phổ nhạc.

Sau đây vài bài chọn trong tập PAROLES của Prévert và chuyển dịch thành thơ không vần như nguyên tác.

NHỮNG CHIẾC LÁ KHÔ

Lời Việt của Hoàng Tâm

Ôi, ngày nào mình bên nhau em còn nhớ gì không em
Ngày đó chúng mình sống trong hạnh phúc tình yêu
Thuở ấy cuộc đời sao tươi đẹp hơn bây giờ nhiều
Và ánh mặt trời cũng nồng cháy hơn ngày nay.

Những chiếc lá vàng rơi khắp đường chất thành khóm cao
Người hỡi, có bao giờ anh quên nổi...
Những chiếc lá vàng rơi khắp đường chất thành đống kìa
Như kỷ niệm mình, như những tiếc nuối cuộc đời.

Và ngọn gió phương Bắc cuốn đi cả rồi
Một đêm đông giá của lãng quên.
Em hỡi, có bao giờ anh quên nổi
Bài hát xưa em vẫn thường ca...

Bà ca thuở ấy
Là chuyện tình đôi ta
Mình yêu nhau mãi
Nguyện chẳng rời xa

Cùng nhau chung sống
Lều tranh là mái ấm
Tình mình tươi thắm
Muôn kiếp mặn nồng

Dòng đời sao vội chia
Những người yêu nhau
Âm thầm lặng lẽ
Chẳng biết do đâu

Và những vết chân yêu hôm nào trên cát trắng
Làn sóng đã xóa đi, chẳng còn chi.

H.T. (McLean, VA, 12/12/93)

Sách tham khảo:

- PAROLES Selected Poems, do Lawrence Ferlinghetti dịch, City Lights Books ở San Francisco xuất bản ấn bản song ngữ Pháp-Anh năm 1990.

- JACQUES PRÉVERT, của Claire Blakeway, do Associated University Presses xuất bản năm 1990.

- JACQUES PRÉVERT, của William E. Baker, Twayne Publishers, Inc. xuất bản tại New York năm 1967.

- 50 CHANSONS, lời của Prévert, nhạc của Kosma, do Les Editions Enoch & Cie xuất bản năm 1977. Độc giả nào muốn mua những bài ca nổi tiếng của Prévert để hát hay đàn dương cầm, xin viết thư về Les Editions Enoch & Cie, 27, boulevard des Italiens, 75002 Paris, điện thoại 742-69-95.

NGƯỜI LÍNH KÈN VÀ VIÊN ĐẠI ÚY

HÀ THÚC SINH

Người sống trong khu dưỡng lão đường 52 nhìn ông Hoà Thanh như một kẻ bệnh tật khó tính. Ông sống ở phòng 301, ít ai thăm hỏi, trừ người đàn bà Mễ trong chương trình workfare, được sở Xã Hội cắt cử tuần đôi ba lần đến dọn dẹp vệ sinh giúp ông, nhưng hai người không trò chuyện, vì ông không biết tiếng Tây Ban Nha còn bà ta thì không thạo tiếng Anh.

Có ai tò mò nhìn qua cửa sổ chỉ thấy ông Hoà Thanh luôn ngồi lặng trên chiếc ghế bành cũ, trước mặt có chiếc TV đen trắng, gần cạnh có cái bàn sách báo xếp ngay ngắn, có chồng đĩa hát nhưng không thấy máy hát; ngoài ra trong một góc phòng còn có chiếc giá gỗ đặt hai cây kèn. Một cây clairon và cây kia clarinette. Cả hai đều mốc meo như không từng được chủ nhân rớ tới. Ông bị chứng Parkinson - chứng run tay, khá nặng. Khi trẻ ông Hoà Thanh không uống rượu. Hồn kèn ky chanh và ky cả rượu, ông thường bảo thế. Nhưng về già sống xứ người ông thay đổi. Dù thân ốm bệnh, chiều đến ông vẫn phải có tí gì cho ấm bụng. Bất cứ gì. Một lon bia, một ly vanh hay một ly cô-nhắc... Nhưng chỉ thế thôi, không nhiều hơn. Lối nghiện rượu ấy - nếu gọi được là nghiện - phản ảnh phần nào bản tính nguyên tắc của ông có từ thời trẻ.

Nhưng cứ sau một cữ rượu là ông ngà ngà. Nếu có người chung quanh thế nào ông cũng khề khà bày tỏ sự hãnh diện về mấy cây kèn hay nghề nghiệp cũ:

"Cây kèn đồng thì chịu, không rõ gốc tích. Tôi đoán là của một tên lính Tây già. Ngày về dạy trường quân nhạc Thủ Đức thấy nó móp méo, vứt chỏng gọng bên cửa kho nhạc khí, tôi lấy sửa dùng. Còn cây clarinette, ồ, bằng gỗ trắc (?) chính hiệu Phi Châu đấy. Chẳng có thứ gỗ nào rắn hơn thứ gỗ ma quỷ này được. Lim, gụ, cẩm lai, vàng tâm, táu gì gì của ta chăng nữa cũng vứt; Tây họ chỉ dùng mỗi thứ gỗ đó làm kèn, trời khoan không nứt."

"Ông Thanh, thử một đoạn Marche Militaire của Schubert bằng hơi clairon được chứ?"

Bà Rosemarry Young của nhà thờ Tin Lành ngay cạnh khu dưỡng lão, mập thù lù như có bốn cái mông hai sau hai trước, thường khi nhún nhẩy đi qua hành lang, bà hay gõ gõ trên cửa kính, cười toe toét, đề nghị với ông Hoà Thanh một câu cho vui, nhưng như biết trước lời đề nghị sẽ không bao giờ được đáp ứng, bà vẫy tay chào và đi thẳng.

Hoặc như ông cụ Stephen Lewy, ngồi xe lăn thường ra phơi nắng ngoài hành lang mỗi sáng; ông đã tám mươi ngoài, gầy như que tăm, nhăn như quả vả, nhưng nhất quyết thều thào:

"Woman in Love. Số một! Tuyệt! Tôi đã nghe nó tha thiết bằng dương cầm, quần quại bằng saxophone, nhưng chưa từng được nghe ai thổi bằng clarinette. Thử đi ông Thanh. Cho tôi một dịp lên thiên đàng với Woman in Love bằng hơi clarinette của ông được chứ?"

Lối trả lời cố hữu của ông Hoà Thanh là giơ một bàn tay run rẩy ra ngoài cửa sổ. Ông cụ lại lăn xe đi, lẩm bẩm: "Ông chỉ muốn tôi xuống hoả ngục!"

Vì vậy nói gì thì nói, tiểu sử hai cây kèn vẫn bí mật như chính tài nghệ của ông Hoà Thanh. Chẳng ai nghe ông thổi bao giờ. Nhưng ông luôn kiêu hãnh về thứ ngôn ngữ của người lính kèn. Ông bảo, giọng bí hiểm:

"Khi chúng tôi nói thì loài người phải yên lặng..."

Và nếu kẻ đối diện ba hoa quá, không chịu ngồi yên nghe ông nói, ông cười khẩy:

"Nhưng khổ, trời sinh con người lại cho cái mồm to hơn lỗ tai!"

Cứ thế chẳng mấy ai đến với ông nữa, chẳng mấy ai, kể cả các cụ đồng hương trong khu dưỡng lão ba tầng nhìn xuống một sân golf xanh ngắt quanh năm; và cũng vì thế không ai biết rõ ông Hoà Thanh sang Mỹ như thế nào, vợ con chi chăng?

Nhưng trách chi được người đời lạnh nhạt với ông. Đời sống nơi đây như có những sợi dây vô hình, trói gô thân phận từng người cho chính nỗi buồn vui của họ chiêm ngắm. Thật mà nói ông Hòa Thanh có chết khô chưa chắc ai biết. Cũng may, ông còn có một người bạn trẻ năng lui tới, dù dị tính.

*

Hoàng Thiệp tuổi quãng bốn mươi lăm. Anh thua ông Hoà Thanh chẵn hai mươi tuổi nhưng gọi ông ta bằng anh. Không tuần nào Thiệp không ghé ông với một tí quà. Khi thì ít rau rác, lúc một chai vanh, khi lạng trà, lúc một hộp bánh. Nhưng vài cụ đồng hương tò mò không được thuyết phục nhiều lắm về tình bạn tha thiết giữa hai người. Đôi ba dấu hiệu cho họ thấy hai người như hai kẻ đồng hành, bị hoàn cảnh bức bách chi đó, phải đi chung trên cây cầu dài, hẹp, chênh vênh và còn đi lộn giầy nhau nữa chưa chừng. Nhưng họ không thể đẩy nhau ra khỏi đời nhau. Họ phải

chịu đựng nhau để sống còn. Mãi rồi họ biến thành cái bóng của nhau. Ông già bà cả nhìn trời tháng Mười đoán được giờ giấc cơn tê thấp trở lại, hay trời tháng Sáu chứng nhẩy mũi tái hồi, nhưng khó đoán cho chính xác mối liên hệ giữa ông Hoà Thanh và Hoàng Thiệp.

Thiệp đến, lặng lẽ mở cửa như biết chắc cửa không bao giờ khoá. Anh ta bước vào với cái hỉnh mũi khinh thị kín đáo, hờ hững một câu hỏi "Anh khoẻ?", rồi đi thẳng vào bếp. Anh mở tủ lạnh. Nếu có tí rau rác hoa

quả thì nhét vào, bằng không sẽ kiếm một lon bia. Anh mở cái xì, cầm lon bia ra ngoài và nếu TV chưa mở anh ta sẽ mở. Anh ngồi xuống một góc phòng, duỗi hai chân nhâm nhi lon bia, chăm chú xem bất cứ thứ gì xuất hiện trên màn ảnh.

Thiệp đến như để lặng lẽ xác nhận cơn váng vất của một giấc mơ: Ông ta chết hay ông ta vừa trúng số?

Ông Hoà Thanh cũng lặng lẽ không kém, khác nhau là thỉnh thoảng ông tằng hắng như cố nhận sâu một chút đàm trong cổ.

Thiệp lại hỏi:

"Anh khoẻ?"

"Hỏi tôi khoẻ thì có khác gì hỏi ông có yếu không! Nhưng yên tâm. Tôi chưa mất tinh thần."

Hai người lại yên lặng. Thiệp nhâm nhi hết lon bia, đứng lên ưỡn vai, giọng dửng dưng:

"Anh ăn gì chưa? Chưa thì ăn đi nhá, tôi về đây."

Ông Hoà Thanh ít khi đáp. Thiệp nhìn ông lần nữa như nhìn hai cây kèn câm quen thuộc, rồi anh ta lập lại "Tôi về đây!", và lặng lẽ mở cửa, lặng lẽ đi ra.

*

Nhưng không phải không có hôm hai người không trò chuyện. Mà họ trò chuyện là họ cãi nhau. Họ không cãi nhau bằng những cơn nóng giận thông thường. Họ có ngôn ngữ riêng. Ông Hòa Thanh thì có ngôn ngữ như ông hằng tin ông đã sử dụng qua tiếng kèn. Tất cả phải răm rắp khi ông cất tiếng, dù vui dù buồn; bằng ai ngược lại ông sẽ yên lặng. Sự cất tiếng của ông chỉ có hai ý nghĩa: Kẻ còn nghe sẽ là kẻ được truyền cho cái khí thế xung trận; ngược lại kẻ ấy cầm bằng đã nằm trong quan tài. Hoàng Thiệp cũng có ngôn ngữ của anh, ngôn ngữ của một người từng có quyền ra lệnh cho ông Hòa Thanh được hay không được cất lên thứ ngôn ngữ của ông ta.

Xưa Hoàng Thiệp là đại úy đơn vị trưởng của thượng sỹ Hoà Thanh!

Nhưng ông Hoà Thanh vẫn có lý do khác để nhìn Hoàng Thiệp bằng đôi mắt người trên. Nếu con gái ông không chết thảm trong cơn loạn lạc, Thiệp đã là con rể ông.

*

Hoàng Thiệp có một cửa tiệm bán đồ điện tử đang đông khách nơi góc đường University và 47. Mới mở vài năm lộn lại đây thôi. Trước không ai biết Thiệp làm gì, nhưng giờ thì anh ta đang là một tay thương buôn xông xáo - xông xáo như kẻ vừa muộn màng khám phá ra ngay dưới nền nhà mình có một kho vàng. Người quen biết có cảm tưởng Hoàng Thiệp làm ăn như để bù lại những năm tháng đã qua - khoảng thời gian mà nếu có ai tò mò hỏi, anh ta hay chống chế vu vơ: "Mình lộn, chuyện lớn đâu tới hạng mình!"

Hoàng Thiệp có nhiều em út đều loại làm ăn. Họ là những con thoi tận tụy, đang ngày đêm tới lui dệt tấm gấm phú quý, mơ rằng không lâu nữa nó sẽ thừa rộng phủ mát qua suốt đôi bờ Thái Bình Dương, lấp sạch bên dưới những trùng trùng đường ranh phân tách giữa trá ngụy và lẽ phải...

Hoàng Thiệp đang là một tay thợ dệt!

Nhưng cách nào đó anh cô đơn. Anh không vợ con. Anh ta không muốn lấy vợ hay chưa lấy được vợ? Khó biết nguyên do. Có lần có đứa em út thân cận cật vấn, Thiệp hứ:

"Thì cứ làm giầu đi đã. Có tiền tậu trái đất cũng được mà bây!"

"Nhưng tậu trước một người đàn bà chết chóc chi, anh Ba?"

Thiệp bối rối, lặng thinh.

Tuy nhiên có lần trong một bữa nhậu, say, Hoàng Thiệp đã hở ra tí chút căn bệnh khá kỳ dị của anh. Thiệp bảo anh bị chứng ám ảnh, không luôn luôn, chỉ thỉnh thoảng, là khi vừa khoả thân một người đàn bà anh sợ hãi đậy ngay mọi thứ lại. Anh thấy người đối diện không ai khác hơn là người yêu cũ. Cô ta ướt sũng. Mặt nhợt nhạt. Một bên mắt mở thao láo. Một bên vú nát bấy. Máu nhuộm lên tới mặt và cổ. Hình như gẫy thêm mấy ngón tay. Đó là lúc anh đem đơn vị tháo chạy khỏi hậu cứ ở một tỉnh nào đó mãi miền Trung. Mặt đất nhầy nhụa tanh tưởi. Bầu trời đỏ ráng và khét. Tiếng thiết giáp hung hăn cầy trên quốc lộ. Đạn pháo. Những tiếng hô xung phong. Những tràng súng liên thanh. Tiếng lựu đạn nổ. Tiếng kèn man rợ trộn với tiếng gào la đau đớn. Tất cả rối mù đến nỗi dầy kinh nghiệm chiến trường như anh cũng không phân biệt nổi đâu bạn đâu thù...

Thế rồi Hoàng Thiệp hực lên với tiếng khóc trong cổ của người đàn ông. Anh bảo chính lúc ấy cô gái cứu mạng anh và nhiều đồng đội bằng một hành động liều lĩnh. Tới đó anh ngưng. Không nói nữa. Vì vậy không ai biết rõ đầu đuôi cô gái đã liều lĩnh như thế nào.

Thế đó, chỉ thế đó mà Hoàng Thiệp dằn vặt, lo lắng mãi về sau. Anh không dám nghĩ đến chuyện lấy vợ, và gần như không còn ngủ với đàn bà.

Có đứa khuyên Hoàng Thiệp đi bác sỹ tâm thần, anh đổ quạu:

"Mẹ, giờ mày hết là lính của tao rồi, chớ không tao nhốt thấy bà mày. Bộ mày nói tao điên hả?"

Riết rồi người ta cũng quên đi, để mặc sự bí mật thương tâm như chất keo, chỉ dùng để dính đét Hoàng Thiệp vào với ông Hoà Thanh!

Nhưng những kẻ tò mò hơn vẫn tự hỏi: Bí mật gì trói được Hoàng Thiệp vào ông Hoà Thanh lâu dài như thế? Mối giao tình dị thường kia nào có phải một mớ chỉ rối bất khả tháo gỡ? Vì tình xưa nghĩa cũ? Vì đồng hội đồng thuyền? Vì hai người từng sát cánh trong những hoạt động đấu tranh tìm con đường về ngày ông Hoà Thanh chưa lâm trọng bệnh? Lấy những yếu tố ấy mong thuyết phục kẻ tò mò đều là gượng ép!

*

Khác mọi năm, năm nay Hoàng Thiệp chiều ông Hoà Thanh đặc biệt. Anh làm giỗ cho con gái ông tại ngay phòng ông. Từ mấy hôm trước, lúc ngỏ ý anh đã bực bực. Ông Hoà Thanh không thuận cũng không chống. Ông nói với giọng khinh bạc cố hữu:

"Mười mấy năm qua tôi chỉ giỗ nước, mọi giỗ khác nhận chìm trong lòng."

"Có năm nào tôi không làm giỗ cho Thoả ở nhà tôi!"

Ông Hoà Thanh nhìn Thiệp bằng ánh mắt khó đọc:

"Bận như ông mà cũng vẽ thế cơ à?"

"Anh như không còn tin ai!"

"Vì tôi đã... tin hết ở ông."

Hoàng Thiệp nhăn mặt. Anh có cảm tưởng anh bị xúc phạm. Anh lạ gì cái thói sử dụng chữ nghĩa của ông ta. Ngược cả.

"Tôi làm gì mà anh... hết tin tôi?"

"Ơ lạ nhỉ, thế ra ông nghĩ là ta đã hết tin nhau? Thế ra trước sau ta không còn là chiến hữu của nhau?"

Biết ông gây, Hoàng Thiệp nín. Dù sao anh luôn luôn có hơn một lý do để nhịn ông Hoà Thanh. Cũng như hôm nay anh có hơn một lý do để làm giỗ cho con gái ông Hoà Thanh ở tại phòng ông.

Từ sáng Hoàng Thiệp đã ghé đặt món ăn Tàu nơi tửu lầu Chu's Dynasty. Hai thằng em út của anh sẽ đem thức ăn về bây giờ. Anh đến sớm, tự động sắp lại gian phòng, kéo bàn ăn và mấy chiếc ghế trong bếp ra sắp giữa phòng khách. Anh cũng trịnh trọng sửa lại ngay ngắn bức ảnh một cô gái trên vách, đốt mấy cây nhang cắm vào bát gạo đặt trên trốc TV. Ông Hoà Thanh dửng dưng như bao giờ. Nét dửng dưng giống người có trong tay một báu vật mà sự quy lụy, chiều chuộng là nghĩa vụ của kẻ muốn đến chuộc. Ông chỉ dí mắt vào tờ báo.

Hoàng Thiệp khuân cái giá kèn lên. Cây kèn đồng rơi xuống. Anh chụp vội lấy, rồi nhìn bàn tay, cằn nhằn:

"Không còn chơi thì vứt quách. Ten xanh lè."

"Nó là sinh vật, là con tôi, sao lại vứt?"

"Anh ngày càng lẩm cẩm."

"A! Sao lại lẩm cẩm? Thế ra ông vẫn chưa tin sự cao cả của lũ con tôi sao?"

"...!"

"Đừng tưởng nó là tí gỗ, tí đồng rỗng bụng. Trên đời chỉ nó mới có được tiếng hùng tráng trung thực nhất hay tiếng thảm sầu chân thành nhất..."

"... dấy lên từ đáy tâm can. Và vì thế người lính kèn kẹp nó bên nách, chỗ gần trái tim? Tôi nghe anh đã ngàn lần."

"Phúc cho kẻ chỉ nghe một lần...!"

Ông tính nói "mà tin", nhưng ngưng kịp. Hoàng Thiệp lại nhịn. Anh ra đứng nhìn qua cửa sổ xuống sân golf. Nắng chiều vàng loang từng khoảnh như những chiếc lưỡi le liếm lấy cái hương ngai ngái bám trên màu cỏ xanh mướt ngút mắt. Những thân Bạch Đàn sừng sững, lấp lánh. Ở một sân quần vợt gần đó vài ngọn đèn Neon đã sớm bật lên, giống những hạt kim cương khổng lồ lóe khỏi rặng cây xanh sẫm.

"Chạng vạng lúc nào cũng buồn."

"Phải nói chạng vạng của một niềm tin lúc nào cũng buồn."

Thế là chịu hết nổi. Hoàng Thiệp quay trở vào, kéo ghế ngồi đối diện với ông Hoà Thanh.

*

Mãi đến khi bữa ăn đã tàn, hai thằng em út đã về, Hoàng Thiệp mới tin mối nghi ngờ của anh là đúng. Phía sau sự bệnh hoạn kia lão già còn nguyên một nội lực; mà có nhiều thứ nội lực anh hoàn toàn không ngờ, chẳng hạn như đã bao giờ anh thấy lão tu rượu như vậy. Mình lão đã làm gọn gần nửa chai Cordon Bleu. Mà kìa, đã có dấu hiệu nào cho thấy lão say đâu!

Sau cùng Hoàng Thiệp phải đi vào câu chuyện. Anh nhỏ nhẹ:

"Chỉ anh thay được Thoả gỡ hộ tôi lời thề."

Ông Hoà Thanh nhìn Hoàng Thiệp như chờ một điều gì nữa, nhưng thấy anh ta chưa sẵn sàng, ông dời ánh mắt sang tấm ảnh đứa con gái xinh đẹp, giọng xa vắng:

"Chết cho tình yêu thì hồn nó thanh thản. Nhưng mới đó đã mười chín năm..."

Chết cho tình yêu! Hoàng Thiệp nghi ngại nhìn ông Hoà Thanh muốn tìm một ẩn ý, nhưng anh ta không thấy gì ngoài khuôn mặt héo hắt mà sự ngang ngạnh còn nằm nguyên trên cặp lông mày rậm tủa xuống vài sợi bạc. Thiệp lấy giọng bồi hồi:

"Mười chín năm nhưng Thoả

LƯU HY LẠC

CẢM MỘT ĐỀ THƠ

Kính tặng anh Dương Huệ Anh

Lạc giòng nước quạnh giang đầu
(Tha hương mười tám năm sầu có ai...) (1)
vọng cơ cầu suốt sông dài
nơi tâm khảm nguyên đêm ngày vết thương

Hỏi han quê cũ, con đường
gót son khua vỡ mười phương bội thề
ngóng con nước lạ xuôi về
ở giang đầu nổi bộn bề hoa trôi
gọi đò ngang vớt tuổi tôi
dong một chuyến khẳm chỗ ngồi tóc tơ.

(1) tự đề thi tập của Dương Huệ Anh

vẫn bên tôi. Rõ như thảm kịch và lời thề. Tôi như kẻ bị đeo đuổi. Làm sao anh giúp tôi gỡ hộ lời thề."

"Ông thề với nó. Ông không thề với tôi."

"...!"

"Có ai sống hộ được người khác đâu? Nhưng nó đã chết hộ cho nhiều người khác. Tôi đứng ngoài sự vĩ đại này. Liệu tôi có thẩm quyền cướp đi của nó lời thề hứa trịnh trọng của một sỹ quan? Mà ông thề gì trên xác nó? Phải như Trần Hưng Đạo đã chỉ xuống sông Hoá mà nói 'trận này không phá được giặc thề không trở lại khúc sông này nữa'?"

"Thời thế đã thay đổi anh ạ. Với lại mình cũng cần sống..."

"Để có thêm người chết?"

"Anh có quá đáng không?"

"Con tôi chết thay cho những chiến sỹ, đau lắm, thế mà tôi nào có cho là quá đáng đâu. Nhưng thôi, hành trang đời tôi chỉ có hai báu vật, đứa con và tiếng kèn. Ông biết tôi mất gì và còn gì."

"Anh..."

Hoàng Thiệp đành im. Anh ngồi nghe từng tiếng kim đồng hồ treo tường nhẩy khá lâu giọng ông Hoà Thanh mới trở lại, y như mấy giọt nước đục:

"Thôi được..."

Ông ngập ngừng. Hoàng Thiệp nhìn ông chìm trong khoảng tối. Bất ngờ anh ta ngỡ ngàng. Ông Hoà Thanh chầm chậm giơ cao một bàn tay run rẩy chào anh theo quân cách, rồi nửa lạnh lùng, nửa thổn thức, ông lập lại:

"Thôi được... từ hôm nay coi như sòng phẳng. Tôi liều gỡ lời thề cho đại úy vậy. Tôi hứa giùm con tôi coi như nó chưa từng thấy nơi bờ duyên hải ấy có một nấm mộ vùi nhanh; chưa từng nghe trên xà lan ấy có người sỹ quan nói rằng 'Đi rồi về, về chiến đấu không về đầu hàng...'"

Phải lúc lâu sau Hoàng Thiệp mới đứng lên. Anh ta không bật đèn vì có lẽ ngại nhìn rõ mặt người lính cũ trong lúc này. Rồi anh lặng lẽ mở cửa, lặng lẽ đi ra...

*

Ít ngày sau các cụ già trong khu dưỡng lão đường 52 khám phá ra người đàn ông bị chứng Parkinson đã âm thầm dọn đi. Nhưng điều người ta bàn tán nhiều hơn cả, đặc biệt những cụ già bản xứ, là những bài kèn tuyệt vời lần đầu cũng là lần cuối họ được nghe vọng ra từ phòng 301 vào rất khuya đêm ấy.

Ai thổi? Lão ấy thổi à? Hay con cháu lão ghé thăm, đã cao hứng giúp cho lão một giây phút hoài niệm huy hoàng? Tiếng kèn mới đầu mở ra thế giới trầm thống của Schubert. Đó là tiếng linh hồn của những người lính già có lúc mờ đi nhưng không bao giờ chết. Tiếng kèn thoắt đổi sang một tình khúc. Ồ không, những cụ già Mỹ sành nhạc đều lấy làm kinh ngạc trước sự chuyển đổi tài tình linh hồn bài nhạc này. Ở đâu lại có thứ người nữ biết yêu như vậy? Rõ ràng đó không là thứ Woman in Love quằn quại trong giòng sông nhục dục nơi đây. Đó là thứ người nữ thanh cao, cũng vì yêu nhưng họ vươn mình thành núi, nhoài mình thành sông, nổi trôi với sinh mệnh một dân tộc và về sau những cặp tình nhân sống sót, đi qua mộ bia đều dừng lại, đều nhỏ lệ tiếc thương cho một nữ anh thư vì nước quên mình. Nhưng bài kèn thứ ba thì chịu, các cụ già Mỹ chỉ cảm được nó là một thứ tiếng khóc đứt đoạn, tiếng khóc của kẻ chân tay chia lìa.

Các cụ đã gặp gỡ dưới hội quán dưỡng lão, ngơ ngác hỏi nhau nhưng không ai rõ nguồn gốc bài kèn ấy thế nào.

Một buổi sáng nắng ấm tháng Tư, bà Rosemarry dừng cặp chân nặng nề mà nhún nhẩy bên cụ Stephen đang phơi nắng trước hành lang. Bà nhìn vào căn phòng số 301 đã được dọn dẹp sạch sẽ, thở dài:

"Mới đó mà tôi quên nét mặt ông ta rồi đấy, nhưng tiếng kèn thì cứ nhớ mãi thôi, cụ Stephen nhỉ?"

"Tuyệt, tôi đã lên thiên đàng!"

"Thế cụ đã biết tên bài kèn thứ ba chưa?"

"Chưa."

"Tôi có tìm hỏi một cụ Việt Nam ở đây, cụ bảo đồng bào cụ đều buồn và sợ tiếng kèn ấy; đó là tiếng tiễn đưa một chiến hữu đã chết dù trong trường hợp nào. Người ta gọi nó là khúc Chiêu Hồn Tử Sỹ."■

Alhambra 20-1-1994

ĐINH MẠNH THU

BUỔI SÁNG SAU CƠN SAY

Hoa rụng đầy sân sớm
Đêm qua thức uống hoài
Nếu đêm còn say nữa
Trăng đã rụng vườn ai

Lượm cành hoa đêm trước
Nghe buồn nặng trên tay
Trần trường hoa chết lạnh
Còn giận một cơn say

Quơ dép ra ngoài ngõ
Rồi tóc liễu buồn trông
Nụ hồng khoe sắc mới
Giọt sương tròn long đong

Thinh không ngát hương lạ
Nẻo vắng không người ta
Gót ai đùa sương cỏ
Chắc thơ về đêm qua.

NHẮC CHUYỆN NGÀY XƯA

NGUYỄN TẤN HƯNG

Theo độ lơi của những tàu dừa đong đưa trong gió, vài giọt nắng thỉnh thoảng hắt xuống nền xi-măng, như báo hiệu một buổi chiều cuối hè sắp về trên con hẻm cụt. Mọi người rồi phải hối hả lo tắm giặt, cơm nước, rửa chén rửa bát trước khi chung quanh mình, bỗng chốc, trở nên nhá nhem tối. Xóm lao động nào cũng vậy, chỉ cần mặt trời khuất dạng đằng sau dãy nhà lụp xụp phía hiên Tây thì cảnh đời sẽ đổi thay ngay, tuồng như thêm phần u ám, tối tăm. Từ đầu ngõ đến cuối hẻm, đám trẻ con, người lớn, cho đến ông già bà cả, ai cũng như ai đều thoáng hiện trên gương mặt mình những nét buồn buồn. Phản ảnh của số phần nghèo đói, khó khổ. Ngay như Hiếu là kẻ ở trọ cũng vậy, chàng cảm thấy buồn lây. Bởi vì, dĩ nhiên, phương tiện tài chánh của chàng cũng không lấy gì làm khá cho lắm.

Nhưng, được một điểm là ở cái tình *bà con xa không bằng láng giềng gần*, chòm xóm yêu thương, quý mến và đùm bọc lẫn nhau. Mỗi lần ở trong hẻm có giỗ quảy hay đám tiệc thì không khí xung quanh có phần ồn ào, vui vẻ ra phết. Chẳng khác chi một ngày hội hè, đình đám chung cho cả xóm. Không giống như bên kia Sài Gòn đất hẹp người đông, mạnh ai nấy sống. Có khi trong nhà có đám ma mà người ở kế cận, kề bên không hề hay biết nữa kìa.

Cũng may là sau cơn binh lửa, biến cố Mậu Thân, ngôi nhà của anh chị Phương Thảo - Hữu Phúc vẫn còn nguyên. Nói còn nguyên thì cũng không đúng lắm, thật ra, chỉ bị cháy xém một góc trái. Nói có trời, thiệt, phước đức ông bà còn để lại! Vì ngó ngược, dòm xuôi nhà cửa của người ta bị bỏ bom xăng đặc cháy sạch trơn, không còn một cây cột làm thuốc. Nguyên cả xóm Rác chạy tuốt ra đến tận dốc cầu Chữ Y! Bên kia Chánh Hưng cũng vậy, xóm Lò Heo, Lò Bò cũng bị trận hỏa công trên sông, không phải Xích Bích mà là Bến Nghé, thiêu rụi chẳng còn manh giáp. Rồi nghe nói trong xóm Chà Và, cầu Nhị Thiên Đường, chạy vòng vô mũi tàu Phú Lâm cũng không thoát khỏi tay thần hỏa, một phụ thần của thần chiến tranh.

Ôi thôi, sau một thời gian dài nhóc nheo trong trại tị nạn, trại tạm cư, dân chúng đã tuần tự được cấp phát cho một số vật liệu để cất lại nhà mới trên nền nhà cũ nám đen nám đỏ. Bây giờ chỉ cần nhìn những căn nhà lợp tôn lạnh, làm bằng nhôm sáng loáng của Mỹ, thì đủ biết gia đình đó không thoát khỏi cảnh "ba lần dọn nhà" trong trận chiến thí dân, giết Việt Cộng vừa qua. Với số bồi thường tương đối đó, những người chỉ có mái lá xập xệp, trống trước hở sau, coi như là đi lên trong khi những ai có mái tôn dợn, gác lửng hoặc hai từng, thì kể như đi xuống. Đời là vậy! Chỉ có những kỷ niệm vui buồn khó quên, những hình ảnh đẹp xấu khắc ghi trong tâm khảm của mình thì không có gì thay thế được.

Cũng chính trong hoàn cảnh đó mà giang sơn của Hiếu, ròng rã ba năm hơn nếu tính đến những ngày vào thu cũng như sắp sửa đến mùa tựu trường này, đã chẳng có gì đổi thay! Vẫn chiếc *divan* ọp ẹp, lên nước bóng như thoa mỡ kê sát vách phía trước, và chiếc bàn con khi thì làm bàn học, khi thì làm bàn ăn, nằm quay mặt vô vách hông. Kế một bên là cái cửa sổ lá sách có những cây song tròn thẳng đứng trông ra một hàng hiên tráng xi-măng, bao bọc bởi một hàng rào làm bằng cây ép lép, mũi vạt nhọn. Khoảng sân trước này không rộng lắm, vì nếu có chiếc Vespa của Hiếu dựng xuôi theo vách thì chỉ còn đủ chỗ để kê một bàn cờ tướng cho hai tiên ông ngồi đấu trí, hoặc một bàn nhậu dã chiến làm bằng ván thông thùng đạn, hình hộp chữ nhật, với những ghế ngồi thấp lè tè mặt đất...

Dưới ánh sáng lờ mờ, tranh sáng tranh tối của một ngày sắp tàn, Lục Hà lựa một miếng lớn trong dĩa bao tử khìa và thịt phá lấu, mới mua ngoài tiệm ba tàu hồi nãy, gắp bỏ vô chén Hiếu:

"Làm mạnh vô đi chú em, không mấy thuở anh em mình gặp nhau!"

Ừ, không mấy thuở gặp nhau thiệt! Kể từ ngày anh Lục Hà thu xếp hành trang đi đóng đồn trên miệt cầu Bình Lợi, Hiếu nhủ thầm! Dạo trước, lúc ảnh còn làm ở tiệm điện, thì thôi hà rầm, ngày nào ảnh cũng rủ chàng đi chơi không chỗ này thì chỗ kia, hoặc đi nhậu với bạn bè hay người cùng làm một hãng.

Duy chỉ có chị Bạch Tuyết là Hiếu chưa gặp mà thôi chớ còn anh Lục Hà, anh Hoàng Hoa, em trai kế của chị Phương Thảo, thì chàng đã gặp rồi. Giữa hai người anh bà con khác họ kia, chàng vẫn thích anh Lục Hà hơn. Không phải ở chỗ anh cao ráo, dễ nhìn mà thật ra ở cách cư xử, đối đãi với nhau. Tuy cả hai đều khoác lên mình chiếc áo chiến binh, nhưng một người chỉ là lính trơn, thuộc hàng ngũ địa phương quân, và một người là sinh viên trường Võ Bị, trước sau gì cũng được làm quan trong quân đội chính quy. Một đàng là trừ bị, có thể giải ngũ sau khi phục vụ hết nhiệm kỳ, còn một đàng là hiện dịch, ở lính suốt đời vì nghề chuyên môn là nghề đánh giặc.

Mặc dầu anh Hoàng Hoa ăn nói có phần văn hoa bóng bẩy hơn, dân bảy năm trung học Nguyễn Đình Chiểu và có Tú Tài đôi mà, nhưng theo ý riêng của Hiếu, vẫn không hấp dẫn bằng lối kể chuyện bình dân, thiệt thà, mộc mạc của anh Lục Hà, một nông dân tay lấm chân bùn. Mà cũng kỳ lạ, chẳng biết hai bác Sáu nghĩ sao mà lại cho con trai trưởng đi làm ruộng và con trai thứ đi học đàng hoàng, đến nơi đến chốn. Chắc ổng bả định cho anh Lục Hà nối nghiệp cha ông thì phải? Gì chớ nối nghiệp nhà nông thì coi bộ cũng không sung sướng, hãnh diện gì cho lắm! "Hên" là ngày qua ngày, giặc giã nổi lên tứ tung cho nên anh Lục Hà mới có cơ hội chạy về thành, thấy được cái cảnh văn minh. Bằng không, chắc suốt đời anh rồi cũng quen với những "thá, ví" cùng những "móc mương, dọn vườn" và sẽ không bao giờ rời xa lũy tre làng và kể như miễn bàn đến chuyện lìa bỏ quê hương...

Hiếu đánh "trót," cạn ly rượu đế nhỏ sau khi thưởng thức miếng mồi thơm ngon, đặc biệt, chính hiệu con nai vàng của ông Tàu phàng dậu ngoài đường cái. Không biết ổng pha chế, nấu nướng, củi lửa ra làm sao mà miếng "khìa" nhai vô miệng dòn dòn, dai dai, ngọt ngọt, cay cay... đã thiệt. Mấy thằng cha bưng mâm, bán dạo lắc xắc ngoài chợ Sài Gòn, chắc cũng phải mò tới đây đặt cho ổng làm mà thôi. Giống như bán mía ghim, trên mỗi miếng thịt cắt gọn hình con cờ đó được cắm sâu bằng một cây tăm xỉa răng cho khách thập phương dễ cầm ăn dọc đường, nghĩ lại, người nào sáng chế ra cách ăn chơi khoái khẩu đó kể cũng là một tay tổ sành điệu ẩm thực!

Hiếu rút một điếu Capstan trong gói để trên bàn dã chiến, dộng dộng đầu lên cái hộp quẹt Zippo rồi bật lửa châm hút. Rít một hơi dài cho làn khói vào sâu tận các ngõ ngách của buồng phổi chắc nay đã đổi sang màu nâu vàng vì bị đóng nhựa từ lâu! Hương vị thuốc thơm đánh thức cả lục phủ, ngũ tạng. Rồi trong cuộn khói mơ huyền vừa thả ra, bỗng dưng, chàng có ý muốn tìm hiểu thêm nỗi lòng sâu kín của anh Lục Hà:

"Hỏi thiệt anh nghe, tại sao anh đang đi làm ở một chỗ ngon lành, tiền lãnh xài không hết, thế mà đùng một cái anh đăng đi lính khơi khơi như vậy hả anh Hà? Anh làm thằng em, thiệt, ngạc nhiên hết sức!"

Gắp miếng thịt vàng lườm bỏ vô chén mình, Lục Hà ngả ngửa ra sau dựa lưng vào hàng rào, ra vẻ phân vân, thở một hơi dài:

"Chà, câu hỏi này coi bộ khó trả lời dữ ha! Mà nói chớ anh có trả lời đi nữa thì chưa chắc chú em mày đã hiểu nổi, nếu như chưa biết yêu đương là gì! Vậy thì cho anh hỏi lại cái này, chú em mày đã kiếm được một cô bồ nào chưa? Đã thương một đứa con gái nào chưa?"

Ủi chà, cái anh Lục Hà này bữa nay ăn nói coi bộ du dương, ướt át dữ ta! Nhưng mà, theo ý của ảnh thì phải thế nào mới gọi là bồ đây, Hiếu thầm hỏi? Bồ bịch cũng bốn năm đường bồ bịch, yêu đương cũng chín mười cách yêu đương? Tình nào thiêng liêng và thương nào nhục cảm? Hình bóng nào chỉ để nhung nhớ, tương tư, tôn thờ và thân xác nào chỉ để mân mê, hưởng thụ, nhập cuộc? Có khi nào lại được hòa trộn của cả hai? Kể từ ngày cánh cửa tâm hồn hé mở, nghĩa là con mắt biết liếc, biết dòm, hoặc kể từ ngày bắt mạch con tim, có nghĩa là bàn tay biết sờ, biết nắn, Hiếu cũng đã nhiều lần trải qua những phút giây... ngàn năm một thuở đó rồi. Tùy hoàn cảnh, với những Hoài Hương, Hồ Điệp, Tường Vi, Lệ Thủy... và gần đây Mỹ Hạnh, không nhiều thì ít, hình như chàng đã ra công chịu khó học hỏi và đã từng trả thuộc lòng những bài bản kia, không đến nỗi ngượng nghịu hay vấp váp ở một đoạn nào! Kể cả những khi mon men tìm đến "động hoa vàng," cũng tạm gọi là thong dong, thoải mái.

Hiếu nửa đùa nửa thật:

"Ối, gì chớ bạn bè, trai gái hay bồ bịch thì tụi này cũng vẫn thường rủ rê, dắt nhau đi chơi lia chia mà anh! Đâu có gì khó hiểu hay không hiểu nổi! Anh làm như trường hợp của anh thiệt là bí hiểm, gay go lắm vậy?"

Ra vẻ trầm ngâm một hồi, Lục Hà đáp:

"Thì cũng chẳng có gì bí hiểm, gay go lắm... mới nói! Cứ tưởng là mình hay mà ai dè hóa ra dở, cứ tưởng mình là anh hùng ai dè hóa ra bại tướng, để đến bây giờ thì... hà hà, kể như kẹt cứng, hết đường gỡ!"

Cách phân trần úp mở kia như gợi thêm tánh tò mò, Hiếu lại làm tài khôn:

"Gì mà hết đường gỡ! Đâu, đầu đuôi ra sao anh nói sơ sơ cho thằng em nghe coi, nếu có thể giúp đỡ anh được điều gì thì Hiếu này sẽ sẵn sàng xả thân lo liệu ngay!"

Tu một hơi, nốc hết cốc rượu sủi bọt trắng xóa và khè ra một tiếng như rắn hổ, Lục Hà do dự:

"Ối, chuyện đâu có gì quan trọng mà phải kể cho chú em nghe! Quê lắm!"

Hiếu đốc xúi thêm:

"Gì mà quê anh, ở đây chỉ có hai anh em mình mà, đâu có..."

Chàng định nói thêm là không có "ông nào, bà nào..." thì ngay khi ấy lại có tiếng của chị Phương Thảo, đang đứng ở ngạch cửa thò đầu nói vọng ra:

"Hai đứa bây ăn uống, nhậu nhẹt gì gì thì cũng phải lẹ lẹ lên

đặng còn dọn dẹp, đi ngủ! Đừng có ở lâu ngoài đó rồi muỗi mồng, sương gió... dễ bị nóng lạnh sổ mũi, nhức đầu cảm cúm! Trời mùa này độc lắm!"

Lục Hà chắc lưỡi, xẵng giọng:

"Chị khỏi cần nhắc mà, tụi này nhăm nhi hết chai rượu này thì thôi! Lâu lâu tui mới về một lần chớ đâu phải như hồi trước, ăn dầm nằm dề ở đây đâu mà chị lo?"

Cái chị Phương Thảo này thiệt tình, vẫn cứ coi anh Lục Hà như là... con nít ấy, Hiếu thầm trách! Anh đã hăm mấy, gần ba mươi tuổi đầu rồi mà chỉ dường như chưa bỏ được cái "tính bần cố nông," rầy em thì cứ rầy thẳng như tát nước vô mặt, không "tế nhị" gì ráo trọi. Hèn gì anh Lục Hà đã không gầm gừ sao được. Để cứu vãn tình thế, Hiếu xen vào, đỡ lời:

"Chị Thảo, chị cứ lo nội bộ trong đó cho anh Phúc với mấy cháu đi, tụi em ở ngoài này biết bổn phận mà! Với lại chị đừng làm anh Hà cụt hứng, để ảnh kể chuyện tình năm xưa của ảnh cho em nghe."

Chưa chịu buông tha, chị Phương Thảo vọt miệng:

"Hứ, đồ cái thằng dại gái, nói hoài không biết sửa..."

May phước, vừa nói xong chị ngoe ngoẩy bước vào trong! Chắc chị nghĩ nói bao nhiêu đó thì có lẽ thằng em già đầu của chị cũng đã thấm đòn rồi! Hiếu trở lại vấn đề:

"Rồi sao, tới đâu rồi anh Hà? Ờ, chuyện quan trọng hay không quan trọng gì cũng kể nghe chơi, anh!"

Lục Hà khép hờ cánh cửa lại cho trong nhà khỏi ai nghe, mồi một điếu thuốc hút lấy hơi, rồi buồn buồn lấy giọng:

"Chú em mày có thiệt muốn nghe hay không đây, hả? Nói chớ, ở đời có nhiều cái kỳ cục lắm, không thể giải thích nổi. Chuyện khó tin nhưng đôi khi có thiệt! Số là như chú em mầy cũng biết, vòng vòng mấy cái hẻm quanh đây thiếu gì con gái mê anh! Tụi nó biết anh dư sức bảo bọc cuộc đời của tụi nó mà. Chuyện cũng dễ hiểu thôi vì đâu có đứa nào thuộc gia đình cao sang quyền quý, nên tụi nó chỉ nghĩ đến chuyện làm ăn, thành vợ thành chồng, hủ hỉ với nhau. Nhưng anh không cảm được con nhỏ nào hết, từ con Bảy thợ may, con Hai quán hủ tíu, con Oanh con bà chủ góp chợ..., mà anh chỉ thương, chỉ yêu có mỗi con bà chủ hãng của anh thôi. Mèn ơi, con nhỏ sắc nước hương trời, chim sa cá lặn nghen chú em mày. Mặt mày rạng rỡ, con mắt sáng như sao băng. Anh chỉ thấy có một lần mà nhớ hoài cái khuôn mặt trái soan trắng trẻo, đều đặn đó. Thêm giọng nói oanh vàng thỏ thẻ bên tai nữa! Chu mẹ ơi, chỉ có một lần, một lần đó thôi! Chẳng biết có chuyện gì cần kíp mà bà chủ của anh dẫn cô nàng đi vòng vòng xưởng máy, chỗ tụi anh đang làm. Chưa biết tên, chỉ thấy mặt qua loa thôi vậy mà từ đó anh biếng ăn mất ngủ, nhớ trước quên sau, khổ quá chú em mày ơi! Rồi anh biết mình vói không tới, tỉ như "con chim quý thì phải ở lồng son," còn nhà mình như nhà đá nhà đạp thì biết phải tính làm sao? Thôi thì, thà đi lính chết đâu chết phứt cho rồi..."

Trời đất, thời buổi này mà còn những mối tình thánh thiện, một chiều ấy hay sao, Hiếu tự hỏi?

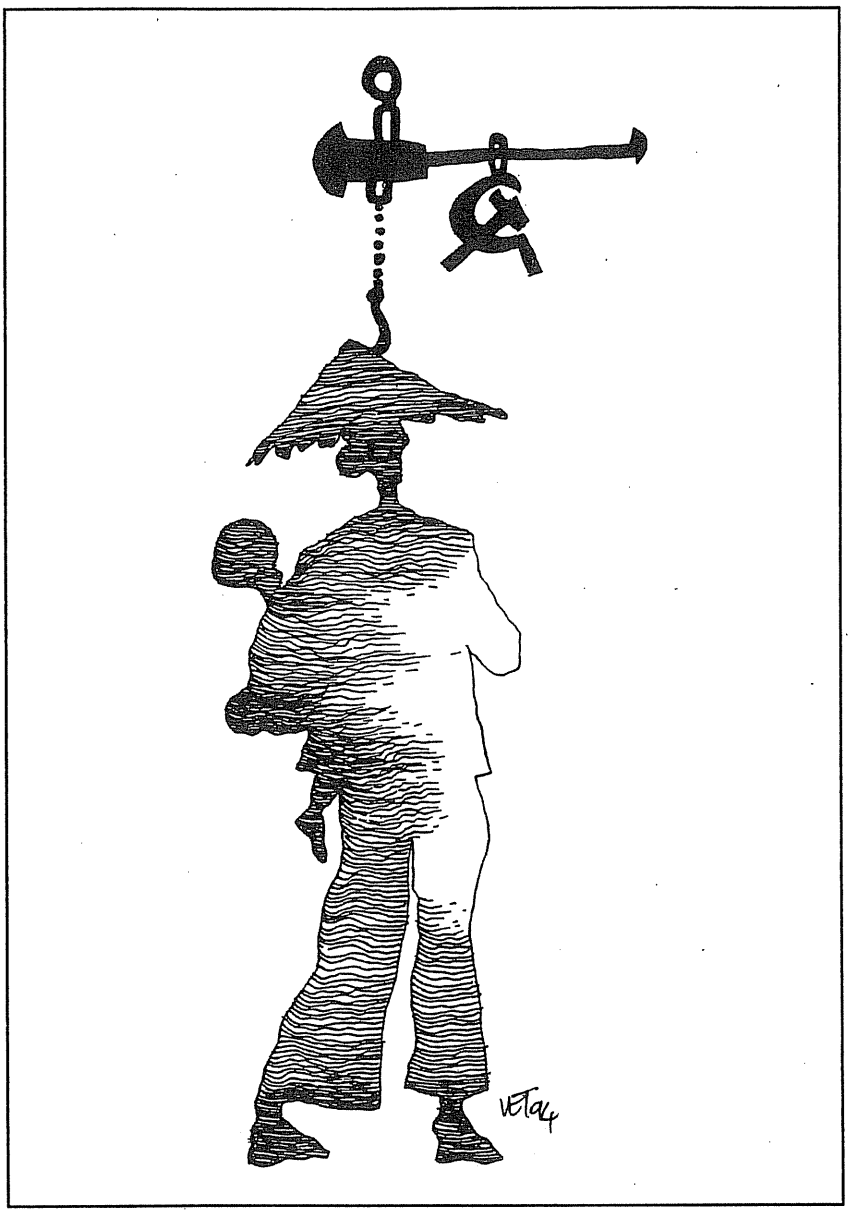

Nếu đặt mình vào trường hợp đó thì Hiếu không thể giữ im lặng được, cho dù có "gươm vàng kề cổ" đi nữa cũng phải nói lên tiếng nói của lòng mình trước khi "rời bỏ cuộc vui" chớ! Hiếu biết anh Lục Hà nói thật và, bỗng dưng, thương xót cho mối tình thầm lặng, câm nín kia! So với mình, Hiếu cũng đã từng trải qua những ngây thơ, vụng dại nhưng chưa tới mức ăn thua đủ, dám liều thân bỏ mạng chốn sa trường như anh. Ngẫm nghĩ lại, Hiếu thấy rằng, tuy mình và có thể nhiều người khác nữa, được gọi là đám có học thức mà xem ra lắm khi hơi hạ cấp hơn nhiều, nếu đem so với cái anh Ba thợ điện đã từng tay lấm chân bùn ở chốn đồng quê ruộng rẫy này! Chuyện tình có vẻ hơi lẩm cẩm của anh bỗng nhiên gợi lại cho Hiếu những chuyện tình đẹp đẽ như tranh vẽ xa xưa, chàng buột miệng khen:

"Nói thiệt anh nghe nghen, chuyện tình của anh thằng em mới nghe qua xem chừng còn đẹp hơn cả chuyện tình Trương Chi - Mỵ Nương nữa đó?"

Như đang đắm chìm trong cái hương vị lâng lâng còn sót lại của cuộc tình không đoạn kết của mình, Lục Hà gật gù quay sang hỏi Hiếu:

"Vậy chớ câu chuyện đó ra sao, hãy kể cho anh nghe coi?"

Cái gì? Chẳng lẽ anh Lục Hà này lại chưa từng nghe những chuyện tình có một không hai trong lịch sử văn học Việt Nam, Hiếu hỏi thầm? Những huyền thoại Trương Chi - Mỵ Nương, Giáng Kiều - Tú Uyên, Trọng Thủy - Mỵ Châu, Giáng Hương - Từ Thức, Huyền Trân Công Chúa - Trần Khắc Chung, Trầu Cau..., vân vân và vân vân! Hiếu bèn hỏi lại:

"Có thiệt anh không biết chuyện này? Ừa, mà thôi để Hiếu kể anh nghe chơi cho vui. Ý, hay khoan để thằng em làm một miếng mồi, uống một hớp rượu cho thấm giọng cái đã..."

Trong khi Lục Hà chờ đợi, Hiếu tự lo liệu cho mình và không quên nhắn nhủ:

"Vô đi anh! Gì chớ kể "chuyện đời xưa," nhứt là có pha chút chút tiếu lâm, theo kiểu "con mẹ bán dưa, cái lờ đỏ lét, con mẹ bán bánh tét cái lờ xanh lè, con mẹ bán me cái lờ chua như dấm, con mẹ bán mắm cái lờ thúi rình...," vậy, Hiếu rành lắm!"

Lục Hà đưa cay bằng một ly rượu nữa và bàn vô:

"Anh của chú em mày cũng là một cây... kể chuyện đời xưa đây, chú cứ kể chuyện của chú đi rồi anh sẽ kể chuyện khác cho mà nghe..."

Ôi thôi, lại kỳ phùng địch thủ nữa rồi, Hiếu lấy làm khoan khoái! Chàng thằng hắng lấy giọng:

"Anh sẵn sàng chưa? Nghe nghen! Ngày xửa ngày xưa có một nàng tiểu thơ đài các, con của một vị quan đại thần nào đó, được đặt tên là Mỵ Nương. Chắc cũng giống giống như con bồ mới biết mặt mà chưa biết tên của anh, nhưng không phải "con chim quý thì ở lồng son" như anh nói, đằng này cô tiểu thơ Mỵ Nương kia sang cả hơn nhiều. Ngoài ba cái điện ngọc lầu vàng, màn the trướng gấm, giường cẩm chiếu hoa, nàng còn có một lô cung nữ hầu hạ bên mình nữa. Kín cổng cao tường không ai thấy mặt chớ đừng nói tới chuyện "thỏ thẻ bên tai tiếng oanh vàng" như anh vừa kể chuyện của anh. Nhưng, ấy, bởi chữ nhưng này mới có chuyện nói!

"Số là có anh thuyền chài tên Trương Chi, tuy nghèo khạc ra tro nghèo ho ra máu nhưng chàng ta lại có mỗi một cái biệt tài: hát hay hổng chỗ chê! Anh mà có cái tài này thì kể như mười cô con gái bà chủ cũng phải mê chớ đừng nói một! Hằng ngày anh chàng Trương Chi cóc biết làm việc gì khác hơn là đi lưới cá ngoài sông. Những lúc buồn quá, vì một mình một cõi không có ai bầu bạn hết, thì anh ta cứ nghêu ngao hát chơi một mình. Vậy mà tiếng hát kia lại thấu tận cung son, làm cho nàng Mỹ Nương mê mẩn cả tâm thần, đến nỗi ngày nào vắng tiếng ca thì cô nàng sinh bệnh. Rồi bệnh càng ngày càng nặng vì ngay dạo đó anh chàng Trương Chi bỗng dưng làm biếng, nằm nhà không thèm đi đánh cá nữa!

"Quan đại thần liền cho mời các lương y chẩn mạch, nhưng không có ông tướng nào tìm ra bệnh trạng của công nương hết! Bỗng một hôm anh chàng Trương Chi buồn tình đi đánh cá trở lại và tiếng hát nghêu ngao đó cũng được dịp xa vắng trên sông! Và rồi bệnh tình của Mỵ Nương đột nhiên thuyên giảm thấy rõ. Đoán biết con mình đang mắc chứng tương tư với tiếng hát, cho nên muốn chắc ăn, quan đại thần bèn truyền lệnh bắt anh chàng ca sĩ bất đắc dĩ đó đem về nhà để chữa trị cho con gái. Nhưng hỡi ôi, kẹt một điểm là cái thằng cha thuyền chài Trương Chi này xấu xí quá, xấu còn hơn Hoàng Tử Lưng Gù của nhà thờ Đức Bà nữa!

Trong lúc cô tiểu thơ đài các Mỵ Nương kia đã lành bệnh và quên bẵng đi anh chàng Trương Chi nghèo hèn, nắng cháy bên sông vì giấc mộng đã vỡ tan tành theo mây khói, thì ngược lại, cũng giống như anh vậy anh Hà, chàng ta chỉ thấy mặt Mỵ Nương một lần thôi mà bỗng trở nên quên ăn quên ngủ, buồn rầu ra rít tâm can. Rồi biết mình cũng không với tới cái lầu son cao như núi đó nên sanh bệnh tương tư, cái bệnh không thuốc chữa, và chẳng bao lâu anh chàng được toại nguyện, đành buông xuôi, ngủm củ tỏi. Chỉ có cái khoảng này là không giống với trường hợp của anh thôi..."

Lục Hà xen vào:

"Ừa, có lẽ chỉ có thằng cha Trương Chi đó mới có thể hiểu nổi hành động quái đản của anh dạo trước, chú em mầy thấy hôn?"

Hiếu nói tiếp:

"Mà chuyện tình mê tơi, ướt át, đẫm lệ... tới đó đâu đã xong! Vì có lệnh trên bắt dời nghĩa địa, cho nên anh bạn chài cùng xóm mới đào mồ anh chàng Trương Chi lên, nhưng xương cốt đâu không thấy mà chỉ thấy một viên ngọc trong vắt như viên thủy tinh. Anh bạn chài mới để trước mũi ghe của mình làm kỷ niệm. Một hôm nọ, chính quan đại thần đi ngang qua và trông thấy, bèn hỏi mua và mướn thợ khoét thành một cái tách để dành uống trà chơi. Tưởng đâu làm khơi khơi như vậy mà ai dè cái tách đó lại rất là đặc biệt, anh biết sao không? Tại vì mỗi lần uống trà thì thằng chả lại thấy hình của anh chàng Trương Chi hiện ra ở dưới đáy!

Ấy, tiếng lành đồn gần tiếng dữ đồn xa, riết rồi cũng tới tai cô tiểu thơ tuy đài các nhưng hay bội bạc, chỉ biết ngó lên chớ không thèm nhìn xuống những kẻ thấp

HỒ THỊ NHA TRANG

TÂM VỆ

thôi bây giờ thì hết rồi
anh đã bỏ xa em
một sáng nào chuyến tàu đỗ lại
trên toa có kẻ độc hành thương nhớ rất xa
thôi bây giờ thì hết rồi
bãi cát mịn màng thiếu dấu chân anh
ôi dấu chân em
dấu chân đơn độc đợi chờ
bây giờ thì hết rồi
chúng mình không còn cầm tay nhau đi trên ghềnh đá
nỗi muộn phiền hãy khắc sâu vào đá nghe em
ôi nhớ thương nhớ thương đến bao giờ
đừng đi trên cát mịn một mình nghe em
dấu chân nhỏ bé của em làm anh sợ hãi
những dấu chân anh lang thang trong đời

em ôm mặt khóc một thuở nào
một thuở nào đó rất xa
lời vỗ về của anh vụng dại
như sóng biển thì thầm thủy chung

em xõa tóc cho mây trời thôi bay
cho hình hài anh quay về kết lại
để làm đẹp thuở hẹn hò mênh mang

thôi bây giờ thì hết rồi
cánh chim bạt ngàn bao giờ về tổ
tìm lại cội nguồn xưa mình yêu nhau
anh bây giờ thế đó
xin em thắp niềm tin trong mắt đợi chờ
để làm đẹp thuở hẹn hò rất xa

1969

kém hơn mình. Cô nàng bèn đòi xem cho được cái tách trà lạ lùng đó. Và rót nước uống thử! Quả thật, có cái hình của anh chàng hát hay mê hồn trong đó! Nàng bỗng động lòng trắc ẩn, bất khóc, nhỏ một giọt lệ tiếc thương muộn màng cho bóng dáng người xưa, tuy xấu xí nhưng tình yêu trong lòng rất tốt đẹp. Đau khổ thay, giọt lệ tình kia đã hóa kiếp Trương Chi vì cái tách trong như thủy tinh bỗng tan thành bọt nước! Đúng là "nhỏ xuống thành thơ khóc chút duyên" như một ông thi sĩ nào đó đã bắt chước, gởi gấm tâm sự của riêng mình.

Rốt cuộc rồi, thiệt tình, coi bộ tội nghiệp cho anh chàng Trương Chi kia đã không được xơ múi gì ráo mà phải thác oan. Anh chớ chị Thảo mà nghe được chuyện này, thế nào chị cũng bảo, "ối, đáng kiếp cho cái thằng dại gái, nói hoài hổng biết sửa..." phải hôn anh Hà...! Hả, hả, hả...

Lời đùa cợt của Hiếu đã không làm Lục Hà giận vì chỉ có những ai *ở trong chăn mới biết chăn có rận!* Đối với chàng, một nông dân đã quen mùi lam lũ bình dân, tình yêu có phải chăng chỉ là sự chăm sóc, hướng về một đối tượng nào đó của mình? Cho dù đối tượng đó không có một nét gì gọi là tuyệt vời dưới mắt của kẻ khác đi nữa! Và tất nhiên, phải có qua có lại. Vì nếu chỉ một chiều thì chẳng khác nào uổng công vun phân, tưới nước để trồng một thứ cây không bao giờ trổ hoa thơm hay kết trái ngọt. Tuy nhiên, trên đời này rồi cũng có không biết bao nhiêu người đã không quản ngại công lao để trồng những cây đu đủ đực như chàng! Câu chuyện tình Trương Chi - Mỵ Nương mà Hiếu vừa kể quả đã đem đến cho chàng một lời giải thích rất hùng hồn, chính đáng cho những kẻ đồng bệnh tương lân, đồng tình khấn khít, đã dám ngang nhiên độc hành trên con đường tình hun hút thẳm sâu...

Nói gì thì nói, Lục Hà cũng biết rất nhiều chuyện đời xưa, về những con vật quan thuộc luôn luôn sống kề cận, gần gũi với con người như trâu ngựa, muỗi mồng, chim chuột. Bống, "đét," chàng vừa đập thẳng tay một con ăn hại vừa tấn công trên ống quyển của chàng! Ê, sao mình không góp chuyện kể cho Hiếu nghe chơi một thể? Tuy không lâm ly, bi đát nhưng...

"Nè, chú em mày có biết sự tích con muỗi, vừa mới chích anh một cái đau điếng hay không?"

Chẳng biết có phải vì bị ảnh hưởng do bởi lời nói của anh Lục Hà hay là vì tự kỷ ám thị tức suy bụng ta ra bụng mình mà Hiếu cũng giơ tay đập đánh "bẹp" một cái bên bắp vế của mình, lên tiếng ra vẻ muốn nghe:

"Chưa từng biết! Đâu anh kể nghe thử coi ra sao..."

Lục Hà cắt ngang:

"Hừ, kể thì kể nghe thiệt chớ kể nghe thử cái gì? Chuyện này có sách, có vở đàng hoàng à nghen chú em!"

Lục Hà gắp một miếng mồi bỏ vô chén, lùa vô miệng nhai ngấu nghiến! Không quên nhắc Hiếu:

"Vô nữa đi chú Ba mày! Đừng chờ anh, cứ tự tiện đi nghe..."

Uống thêm cốc đế nữa cho ấm

dạ, Lục Hà tiếp:

"Để anh kể sơ cho nghe là hồi đó có một anh chàng thương buôn mới cưới vợ. Con vợ của nó tên là Nhan Diệp, Nhan Hồi gì gì đó lâu ngày quên mất rồi. Khác với tánh anh chồng tối ngày cứ lo chí thú làm ăn, cô vợ trẻ đẹp của anh ta thì lẳng lơ trắc nết, hết liếc dọc liếc ngang người này thì dòm tới ngó lui người kia. Tưởng là hai vợ chồng ăn ở với nhau cho đến lúc đầu bạc răng long, ai dè chưa đầy một năm, một hôm bỗng cô nàng ngã lăn đùng ra "đi bán muối" bất đắc kỳ tử. Anh chồng thương tiếc vợ mình quá xá nên không muốn làm đám ma, đào lỗ đem chôn. Anh bèn bán hết sự sản rồi sắm một chiếc thuyền con, bỏ xác vợ lên đó mà chèo tuốt lên nguồn. Một hai ngày sau anh ta đến một nơi xa lạ, hai bên bờ toàn là kỳ hoa dị thảo, núi đồi điệp điệp trùng trùng. Anh tấp vô bờ và gặp ngay một ông lão râu tóc bạc phơ, chống gậy trúc trông có vẻ tiên phong đạo tốt, cho nên bèn sụp lạy, van vái, và nhờ cứu mạng con vợ hiền...

Như đoán trước phần nào đoạn sắp tới của câu chuyện, Hiếu xen vào:

"Đúng là chuyện đời xưa, chắc có người chết đi sống lại..."

"Ưa, thì phải có vậy! Nhưng mà trước khi cứu, ông tiên có dặn dò anh thương buôn là nếu lỡ mai sau không được toại ý thì đừng có trách ổng, nói rồi ổng biểu phải làm như vầy như vầy và biến mất. Biết thằng cha đó phải làm cái gì không?"

Hiếu chẳng nói chẳng rằng, lắc đầu nguầy nguậy. Lục Hà kể tiếp:

"Theo lời dặn dò của ông tiên, anh chàng bèn chích đầu ngón tay mình nhỏ xuống miệng con vợ ba giọt máu hồng, và quả là ông trời vì xót thương cho duyên tình nặng nợ, bèn cho con vợ của nó sống lại thiệt mới chết chớ! Anh ta mừng quá, chèo thuyền quay trở lại quê xưa. Vài ba ngày sau anh tấp vào một cái chợ ven sông để mua thức ăn cho vợ thì bỗng có một thương gia giàu có, cho ghe hầu to lớn của mình đậu sát một bên. Thấy người đàn bà trẻ đẹp nên y có ý muốn dụ dỗ, bèn cho kẻo thân tín sang mời cô nàng qua ghe mình dùng trà, rồi âm mưu biểu bộ hạ chèo ghe ra khơi dông mất. Lúc mua đồ ăn xong đâu đó, anh thương buôn nghèo khó trở lại với người vợ yêu quý của mình thì mới hay nó đã ôm cầm sang thuyền khác hồi nào không hay, kể như từ đây bặt vô âm tín. Anh ta chèo tới chèo lui trên con sông đó cả tháng trời mới tình cờ bắt gặp bóng dáng con vợ mình trên ghe thằng cha giàu có nhưng dâm loàn, gian ác kia. Anh ngỏ lời khuyên bảo con vợ cũ hãy trở về với mình, nhưng con đàn bà lẳng lơ trắc nết kia đã quen mùi nhung lụa, quen miếng đỉnh chung đâu màng đến thằng chồng cũ nghèo khó của mình. biết con vợ tham quý phụ bần đã hết phương chạy chữa, anh ta mới nhắn nhủ một câu rằng, "mình muốn bỏ tui thì mình cứ bỏ, nhưng tui xin mình hãy trả lại cho tui ba giọt máu mà tui đã nhỏ ra để cứu sống mạng cho mình." Úi chà, con nhỏ nghe vậy tưởng bở, đáp liền, "sá gì ba giọt máu đó mà mình đòi tới đòi lui, đây, để tui trả lại liền." Nói rồi nó cũng lấy dao chích vào đầu tay nhỏ ra ba giọt máu hồng... Nhưng mà, trời bất dung gian đảng, khi ba giọt máu tươi vừa nhỏ xuống thì cô nàng bỗng trợn trừng đi chầu Diêm chúa, biến thân xác hèn mọn của mình thành một con vật bé tí teo bay vo vo bên tai chồng năn nỉ xin lại những giọt máu cứu mạng. Biết con vợ trật bàn đạp, sút dây sên này hay lật lọng như Việt Cộng, nên anh chồng không chịu cho, làm cô nàng cứ phải xông vô, lén lén chích mũi kim... xin tí huyết. Ghét cái thứ lăng loàn, không nên nết, anh chồng nổi giận thẳng tay đập đánh "đét" cho chết dẹp lép luôn... Hả hả hả...

Hiếu không ngờ anh Lục Hà, người đã sống thâm niên cố đế ở vùng đồng quê cỏ cháy, lại kể chuyện đời xưa có duyên như vậy. Lớp lang đâu ra đó, nghe bắt hấp dẫn thiệt. Chàng nửa định muốn kể thêm những chuyện cổ tích có tính cách lịch sử hoặc những chuyện tình lãng mạn thần tiên, nhưng chàng lại nửa muốn nghe anh ấy kể thêm những chuyện khác mà mình chưa biết. Hiếu đưa hơi:

"Hồi nãy anh nói anh biết sự tích của nhiều con vật ở đồng quê, vậy anh coi có con nào hay hay kể tiếp nghe chơi!"

Lục Hà tỉnh thật:

"Ối, thiếu gì! Chuyện con cóc, con sam, con bìm bịp, con tu hú, con chim cú, chim ục, chim mèo... Ửa, mà để anh chú mày kể cho nghe chuyện con chim này... lạ lắm. Ê, nhưng mà đừng có nghĩ bậy nghe chú em, chưa gì mà đã cười ngỏn ngoẻn như vậy thì chết rồi..."

Hiếu bỗng bật cười thành tiếng:

"Ha ha ha... thì chim nào cũng là chim! Chim mẹ, chim con, chim trống, chim mái, chim mập, chim ốm... và rồi ngay cả cu cưỡng, sáo nhồng, chằng chịt, ốc cao, võ vẽ, thằng chài... đều cũng đem quay chảo với nước dừa xiêm, chấm muối tiêu được hết mà..."

Lục Hà phân trần:

"Ý, đâu phải vậy, cái này có tuồng tích đàng hoàng! Hồi xửa hồi xưa, có hai chị em đó con nhà nghèo, tuổi khoảng mười hai mười ba gì đó, gia đình cư ngụ bên một cái xẻo nhỏ nằm sát bên bìa rừng tràm thăm thẳm bề sâu. Một chiều nào tắt nắng, hai chị em dắt nhau ra bờ rạch để tắm. Sau khi tắm rửa sạch sẽ cho thằng em trai của mình thì con chị mới nhờ nó múc nước xối lên người, kỳ lưng. Cái thằng em lại cắc cớ vừa kỳ lưng và vừa nghịch với hai vú của chị mình. Con chị nhột quá, mắc cỡ, tức giận rầy la, "tại sao mày chơi kỳ vậy hả, để lát nữa tao về tao mét má đánh đòn cho mà coi." Nói xong con chị còn quơ roi rượt thằng em nữa, làm nó hoảng sợ chạy tuốt vô rừng. Con chị tiếp tục đuổi theo với mục đích bắt nó lại, dẫn nó về, nhưng chạy không kịp. Càng lúc càng vô sâu trong rừng và cây tràm, cây đước càng ngày càng rậm làm hai chị em lạc đường không tìm được lối ra. Để sau cùng phải chết và hóa thân thành hai con chim mà người đời sau đặt tên là chim qui. Loài chim này đặc biệt chỉ xuất hiện vào ban đêm, từ chạng vạng tối cho đến hừng sáng thôi. Còn ban ngày thì vắng bóng, không ai tìm ra chúng ở đâu hết. Để ám chỉ những kẻ chuyên lấy đêm làm ngày như những phường xướng ca vô loại hoặc bầu đoàn thê tử cải lương chẳng hạn, người đời có câu nói rằng *đôi ta như thể chim qui, đêm nghe thấy tiếng ngày đi phương nào*. Thứ chim qui này thường

sống từng cặp, một trống một mái, trong một vùng riêng rẽ. Cứ chiều chiều khi mặt trời khuất bóng thì nó bắt đầu kêu, hai con ở hai bìa rừng cách nhau thật xa, giống như hai chị em đã lạc bước ngày xưa, người một nơi kẻ một nẻo. Nhưng rồi như hai đứa cũng chịu khó nghe ngóng, bắt được tiếng với nhau nên xáp lại gần hơn, gần hơn cho đến hừng đông thì im tiếng trở lại, kể như chẳng bao giờ giáp mặt. Có điều tiếng kêu của hai con chim này nghe não nùng, ai oán lắm. Ai mà để ý kỹ càng mới thấy con mái, tượng trưng cho con chị, cất giọng như năn nỉ ỉ ôi, cứ mong sao cho thằng em mình đừng hờn mát nữa mà chạy trở về, đến nỗi không thiết tha gì đến lầm lỗi khi xưa của nó, tha thứ hết và rằng thì là "... bóp thì bóp,... bóp thì bóp,..." Vậy mà con chim trống, tượng trưng cho thằng lõi vẫn còn giận dai như đĩa đói đó, cứ trả lời lại bằng những tiếng kêu ngắn ngủn, nghe như "... không bóp,... không bóp,..." mới là khổ đời đi chớ...

Chẳng biết anh Lục Hà có cái khiếu bẩm sinh hay là sau một thời gian hơi dài sống ở Sài Gòn, đủ để anh học hỏi lối nói chuyện có vẻ lôi cuốn quyến rũ người nghe, đến nỗi Hiếu phải thở dài:

"Câu chuyện nghe cảm động quá hả anh Hà? Mà tài kể chuyện của anh kể ra cũng hay lắm nghe, tưởng chừng như chuyện có thiệt đang xảy ra ở ngoài đời..."

"Trời đất, hổng thiệt sao được chú em mày! Nói tới chuyện học hành thi cử thì thằng anh Ba của chú dở thiệt, chớ còn ba cái chuyện đời xưa, tam cung lục viện, thì anh Ba của chú không đến đỗi nào, người ta tới đâu kẻ hèn này tới đó... Hả hả hả..."

Hiếu cầm chai rượu rót những giọt cuối cùng vào ly, đưa mắt ngó chừng anh Lục Hà:

"Sao anh Hà, anh muốn thôi hay là làm thêm nữa, nói cho biết đặng thằng em xách chai chạy đi mua? Cái điệu này tối nay coi bộ sẽ ngất ngư con tàu đi à nghe!"

Đột nhiên, Lục Hà đề nghị:

"Nè, bây giờ chú em mày có muốn "bóp" thử thiệt không vậy? Anh Ba chú lâu ngày mới được về Sài Gòn một lần, muốn đi xả xui một chuyến! Đi nghe, anh còn nửa tháng lương đây! Phải đợi cho mút chỉ cà tha một bữa coi tình đời nó đen bạc đến mức nào! Với lại, biết đâu lại được thời, đổi gió cho diều lên hương một phát..."

Ối chao, cái anh Lục Hà này lại hứng tình bất tử nữa rồi, Hiếu nghĩ thầm! *Nam vô tửu như kỳ vô phong*, không có rượu vô coi bộ ai cũng xếp ve một chỗ, nhưng mà hễ sần sần vô rồi, nếu không rượu vào lời ra thì chém cha cũng hay sanh tật cương ẩu! Hèn gì hai chữ rượu chè, trai gái thường hay đi đôi. Tại sao phải đi kiếm đàn bà đặng... xả xui? Cái anh này kỳ! Nghe sao tội nghiệp cho số kiếp hồng nhan quá vậy cà! Mà nói chớ đừng có ham, đi đêm có ngày gặp ma, xả xui hay rước xui thì cũng năm mươi trên năm mươi phần trăm vậy thôi. Bể bong bóng, nổ ống khói có ngày! Hiếu đã từng bị rồi nên hơi ngán, gãi gãi đầu:

"Bây giờ khuya lơ khuya lắc rồi thì biết chạy đi đâu?"

Lục Hà lẹ làng:

"Thì cứ chạy ra phía cầu Hàng, cầu Tân Thuận, miệt Tôn Đản này cho gần! Chỗ nào cũng vậy, đi đi thầy Ba, đi ở đây đi cho em nhờ... Ê, hay là ngay bây giờ anh em mình bắt đầu thu dọn chiến trường đi là vừa..."

Hiếu gắp miếng mồi cuối cùng bỏ vô miệng rồi cẩn thận, nhẹ nhàng chồng lên mớ chén dĩa, đũa muỗng cho khỏi khua tiếng động. Chàng hỏi thêm:

"Anh có rành đường đi nước bước ở xóm tạp nhạp bên đó không, thằng em chưa có qua đó lần nào. À, cái điệu này phải đẩy chiếc xe cà tàng ra tuốt ngoài đầu ngõ rồi hãy nổ máy, để không thôi chị Thảo hay anh Phúc nghe được thì phiền lắm nghe anh Hà..."

Đẩy nhẹ cánh cửa vào bên trong đầy bóng tối, Lục Hà và Hiếu rón rén đi nhè nhẹ ra sau

TRÚC CHI

NẺO VỀ

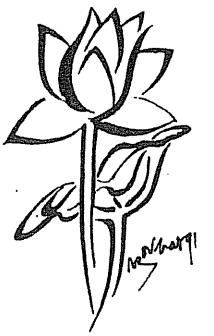

Nẻo về vời vợi trùng dương
Đường đi dấy trận cuồng phong đáy lòng
Nẻo về chưa trắng tang bồng
Đường đi dốc dựng ngập ngừng vó câu
Nẻo về núi thét sông gào
Đường đi ngày trắng chôn vào áo cơm
Nẻo về thẹn với tri âm
Đường đi tráng chí hùng tâm nát nhàu
Nẻo về sóng bể cồn dâu
Đường đi vật đổi còn đâu sao dời
Nẻo về bạn tác tả tơi
Đường đi độc ẩm từng hơi rượu buồn
Nẻo về chớp bể mưa nguồn
Đường đi biệt lĩnh thương hồn cô sơn
Nẻo về lạc hết cố nhân
Đường đi viễn mộng nhọc nhằn nghiệp thơ

nhà bếp, bỏ mớ chiến lợi phẩm vào thau và đổ nước vô ngâm. Giờ này vợ chồng con cái của... gia chủ chắc đã đầm ấm trên căn gác lửng rồi. Lại phải rón rén trở ra hàng ba, nhích tới nhích lui mới dời chiếc xe Vespa ra khỏi hàng rào. Xa xa một chút Hiếu mới đưa chân đạp máy. Ngoài lộ cái giờ này cũng còn lắm xe cộ chạy vù vù, nhất là xích lô máy và xích lô đạp. Tuồng như những con vạc đã thay thế những con cò, tiếp tục đổ ra đường kiếm ăn đêm. Đến dốc cầu Chữ Y, Hiếu giữ lề chạy thẳng tới đường Trần Xuân Soạn, dọc theo kinh Tẻ.

Ánh trăng thượng tuần rơi bàng bạc trên Rạch Ông, lấp lánh trong cơn gió đêm hè nhẹ lùa sóng nước lăn tăn, trông tựa hồ như con rồng vàng dát nhiều vảy bạc. Hai bên bờ lau sậy um tùm đầy bóng tối, làm nền cho bức bình phong như những vầng mây đen u ám bao quanh lấy thân rồng uốn khúc, vờn quanh. Móng vuốt là cây cầu nhỏ phía đằng này và cái đuôi lúc ẩn lúc hiện phía xa xa, nhạt nhòa trong vũng sâu đầy cỏ lát. Cái khí trời thanh thản, lành lạnh về đêm nhắc nhở mọi người liên tưởng đến cảnh non bồng nước nhược. Với những bầy tiên nữ xiêm y rực rỡ như những cánh hoa đào đương độ vào xuân, luân vũ khúc nghê thường thoát tục, chào đón anh Lục Hà và Hiếu, chẳng khác nào như Lưu Thần và Nguyễn Triệu ngày xưa, đang trên đường lạc bước nhập thiên thai...

Quả đúng vậy, vì sau năm bảy lần quành tới, quẹo lui trong xóm nhà lá mà phần lớn nay đã hóa ra "lầu xanh," Hiếu đã nghe tiếng véo von của những nàng kiều nữ. Và một tiếng nói nổi hơn, nghe hơi rổn rảng hơn:

"Mèn đét ơi, sao lâu quá không thấy tới vậy cha nội? Bộ tính chạy theo con đĩ chó nào rồi trốn biệt luôn hả? Định bỏ tui cù bơ cù bất ở chốn bùn dơ, nước đọng này thiệt hay sao đây?

Chỉ cần bao nhiêu đó thôi cũng đủ làm cho tấm thân... sắp sửa làm thầy giáo của Hiếu từ thượng giới tế xuống hạ trần, đính bê bết từ trên đầu xuống tới chân mùi tục lụy. Vậy mà sau khi ngồi ké một bên võng với người đàn bà sồn sồn và to tiếng kia, anh Lục Hà cũng không màng thương xót, thẳng thừng:

"Đi đi em, cứ lục lọi xem có đứa nào xinh đẹp, vừa mát thì ưng! Để anh gạ gẫm cái con mụ tú bà đang động cỡn này cái đã."

Bỗng, trong buồng có tiếng con gái nói cười, the thé vọng ra:

"Ê anh Ba, bộ bữa nay anh chở em anh tới đặng cho ảnh khai cu đó hả? Lại đây cưng..."

Hiếu chưa kịp lấy lại tinh thần thì con nhỏ mặt mày còn non choẹt, búng ra sữa đó đã nhảy lên câu cổ chàng và hăm he dở ngón nghề trong bảy ngoài ba:

"Nói thiệt cho cưng nghe nghen, phân nửa con trai ở Sài Gòn này là do một tay em phá trinh đó! Bảo đảm không đã không lấy tiền!"

Trời đất thánh thần thiên địa quỉ ma ơi, các ngài làm ơn ngó xuống mà coi cái con đĩ mén lẻo mép già mồm, ăn nói trơ trẽn không có một miếng chảng vừng này, chàng than thầm! Vừa vừa thôi chớ em! Một phần hai con trai Sài Gòn thì chắc hẳn thân em đã tan tác, rách te tua như... cái mền rách rồi chớ nào có còn nguyên vẹn mảnh hình hài mà hồng đứng đây dở trò môi mép, dụ dỗ anh vào con đường oan khiên, nghiệp chướng! Ô hay, chẳng biết trong cảnh trái ngang này Phật, Chúa, Thánh, Thần... phải xử sự ra sao, nhưng với cái thân tâm phàm tục hiện thời của Hiếu, thì hình như chàng không tìm đâu ra lối thoát, đành phải thúc thủ buông xuôi mà thôi. Bởi vì, như sách có câu:

Bồn chồn nấu với cá trê
Mấy đời con củ mà chê cái lờ

Bằng chứng là, không cần phải lôi kéo xềnh xệch trên sàn nhà, con nhỏ chỉ nhẹ nhàng nắm lấy tay chàng, truyền qua một chút ma lực của Cửu âm chân kinh, thì chàng đã ngoan ngoãn vâng lời, vội vàng thả mình băng qua chốn... mười phương. Ừa, mà nhìn đi nhìn lại con nhỏ kể ra cũng có dáng dấp dễ thương...■

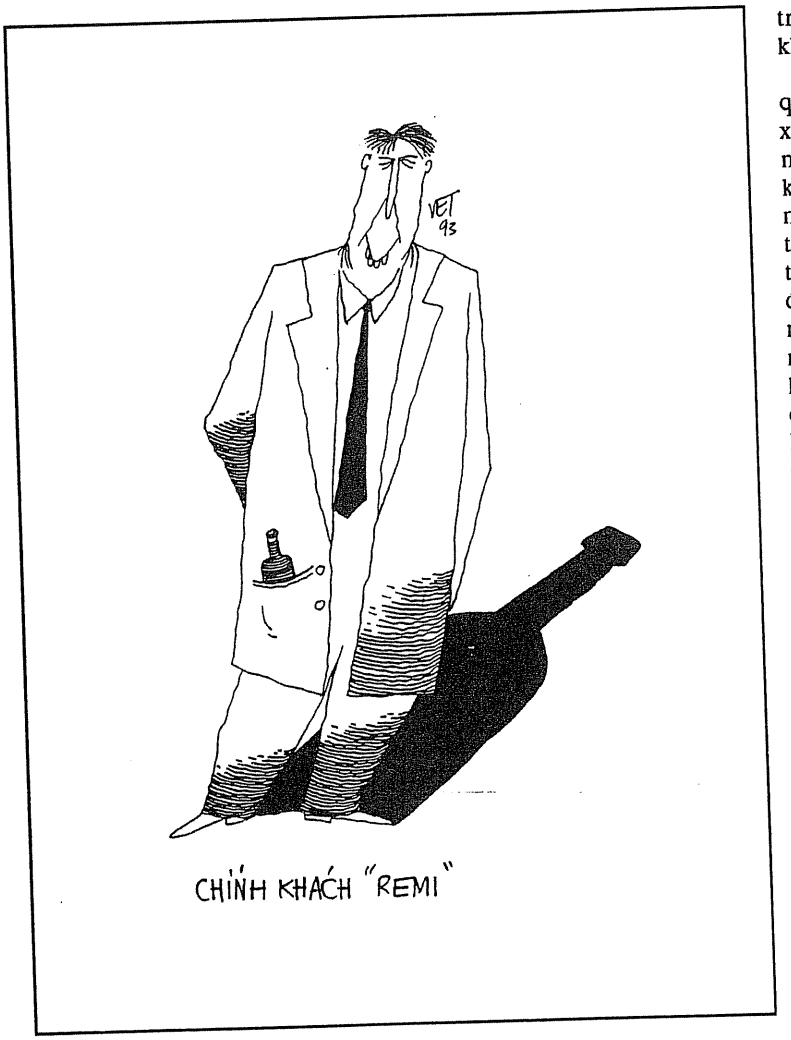

CHÍNH KHÁCH "REMI"

BỨC THƯ NGỎ GỬI NHÀ VĂN TIÊU DAO BẢO CỰ
TÁC GIẢ CUỐN TIỂU THUYẾT NỬA ĐỜI NHÌN LẠI

TRƯƠNG ANH THỤY

Hoa Thịnh Đốn, đầu xuân Giáp Tuất, 1994

Kính gửi anh Tiêu Dao Bảo Cự,

Thưa anh,

Hôm rồi nhà xuất bản Thế Kỷ có gởi tặng tôi cuốn "Nửa Đời Nhìn Lại" của anh, với một lời ân cần gửi gấm "Cuốn này lạ lắm... Chị đọc và cho vài hàng cảm tưởng." Tôi đã đọc một mạch... Thực ra, mấy năm gần đây, những tác phẩm hay tài liệu viết một cách trung thực từ trong nước "tuồn ra" hải ngoại, vẫn thường được những người quan tâm đến vấn đề quê hương dân tộc đón nhận một cách khá nồng nhiệt. Riêng tôi lần này, nơi tôi ở, vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, gặp một mùa đông triền miên bão tuyết, có nhiều ngày các công tư sở, các trường học... phải đóng cửa, tôi phải ngồi nhà như mọi người, nhưng lại có được cuốn sách hay trong tay mà đọc, thật là lý tưởng!

Tôi đang ngồi đối diện cửa sổ trông ra vườn sau tuyết phủ trắng xóa. Các cành cây trụi lá bao bọc một lớp đá trong vắt như pha lê đang lấp lánh trong ánh nắng ban mai. Tôi mở đọc những trang cuối cùng của cuốn "Nửa Đời Nhìn Lại". Tôi gấp sách, ngồi lặng trong giây lâu, những cảm giác lạ lùng mâu thuẫn tràn về... Phần như tiếc nuối cuốn sách đã đến hồi kết thúc, phần lại thấy trong tâm tưởng, những nhân vật trong truyện vẫn còn linh động, đang vật lộn với định mệnh của họ, và câu chuyện như vẫn còn đang tiếp diễn chưa thôi.

Ngồi ngẩn ngơ như thế không biết mất bao lâu trước cuốn sách đã gấp lại. Chợt nhớ câu cuối cùng anh viết: "Tôi vẫn chưa ra được cơn khủng hoảng và khát vọng tìm kiếm một con đường. Xin các bạn hãy cho tôi những lời tâm sự và những lời khuyên. Điều đó chắc chắn sẽ mang lại cho tôi ngọn lửa, ánh sáng và tình thân, những cái cần thiết vô cùng cho tôi, cho chúng ta, trong lúc này." Tôi thấy tôi có món nợ đối với anh, món nợ đó ít nhất phải được trả bằng một câu trả lời, đó là "... cho vài lời tâm sự và lời khuyên."

Tôi không muốn tự giới thiệu dài dòng ở đây. Anh chỉ cần biết tôi là một độc giả của anh. Tôi ở xa anh nửa vòng trái đất. Tôi được thở không khí tự do, nhưng lại ở ngoài nước. Anh ở trong nước, nhưng lại ở trong bàn tay Cộng Sản (dù nó đã ít nhiều biến chất). Tôi lúc nào cũng tự hào là người Quốc Gia. Anh đã chối bỏ Quốc Gia, đi theo Cộng Sản.

Bấy nhiêu thôi, chắc anh cũng thấy được sự đối cực quá rõ giữa anh và tôi. Nhưng hôm nay tôi viết bức thư này, không phải để nêu ra những mâu thuẫn đó, mà để "tâm sự" theo lời yêu cầu của anh. Trước hết là cảm tưởng của tôi đối với cuốn "Nửa Đời Nhìn Lại". Cuốn sách lôi cuốn tôi từ đầu đến cuối. Các tình tiết được sắp xếp một cách lớp lang, hợp lý. Văn giản dị, trong sáng, hấp dẫn người đọc.

Vì đây là một bức thư "tâm sự" tôi xin phép không đi sâu vào văn chương và bút pháp của cuốn truyện, mà chỉ xin nói về phần tư tưởng. Trong truyện này anh nói thẳng "Tác phẩm chính là tôi, cuộc sống của tôi. Đó là một cuộc sống hòa lẫn thực và mơ, một sự tồn tại đầy đủ nhất mà tôi đã có từ trước tới nay." (tr.328). Anh cũng lại cho người đọc coi tiểu sử, tên thật, ngày sinh và cả hình của anh nơi bìa sau sách. Tôi xin phép được coi số phận và những trăn trở của nhân vật chính trong truyện (Hoài) cũng là số phận và những nhức nhối của chính anh. Sau khi đọc xong cuốn truyện, tôi vô cùng khâm phục anh, cũng như trước đây tôi đã từng dành sự kính trọng tới các vị như Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín, Đoàn Viết Hoạt, Phan Đình Diệu, Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh v.v... và v.v... những người dám nói thẳng, viết thật ngay trong lòng chế độ. Riêng trường hợp anh, tôi còn đặc biệt khâm phục khi thấy anh đã can đảm nhận lỗi về phía mình, một điều mà ít ai dám làm. Anh thắng được mình, thắng được lòng tự ái, thắng được cái thành kiến cố hữu nó ăn sâu bám rễ trong anh trong nhiều năm tháng, thì tôi nghĩ cái gì trên đời này mà anh lại không thể thắng được? Hãy nghe hai câu thơ của Linh Thoại:

"Thắng nào thắng giữa ba quân,
Thắng này thắng vượt là thân phận

mình."

Trong suốt cuốn truyện tôi thấy anh không nhắc đến khối người Việt ở hải ngoại. Có thể anh không biết gì nhiều về họ nên khiêm tốn không đụng tới? Hay cũng có thể anh không tin tưởng nơi họ, vì lẽ họ đã từng đứng trong hàng ngũ mà anh đã gọi là "ngụy quyền tay sai", một chế độ mà theo Vy, vợ của Hoài đã nói: "Trong chế độ đó, cả anh và em đều là những kẻ khốn cùng..." (tr. 133). Nếu chỉ dựa vào mấy câu này, tôi không đo lường được đúng mức "khốn cùng" của vợ chồng Hoài, khi sống dưới chế độ miền Nam.

Tuy nhiên, điều đó không làm tôi e ngại "đối thoại" với anh, bởi lẽ trong suốt cuốn truyện, anh đã ít nhất hơn một lần cho nhân vật Hoài tuyên bố là giờ đây anh ta thấy "con người" là trên hết: "Con người cao hơn và trường cửu hơn chủ nghĩa cộng sản hay bất cứ chủ nghĩa nào." (tr.253). Và ở nơi trang 323, Hoài còn nói: "Con người cao hơn cộng sản nhiều, cao hơn tất cả mọi chủ nghĩa, mọi chế độ chính trị, trong khi cộng sản và các chủ nghĩa lại muốn đứng trên mà chi phối con người." Tôi đã, do đó, tìm thấy ở anh một mẫu số chung. "Mẫu số chung" đó là quan niệm tôn trọng quyền tối thượng của con người, không một ai, một nhóm nào có quyền nhân danh chủ thuyết này hay chủ thuyết nọ để tước đoạt quyền đó đi. Và một khi anh đã tìm về được với "con người" là anh đã tìm ra được một "con đường" để phục hồi quyền tối thượng của con người, đó là con đường rất nhân bản. Con đường đó dứt khoát không thể là con đường của chủ thuyết Cộng Sản, con đường đã đưa con người đến hàng súc vật, như Nguyễn Chí Thiện từng mô tả:

"Từ vượn lên người mất mấy triệu năm?

...

"Ở nước Nam tôi, chính sách siêu quần:

"Từ người xuống vượn mất có ba năm!"

Một chế độ đầy ải con người qua hình ảnh cha con người đẩy xe củi trên dốc. Họ thuộc lớp người mà chế độ không thể qui cho họ tội "phản động" vậy mà sao cũng hết đời cha đến đời con vẫn chịu cơ cực nhọc nhằn? Lại còn hình ảnh người anh hùng Đèo Cả trong bài thơ "Tục Đèo Cả" của Hữu Loan nữa chứ! Sau khi chiến thắng trở về, anh đeo huân chương đầy ngực, kéo xe ba gác kiếm sống qua ngày ngay giữa thủ đô Hà Nội (tr.229). Còn những người nghệ sĩ trí thức không chịu làm "cô đầu ca ngợi đảng" như hình ảnh quê mùa lạc hậu của nhà thơ Hữu Loan, một nhà thơ lớn của dân tộc, sau khi bị đảng đầy ải 30 năm, không thấy được ánh sáng văn minh của thế giới.

Nơi phần Bút Ký, gần cuối trang 336 anh viết: "Gác qua một bên mọi định kiến, hòa giải hòa hợp dân tộc phải chăng là một con đường tuy khó khăn nhưng là con đường duy nhất đúng trong hoàn cảnh hiện nay?" Câu hỏi đột ngột này làm tôi hơi ngỡ ngàng, bởi lẽ tư tưởng "Hòa giải hòa hợp" chưa bao giờ được nêu ra trong suốt cuốn truyện. Tôi không hiểu ý anh muốn nói hòa giải, hòa hợp giữa ai với ai? Giữa đảng viên chính hiệu xuất thân từ giai cấp bần cố nông với đảng viên loại trí thức tiểu tư sản? Giữa cán bộ của Mặt Trận Giải Phóng với cán bộ "từ Bắc vào, từ rừng ra?" Giữa người trong đảng với người ngoài đảng? Hay đi xa hơn nữa, là người Việt trong nước với người Việt ở ngoài nước — một vấn đề gây rất nhiều tranh luận tại hải ngoại?

Tôi không dám võ đoán, nhưng dù rằng ý của anh có là hòa giải, hòa hợp giữa ai với ai, giữa nhóm nào với nhóm nào đi chăng nữa (trên một thế đứng ngang hàng và dân chủ) thì sự dự phần trực tiếp hay gián tiếp của đảng Cộng Sản Việt Nam, một tập đoàn chủ trương độc đảng, làm người ta liên tưởng đến "độc quyền, độc tài, độc ác" (tr. 333) cũng sẽ làm cho sự hòa hợp hòa giải này trở thành không tưởng.

Chính các nhân vật của anh đã chứng minh điều đó. Ta hãy nhớ lại lời của Phó bí thư tỉnh ủy nói với Hoài: "Từ bỏ vai trò lãnh đạo của đảng chính là tự sát. Đảng ta đã được lịch sử giao phó sứ mệnh lãnh đạo dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng phải độc quyền lãnh đạo, không chia sẻ với ai khác. Dân chủ cũng phải dưới sự lãnh đạo của đảng..." (tr. 308). Vậy thì "bên kia", bên muốn hòa giải hòa hợp với chế độ Cộng Sản có chỗ đứng nào?

Còn ai có thể nhiệt tình và tha thiết với đảng hơn Hoài? Anh "choáng ngợp, kính phục, say mê" đảng (tr. 116). "Đảng đã đến với Hoài như một điều tất yếu, ngược lại Hoài cũng đến với đảng như một điều không thể khác được" (tr. 18). Vì thế Hoài hy sinh tất cả, tuổi trẻ, hạnh phúc cá nhân để theo đảng. Anh không ngại vào sinh ra tử "... ngang nhiên công kích chế độ Mỹ ngụy và bí mật hoạt động cách mạng..." (tr. 41). Tiếp tay thành lập được đội ngũ Trung Kiên (gồm thanh niên, sinh viên, học sinh hoạt động bí mật trong vùng Quốc Gia) để "dâng lên đảng" (tr. 26). Những lúc thất bại "anh em đã hướng về đảng như một niềm hy vọng cuối cùng (tr. 18). Một người tâm huyết như thế đã được đảng trả công như thế nào? Hãy nghe ông Nghi, bí thư huyện đoàn nói: "Bản thân tôi rất quí đồng chí Hoài vì đồng chí có năng lực, trình độ và nhiệt tình, nhưng rõ ràng yếu tố đó chưa đủ cho một đảng viên cộng sản. Vấn đề cơ bản là lập trường giai cấp, mà đây lại là chỗ yếu của đồng chí Hoài. Đồng chí Hoài xuất thân là trí thức tiểu tư sản, lại sống ở vùng tạm chiếm lâu năm nên không nhiều thì ít chịu ảnh hưởng tư sản và tiểu tư sản, từ đó dễ dao động..." (tr. 92). Bởi thế Vy, vợ Hoài đã tỉnh ngộ: "Người ta đã nhân danh điều đó (đảng/tập thể/tổ chức) để sử dụng Hoài, buộc anh phải làm theo họ, không hề chú ý một chút nào đến nguyện vọng cá nhân. Khi cần thiết, người ta sẵn sàng chà đạp lên cá nhân không thương tiếc, điều mà có người đã nói là "vắt chanh bỏ vỏ" (tr. 271). Và ở một đoạn khác nàng xót xa: "Người ta sử dụng nhưng không tin tưởng anh, một đảng viên kết nạp trong vùng tạm bị chiếm, có thành phần tiểu tư sản trí thức và quan hệ phức tạp, một thứ con nuôi của cách mạng. Anh đề xuất nhiều kế hoạch hợp lý, táo bạo nhưng anh không có quyền quyết định điều gì. Anh làm việc hết sức mình, nhưng thành tích thuộc về các lãnh đạo" (tr. 148).

Còn Minh Hương thì sao? Một

nhà thơ nổi tiếng, một cán bộ cốt cán từ Hà Nội vào, đâu phải thứ con nuôi chế độ được kết nạp từ miền Nam? Nhưng anh nào có được tín cẩn gì hơn. Anh "tình nguyện vào chiến trường miền Nam những năm chống Mỹ" (tr. 140). Sau khi thành tâm cố gắng thực hiện "nghị quyết đổi mới" của đảng, anh quá thẳng thắn nên không dè đó chỉ là một thứ đổi mới giả hiệu. "Cải tổ đổi mới gì đi nữa cũng không được buông lơi vai trò lãnh đạo của đảng. Đây là vấn đề sinh tử" (tr. 308). Anh đã bị "Người ta tiếp tục bao vây, đe dọa, mua chuộc anh không được nên đang tính dùng biện pháp hành chính cho anh về hưu và trục xuất anh ra khỏi thành phố Sương Mù." (tr. 329) Ngoài Hoài và Minh Hương ra, còn thiếu gì những nhân vật khác mà điển hình là "ông Tân và các đảng viên trong chi bộ Trung Kiên cũ, người về hưu đúng tuổi, người về hưu non, kẻ bỏ mảnh đất họ đã từng tranh đấu để tha phương cầu thực, người chết dần mòn trong nghèo đói." (tr. 329) Đến đây, thiết tưởng câu hỏi "Hòa giải, hòa hợp" của anh đã tự nó được trả lời?

Nơi trang 323, anh băn khoăn, không biết đi con đường nào: "Vì độc lập, tự do và an ninh của tổ quốc, vì sự phồn vinh của đất nước, anh (Hoài) sẵn sàng cống hiến. Nhưng bằng cách nào? Trong chế độ chính trị nào?" (tr. 322) Theo tôi, điều quá rõ là bất cứ con người nào, chế độ chính trị nào có thể phục hồi được nhân phẩm con người, đáp ứng được những nhu cầu căn bản của con người như cơm áo, tình yêu, tôn giáo, giáo dục, "thanh bình riêng rẽ" (nỗi ước mơ đơn sơ của Vy, và của tất cả những ai có con tim)... thời chế độ đó sẽ được "con người" chọn lựa và hướng theo.

Tôi rất thích lối ví von của ông Hà Sĩ Phu, ông ví sự phản bội của cả chế độ Cộng Sản như một "Tòa nhà năm tầng" (Lời Bạt, tr. 337-340). Tôi không được biết có bao nhiêu đảng viên Cộng Sản đang ở tầng thứ năm là tầng của những người cộng sản có lương tâm, là những người "chân chính dũng cảm thấy mình là kẻ phản bội thực sự." Là những người nhận thấy mình "đã góp phần củng cố một bộ máy quan liêu, đã tô vẽ cho một ảo tưởng, nhân danh khát vọng ảo tưởng ấy của con người mà chà đạp lên chính con người..." (tr. 337), nhưng tôi hy vọng ông đúng khi ông nói: "Tầng thứ năm này là tầng sám hối, và chính vì thế tòa nhà phản bội năm tầng ngột ngạt cuối cùng vẫn có hướng mở ra." (tr. 339)

Hồi nhỏ tôi thường được theo bà ngoại lên chùa. Tình cờ một bữa tôi được nghe thầy giảng: "Phật dạy người ta chỉ cần một phút thành tâm sám hối là đủ rửa sạch hết tội lỗi, nợ trần." Ông thầy còn giảng rộng hơn: "Vì thế nên đối với người thân trong lúc lâm chung, ta không nên khóc lóc om sòm để người hấp hối có thể bình tâm sám hối, và ra đi thanh thản, bỏ lại sau lưng cuộc đời đầy phù du giả tạo." Anh không phải là người đang hấp hối. Lại cũng chưa chắc đã có niềm tin nơi Phật, nhưng tôi mong lời nói đầy nhân từ của Người cũng đáng để anh suy ngẫm.

Hình như tôi đã tâm sự quá nhiều mà chưa có lời khuyên như anh yêu cầu. Khuyên gì bây giờ khi mọi việc thường nói thì dễ, làm thì khó. Khi tôi ở đất tự do dân chủ, anh ở một nơi mà người ta nhân danh nhân dân để đàn áp nhân dân, nhân danh con người để chèn ép con người. Nơi người ta đã quyết tâm "độc quyền yêu nước, độc quyền chân lý" (tr. 333). Khi tôi ở một nước pháp trị, anh ở một nước chỉ có luật rừng: cấp trên đè cấp dưới, cá lớn nuốt cá bé. Khi tôi được nhàn hạ ngồi ngắm bông tuyết bay, anh phải quần quật tranh đấu từng giờ để có từng miếng cơm manh áo, từ lời nói, từ hơi thở...

Tóm lại, tôi không có một lời khuyên, chỉ có vài hàng gửi về chia sẻ tâm tư với anh, và đó cũng có thể là tâm tư của không ít người Việt ở hải ngoại, là luôn luôn thao thức, trăn trở đi tìm một con đường, một lối thoát cho quê hương đau khổ của chúng ta. Người Pháp có câu"Lời khuyên sẽ vô ích, nếu người nghe chưa sẵn sàng." Anh đã sẵn sàng thì lời khuyên có thể nghe thấy ở khắp nơi, ở 74 triệu dân Việt Nam, trong cũng như ngoài nước.

Để kết thúc bức thư này, tôi xin mượn câu của nhà văn Doãn Quốc Sĩ: "Tiếng hát tự lòng đất." Tiếng hát này sẽ có ngày dấy lên để tất cả mọi con dân nước Việt nghe thấy, và chọn con đường đúng cho mình đi vào thế giới tương lai, đi vào thế kỷ 21, với tất cả tự do, nhân phẩm và dân quyền của mình.

Nhân dịp đầu năm, tôi thành thực chúc anh sức khỏe và thành công trong lý tưởng mới để đưa tổ quốc, dân tộc ra khỏi lầm than khốn khó hiện nay.

Kính thư,

TB: Xin lưu ý anh về một sai lầm nhỏ: Câu "Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân" (tr. 286) là của Tuân Tử viết trong chương "Thiên Vương chế" (chớ không phải của cụ Nguyễn Trãi) và nguyên văn như sau: "Phù thủy sở dĩ tái chu, Diệc sở dĩ phúc chu." Nghĩa là: "Nước vốn dĩ có thể chở thuyền, (thời) cũng có thể lật được thuyền."

Đã phát hành:

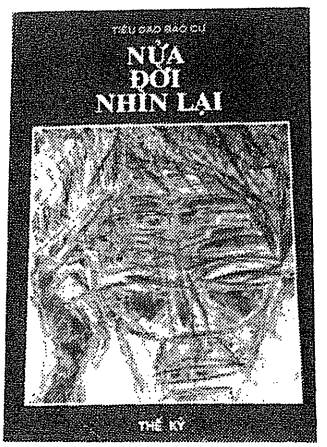

Sách dày 340 trang.
Tựa của Đặng Tiến.
Bạt của Hà Sĩ Phu.
Giá: $14.00

HỘT GIỐNG HÒA BÌNH

PHẤN NGUYỄN BARKER

Xin các bạn hãy tưởng tượng với tôi: Một cánh đồng xanh bao la, màu xanh của những cây mạ non. Đây là cảnh sắc bạn sẽ được chứng kiến trước khi bước vào cổng làng Từ Châu, cách Hà Nội chừng 20 cây số. Đây là nơi tôi được sinh ra đời.

Hầu hết các người trong làng là nông dân. Gia đình tôi cũng có ít ruộng đất và một con trâu với cặp mắt hiền từ. Mẹ tôi qua đời khi tôi bẩy tuổi, chị tôi lúc đó 10 tuổi và em gái tôi thì bốn tuổi. Tôi đã chẳng khóc, chẳng có một xúc cảm gì hết, tôi còn không muốn mặc bộ quần áo tang may bằng vải sô. Chắc là tôi đã không có một quan niệm gì về sự chết. Đó là năm 1953.

Năm 1955, khi đất nước chia đôi, cha tôi bán hết thóc lúa, gom góp tất cả tiền nong dành dụm được từ xưa, với vài bộ quần áo trên vai, cùng ba đứa con bỏ cửa nhà ruộng nương di cư vào Nam.

Sau nhiều năm di chuyển, chúng tôi dọn về Củ Chi, cùng với một gia đình nữa cất một căn nhà vách đất. Cha tôi bắt đầu dạy học, và cưới một bà vợ người Hải Dương. Bây giờ tôi mới bắt đầu cảm thấy thiếu mẹ.

Năm 61, cha tôi xin được làm cảnh sát ở Ty Biên Hòa. Sau vài lần tôi thi vào trường công và bị rớt, cha tôi đề nghị tôi thi vào L'École des arts appliqués de Biên Hòa, hiện là Trường Mỹ Thuật Trang Trí. Nhìn lại quá khứ tôi thấy đây thật là một điều Tạo Hóa đã sắp xếp. Vì điểm đậu cao, được học bổng nữa.

Phấn Nguyễn Barker

Sau bốn năm tôi muốn được học lên Cao Đẳng Mỹ Thuật, nhưng gia đình không cho phép. Tôi trở lại học Ngô Quyền, theo lớp đệ tam, rồi đệ nhị. Các bạn gái tôi lần lượt có chồng, tôi cảm thấy trống trải hết sức. Lại bị bà mẹ kế cằn nhằn luôn: "Như người ta có phước thì có vài con rồi." Tôi cảm thấy mình là kẻ vô phước, cô đơn, lại bị ế chồng mặc dù mới có 21 tuổi.

Chiến tranh đã lan tràn đến gần miền đô thị. Phi trường Biên Hòa bị pháo kích hầu như mỗi tuần. Lính Mỹ tràn đầy đường phố, trà đình tửu quán mọc lên như nấm. Cuộc sống của tôi và những người xung quanh bị xáo trộn vô kể.

Vì áp lực gia đình với một bằng đánh máy và vài câu tiếng Anh, tôi tìm được một việc trong phi trường Biên Hòa làm thư ký đánh máy cho không quân Hoa Kỳ. Tôi dần quên đi với công việc của tôi, và bắt đầu học lớp Anh Văn tôi. Năm sau tôi được "thăng chức" thông dịch viên. Tôi thường làm việc tình nguyện ngày Chủ Nhật cho các Cha Tuyên Úy. Một ngày kia họ hỏi tôi có muốn đi sang Mỹ du học không? Thật là điều ngạc nhiên và thích thú vô cùng.

Một năm sau tôi đến Phoenix, Arizona. Tôi bắt đầu học ở trường Đại Học Thương Mại Lamson. Hai năm sau tôi sang học ở Đại Học Phoenix, rồi Đại học Tiểu bang Arizona. Tôi dạy mỹ thuật ở tiểu học ba năm. Và sau đó lập gia đình, chồng tôi là một kỹ sư điện.

Chồng tôi rất thành công trong việc sáng chế máy móc, vì thế chúng tôi dọn sang California để được gần công ty sản xuất. Miền Bắc California khá lạnh, thế là chúng tôi dọn sang ở Hawaii (1983).

Tôi học một lớp học kéo dài trong hai ngày. Trong lớp này tôi học được biết bao nhiêu điều, có lợi ích cho nghề họa sĩ của tôi. Nhưng phần quan trọng nhất trong lớp học này là phần cuối cùng. Phần này đã nhấn mạnh về sự tẩy rửa tâm hồn.

Phần này đã giúp tôi hủy bỏ biết bao đau đớn chồng chất trong tâm hồn qua bao năm: Nỗi

đau buồn của một người con mất mẹ đã chưa biết khóc thương, nỗi tủi buồn sống với một bà mẹ kế khó khăn, và nỗi đau đớn lớn lên trong một cuộc chiến tranh dài. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm tấm thân sau lớp học này, như một người mới lớn, và tôi bắt đầu sáng tác.

1985, sau 16 năm xa cách, tôi được gặp lại gia đình tôi ở tiểu bang Oklahoma. Sáu tháng sau, cha tôi qua đời. Ba năm trong trại cải tạo đã cướp hết sinh lực ông.

Tôi đến Hawaii từ năm 1983, định cư tại hòn đảo lớn nhất trong quần đảo Hawaii. Hòn đảo này có núi lửa vẫn đang hoạt động. Như các bạn đã từng nghe nói, Hawaii là một nơi nghỉ mát nổi tiếng trên thế giới.

Cảnh vật chung quanh tôi gây biết bao cảm hứng, từ những cành hoa bé nhỏ đến những bông hoa vĩ đại, từ bãi cát trắng, đến những tảng nham thạch đen. Tôi thường dùng kiểu bình phong vì kiểu này giúp tôi thực hiện được những bức tranh lớn, việc chuyên chở lại dễ dàng hơn.

Một trong những chất liệu về ngành tạo hình tôi thích dùng là vải. Đây là một chiếc áo tôi may cho nữ thần núi lửa - bà Pelé. Tôi lấy một miếng vải satin màu đen, xếp lại rồi bỏ vào một thanh gỗ nhỏ. Tôi lấy thuốc tẩy pha với nước xong ngâm miếng vải vào dung dịch này, thuốc tẩy sẽ tẩy màu đen và bên dưới là màu vàng lộng lẫy. Tôi đệm bông gòn rồi khâu để những đường nét đặc biệt được nổi lên.

Tôi cũng có vẽ một loại tranh về những con đường mòn chung quanh vùng công viên Kilauea. Công viên ở Mỹ thường rất là rộng lớn, nhiều khi nó chiếm nguyên cả một khu rừng.

Một trong những cái thú của tôi là được đi dạo trong những con đường mòn ở công viên này, tôi thường ví những con đường mòn đó như đường đời của tôi, có lúc lên lúc xuống, lúc thăng lúc trầm, tương lai có thể đem đến cho ta những điều kỳ thú và cũng có thể đem đến những thất vọng.

Vẽ, hết họa, hết biển, tôi lại đặt một thử thách khác. Bây giờ tôi muốn vẽ mấy bức tranh thật lớn, ghi lại khung cảnh vùng núi *Waimea Canyon,* ở hòn đảo Kauai. Sau đó tôi có vẽ một loạt tranh mà đề tài là sự phản chiếu ở mặt nước. Có lẽ tôi bắt đầu nhìn sâu vào đời mình, nhìn lại, hay cũng có thể là hồi tưởng trở lại quá khứ.

Năm 1990. có một nhà bác học đến Kona, nơi tôi cư trú. Ông ta diễn thuyết về sinh môi. Ngày trước ông là một nhà bác học làm việc ở trong một phòng thí nghiệm, chuyên môn về vũ khí chiến tranh. Nay ông đã nghỉ việc và trở nên một nhà giáo dục; ông hiện tham gia vào chương trình giáo dục trẻ em thế giới. "Dạy cho chúng biết nếu chúng không săn sóc trái đất này, một ngày nào đó nhân loại, cùng cả trái đất sẽ bị tiêu diệt bởi những hành động vô trách nhiệm."

Ông hướng dẫn chúng tôi vào một cuộc quán tưởng, tôi thấy mình ngồi trên một dòng suối, tiếng nước róc rách chảy, gió thổi nhè nhẹ, nắng vàng tươi, cảnh đẹp như thiên đường.

Ông đề nghị chúng tôi đàm thoại với Đấng Tạo Hóa. Tôi bắt đầu có những cảm xúc khi nghĩ rằng mình chưa có làm một việc gì giúp cho việc bảo tồn sinh môi. Nước mắt giàn dụa, tôi nghĩ mình phải làm một cái gì để tỏ lòng biết ơn Đấng Tạo Hóa đã cho tôi thật nhiều ân huệ trong cuộc đời.

Tôi chợt nghĩ, mình có thể vẽ cảnh rừng này và khi triển lãm thì tất cả mọi người đến coi sẽ có những cảm nghĩ riêng tư về sự quan trọng của rừng mưa nhiệt đới ở Hawaii nói riêng và rừng mưa nhiệt đới trên thế giới nói chung. Ít nhất là tôi có thể nêu ra một vấn đề khiến họ suy nghĩ. Khi nhìn những bức tranh họ thấy rừng đẹp quá và sẽ muốn bảo tồn rừng mưa này.

Đây là bức tranh tôi đặt là *Ngày Xửa Ngày Xưa...,* bức tranh này nhắc nhở tôi rằng một HẠT GIỐNG nhỏ bé, rơi giữa đường tách của nham thạch, với một chút may mắn, một vài giọt mưa hay hạt sương, chút nắng. Hạt Ohia sẽ mọc mầm và trở nên một cây Ohia, rồi một rừng mưa nhiệt đới.

Cảm thương về rừng mưa - trong rừng cây cối mọc một cách dung hòa, cây già đổ xuống để làm nền móng cho cây non, cây nhỏ dựa vào cây lớn che chở lẫn nhau.

Năm 91, tôi đã có dự định một cuộc triển lãm ở Trung Tâm Mỹ Thuật Vùng Núi Lửa, một phòng triển lãm thường có rất nhiều khách đến từ các nơi trên thế giới.

Tôi lại bắt đầu loay hoay, không biết vẽ gì bây giờ, bờ biển, hoa lá, rừng cây, tôi cũng chán rồi, vì tất cả không còn là một sự thử thách như trước, tuy bán rất chạy. Bản thân tôi thích thử thách. Ngày giờ đã cận, một phần tôi muốn đề nghị với họ đình hoãn cuộc triển lãm, một phần tôi tự nghĩ cứ yên trí, đề tài sẽ đến và tôi sẽ sáng tác được.

Hình như trong tiềm thức tôi có một cái gì chuyển động, như dung nham trong lòng đất, đang chờ đợi cơ hội để vươn tung lên mặt đất. Ý tưởng thay đổi chiều hướng từng lấp ló trong mấy năm nay rồi, và giờ đây tôi không thể từ chối được nữa.

Trong lúc loay hoay, tìm tòi, lục lọi, tôi giở một tờ báo. Một bài báo nói về những loài côn trùng sống trong rừng mưa nhiệt đới do một nhà vạn vật học, ông ta kể có hai loại bươm bướm, một loại được đặt tên là *Kamehameham,* tên của một ông vua nổi tiếng của Hawaii trong thời đế quốc.

Một tia sáng vọt lên trong đầu tôi, tại sao không vẽ rừng mưa, và núi lửa qua cặp mắt của một con bươm bướm? Hay hơn nữa của một con sâu, trong một đêm nào đó sắp sửa biến dạng thành con bướm? Thế là tôi đến thư viện tìm sách đọc về sự hóa thân của bướm bướm. Tôi nhận thấy giữa chúng ta và loài bươm bướm có rất nhiều điểm tương đồng.

Loạt tranh trừu tượng tiêu biểu, với thuốc nhuộm trên giấy, là kết quả của sự trưởng thành của tôi về cả hai mặt nghệ thuật và tâm linh. Tôi đã tu thân và tu tính trong bao năm nay — truy tìm bản thân — gột bỏ lần những lớp vỏ bên ngoài và bây giờ tôi có thể tự mình mà không phải hổ thẹn. Tôi thấy mình như một con sâu đang sắp sửa biến dạng. Như một con sâu phải trải qua một thời kỳ biến dạng thay hình đau đớn, sợ hãi để trở thành con bươm bướm. Và vì thế nghệ thuật của tôi, và chính bản thân tôi bắt đầu chuyển qua một hình thức mới.

Trong bức *Bươm Bướm Biến Hóa*, tôi muốn miêu tả con bướm non đang còn nằm trong kén, sợ

hãi không dám ra: "Có cánh thì có cánh, nhỡ mình không bay được thì sao?" Biết bao lần tôi có những mặc cảm: không đủ tài năng, không đủ trí óc...

Qua bức *Biển Cả Thì Thào*, vì tôi nghĩ, đêm đó trong rừng sẽ có những vũ điệu ăn mừng vì sự biến chuyển trong vũ trụ, một con sâu đã trở thành con bướm. Có một lần tôi hỏi ông thầy tôi: "Con là một người nhỏ bé, biết làm gì để giúp tạo hòa bình trên thế giới?" Ông trả lời: "Trở nên một con người hoàn hảo."

Tôi đến nước Mỹ năm 1969. Trong 15 năm đầu tôi thường nằm mơ được trở về Việt Nam. Những giấc mơ ấy thường đầy sợ hãi và buồn phiền. Hầu hết trong những giấc mơ này nỗi sợ hãi hiện diện là tôi bị giữ lại ở Việt Nam. Trong bao nhiêu năm, tôi thề là sẽ không bao giờ trở lại Việt Nam vì đó là một nơi chết chóc và đau thương.

Vào năm 1990 gì đó, tôi bắt đầu có ý nghĩa về Việt Nam, tôi muốn về để tìm đề tài vẽ. Tôi nghĩ tới khả năng về nghệ thuật với tình yêu quê hương, tôi sẽ có thể tạo nên những bức tranh tuyệt đẹp. Và người Mỹ sẽ có những cảm xúc khác về Việt Nam thay vào những ý nghĩ Việt Nam chỉ là một chiến địa.

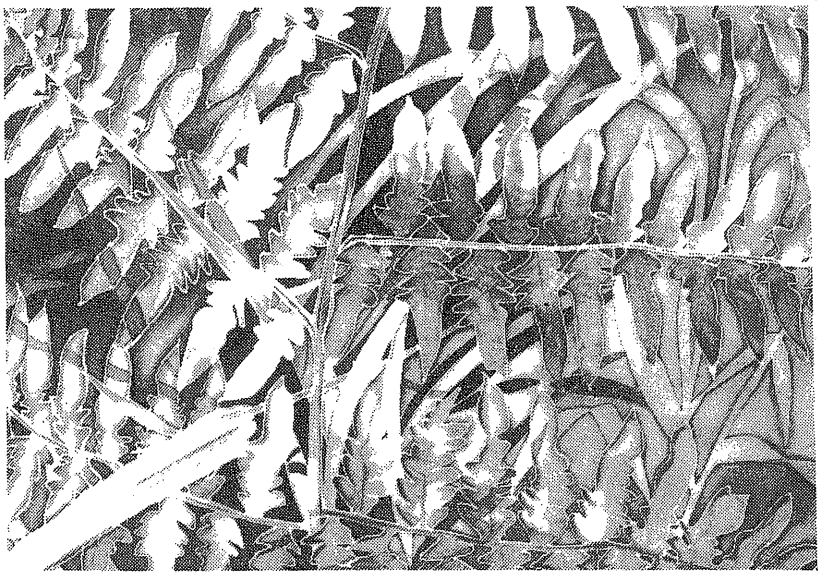

"Fern and Pili Grass", tranh Phấn Nguyễn Barker

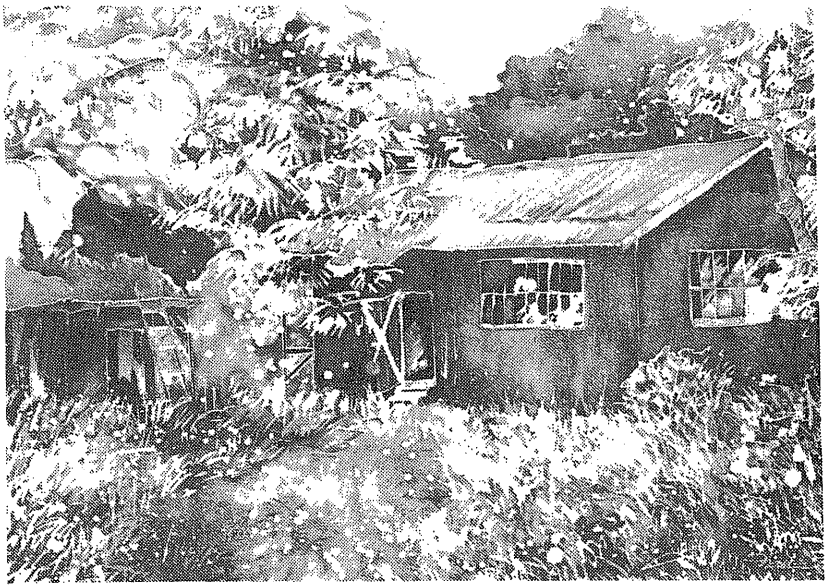

"Island Blue", tranh Phấn Nguyễn Barker

Đầu năm 1992 tôi trở về Việt Nam. Chuyến đi này là một chuyến đi có ý nghĩa nhất trong đời tôi và cũng là một cuộc hành trình tâm linh. Chuyến đi này đã giúp tôi nối lại mối liên hệ với bà chị ruột và chín người con cùng chín đứa cháu sau 23 năm xa cách. Về miền Bắc nhìn lại nơi tôi ra đời và viếng thăm ngôi mộ của mẹ tôi, một ngôi mộ sơ sài, một đống đất, một cây thánh giá không đủ để che mưa che nắng. Sau 37 năm trời, vùng đất mẹ biết bao thay đổi.

Tôi dẫn bà chị và cháu Thủy đi Hà Nội, đi Huế. Một vài hình ảnh ở đầu làng tôi ở miền Bắc cứ ở mãi trong trí tôi. Trời lúc này rất lạnh, những nông phu cấy lúa, chẳng những họ không có giầy dép mà còn đứng cả buổi dưới nước. Một mặt tôi thấy rất nhiều thay đổi, một mặt khác lại không có gì thay đổi, vẫn màu mạ non, vẫn gầu sòng tát nước, vẫn người nông phu vác cầy.

Trên đường vào cổng làng chúng tôi có gặp một anh trai trẻ, anh nói sẽ đưa chúng tôi đến nhà ông chú. Bà chị tôi mừng đến nỗi không cầm lòng được, thấy ai ngoài đường cũng hỏi han:

"Thưa bác chúng con là con gái của ông Huân, chúng con về thăm chú Kết, bác có còn nhớ ông Huân không?"

"Ồ, có chứ sao lại không. Chú Vẽ, em trai tôi cũng có đi vào Nam, cô có biết nó không?"

"Chú Vẽ thì không xa lạ gì với với gia đình của con."

Biết bao là xúc cảm! Tôi thấy chị tôi nắm bàn tay của bà. Tôi không thể hình dung một ngày không xa lắm trong quá khứ những người thân yêu của họ đã coi nhau như kẻ thù, đã đánh trận, và đã chết trong trận chiến Bắc Nam.

Đây là ngôi trường cũ nơi tôi đã học mẫu giáo, và bên kia bờ ao, ngôi nhà thờ cổ kính có nóc chuông cao chót vót, nơi tôi đã được rửa tội, được chịu lễ lần đầu, nơi tôi đã từng đi lễ sáng chiều, và cũng là nơi Cha Xứ đã cử lễ an táng cho mẹ tôi. Giờ đây trông cô

đơn và lạnh lẽo làm sao! Tự dưng tôi muốn biến nó thành một vật bé nhỏ để tôi có thể ôm nó vào lòng, và nói: "Ngôi nhà thờ cao chót vót ơi, ta thương nhà ngươi lắm, nhà ngươi sẽ luôn luôn ngự trị trong ta."

Đây là ngôi nhà nơi tôi ra đời, ngôi nhà này ông Nội đã để lại cho cha tôi vì là con trưởng. Có bốn anh em thì ba người di cư vào Nam. Cô bạn tôi hỏi chú:

"Tại sao chú không vào Nam với anh em?"

Chú nói:

"Anh và hai em đi rồi, tôi nghĩ phải ở lại để chăm sóc nhà cửa ruộng nương của ông bà để lại."

Chú có nói thêm sau khi anh em và những người làng đi rồi, chú như người mất hồn, trong mấy năm đầu chú không làm ăn được gì hết. Thế rồi giọng chú nhỏ dần lại, lẩm bẩm những gì không biết, có lẽ chú muốn hình dung lại cảnh gia đình anh chị em xum họp. Ngày đó sẽ không bao giờ trở lại mà chỉ có thể tìm lại trong ký ức mà thôi.

Sau vài tiếng đồng hồ viếng thăm gia đình chú, chúng tôi ghé thăm mộ của mẹ tôi, chị tôi đốt nhang rồi đọc kinh cầu nguyện. Tôi đứng bên ngoài, ngây ngô như một kẻ xa lạ, từ hành tinh khác đáp xuống, tình cảm quá căng thẳng, tôi chỉ biết là tôi muốn ra khỏi nơi này, tôi cảm thấy mình có thể nổ tung ra được. Hình ảnh ngôi mộ của mẹ tôi ám ảnh tâm trí tôi vô kể.

Trở về Hawaii, tôi không còn tự chủ được nữa. Đau đớn, hối hận, phẫn nộ, tuyệt vọng rồi hoang mang...biết bao xúc cảm lẫn lộn trong tôi. Suốt một năm trời tôi ăn không ngon, ngủ không yên, lại hì hục suốt ngày trong phòng vẽ, khởi đầu biết bao nhiêu là xê-ri mới, nhưng chỉ được vài ngày lại chán nản rồi bỏ lửng.

Tôi có vẽ, sơn, và may hai cái chăn bông, tôi nghĩ sự êm ái của nệm bông sẽ xoa dịu những vết thương lòng đang xâu xé tim tôi. Nhưng chỉ thấy mầu sắc của nó tượng trưng trái tim rướm máu của tôi, những đường chỉ như những sợi dây thắt vào tim tôi, màu sắc hỗn loạn như tâm trí hỗn loạn của tôi.

Đầu năm 1993, tôi bắt đầu cảm thấy bình thường trở lại, và bắt đầu một loạt tác phẩm mới. Căn cứ vào năm trước, tôi không biết loạt tác phẩm này sẽ đi đến đâu, nhưng tôi có những hình ảnh rất rõ ràng trong tâm trí. Thêm vào đó một tinh thần rất hăng hái. Có nhiều điều kỳ diệu liên hệ đến các loạt tác phẩm này. Ta có thể xem đó như là những sự trùng hợp ngẫu nhiên hay những phép lạ.

Loạt tác phẩm này, *Mầu Trắng Khăn Tang,* diễn tả những xúc cảm bế tắc, không phân giải được, liên hệ đến quê hương đất mẹ của tôi. *Màu Trắng Khăn Tang* cũng là tiếng khóc thương cho những linh hồn của kẻ đã chết trong trận chiến Việt Nam, và cũng có mục đích hàn gắn những vết thương lòng — của tôi và của những người khác — mà chiến tranh đã gây ra.

Tôi muốn thực hiện trong buổi khai mạc của một cuộc triển lãm các tác phẩm nghệ thuật được treo trên tường hoặc dựng đứng trên bục gỗ. Một tác phẩm sẽ được dùng như một bàn thờ. Sẽ có hương nhang sẵn sàng cho khách đốt và cầu nguyện trước bàn thờ. Sẽ có người đứng ngoài cửa trao cho khách chiếc khăn tang trắng nếu họ muốn để tang và thương khóc cho người thân yêu.

Thoạt đầu, tôi muốn *Màu Trắng Khăn Tang*, là một sự thanh lọc tâm linh của riêng tôi. Thế rồi khi tôi hình dung cảnh mọi người đến dự buổi khai mạc triển lãm, tôi thấy họ qua "cửa sổ" của những tác phẩm, tôi chợt nhận ra rằng họ là một thành phần của những tác phẩm nghệ thuật này. Tôi tự hỏi mình: Vậy thì những nỗi đau đớn, những ưu phiền, những bế tắc của họ thì sao đây? Về chiến tranh Việt Nam, hay về bất cứ một chiến tranh nào khác?

Tôi lại tự hỏi: Thế chúng ta không phải cùng chung một tâm linh, một ý thức, một nhân loại, một thế giới hay sao? Vậy thì chúng ta phải có cùng chung một nỗi đau đớn, một ưu phiền, một bế tắc tâm linh. Khi chúng ta tu thân và tu tính, hàn gắn vết thương lòng của mình, chúng ta gián tiếp hàn gắn vết thương của nhân loại.

Tôi vừa ở Việt Nam về, với hành lý, tôi có thể đem theo một tinh thần thương yêu và hòa bình của người dân Việt Nam, của các bà mẹ, những người phụ nữ Việt Nam, những em bé trên đất mẹ mến yêu. Hôm nay tôi được hân hạnh gieo rắc tình thương này ở đây, như những hạt *Ohia* trên nham thạch, chúng ta sẽ không có được rừng nhiệt đới, nhưng chúng ta sẽ có những cây *Hòa Bình,* và *Tình Thương* sẽ là những đóa hoa.

QUỐC LỘ SỐ MỘT: PHIM MỞ ĐƯỜNG, MÙI ĐU ĐỦ XANH

LÊ THỊ HUỆ

Tôi bỗng thấy mình ngồi trong rạp Camera One ở đường số 1, dưới phố San Jose vào lúc 12:45 chiều thứ Sáu. Xuất số một của phim "Mùi Đu Đủ Xanh".

Đây là lần đầu tiên trong đời tôi làm một chuyện như thế này. Đón xem xuất phim đầu tiên xuất hiện trong thành phố cục mịch này.

Là một người sáng tác, lâu rồi, tôi không còn giữ được nhiều thú vị của một người thưởng ngoạn ở phía đám đông như ngày chưa đâm đầu vào công việc sáng tác. Đối với một tác phẩm đáng chú ý, cái tật của người sáng tác, là tự hỏi nếu ở vào tư thế tác giả mình sẽ giải quyết hoặc trình bày tác phẩm khác đi thế nào, thường ám ảnh tôi. Thật là một thói quen thưởng ngoạn không lấy gì làm thoải mái và thú vị lắm!

Sống bên cạnh sự đồ sộ của Hollywood, tôi thường cảm họng mỗi lần bị hỏi về những phim ảnh dính líu về Việt Nam. Tất cả những cuốn phim sản xuất từ Hollywood cho đến giờ này, đều được đạo diễn, kiểm soát, hoặc nấp dưới bóng đại thụ của những người đàn ông da trắng nhiều tiền bạc, nhiều tham vọng và nhiều thế lực. Đó là cách nhìn và là những rắc rối của Hollywood về danh từ "Việt Nam". Làm sao một người đàn bà Việt Nam có một ký ức dài, và một cuộc đời phong phú như tôi có thể bị dụ dỗ bởi những lớp ánh sáng, âm thanh, và tiếng nói xa lạ ấy. Làm sao tôi có thể thấy gần gũi với những phát súng của những người đàn ông này?

May mắn tôi không phải là một kẻ cần đến phim ảnh để tiêu khiển phần lớn thời gian cuối tuần trên xứ sở xa lộ trù phú này. Nhưng lâu lâu xem được một cuốn phim hay, vẫn thích chứ.

Mặc dầu đã đọc năm bài điểm phim về Mùi Đu Đủ Xanh không được giật gân cho lắm trên báo Mỹ và báo Việt, nhưng khi thấy cuốn phim nói tiếng Việt, tên họ Việt Nam trình bày trên tờ quảng cáo không bị đảo lộn, phim không có một chính quyền hay một tổ chức chính trị nào bảo trợ, tôi lại rất khoái ăn đu đủ hồi ở Việt Nam, chừng này thứ cũng đủ làm cho tôi ham đi xem ngay.

Tôi bấm giờ tốt. Giờ này ai mà chui vào rạp cine ngồi ngoài những người "quởn" như tôi và cô bạn mới quen mới từ Việt Nam sang. Rạp vắng. Xem cine rạp vắng là cái thú của tôi. Tôi chọn giờ này, vì ngày hôm trước một người bạn Mỹ hay sưu tầm của lạ, đã gọi điện thoại khoe rằng mới xem phim này ở một rạp chật ních người ở San Francisco.

Cuốn phim trình bày cuộc đời của một thiếu nữ ở đợ. Cô bé bắt đầu vào giúp việc lúc mười tuổi tên là Mùi (Lư Man San). Gia đình chủ nhà có một bà chủ (Trương Thị Lộc) là một bà mẹ đảm đang và thương người làm. Ông chủ nhà vô tích sự chỉ làm khổ bà chủ nhà. Mấy cậu con trai thì thích hành hạ con kiến con ve con ở và thích âm nhạc. Người đàn bà giúp việc (Nguyễn Anh Hoa) còn có lòng thương người hơn mấy cậu con trai này. Cô bé tên Mùi lớn lên trở thành một thiếu nữ đáng yêu (Trần Nữ Yên Khê) đem lòng yêu một ông bạn của con ông chủ, loại được một người con gái tình địch, và cuối cùng thành đôi với người này. Phim nói tiếng Việt. Đạo diễn Trần Anh Hùng còn trẻ, mới 32 tuổi, rời Việt Nam từ 1975, sinh sống ở Pháp. Phim được quay ở Pháp.

Cái thích to nhất của tôi có lẽ là được nghe tiếng Việt Nam. Tôi thích nhất là giọng Nam của người đàn bà giúp việc. Cô bạn mới từ Việt Nam sang bảo là có người nói tiếng Việt không rành. Nhưng tôi nghĩ đây là một cuốn phim tương đối có ít giọng đọc bài.

Cuốn phim thu lại những hình ảnh gần gũi với những sinh hoạt mà tôi đã bắt gặp. Ví dụ cái thú gần gũi với những ve sầu, kiến càng, ếch nhái... (chứ không phải những con "pet"). Đây là những chi tiết có giá trị cao về mặt bài bản. Hình ảnh người mẹ Việt Nam (quá) rộng lượng về mặt tình thương (đối với người đàn ông có tên gọi là chồng). Người mẹ rộng rãi với nhân vật chính là cô bé người làm tên Mùi là hình ảnh thông thường đối với người Việt Nam, nhưng có thể là hình ảnh lạ đối với kỹ nghệ điện ảnh

Hollywood. Bài hát nhi đồng và giọng ca Duy Khánh khá quen thuộc với những người lớn lên cùng thời của tôi. Sự tranh chấp phái tính ở lứa tuổi chưa phát triển của khoảng 9, 10 tuổi giữa Mùi và Tín, con trai chủ nhà giống hệ sự trêu chọc rất tàn ác của mấy vị nhi đồng nam ở Việt Nam lúc tôi còn học tiểu học. Hành động trêu chọc của Tín đối với Mùi trong cuốn phim có thể biểu lộ sự tranh chấp giai cấp giữa chủ và tớ. Nhưng những ai đã trải qua kinh nghiệm bị con trai chọc (lúc còn học tiểu học, tôi hay bị con trai bắn ná giây thun vào người rất đau. Một sự tra tấn dã man nhất trong ký ức tuổi thơ của tôi), khi xem đoạn Tín cứ len lén theo trêu chọc Mùi thì thấy ngay cái kinh nghiệm ấy rất phổ thông ở Việt Nam giữa các vị nhi đồng con trai con gái ở lứa tuổi mà các nhà tâm lý học như Piaget, Kohlberg cho là lứa tuổi phát triển đạo đức và công bằng.

Điểm son của cuốn phim có lẽ đã làm cho những khán giả Âu Mỹ thích thú là đạo diễn Trần Anh Hùng đã giới thiệu cách nhìn về người và vật mới lạ. Không giống như cách nhìn từ các trường học kịch nghệ Âu Mỹ và trường Hollywood. Đó là sự không tranh chấp giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị (nhân vật mẹ, nhân vật con, nhân vật người yêu và nhân vật cô bé người làm Mùi). Vì không tranh chấp nên câu chuyện không phức tạp, và đã khiến một số khán giả quen xem phim bắn súng giết người của Hollywood cho rằng nội dung quá đơn giản (!). Nhưng không bạo động mà giữ được khán giả theo dõi và thích thú từ đầu đến cuối, không phải là chuyện dễ làm. Mùi Đu Đủ Xanh là "mùi" lạ, khi đạo diễn đã khéo léo nửa đưa những tranh chấp theo kiểu nội dung của kịch tuồng (kịch là phải éo le, cô bé Mùi có một hoàn cảnh rất kịch), nhưng đạo diễn Trần Anh Hùng rất thành công là giải tỏa những éo le không bằng hành động (action) mà bằng sự tản mạn của những phô diễn cảm giác (feeling) rất tinh vi. Cuốn phim đã lôi cuốn người xem ở những cảnh như khuôn mặt của Lu Man San tuyệt đẹp khi ngắm nhìn con kiến càng, hoặc như khi một bàn chân trẻ đặt trên một bàn chân già... Nên nhớ rằng khán giả Âu Mỹ là một loại khán giả rất già dặn về khiếu thưởng ngoạn phim ảnh. Phim ảnh là con đẻ của họ. Để vừa tầm thưởng ngoạn của họ, chắc chắn những phim ảnh do người da vàng và da đen đạo diễn phải có đủ trình độ và khả năng cung cấp món giải trí này ở tiêu chuẩn kỹ thuật cao và nhất là phải có điều gì **mới lạ.**

Những khán giả như tôi cũng muốn khen ngợi đạo diễn Trần Anh Hùng đã rất "ngon lành" khi chọn những nét Á Châu cho những nhân vật nữ của cuốn phim. Vóc dáng đàn bà của Trương Thị Lộc trong mái tóc rối và bộ đồ ngủ (đồ bộ Việt Nam) khá bắt mắt ở vào lứa tuổi ấy. Nổi bật nhất là khuôn mặt của Lu Man San. Nhưng phải nói cái nét trơn và gầy của Trần Nữ Yên Khê rất con gái Việt Nam đã được Trần Anh Hùng giới thiệu là điều đáng nói. Mấy cô ca sĩ và những ai mộng làm người mẫu mộng làm ca sĩ mộng làm minh tinh đương đại trong nước và ngoài nước nên bắt chước cách phô bày nét con gái Á Châu này để phát triển ngôi vị của mình trên sân khấu. Hơn là sửa ngực sửa mắt bôi son trét phấn tùm lum. Lại còn hở những chỗ mà minh tinh và ca sĩ Âu Mỹ hở hay và hở đẹp hơn.

Mùi Đu Đủ xanh không phải là không có những vấn đề.

Chẳng hạn nhiều khán giả Mỹ tôi giới thiệu đi xem cuốn phim,

ĐỖ THÌ KÊNH G

CHIM CHÍCH CHÒE

Ớ anh giai nhớn chích chòe
Sao anh còn đỗ nhành tre nhà người
Nhà ai quả chín mõm rồi
Nhà ai mát cả một giời giăng sao
Vườn chanh gió rượn lao xao
Hương chanh theo gió bay vào buồng ai
U rằng cửa đóng then cài
Váy tơ khéo nắng xiên khoai lọt vào
Chiều chiều ngồi tắm cầu ao
Khéo rào cho kín ngõ đào cổng xuân
Ngủ ngày chớ hở cổ chân
Yếm đào buộc giải hai lần quấn quanh.
Chích chòe mà đỗ cành chanh
Mất ai sắc tựa mảnh sành quăng ra
U còn đi mãi chợ xa
Vào đi ai giải chiếu hoa cho nằm
Lạ ghê nằm chửa đầy năm
Ông thầy bà cốt vào thăm lắc đầu
Bệnh này chả chữa được đâu
Bụng gì như cái trống chầu phềnh ra
Chú ơi chú chữa con nha
U còn mài kéo những ba ngày rồi
Phen này gọt gáy bôi vôi
Rổ bồ kết vậy đành thôi để dành.
Chích chòe mày đỗ cành chanh
Bà ném mảnh sành lộn cổ xuống ao
Đền đi, bà vớt mày vào
Tơ hồng buộc cổ xem nào ngoan chưa.

về đều thắc mắc tại sao những nhân vật nữ trong cuốn phim thì hay ho mà những nhân vật nam thì lại ác độc, lãng đãng, bất quyết từ bố cho đến con trai. Sự ảnh hưởng của Tây trong vai trò nhạc cổ điển Tây Phương vào "đời thường" Việt Nam đến vậy sao? Một số chi tiết nghệ thuật trong cuốn phim chưa được sắc sảo đủ nên đã bị hiểu lầm là vay mượn màu sắc của Trung Hoa (một vấn đề mà theo người viết không phải là điều dễ, hy vọng trong một bài khác người viết sẽ bàn đến vấn đề này).

Một vấn đề khác ở ngoài chủ ý của đạo diễn Trần Anh Hùng nhưng lại là vấn đề khá lớn của cuốn phim khi bàn đến, đó là vấn đề chính trị của cuốn phim. Đạo diễn Trần Anh Hùng trong bài phỏng vấn với ký giả Glenn Lovell của báo San Jose Mercury News đã nói rằng: "Nó (Mùi Đu Đủ Xanh) là linh hồn và văn hóa Việt Nam. Với những ai muốn tôi làm chính trị, tôi muốn nói là, quý vị tự đi làm lấy đi." (It's about the soul and culture of Viet Nam. To those who want me to be political, I say, "go do it yourself.")

Tôi hơi ngạc nhiên về câu trả lời này. Dĩ nhiên Việt Nam trên thị trường quốc tế cho đến giờ phút này là chiến tranh, là thuộc địa, là chính trị. Khán giả quốc tế quen với cái gì dính dáng đến Việt Nam là dính đến một thái độ chính trị. Có thể nói 90% những thái độ chính trị này đều là quan điểm của những người tham chính, hoặc là của những người ngoại quốc có quyền lực từ vị trí này hoặc vị trí khác, đã áp đảo một bầu khí phủ lấy bất cứ thứ gì dính đến hai chữ Việt Nam. Mùi Đu Đủ Xanh được xem như là một lời phát biểu đầu tiên của một đạo diễn trẻ Việt Nam, không ở trong chính quyền, một phát biểu trí thức, một vị thế có thẩm quyền, về hai chữ Việt Nam. Cho nên một sự trông đợi về một thái độ chính trị không phải là một điều quá đáng từ phía khán giả quốc tế.

Không thể nói là cuốn phim hoàn toàn phi chính trị. Sự mô tả giai cấp giữa Mùi và chủ nhà là một sự lựa chọn (vô tình hay cố ý) của đạo diễn nằm trong vấn đề đấu tranh giai cấp mà chế độ cộng sản thường khai thác trong thời kỳ mới xâm lăng của họ.

Cùng với Mùi Đu Đủ Xanh, phim Schindler's List của đạo diễn trứ danh Steven Spielberg cũng được đề nghị giải Oscar năm nay. Steven Spielberg lâu nay chuyên làm phim "giải trí" như Junassic Park hốt bạc vô kể. Nhưng mãi cho đến năm nay, nhà đạo diễn này mới thực hiện một cuốn phim "không giải trí" nói về nạn tàn sát người Do Thái thời thế chiến thứ hai. Mới đây khi được mời nhận giải danh dự của American Museum of the Moving Image, Steven Spielberg tuyên bố với các diễn viên, các đạo diễn và các nhà sản xuất rằng: "Những nhà làm phim có trách nhiệm không phải chỉ là để giải trí mà là phải có trách nhiệm, có thông tin." (Film markers have the responsibility not just to entertain but to be responsible, to inform). Thiết tưởng một đạo diễn đã rất thành công với mục tiêu "giải trí" trong phim ảnh, khi đã tuyên bố như vậy, chắc hẳn đó là một lời tuyên bố rất giá trị.

Trong bối cảnh tiếng Việt lang bạt kỳ hồ khắp bốn phương trời hiện nay, thấp thoáng trong đời sống này, tiếng Việt ba chỉ xuất hiện đầy dẫy. Tiếng Việt nguyên chất vàng ròng của cuốn phim Mùi Đu Đủ Xanh hùng dũng trên sân khấu quốc tế, quả là đạo diễn trẻ tuổi Trần Anh Hùng xứng đáng là lãnh đạo số một cho những ai muốn mang tác phẩm của mình ra khoe với quốc tế. Không cần phải dùng chiếc áo ngôn ngữ, phấn son, văn hóa của một nền văn hóa khác mà dùng chính ngôn ngữ và văn hóa mẹ đẻ mình. Chọn lựa điều mình muốn nói, và quan trọng là nói ra, không ở cái cung cách để làm vừa lòng những nền văn hóa ưu thế đương thời.

Lần đầu tiên một đạo diễn Việt Nam có can đảm, có tự tin, và yêu thích một sự trình bày những nét Việt Nam trước ống kính quốc tế. Mùi Đu Đủ Xanh xứng đáng là cuốn phim giá trị đầu tiên của điện ảnh Việt Nam trưởng thành. Hy vọng sẽ là viên gạch đầu tiên để những ai muốn xây dựng điện ảnh Việt Nam sẽ nhìn vào Mùi Đu Đủ Xanh như một khai phá đầy độc lập, sáng tạo, Việt Nam, và thành công.

Lúc ra về, tôi rủ cô bạn đi ăn bún bò Huế ở tiệm Cà Mâu.■

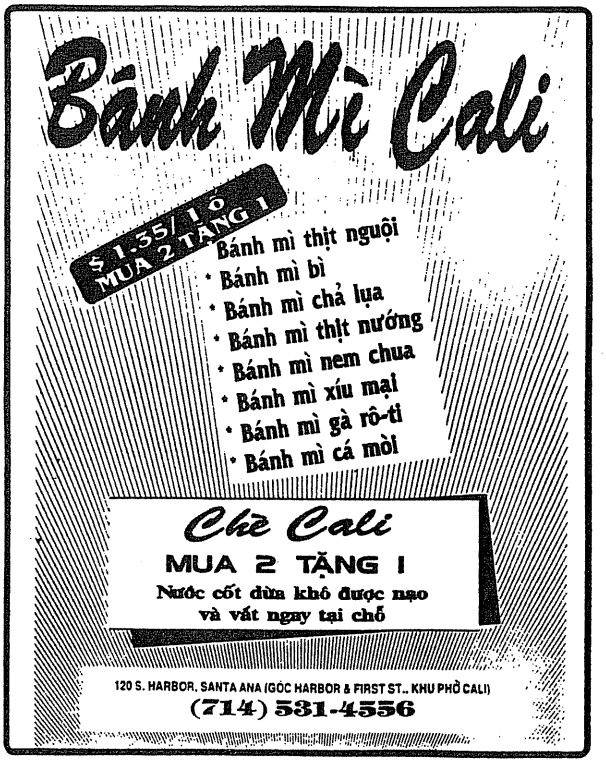

KÝ

ĐÊM GIAO THỪA TẾT TA

NGUYỄN TƯ

Mùa Xuân ở xứ này chỉ làm cho tôi sợ, sợ cái nóng bức kinh hồn, biểu lộ qua những bờ lưng của các thiếu nữ mặc áo dài màu rực rỡ thấm mồ hôi dính sát vào da và lớp bụi mù, khô bay lên ở công viên Cabravale ở khu chợ Tết, khác với mùa Xuân đúng nghĩa ở quê nhà, tiết trời lành lạnh, cây cối nở hoa đâm lộc biếc! Cho nên — dường như đã lâu lắm rồi, tôi không biết "yêu" và "nhớ" cái Tết ở đây! Ngày qua là ngày cuối năm, dù là ngày 29 của tháng Chạp, nhưng người mình vẫn nghĩ là chiều 30, thủa bé thường được Mẹ cho ăn một bữa no đầy để rước ông bà về dự Tết, mà bây giờ tôi vẫn cầm hơi bằng hai miếng bánh mì thường lệ! Chỉ có một việc khác hơn mọi ngày, là tôi chịu khó dọn dẹp lại căn phòng nhỏ bé đầy giấy báo nhật trình đủ loại lẫn với những tờ tạp chí đóng bìa dâng cao trên sàn nhà lên đến đầu gối, nhất là những tờ tập san bên Canada gửi cho, vì có cộng tác với họ như Làng Văn, Sóng, và ở Hoa Kỳ như Thế Kỷ 21, Văn... bìa láng bóng cứ làm tôi vô ý giẫm lên, suýt bị trượt mấy lần! Đó là một tình cờ, với tôi - có vẻ Tết, như mình đang dọn dẹp nhà cửa, ngoài ra tôi chả có gì, ngoài một thùng đồ hộp lỉnh kỉnh đủ thứ đút dưới gầm giường có khi đã quá "date" từ lâu! Tôi sống âm thầm, không muốn nói gì với ai nửa lời như một người câm, ngoài

những tiếng húng hắng ho những khi tôi bịnh, như một dấu hiệu mà từ đó người ta có thể biết tôi còn sống! Tôi không muốn tiếp xúc với ai, nên dù cầm bút hơn 10 năm rồi, mà ít ai biết rõ mặt tôi, ngoài những buổi họp bắt buộc tôi phải đi dự vì lý do nghề nghiệp (để viết bài như một cái job, được ký dưới nhiều bút hiệu khác nhau, chứ chẳng có "sứ mệnh" gì như những người cầm bút thường nhân danh, hay bị kẻ khác bắt nhân danh, ví dụ ông thầy là để rao giảng đạo đức!!) qua sự giới thiệu của anh em, hóa ra vô tình mình bị xuất đầu lộ diện một cách bất đắc dĩ! Và, kể từ nay tôi tâm nguyện với lòng mình: tôi sẽ hạn chế bớt những sinh hoạt như thế, có lẽ dễ chịu cho tôi hơn!

Mùa Xuân này cũng vậy, lỡ hứa với một người, tôi đi lễ Chùa, sau 11 năm ở đây, giờ tôi mới bước tới chùa Phước Huệ — là ngôi chùa đầu tiên ở xứ này tôi biết đến! Tôi đi quá giang xe với một người bạn, cũng như tôi, chưa đến chùa lần nào, nên không biết đường, chạy loanh quanh... nhưng cuối cùng rồi cũng tới! Tôi nói với người bạn: *"Con đường nào rồi cũng dẫn đến La Mã thôi, đúng hơn là dẫn tới Lidcombe"!*

Ngôi chùa to lớn tọa lạc trên một khu đất hoang khô cháy, vì dù ban đêm nhưng tôi cũng nhìn thấy, dường như những khóm trúc chết lá! Những lá cờ Phật nhiều màu bay phất phơ, dưới chân một pho tượng Phật bằng thạch cao trắng toát, làm cho tôi nhớ những mùa Phật Đản ở Nha Trang trong những tháng ngày tôi mới lớn!

Người ta đã bắt đầu đông, tôi và người bạn lang thang đi quanh chùa cho biết, thấy những sinh

hoạt thông thường xin xăm, chụp hình lấy tiền, tiền cúng dường, trai phòng và tịnh xá dành cho những khách ở xa... Vì ngôi chùa mới xây, nên cái gì cũng có vẻ mới, chưa trồng được cây cối gì, nhất là cây Bồ Đề thấp lè tè với những bóng râm che kín như những ngôi chùa bên quê nhà...

Tôi vào Hội trường với người bạn, cốt để xem văn nghệ tất niên! Hội trường khá hẹp và nóng bức không hề có một hệ thống điều hòa không khí nào, kể cả quạt trần, nên ai cũng quạt tay phành phạch với những phương tiện hiện có! Sân khấu quá hẹp, đến độ ban nhạc phải đem xuống bên dưới sàn, có lẽ vì hội trường được thiết lập ra với chỉ mục đích duy nhất là để cho các Thầy thuyết pháp mà thôi!

Trên sân khấu được décor bằng một bức tranh màu thủy mặc đơn giản theo lối bố cục Trung Hoa: sông nước, cầu bắc ngang, và trăng... Người điều khiển chương trình là nhà thơ Gia Hiếu, một Phật tử thuần thành hết mình cho Phật Pháp ngay khi từ bên Việt Nam! Các nghệ sĩ trình diễn cũng đều là những Phật tử mà cũng là những nghệ sĩ ngoài đời nổi tiếng như: Đăng Lan, Đan Phượng, Ái Phương, Tường Vi, Thanh Tâm, Lê Đá... và các em bên Gia Đình Chánh Pháp...

Mở màn là lời nói đầu của một Vị Sư có tuổi (nghe nói đâu từ bên Tân Tây Lan sang) nói về Ngày Xuân trên đất khách với khán thính giả, dù bận nhiều công việc làm ăn nhưng cũng gắng dàn xếp để đến với nhà Chùa trong đêm Giao Thừa! Tiếp đến là chương trình văn nghệ với ca khúc "*Ly Rượu Mừng*" của Phạm Đình Chương do các ca sĩ Đan Phượng, Ái Phương, Tường Vi, Diễm Hằng và Thanh Tâm trình diễn như một thông lệ trong những buổi văn nghệ mừng Xuân! Đan Phượng, với chiếc áo dài xanh lá cây bông trắng, nhờ dáng cao, tóc dài nên cô trông có vẻ "yểu điệu thục nữ". Ái Phương với chiếc áo dài đen bông đỏ, là hai màu làm nổi bật nhau đúng theo qui luật Hội Họa, dễ làm bắt mắt người xem trong cái dáng nhỏ bé như thủa còn đi hái lộc với mẹ ngày xưa! Tường Vi, cô "Công Chúa lạc loài" của Triều Nguyễn một thời vọng tộc, trong chiếc áo dài cũng màu xanh lá cây nhưng đậm hơn, với những đường vẽ kỷ hà gãy gọn trên vạt, tạo cho người xem cái cảm giác mới mẻ, tươi mát, trẻ trung... hợp với khuôn mặt trắng ngà, được đóng khung bởi mái tóc dài vừa đủ, xõa ngang vai rất "mignonne" theo kiểu búp bê! Cô cũng có ưu điểm là dáng cao, mạnh khỏe hơn Đan Phương một chút! Diễm Hằng tóc ngắn mùa Thu như trong thơ của Nguyên Sa, với chiếc áo dài cũng màu xanh lá cây nhạt, nhưng một phần trắng chẻ đôi theo chiều dọc, cong theo hình chữ S như bờ biển quê nhà, được thêu bằng những cành trúc và những loài chim uyên ương, rất hoài cổ, mơ màng của nền Triết lý Đông phương! Anh Thanh Tâm, lúc nào cũng đóng vest màu sặc sỡ, loại mode của nam ca, thích hợp với ánh đèn màu, lần này cũng màu xanh lá cây trong ngày Xuân mang nhiều hy vọng...

Tiếp theo là màn đơn ca của Thanh Tâm với ca khúc "*Mùa Xuân Của Mẹ*" được sáng tác theo âm điệu ngũ cung rất Huế, mô tả tâm tình người lính ở xa ngoài biên trấn, nhìn thấy mai nở trên rừng, cùng lúc với nỗi nhớ mẹ dạt dào, nhưng không biết làm sao, ngoài những ước mơ sau mùa chinh chiến sẽ được trở về! Anh cũng đã trình bày bản "*Chiều làng em*", một ca khúc trái ngược với bản trên, ở đây mô tả một cảnh đời bình lặng, thong dong của một ngôi làng có áo nâu sồng và những hàng dừa lả ngọn, một thời thanh bình, mà có lần quê hương ta đã may mắn có được trong một khoảng tình cờ nào đó của một đất nước chiến tranh liên miên!

Nhưng phần văn nghệ chính yếu hôm nay vẫn là màn "*Dân Ca Ba Miền*" do ba tài tử: Đan Phượng, Ái Phương và Tường Vi (hết hai đã là tên của các loài hoa)! Đây là màn tôi muốn đến để xem, vì tôi rất thích thể loại này, dường như nó đã ăn sâu vào lòng tôi từ tấm bé, qua tiếng ru của mẹ trong buổi ấu thơ, mà có lần tôi phải rưng rưng nước mắt khi ngồi nấp mưa ở một góc hè, dưới mái lá chờ kẻng vô trường, nơi một căn nhà nhỏ rách nát của người thợ giày, lúc tôi lên tỉnh học lớp sáu, xa mẹ tôi, khi nghe người vợ của anh thợ giày này vô tình hát ru con bà, với những dòng ca dao ngọt ngào buồn bã đó, mà mẹ tôi đã hát ngày xưa với cái giọng Huế bùi ngùi như muốn khóc! Nỗi ngậm ngùi đó, tôi đã nhìn thấy hầu hết nơi đôi mắt của những người đàn bà Huế như đôi mắt của mẹ tôi, của X. bạn tôi đêm nay, và của Tường Vi... Dường như có một cái gì đó buồn tủi mang màu sắc của nợ Ô Lý ngày xưa... (là địa danh của Huế bấy giờ)! Ái Phương, súng sính trong tấm áo tứ thân nhiều màu, khăn chít trên đầu, đã duyên dáng khác thường trong lời ca lẫn lối diễn xuất rất "Bắc", nhất là những khi liếc mắt đưa tình từ bài "*Lý Đò Đưa*", một loại dân ca thường được nghe nơi những chuyến đò dọc, ngược xuôi trên những dòng sông thanh thủy xứ Bắc một thời, mà giao thông đường bộ chưa phát triển! Rồi đến Đan Phượng, trong tấm áo dài màu hoàng yến, tà rộng gấm hoa, với chiếc courrone trên đầu, dáng điệu thước tha rất cung cấm triều xưa của miền Trung Vua Chúa, ngọt ngào như những lời mời gọi ươm tình trong bài "*Mười Thương*" qua điệu "*Lý Tình Tang*" Tôi chưa bao giờ nghe Phượng hát hay như thế, có lẽ vì bài hát này thích hợp với cái giọng Huế của cô, hơn là những bản nhạc tiền chiến! Cuối cùng là Tường Vi — một "Công tằng Tôn nữ" của những vàng son còn sót lại trong cảnh thành quách đã đổi thay, một thứ "Chiêm nương" đau buồn của Chế Lan Viên ngày nào trong tập "Điêu tàn", dậy lên nỗi niềm oán hờn của một Triều đại, hôm nay cô biến thể làm một người miền Nam trong tấm áo bà ba màu đỏ đơn sơ, quần đen, và khăn lam xanh quàng cổ của miền sông Hậu, sóng nước mênh mông... Tường Vi cũng đã mặn nồng như con nước triều chảy ngược trường giang qua điệu "*Lý Chiều Chiều*" đã đưa người nghe đến những bến bờ của phù sa, nước nổi... hay những cánh đồng bát ngát hương hoa súng màu thiên thanh... Tóm lại màn Dân ca: đẹp mắt, đẹp người, đẹp lòng kẻ thưởng ngoạn, tiếc một điều: những người hát bè giọng cao quá khiến át hẳn lời ca của người hát chính!

Diễm Hằng, giọng Bắc đơn ca hai ca khúc về Xuân rất vui nhộn,

hợp với không khí Năm Mới bây giờ! Ái Phương xuất sắc trong bài "*Trăng sáng vườn chè*", một bài hát vô địch của Thanh Lan trước đây, và cô cũng vui tươi trong ca khúc "*Gái Xuân*", một bài hát phổ nhạc thơ Nguyễn Bính. Đoàn thiếu nhi Phật Tử cũng góp mặt bằng một điệu vũ vui tươi qua sắc phục Tây phương mũ trái dưa, cầm "cane" và các em gái mặc váy đỏ, khăn quàng đỏ! Lê Đá, người nhạc sĩ rong chơi, dù bận rộn làm ăn, nay cũng đến góp vào hai ca khúc: "*Xuân ước mơ*" (dường như của chính tác giả) và "*Lưu vong khúc*" của Phạm Quang Ngọc, một bài hát tôi cho là hay nhất của người nhạc sĩ quân nhân này, và tôi vẫn thường mũi lòng khi nghe ca khúc đó vì nó có liên quan với tôi trong một kỷ niệm rất xa từ những ngày tôi mới đến đây! Nghe nói Tường Vi cũng trở lại đơn ca với ca khúc "*Đi lễ chùa Hương*", dường như cô là một ca sĩ chuyên nghiệp từ bên Việt Nam, dù qua bên này, tôi ít khi được nghe cô hát vì những lý do riêng không do tôi lựa chọn, mà trong lời nói đùa qua phone cô bảo là "*mình chẳng duyên gì nhau*"! Và đúng thế, tôi đã không nghe được ca khúc này, khi người bạn tôi cần về sớm để mai còn đi làm! Chuyến về có thêm vài người bạn khác nữa cùng đi quá giang, với vài câu chuyện khôi hài, vài bài thơ cười cợt, mà tôi nghĩ ai cũng có những nỗi khổ tâm riêng, ẩn chìm phía sau đời sống, xem ra có vẻ mặn nồng, bình thường như lớp son môi của một người đàn bà muộn phiền tô vội vàng trong những phút giây cần thiết! Vậy mà, khi đến một ga xe lửa, tôi đã chờ đến hơn một giờ sáng mới có được chuyến tàu từ Melbourne lên, tôi đáp về Cityd, rồi lang thang một mình trên đường phố vắng, chỉ thấy những con chó hoang đang lục những thùng rác đổ bừa bãi, hốt nhiên tôi nhớ đến lời trong một lá thư của một cô bạn tên Oanh (tên một loài chim, giờ không biết ở đâu) viết cho tôi, khi tôi đã vào lính ở tuổi 20, lúc cô ấy sắp lấy chồng rằng: "*Anh đừng ví kiếp sống anh như kiếp sống của con chó, em rất đau đớn khi đọc những dòng này*"! Tôi đã hồi âm cho cô ấy có mỗi một dòng: "*Nếu điều em nói là dối, thì em sẽ chết không nhắm mắt, bởi vì em còn nợ cuộc đời này.*" Tôi bước lên bực thềm của một con dốc và nhìn đồng hồ thấy 2 giờ sáng, sương ướt mềm hai cánh tay, tôi hát nhỏ trong màu đêm vừa đủ để tôi nghe: "*Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ... Khi bước chân ta về đêm khuya nhìn đường phố!... Làm sao em biết đời sống buồn tênh...?!*" Dù "biết" hay "không biết", "đời sống" tôi vẫn thế — nghĩa là vẫn không có em, không có ai... như những dòng sông lặng lờ chảy ra biển cả, như tôi đã viết cho em sau một tấm hình, và nói cho em biết, tôi đã cắn răng đi hết chặng đường của hai mệnh đề đầu, hiện chỉ còn mệnh đề thứ ba, mà dường như tôi đang nhìn thấy nó thấp thoáng trong đôi mắt đầy bối rối pha lẫn nỗi đau đớn bất ngờ của em, trên một con phố ở nơi này! ■

SÁCH MỚI

1. **NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI**: Đức Đạt Lai Lạt Ma (Hồi Ký) Hồng Hà dịch gồm nhiều hình ảnh	13MK
2. **ĐỜI NGHỆ SĨ**: Nguyễn Hiến Lê (Sách mới in)	9MK
3. **VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI**: Hoành Linh Đỗ Mậu (tái bản lần 9 thêm 15% bổ chính - đóng bìa cứng)	32MK
4. **HỒ CHÍ MINH NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG**: Hồ Sĩ Khuê (tái bản - bìa cứng)	22MK
5. **TUÂN TỬ** (Sách mới): Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch, chú thích	18MK
6. **MÂY BÃO**: Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (tái bản)	12MK
7. **VIẾT**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
8. **ĐỐI THOẠI**: Võ Phiến (Sách mới)	8MK
9. **TRUYỆN MIỀN NAM Tập II**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
10. **KÝ, BÚT - KỊCH MIỀN NAM**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
11. **KÝ THÁC**: Truyện Bình Nguyên Lộc (tái bản)	7MK
12. **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA**: Truyện Bình Nguyên Lộc (tái bản)	8MK
13. **KINH DỊCH**: Nguyễn Hiến Lê (tái bản)	20MK
14. **TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY**: Đạt Lai Lạt Ma (tái bản)	14MK

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách dưới 10MK, thêm 2MK cho sách trên 10MK. Riêng quyển số (3) thêm 5MK và số (4) thêm 3MK. Mua tại một số nhà sách ở Mỹ hoặc trực tiếp nhà xuất bản.

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel:(714) 527-5761

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Nhà thơ Tô Thùy Yên được trao giải "Tự Do Phát Biểu"

Nhà thơ Tô Thùy Yên, tên thật là Đinh Thành Tiên, vừa được tặng giải "Tự Do Phát Biểu" 1994 của Tổ chức Human Rights Watch. Giải thưởng này từ khi thành lập năm 1989 hằng năm trao giải cho các nhà văn nhà thơ bị tù đày ngược đãi tại khắp các quốc gia trên thế giới. Riêng giải năm nay trao cho Tô Thùy Yên - 13 năm tù cải tạo, mới đến định cư tại Minesota, Hoa Kỳ - ngoài giá trị tinh thần lớn lao là đưa tên tuổi nhà thơ Việt Nam lên văn đàn thế giới, còn có phần hiện kim $6,000.

Tô Thùy Yên

Trước đây, vào năm 1991, nhà văn Tô Thùy Yên cũng đã dược Tổ Chức Ân Xá Quốc Tế (Amnesty International) vinh danh là Tù Lương Tri và được các Trung Tâm Văn Bút Ba Lan, Thụy Sĩ và Canada nhận làm hội viên danh dự.

Họa Sĩ Nguyễn Văn Trung triển lãm tranh

Hai mươi bức tranh của họa sĩ Nguyễn Văn Trung đã được trưng bày tại phòng sinh hoạt tòa soạn Việt Báo Kinh Tế đường Moran vào những ngày đầu tháng Ba. Đây là những sáng tác mới nhất của họa sĩ, vẽ bằng mực màu và acrylic.

Nguyễn Văn Trung sanh năm 1937, tốt nghiệp khóa 1954 trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Saigon.Sau đó ông được một học bổng qua Nhật để nghiên cứu về sơn mài. Về nước năm 1960, ông cộng tác với Bộ Kinh Tế và làm giảng viên tại trường Mỹ Thuật.

Năm 1975, ông bị Cộng Sản bắt đi tù cải tạo. Năm 1991, đến định cư ở Westminster theo diện HO. Trong vòng hai năm qua, ông đã hăng say sáng tác trở lại.

Trả lời cuộc phỏng vấn ông cho biết: "Giờ đây tôi đã tìm thấy được sự yên tĩnh trong tâm, đó là sự hứng khởi thôi thúc tôi sáng tác."

Thành lập Hội Ký Giả Việt Nam Hải Ngoại

Một cuộc họp của 55 ký giả đã được tổ chức tại Westminster ngày 7 tháng 3 - 1994 đã đưa đến việc thành lập Hội Ký Giả Việt Nam Hải Ngoại. Ký giả Trọng Viễn đã được bầu làm Chủ tịch của hội này.

Trước đây dã có Hiệp Hội Báo Chí và Truyền Thông Việt ngữ tại Hoa Kỳ do ông Duy Sinh làm chủ tịch. Vì vậy cũng có ý kiến cho rằng không nên có thêm một Hội thứ nhì. Tuy nhiên theo những người chủ trương, Hiệp Hội Ký giả tập trung những cá nhân hành nghề báo chí truyền thông, khác với Hiệp Hội Báo Chí trong đó tư cách đại diện bầu cử căn cứ vào đơn vị tờ báo hay cơ quan truyền thông. Ông Trọng Viễn, tân chủ tịch hội Ký Giả nói rằng mục đích của Hội là thắt chặt tình đoàn kết tương thân tương trợ giữa các ký giả, trong nghề nghiệp cũng như trong đời sống.

Tổ Khúc Giao Hưởng 1975

Lê Văn Khoa, một người đa tài đa năng: một nhạc sĩ soạn ca khúc; một nhạc trưởng vừa viết hòa âm vừa điều khiển dàn nhạc

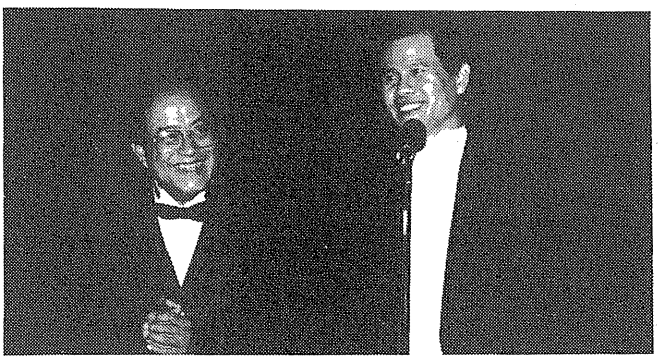

Lê Văn Khoa (trái) với Trần Chúc

đại hòa tấu; một nhiếp ảnh gia đã nhiều lần tham dự và đoạt giải nhiếp ảnh quốc tế... Mới đây nhóm Vận Động tổ chức "Dự Án 20 - 1975-1995: Người Mỹ gốc Việt Hai Mươi Năm Sau" (Project 20: Vietnamese Americans Twenty Years After) cho hay rằng ông Lê Văn Khoa đã nhận lời viết và soạn hòa âm (và sẽ điều khiển dàn nhạc luôn) một tổ khúc giao hưởng (symphonic suite) nhan đề "1975".

Đây là một trong các hoạt động văn hóa nghệ thuật mà nhóm "Project 20" dự trù sẽ phát động tổ chức vào năm 1995, để kỷ niệm 20 năm người Việt Nam bỏ nước ra đi.

Nữ Họa Sĩ Phấn Nguyễn Barker tại Câu Lạc Bộ Vaala

Nữ họa sĩ Phấn Nguyễn Barker được mô tả là người thuộc đợt sóng mới của hội họa Mỹ, sử dụng những kỹ thuật phi truyền thống để tạo những tác phẩm đầy chất sáng tạo, độc đáo.

Hiện sống tại Kona Goast, thuộc Đảo Lớn trong quần đảo Hawaii, hiu quạnh nhưng an bình. Phấn Barker sáng tác mạnh nhưng đầy biến đổi.

Gần đây, bà về thăm cố hương - Việt Nam - và chuyến về thăm này tạo cho bà một cảm hứng mới,đưa tới một loạt tranh mới.

Ngày 25 tháng Hai vừa qua, tại Câu Lạc Bộ VAALA (Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ), bà đã nói chuyện, trình chiếu phim dương bản (slides) và trưng bày một số ấn họa, cho một nhóm thân hữu văn nghệ sĩ Quận Cam. Bà hi vọng có dịp trở lại Quận Cam trong một cuộc triển lãm sắp tới.

Buổi trình chiếu slides của Phấn Nguyễn Barker tại trụ sở VAALA

Đêm Hội Ngộ với Nghiêm Phú Phát

Trước năm 1975 Nghiêm Phú Phát là một khuôn mặt quen thuộc trong các hoạt động văn nghệ, ca nhạc tại Việt Nam. Anh đã từng sáng lập và điều khiển các nhóm văn nghệ trẻ như Nguồn Sống, Tiên Rồng, đã từng phụ trách sân khấu nghệ thuật tại Hội Việt Mỹ, từng tham gia rất

Nghiêm Phú Phát hội ngộ Kiều Chinh

nhiều hoạt động trong giới sinh viên, thanh niên. Đó là một con người văn nghệ năng động và trong sáng, xem việc tổ chức và hướng dẫn văn nghệ trong giới trẻ như là một niềm vui và một hoài bão, hoàn toàn vô vị lợi.

Chính vì thế trong Đêm Hội Ngộ được tổ chức tại câu lạc bộ VAALA tối ngày 5 tháng 3, 1994, Nghiêm Phú Phát đã gặp lại trong niềm yêu mến dạt dào đông đảo các nghệ sĩ cũ như Phạm Duy, Kiều Chinh, Mai Hương, Xuân Thu, Nam Lộc, Lê Uyên Phương..., vô số các đoàn viên Nguồn Sống và Tiên Rồng ngày xưa cùng một số bạn trẻ yêu thích nghệ thuật lớn lên tại đất Hoa Kỳ. Mỗi cuộc gặp gỡ, mỗi mẩu đối thoại là một bầu trời xưa, một không khí văn nghệ cũ lại hiện về, đầy thi vị và nghệ thuật. Nhưng trong Đêm Hội Ngộ này Nghiêm Phú Phát không chỉ nhằm gặp lại quá khứ, anh vẫn là người quan tâm đến lớp trẻ như thủa nào. Anh đã trò chuyện và giới thiệu các nhạc sinh của đoàn văn nghệ Lạc Hồng, ban kịch sinh viên Club O'Noodles, các sinh viên đại học học UCI, các dương cầm thủ mầm non... Và như thế một vai trò mới của anh đã được khẳng định: anh lại sắp sửa lao vào các hoạt động văn nghệ hăng hái như ngày xưa, chủ yếu là với các bạn trẻ, và cụ thể là điều hành câu lạc bộ Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA).

Hoàng Khởi Phong ra mắt Cuốn Cây Tùng Trước Bão

Đấy là một cuốn sách đặc biệt và một buổi ra mắt sách đặc biệt. Cây Tùng Trước Bão viết về một số những người bạn HO mới từ Việt Nam qua, về cuộc đời hoạt động của họ trước kia, về các năm tù đày của họ và một phần cuộc sống của họ ở đây. Cuốn sách nói về những cái lớn lao mà một cách ôn tồn, bình dị, cũng khiêm tốn như cuộc sống của những người HO mới đến đất Mỹ, mặc dù quá khứ của họ có thể đầy những nét hùng tráng nhất cũng như bi đát nhất.

Buổi ra mắt Cây Tùng Trước Bão được tổ chức tại câu lạc bộ VAALA ngày 19 thng 2-1994.

Đặc biệt hơn các dịp ra mắt sách khác ở chỗ các nhân vật của cuốn sách hiện diện ngay trong buổi ra mắt, và một số được tác giả mời lên để trò chuyện cùng người dự. Không gì có thể thật và sống động hơn, và có thể đem lại cho mọi người những giây phút cảm động hơn. Một lần gặp gỡ như thế cho chúng ta thấy cái vô nghĩa của những lời khoa trương đao to búa lớn, cho thấy cái tính chất "anh hùng" thực ra không xa với sự giản dị, bình thường, và cái gọi là bất hạnh khổ đau có thể là đồng nghĩa với sự câm nín, lặng lẽ...Hoàng Khởi Phong đã đem lại cho chúng ta một mảng sự thật tinh ròng về trang sử 1975 của chúng ta, và buổi ra mắt sách hôm ấy Sự Thật lại được cảm nhận một cách thân ái, gần gũi, đầy đủ tình người nhất.

Nhật Báo Người Việt kỷ niệm ra số báo 3,000

Ngày thứ tư, 23 thng 2-1994 nhật báo Người Việt ra số báo 3,000. Nhân dịp này Người Việt đã ra một số báo đặc biệt, thêm trang thêm bài và trang nhất in một bức hình màu chụp toàn thể nhân sự của tòa báo với lời chú thích: Nhân dịp ra số bo 3,000, nhật báo Người Việt "trình diện" toàn thể tòa báo cùng quí độc giả, và gửi tới quí độc giả, quí văn hữu, và quí thân chủ quảng cáo lời chào thân ái, và lời hứa cố gắng liên tục để phục vụ cộng đồng.

Được biết số báo Người Việt đầu tiên ra mắt ngày 15 tháng 12 năm 1978 tại San Diego và phát hành tại nhiều nơi có người Việt tỵ nạn tại miền Nam Cali. Nay Người Việt đã lên 16 tuổi — cái tuổi thanh xuân mơn mởn của một con người, dù đó là... Người Việt. Tất cả những vị được phỏng vấn về tờ báo nhân dịp này đều có chung ý kiến: Người Việt là tờ báo tiếng Việt quan trọng nhất tại Nam Cali, đã đóng góp lớn lao về phương diện truyền thông tin tức và cung cấp tài liệu có giá trị cho cộng đồng, đồng thời cũng phục vụ cộng đồng hữu hiệu về mặt quảng cáo, rao vặt. Đó cũng là tờ báo qui tụ được nhiều cây bút có uy tín trong chính giới cũng như văn giới, phẩm chất bài vở rất cao.

Đoàn Văn Nghệ Lạc Hồng kỷ niệm năm năm thành lập

Gần 300 quan khách đã tham dự buổi kỷ niệm năm năm thành lập đoàn Văn Nghệ Lạc Hồng, tổ chức ngày 27 thng Hai, 1994.

Giáo sư Nguyễn Văn Châu, trưởng đoàn văn nghệ Lạc Hồng cho biết: "Trong thời gian đầu, từ năm 1989-1990, ban nhạc Lạc Hồng chỉ là một nhóm nhạc chuyên trình tấu khí nhạc: tranh, bầu, nhị, nguyệt, so, tỳ bà, tam thập lục. Chương trình chỉ bao gồm các tiết mục hòa tấu, hợp tấu nhỏ... Khi bước sang thời kỳ phát triển, ban nhạc được mở rộng thêm ra, không chỉ hoạt động đơn thuần ở mặt các khí nhạc mà còn kết hợp thêm với các hình thức ca hát khác như dân ca, ca cổ, hợp ca, hòa tấu, hợp xướng v.v... Trải qua một thời gian năm năm dài hoạt động với con số trung bình khoảng từ 30 đến 40 buổi diễn lớn nhỏ, đoàn văn nghệ Lạc Hồng hiện nay đã trưởng thành và thực sự lớn mạnh."

Chương trình văn nghệ do toàn ban đảm trch trình diễn các tiết mục như "Thu Hồ" (thiếu nhi đàn tranh), "Ngày Mùa" (song tấu tranh), "Một Mẹ Trăm Con" (hợp ca thiếu nhi) v.v... Công phu nhất là màn hợp xướng "Hòn Vọng Phu" với sự phụ họa của dàn nhạc, đã chứng tỏ khả năng đào tạo của các giáo sư, kỹ thuật hòa âm phối khí nền âm nhạc ngũ cung, một thể loại độc đáo của người Việt Nam, công phu tập luyện của nhạc trưởng và các ca viên, ca sĩ.

Dư luận trong cộng đồng, nhất là các vị phụ huynh, rất hoan nghênh hoạt động của Đoàn nhằm hướng lớp trẻ về khiếu thưởng ngoạn và phát triển nghệ thuật truyền thống của dân tộc Việt Nam.■

Các mầm non của ban Lạc Hồng

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Trong hai tháng qua những người yêu mến chữ nghĩa có cơ hội chứng tỏ lòng mình bằng cách phải tiêu tiền mệt nghỉ. Nội nhà xuất bản Văn Nghệ cho trình làng 12 cuốn; nhà Thế Kỷ, một nhà xuất bản mới tinh cho ra đời hai cuốn, đó là chưa kể đến những nhà xuất bản khác cùng những tác giả tự xuất bản lấy.

● **THƠ BÙI GIÁNG,** nhà xuất bản Thế Kỷ. Sách dầy 150 trang, giấy trắng, trình bầy trang nhã. Các phụ bản là thủ bút của nhà thơ, cùng ảnh chụp của ông. Thay lời tựa được viết bởi Phạm Xuân Đài và bạt do nhà văn Mai Thảo. Sách đề giá $8.

Giới thiệu thơ Bùi Giáng bao nhiêu cũng không đủ, mà kỳ lạ thay chỉ cần hai chữ Bùi Giáng e cũng dư. Cách hay nhất là nếu chúng ta yêu thơ thì nên đi thỉnh một cuốn mang về, lâu lâu mở ra đọc là thấy ngay thế nào là Bùi Giáng. Đọc hai câu cũng... đã đủ, mà đọc cả tập vẫn... thấy thiếu. Nhân đây cũng xin nhắc qua tiểu sử của ông: Bùi Giáng sinh năm 1926, sắp thất thập cổ lai hi rồi, hiện nay sức khỏe có phần sa sút. Có một điều nếu ông có sống thêm một thế kỷ nữa thì ông vẫn cứ hồn nhiên như ngày nào. Đó là nguyên nhân khiến thơ ông có một chất riêng. Cũng có nhiều người bắt chước hơi thơ đó và phong thái đó, nhưng càng cố bắt chước ông thì khoảng cách càng gia tăng. Do đó mà mãi mãi chỉ có mình ông là Bùi Giáng.

● **NỬA ĐỜI NHÌN LẠI,** truyện của *Tiêu Dao Bảo Cự,* Thế Kỷ xuất bản và phát hành, tựa của Đặng Tiến, bạt của Hà Sĩ Phu, bìa của Phạm Hoán. Sách dầy 340 trang, giá $14.

Trước tiên phải đề cập đến xuất xứ của quyển sách cũng như thân thế của tác giả. Đây là một quyển sách thoát ra từ trong nước và tác giả của nó là một nhân vật khá đặc biệt. Ông tên thật là Bảo Cự, trước 75 là một giáo sư (tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Huế). Song song với việc dậy học ông hoạt động nội thành cho Cộng sản, được kết nạp vào đảng từ trước 75. Suốt nhiều năm sau ông có dịp đụng chạm với "lý tưởng" và thấm được một điều là lý tưởng không giản dị như ông nghĩ. Cộng sản hô hào làm cách mạng khi còn ở trong rừng, nhưng khi đã vào được thành phố thì họ cai trị, nếu không muốn nói là họ đô hộ, miền Nam. Năm 87 ông là ủy viên thường trực hội Văn Nghệ tỉnh Lâm Đồng và là phó Tổng Biên Tập tạp chí Langbian. Cuối năm 88, ông cùng nhà thơ Bùi Minh Quốc và nhà thơ Hữu Loan mở một chuyến đi qua các tỉnh vận động đòi dân chủ. Chuyến đi gặp rất nhiều cản trở.

Trong lời tựa Đặng Tiến cho biết quyển sách pha trộn giữa những sự thật của đời sống và hư cấu của tiểu thuyết. Thành ra tác phẩm vừa có tính cách hồi ký vừa có tính cách tiểu thuyết. Đây là một khuyết điểm, vì nó khiến cho độc giả không biết chỗ nào thực chỗ nào hư trong toàn bộ câu chuyện của ông. Tuy nhiên những ai để ý đến thời cuộc, nhất là việc đổi mới kinh tế và văn chương phản kháng trong nước, nên đọc.

● **MÂY BÃO,** tiểu thuyết của *Ngô Thế Vinh.* Nhà Văn Nghệ tái bản và phát hành, dầy 270 trang, giá $12.

Đây là tác phẩm đầu tay của nhà văn có một cái gốc chằng chịt — là vì trong khi ông viết tác phẩm này ông là chủ bút báo sinh viên Tình Thương của trường Y Khoa Sài Gòn và đang sửa soạn năm cuối cùng của ngành Y. Khi tốt nghiệp, ông trở thành Y Sĩ Trưởng của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Vòng Đai Xanh là một tác phẩm đã mang lại cho ông giải thưởng Văn Chương, mặc dù nó mang đến cho ông rất nhiều khốn khó vì nó đã đụng đến những chỗ hiểm của thời cuộc, của vùng cao nguyên và vấn đề đồng bào thiểu số sống trên cao nguyên. Mây Bão là tác phẩm đầu tay của Ngô Thế Vinh, được hoàn tất vào dịp Giáng Sinh 1962 và được nhà xuất bản Sông Mã phát hành lần đầu vào năm 1963, do Nghiêu Đề trình bầy bìa. Lần tái bản này ông cũng vẫn giữ nguyên cách trình bầy của ấn bản đầu tiên. Loáng thoáng trong Mây Bão chúng ta bắt gặp những con người thật và những sự việc thật, những con người của 20 năm trước. Cho tái bản lại Mây Bão, hình như Ngô Thế Vinh muốn nhìn lại chính mình, trước những thay đổi của lịch sử khiến những nhân vật trong Mây Bão cho dù có lý tưởng đến đâu chăng nữa cũng phải bỏ nước mà đi.

● **KÝ-BÚT-KỊCH MIỀN NAM, TẬP MỘT.** Biên khảo của *Võ Phiến,* nhà Văn Nghệ ấn hành, dầy 250 trang, khổ sách bỏ túi, giá $10.

Trước giờ chúng ta quen nhìn Võ Phiến như là một nhà văn thuần túy. Năm thì mười họa ông mới cho chúng ta đọc một bài viết dưới dạng biên khảo. Thời gian gần đây ông viết biên khảo nhiều hơn. Trong tập Ký, Bút, Kịch miền Nam này ông điểm qua một số cây viết của miền Nam. Chữ miền Nam ở đây hiểu theo nghĩa chính trị nghĩa là những cây bút ở miền Nam của sông Bến Hải, chứ không phải là những cây bút người miền Nam. Do đó trong quyển sách này, trong phần ký ông đề cập đến: Lê Tất Điều, Minh Đức Hoài Trinh, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Mạnh Côn và Phan Lạc Tiếp, trong phần tùy bút ông đề cập đến Hồ Hữu Tường, Vũ Bằng, và trong phần kịch ông đề cập đến Nghiêm Xuân Hồng và Trần Lê Nguyễn.

Nếu chúng ta đã quen đọc Võ Phiến thì chúng ta hoàn toàn yên tâm với con mắt tinh đời của ông. Đây là một công trình đòi hỏi nhiều công sức cũng như lòng yêu mến văn chương. Võ Phiến hình như chỉ đang thiếu sức khỏe, còn nghị lực và cũng như

cách nhìn văn chương nghiêm túc thì ông thừa. Truyện Miền Nam, biên khảo của Võ Phiến, nhà Văn Nghệ ấn hành. Sách khổ bỏ túi, dầy 240 trang, giá $10.

Trong quyển này Võ Phiến điểm qua một số những người viết truyện như: Chu Tử, Hoàng Ngọc Tuấn, Lê Tất Điều, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Văn Xuân, Trần Thị NgH, Tường Hùng và Y Uyên.

● **ĐỐI THOẠI**, tập tiểu luận của *Võ Phiến* , nhà Văn Nghệ xuất bản, giá $8.

Đây là những bài viết đăng rải rác trong các tạp chí văn học những năm gần đây. Những bài viết này là những suy nghĩ trong lúc "trời chiều" của nhà văn, mà ở đó ông tận dụng cặp mắt tinh đời của ông, nhìn ngắm vạn vật rồi soi chiếu trong chính tâm tư ông. Võ Phiến có văn phong giản dị mà trong sáng, dí dỏm mà sâu sắc, mềm mại mà không yếu đuối, tài hoa mà không cầu kỳ, chải chuốt mà không làm dáng, bác học nhưng dễ hiểu, hóm hỉnh mà không độc ác... Văn của ông lạ lùng ở chỗ sức chứa. Ông chẻ sợi tóc làm tám chứ không phải làm tư, ông thu vũ trụ nhỏ lại cho bằng một...mũi kim. Đời sống dưới con mắt ông mới bao la, bát ngát làm sao. Ông mượn đối thoại để độc thoại với chính ông mà thôi. Nói cho cùng nhà văn nào mà chẳng nói chuyện cho chính mình nghe...trước. Cái khó của nhà văn chính là chỗ nói với chính mình mà ai nghe cũng hiểu.

● **NƯỚC TÔI DÂN TÔI**, hồi ký của *Đức Đạt Lai Lạt Ma* Tây Tạng, bản dịch của Hồng Hà, nhà Văn Nghệ xuất bản, dầy 280 trang, giá $13.

Sách có nhiều trang hình ảnh đặc biệt về đất và người Tây Tạng. Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh đạo tinh thần của dân tộc Tây Tạng, coi sóc cả thần quyền cũng như thế quyền nơi vùng đất mà bóng dáng Đức Phật hiển lộ ở khắp nơi. Khi Trung Cộng xâm lăng Tây Tạng, vào đầu thập niên 50, thì ngài còn niên thiếu, sự nhẫn nhịn của Phật tánh không làm chùn tay những đạo quân xâm lăng, cả một dân tộc nín thở nhìn về hành động của một người. Ngài không thể hiện diện trong nước với sự cai trị bằng bạo lực của đạo quân vô thần, ngài quuyết định dẫn toàn thể nội các gồm những vị chân tu tìm tự do trong chốn lưu đầy. Ngài lập thủ đô lưu vong ngay biên giới quê nhà. Nơi đây ngài ngóng về quê cũ, đợi chờ và hy vọng. Từ đó tới nay bốn thập niên đã qua đi. Khi rời bỏ tổ quốc, ngài chưa thành niên. Bây giờ ngài đã gần lục tuần. Mới đây ngài được giải thưởng Nobel về hòa bình. Quyển sách viết về những trầm luân thống khổ của dân tộc Tây Tạng trong bốn thập niên qua. Ngài vẫn luôn hy vọng sẽ trở về Đất của Phật, nơi mà Phật tánh bàng bạc trong cả những khóm cây ngọn cỏ.

● **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA**, tập truyện của *Bình Nguyên Lộc*, nhà Văn Nghệ phát hành. Sách dầy 200 trang, giá $8.

Bình Nguyên Lộc sinh ngày 7 tháng Ba năm 1914, ông mất cũng ngày 7 tháng Ba, năm 1987. Ông tên thật là Tô Văn Tuấn, làm công chức mãi cho tới năm 1948 mới chính thức sống bằng nghề cầm bút. Ông đã viết hàng trăm tác phẩm và đã in hơn ba chục cuốn. Khi viết ông không vòng vo, vào thẳng ngay sự kiện, không lý luận mà dùng sự kiện để chứng minh với người đọc và thuyết phục người đọc, do đó mà không cầu kỳ bóng bẩy. Ngoài những sáng tác văn học ông còn là một nhà biên khảo về nhân chủng học và ngôn ngữ học. Thỉnh thoảng ông làm thơ, bản nhạc Quán Bên Đường của Phạm Duy là phổ từ một bài thơ của ông.

● **KÝ THÁC**, tập truyện của *Bình Nguyên Lộc*. Sách do nhà Văn Nghệ phát hành, dầy 160 trang, giá $7.

● **KINH DỊCH - ĐẠO CỦA NGƯỜI QUÂN TỬ**, biên khảo của *Nguyễn Hiến Lê*, nhà Văn Nghệ phát hành, dầy 600 trang, giá $20.

Kinh Dịch là một tự hào của Đông Phương, nó đã xuất hiện vài ngàn năm nay mà dường như chúng ta chưa hoàn toàn hiểu hết. Tất nhiên cuốn sách của Nguyễn Hiến Lê cũng không thể nào giải tỏa cho người đọc hết những thắc mắc mấy ngàn năm, có điều ông mang nó lại gần chúng ta thêm một bước. Vấn đề của một tác phẩm biên khảo là trình bầy một cách trong sáng, mạch lạc. Học giả Nguyễn Hiến Lê làm được điều này. Tác phẩm cần thiết cho bất cứ ai thích nghiên cứu về Đông Phương và đặc biệt là Kinh Dịch. Đó là một quyển kinh không phải chỉ để coi bói mà chơi, đó là một hệ thống tư tưởng đã hơn ba ngàn năm nay người ta chưa khám phá hết những tinh hoa của nó.

● **TUÂN TỬ**, biên khảo của *Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê*, nhà Văn Nghệ phát hành, dầy 420 trang, giá $18.

Tuân Tử là một triết gia Trung Hoa, sống cách chúng ta hơn hai ngàn năm, khoảng cuối đời Chiến Quốc. Ông là một trong bốn triết gia Trung Hoa mà ngày xưa bị các cụ nhà nho của chúng ta "né." Đó là Dương, Mặc, Tuân, Hàn (Dương bị cho là vô quân, Mặc vô phụ, Hàn thì đề cao pháp trị, còn Tuân thì không được coi là Nho gia chính cống). Khác với Mạnh Tử cho là con người tính bản thiện, Tuân Tử lại cho rằng con người ta tính bản ác. Chính vì các cụ ngày xưa né Tuân Tử, nên thiệt thòi cho Tuân biết bao nhiêu, bởi vì một triết gia lớn như thế mà dường như quyển sách này là quyển đầu tiên viết bằng tiếng Việt tương đối đầy đủ về Tuân Tử.

● **VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI**, hồi ký chính trị của Hoành Linh Đỗ Mậu. Sách in lại lần thứ tám, do nhà Văn Nghệ phát hành. Sách dầy hơn 1,000 trang, bìa cứng giấy tốt, giá $32.

Đây là cuốn hồi ký gây nhiều tranh luận nhất từ trước tới nay. Và cũng là cuốn hồi ký bán chạy nhất. Sách xuất hiện lần đầu vào năm 1986, từ đó tới nay cứ mỗi năm mỗi in lại. Lần in này có thêm nhiều tài liệu.

● **QUÊ HƯƠNG**, thơ *Kim Xuyên*, tác giả xuất bản 1994, 114 trang, không đề giá.

Kim Xuyên là bút hiệu của bà Nguyễn Thị Xuyến, 75 tuổi, làm thơ đã lâu, đăng trên nhiều báo — nhưng đây là ấn phẩm đầu tiên của bà.

Tập thơ gồm hơn 70 bài, phần lớn thuộc loại tự sự, phong cách cổ điển. Nhà giáo Bùi Văn Bảo cũng là nhà thơ Bảo Vân, nói về thơ Kim Xuyên như sau:

"Xin ân cần giới thiệu
Những vần thơ thanh tao
Hàm súc, đầy nhạc điệu
Của nhà thơ "má đào"...

● **AI LAO, CON NGƯỜI VÀ PHONG TỤC,** tuyển tập *Viễn Phương* 1993, do *Hàn Lệ Nhân* chủ trương, dày 220 trang, giá $18 (hoặc 100 quan Pháp).

Người Việt ở Lào, từ xưa tới nay, vẫn nói và viết tiếng Việt như còn ở Việt Nam. Nhiều tác giả có tên tuổi trong làng văn đã từng có thời gian sống ở Lào — như Thái Văn Kiểm, Vi Khuê, Bích Vân, Ngân Đoài, Võ Thu Tịnh, Trần Quang Hải, Hàn Lệ Nhân, v.v...

Hàn Lệ Nhân có sáng kiến tập hợp một số bài viết của các văn hữu nói về con người và phong tục Lào. Đây là tuyển tập thứ hai. Và theo "lời rao" trong sách, sẽ có tập ba, tập bốn, v.v...

Đây là loại tài liệu rất cần, giúp chúng ta tìm hiểu người "bạn láng giềng" gần với chúng ta nhất, mà ít được nhắc đến nhất.

● **HUẾ BUỒN CHI,** thơ *Hoàng Xuân Sơn*, tác giả xuất bản, dày 120 trang, giá $15 (cả cước phí).

Với tranh bìa của Võ Đình, nhiều phụ bản, đây là một tập thơ đẹp.

Thơ họ Hoàng buồn, buồn da diết, chỉ lâu lâu mới có những giòng vui. Điểm đặc biệt trong thơ ông là "tiếng Huế" — ông đưa phương ngữ Huế vào thơ một cách hồn nhiên mà tài tình, đến độ dù không hiểu hết nghĩa mà vẫn "cảm" được ý và vẫn thấy hay.

Hồ Đình Nghiêm viết một câu (trong bài cuối tập) làm nổi bật nhân dáng nhà thơ họ Hoàng: "Saigon, Hà Nội thì răng không biết chử Huế mền thì chỉ độc có ôn Hoàng Xuân Sơn nớ đó ni. Ôn hát mùi dễ sợ mà ôn làm thơ cũng hay ác ôn."

● **MỘT TRỜI MỘT BIỂN,** truyện dài của *Nguyễn Tấn Hưng*, Văn Nghệ Tiền Phong xuất bản, 1993, dày 234 trang, giá $13.

Nhà văn gốc hải quân này đang độ sung sức nên sách của ông xuất hiện liên tục. Cuốn **Một Trời Một Biển** nói về những mảnh đời của lính thủy ở miền Trung (Nha Trang, Qui Nhơn, Vũng Rô...). Tác giả cho biết đây là quyển đầu trong một bộ trường thiên dự trù năm quyển. Nếu kể thêm một bộ trường thiên khác mà ông cũng *đang* viết (**Một Giấc Mơ Trên**), Nguyễn Tấn Hưng quả thật đã phá kỷ lục về sức sáng tác.

● **ĐỒI LÁ KHÔ,** tập truyện của *Nguyễn Tư,* Làng Văn xuất bản 1993, dày 200 trang, giá $10.

Nguyễn Tư viết văn, làm thơ và viết báo ở Úc. Ông đã xuất bản bảy tác phẩm (thơ, truyện ngắn, truyện dài), nhưng ông vẫn nói rằng "tôi cầm bút không như một nhà văn, mà tôi chỉ muốn ghi lại những sự thực trong tất cả các câu chuyện tôi đã viết ra..."

Truyện của ông phần lớn như những trang nhật ký, với những nhân vật và hoàn cảnh gần với cuộc sống thực, và nhuốm nhiều buồn hơn vui.

● **TU DOIS VIVRE (Anh Phải Sống),** sách song ngữ Việt Pháp. Tập truyện của *Khái Hưng* và *Nhất Linh* (xuất bản lần đầu từ năm 1937), do Marina Prévot dịch sang tiếng Pháp, nhà xuất bản You-Feng ấn hành, 190 trang, không đề giá bán.

Theo lời tựa (Préface) do Đinh Trọng Hiếu, giáo sư Đại Học Paris VII, tập truyện này được dịch với mục đích văn học và sư phạm — tài liệu giáo khoa cho các lớp Việt Văn của Trường Ngôn Ngữ và Văn Minh Á Đông (Đại Học Paris VII).

Tuy được viết cách đây hơn nửa thế kỷ, **Anh Phải Sống** vẫn "mới" trong văn phong, bút pháp, và cấu trúc truyện. Bản tiếng Pháp dịch sát, lại thêm các cước chú công phu của dịch giả, có thể giúp độc giả tiếp cận được phần nào chiều sâu của lối sống và con người Việt Nam cận và hiện đại.

Liên lạc: Librairie You-Feng
45 rue Monsieur-le-Prince
75006 Paris — FRANCE

● **WHERE THE ASHES ARE,** ký của *Nguyễn Qui Đức*, nhà xuất bản Addison — Wesley, dày 266 trang.

Con trai của nhà văn Hoàng Liên (tác giả **Ánh Sáng và Bóng Tối**), Nguyễn Quí Đức, bằng tiếng Anh, kể lại đoạn đời của gia đình ông từ Tết Mậu Thân đến ngày nay (1993). Một số chương trong sách này hầu như là bản dịch những chương trong **Ánh Sáng và Bóng Tối** ghi lại những hoạt cảnh trong trại tù Cộng Sản.

Liên lạc: Jennifer Prost
(212) 463-8496

● **IN SEARCH OF A TRADITIONAL CODE OF BEHAVIOR,** tiểu luận (bằng Anh Ngữ) của *Đức Giang,* Eastern Publishing Co. xuất bản, dày 20 trang, giá $2.50.

Trước đây, đã có một số sách giới thiệu văn hóa, phong tục, tập quán Việt Nam viết bằng tiếng Anh (của các Giáo Sư Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Đăng Liêm...). Đây cũng là một nỗ lực nhằm giúp người Mỹ, và cả người Việt thế hệ thứ hai, hiểu được những điều "khó hiểu" trong lối sống Việt Nam truyền thống. Tiểu luận này là một trong nhiều đề tài sẽ tiếp tục được nhà xuất bản này cho ra mắt, dưới dạng một tập sách mỏng.

● **TRỊ BỊNH BẰNG PHÉP MẦU** của *Thiện Hỷ* (Carrollton, Texas), do tác giả xuất bản và giữ bản quyền. Sách dày 290 trang, giá $12 (trong nước Mỹ) và $13 (ngoài nước Mỹ).

Đây như là một tự truyện, tác giả ghi lại các kinh nghiệm về việc trị các bịnh nan y của chính tác giả và một số thân hữu chỉ qua sự cầu nguyện. Tác giả viết: "Mục đích chính của tôi là trình bày cùng bạn đọc một ít công đức trong vô lượng vô biên công đức của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật cũng như của Đức Phật A Di Đà, của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát trong việc trị bịnh cho chúng sanh." ■

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

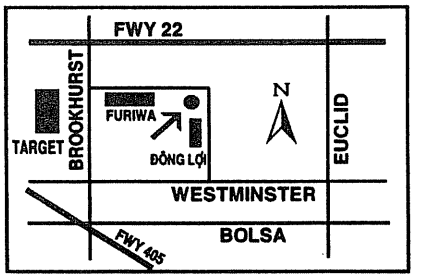

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

Tìm đọc:

PHẬT GIÁO HÒA HẢO TRONG DÒNG LỊCH SỬ DÂN TỘC

Công trình thẩm cứu của Cố Cư Sĩ

NGUYỄN LONG THÀNH NAM

- Để thấy sự phối hợp kỳ diệu giữa Đạo và Đời, giữa dân tộc và đạo pháp. Từ Đức Phật Thầy Tây An với Bửu Sơn Kỳ Hương tới Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ với Phật Giáo Hòa Hảo.
- Để có cái nhìn trung thực về những biến cố lịch sử dân tộc đã không ngừng bị cả Thực Dân lẫn Cộng sản bóp méo.
- Một sử liệu không thể thiếu trong tủ sách gia đình của các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo và của bất cứ ai quan tâm tới vận mệnh thăng trầm của đất nước.

* Giá bán 1 cuốn: $US 25.00
(kể cả cước phí)

* Ngoài nước Mỹ: $US 27.00

Tập San ĐUỐC TỪ BI
P.O. Box 3048
Santa Fe Springs, CA 90670

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC THẾ KỶ 21

THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

LASER

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

Đã Phát Hành

NGUYÊN SA

NGHỆ SĨ VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI

* PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG * PHẠM DUY * ANH BẰNG * KHÁNH LY * LỆ THU * HẢI LÝ * NGỌC CHÁNH * DUY TRÁC * THANH THÚY * LÊ VĂN THIỆN * HƯƠNG LAN * LYNDA TRANG ĐÀI * TRẦN QUỐC BẢO * TRẦN DUY ĐỨC * TRỌNG NGHĨA-MỘNG LAN * KIM ANH * TUẤN VŨ * DIỄM PHÚC * ĐỨC HUY.

Cuốn I
300 trang - Giá $15

Liên lạc: Đời, P.O. Box 4658, Irvine CA 92716, USA

ĐÒI NỢ MÁU

** Muốn biết tên đầu sỏ VC tự vẽ râu cho mình ra sao.*
** Muốn biết Lý Tự Trọng là đứa nào mà VC ngang nhiên đặt tên cho một con đường của thủ đô Sài Gòn yêu quý của chúng ta.*
** Muốn biết VC âm mưu công khai giết "ngụy quân, ngụy quyền" như thế nào, cùng nhiều hành động bỉ ổi khác chỉ VC mới có.*

Mời độc giả tìm

ĐÒI NỢ MÁU

Tập truyện ngắn của

NGUYỄN NGỌC NGA

Với mười câu chuyện thật phơi bày những mưu ma chước quỷ cùng những tội ác ghê tởm của VC trong cái thế giới xã hội chủ nghĩa cần phải tiêu diệt.

Sách chỉ bán qua bưu điện (bao gồm cước phí cho tất cả các nước)

Giá 13 Mỹ Kim

Xin gửi International Money Order về N. NGUYEN P.O. Box 171 South Melbourne VIC 3205 Australia

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + 67 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chuẩn dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- *Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- *Máy lạnh thổi không ra hơi*
- *Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- *Hệ thống lạnh bị xì*
- *Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- *Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

永西貿易超市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: 714-531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

LOTTO
DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nỉa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

NEWPORT INSTITUTE COSMETIC SURGERY &

THẨM MỸ VIỆN HOÀN MỸ

chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 9 NĂM THÀNH LẬP, TRUNG TÂM SẼ BỚT TỪ 19% ĐẾN 30% ĐỂ CẢM TẠ QUÝ KHÁCH

MẮT $980 - MŨI TỪ $980

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ
Canada, Mỹ, Nhật
có bằng Thẩm Mỹ
kinh nghiệm hơn 20 năm,
từng giải phẫu
trên 25,000 trường hợp

Dưới Sự Điều Khiển Của Bác Sĩ

P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. (c)

GRAHAM M. KEMSLEY
M.D., F.R.C.S. (c)

Bà PHƯƠNG LAN
NGUYỄN GIA QUỲNH
Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ
nhiều năm kinh nghiệm
Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi
cho hợp với khuôn mặt Á Đông

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ
CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ
TRƯỚC KHI SỬA

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh
để bạn chọn lựa theo ý muốn

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU
KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ
KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THƯỢC MỸ

MAU LẸ,
RA VỀ TRONG MỘT NGÀY
Phương pháp mới nhất
dùng chất sụn trong cơ thể
để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên.

KHÔNG SỢ PHẢN ỨNG
SAU KHI SỬA

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC
VÀ NGHỈ LẠI

ĐẶC CHẾ KEM
CHO TỪNG LOẠI DA

Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL ST. # 406 NEWPORT BEACH, CA 92660

Tel: (714) 759-0995 or 898-6514

Giá: US $ 3.00